BẠC TRÊN CÂY

BÓNG TỐI TRỖI DẬY

PHẦN CUỐI

NEWBERY MEDAL–WINNING AUTHOR

SUSAN COOPER

BẠC TRÊN CÂY

Bóng Tối Trỗi Dậy [5]

Tác giả: Susan Cooper

Dịch: AI

Thể loại: Huyền Ảo, Âu Mỹ

Bóng Tối Trỗi Dậy [5]

—★—

DTV-EBOOK.COM.VN

BẠC TRÊN CÂY

(PHẦN CUỐI BỘ SÁCH BÓNG TỐI TRỖI DẬY)

Nguyên tác: Silver on the Tree -The Dark Is Rising Sequence

Tác giả: *Susan Cooper*

Dành tặng Margaret

LỜI KHEN TẶNG DÀNH CHO BỘ SÁCH BÓNG TỐI TRỖI DẬY

"Một bản hùng ca kỳ ảo vang dội như sấm."
— *New York Times* về *cuốn sách Bóng Tối Trỗi Dậy*, tác phẩm được trao danh hiệu Danh Dự Newbery

"Nhịp truyện hồi hộp, căng thẳng cùng sức tưởng tượng táo bạo được nâng tầm bởi lối hành văn mạnh mẽ và đầy phong cách."— *New York Times* về *cuốn sách Vua Xám*, tác phẩm đoạt Huy chương Newbery

"Một trong những tuyệt phẩm kỳ ảo xuất sắc nhất từng được viết nên… Một cuốn sách diệu kỳ có thể chạm đến trái tim mọi độc giả yêu thích nghệ thuật kể chuyện – dù là người trẻ tuổi hay đã trưởng thành."
— *sfreviews.net* về *cuốn sách Bóng Tối Trỗi Dậy*

"Một chuỗi truyện kỳ ảo rực rỡ, giàu trí tưởng tượng."— *Boston Globe*

"Những câu chuyện kỳ ảo kinh điển này, với cấu trúc phong phú và nhiều tầng ý nghĩa, là những tác phẩm không thể bỏ qua – dù

bạn là thiếu nhi hay người lớn." — *Amazon.com*

"Susan Cooper… là người kế thừa những truyền thống huyền thoại sâu sắc, đồng thời sở hữu sự tinh thông ngôn ngữ Anh như một nghệ nhân đích thực. Với loạt truyện này, bà đã sáng tạo nên một bản trường ca tuyệt đẹp và rộng lớn – như lời tri ân dành cho cả hai di sản ấy."— *Washington Post*

"Susan Cooper là một trong số ít những cây bút đương đại có được trí tưởng tượng rực rỡ, khả năng kể chuyện điêu luyện và tầm nhìn đạo đức sâu sắc – những yếu tố cho phép bà khắc họa nên những cuộc xung đột lớn lao giữa thiện và ác, vốn là cốt lõi của mọi tác phẩm kỳ ảo vĩ đại. Tolkien đã có điều đó. C. S. Lewis cũng vậy. Và Cooper viết tiếp con đường truyền thống ấy."— *Psychology Today*

LỜI TÁC GIẢ

Cuốn sách này mở đầu tại vùng Buckinghamshire của nước Anh, rồi chuyển sang thị trấn ven biển Aberdyfi và những dãy núi xứ Gwynedd ở xứ Wales — và từ đó bắt đầu một vũ điệu xuyên thời gian và không gian, dẫn bạn bước vào một miền đất mê hoặc đã từng bị đại dương nhấn chìm hàng trăm năm về trước, rồi cuốn vào cơn xoáy của thứ pháp thuật hiểm nguy có thể dẫn tới sự diệt vong của cả thế giới. Dù lời tiên tri có nói gì chăng nữa, liệu con người thực sự có thể chống lại sự trỗi dậy kinh hoàng của Bóng Tối?

Bạc Trên Cây là cuốn thứ năm cũng là cuốn cuối cùng trong bộ sách *Bóng Tối Trỗi Dậy*. Giống như bốn tập trước, cuốn này được viết để có thể đứng độc lập — nghĩa là một độc giả chưa từng đọc các phần trước vẫn có thể hiểu và thưởng thức. Thế nhưng, không thể phủ nhận rằng đây chính là đỉnh điểm: một cuốn sách trong đó mọi sợi chỉ của câu chuyện từ bốn tập đầu được

đan kết lại, hướng tới cái kết mà tôi mong là sẽ khiến bạn hài lòng. Cuốn này dài hơn các tập trước, và tôi đã mất gấp đôi thời gian để viết nên nó.

Khi Bóng Tối trỗi dậy; Sáu người đẩy lùi ngay,

Ba từ Vòng tròn đến, Ba từ lối mòn ra

Gỗ, đồng, sắt; nước, lửa và đá;

Năm sẽ quay trở lại, một lẻ loi lên đường.

Trong nhóm Sáu ấy, người già nhất, khôn ngoan nhất và cũng khiến người ta kính sợ nhất là Merriman Lyon — thầy của Will Stanton, và có lẽ cũng là người thầy tưởng tượng của chính tôi. Như Barnabas Drew từng trầm ngâm nói ở cuối cuốn đầu tiên *Trên Biển Khơi, Dưới Đá Thẳm*, khi nhìn ông: "Merriman Lyon… Merry Lyon… Merlion… Merlin."

Will, Người Tìm Dấu Hiệu, là người cuối cùng trong hàng ngũ những Cổ Nhân của phe Ánh Sáng; còn Simon, Jane và Barney Drew là những đứa trẻ bình thường của loài người, nhưng lại bị cuốn vào một hành trình phi thường ngoài sức tưởng tượng. Và người thứ sáu, Bran Davies, trong cuốn sách này sẽ hé lộ bản thân như một con người kỳ diệu hơn bất kỳ ai từng biết đến — thậm chí chính cả tác giả của cậu.

Lâu lắm rồi, có một ngày đặc biệt khi tôi đọc lại cuốn sách mình từng viết cách đó một thập kỷ, *Trên Biển Khơi, Dưới Đá Thẳm*, và nhận ra rằng đó thực ra là cuốn mở đầu cho một chuỗi năm phần. Trước khi bắt đầu viết tập hai — sau này được đặt tên là *Bóng Tối Trỗi Dậy* — tôi đã viết ra một danh sách gồm tên bốn tập còn lại, kèm theo các địa điểm sẽ diễn ra câu chuyện, các mùa trong năm, và tên của các nhân vật — và rồi tôi nhận ra mình đang viết những dòng cuối cùng của cuốn sách cuối cùng. Tôi nghĩ rằng, khi ấy, tôi đã muốn biết đích đến của cuộc hành trình mình sắp bắt đầu.

Bảy năm sau, khi tôi đặt bút viết những trang cuối của cuốn *Bạc Trên Cây*, tôi lục tìm tờ giấy nhỏ năm nào — nơi tôi đã viết nên

đoạn văn ấy — và thực sự, tôi đã dùng chính nó làm đoạn kết cho cuốn sách cuối cùng. Rồi tôi ngồi lặng nhìn vào trang giấy ấy, biết rằng đó là lời từ biệt của tôi gửi đến sáu người bạn mà tôi đã cùng đồng hành suốt bao năm qua — và tôi kể điều này trong một lời thì thầm — tôi đã bật khóc.

— Susan Cooper

PHẦN MỘT: BÓNG TỐI TRỖI DẬY
ĐÊM HẠ CHÍ

Will vừa lật một trang sách vừa nói:

"Ông ấy thích cây chàm đấy. Đây này, nghe thử nhé: *Nước sắc từ cây chàm, khi uống vào sẽ rất có tốt cho những vết thương nơi thân thể khỏe mạnh, như những người dân quê, vốn quen lao động nặng nhọc và ăn uống kham khổ.*"

"Như anh với tất cả những người phục vụ trong Hải quân Hoàng gia" Stephen nói, cẩn thận rút một cọng cỏ cao nặng đầu, rồi nằm ngửa ra trên cánh đồng, nhấm nháp nó.

"Cây chàm à?" James nói, lau làn mồ hôi mỏng trên khuôn mặt tròn hồng hồng. "Loại cây màu xanh mà người Anh cổ dùng để vẽ lên mình ấy."

Will nói: "Gerard bảo hoa chàm màu vàng cơ."

James tỏ vẻ hiểu biết: "Anh học lịch sử hơn em một năm rồi, và anh biết họ dùng nó để nhuộm xanh. Mà quả óc chó non làm tay em đen sì đấy."

"Thế à" Will đáp. Một con ong lớn, mượt mà, lưng cõng đầy phấn hoa, đáp xuống quyển sách cậu đang đọc rồi lê lết mệt mỏi bò qua trang giấy. Will thổi nhẹ để nó bay sang một chiếc lá gần đó, tay vén mái tóc nâu duỗi thẳng rũ xuống mắt. Ánh mắt cậu bỗng bị thu hút bởi một chuyển động nơi khúc sông phía xa nơi cả bọn đang nằm nghỉ. "Nhìn kìa! Thiên nga kìa!"

Nhẹ nhàng như buổi chiều hè oi ả, một đôi thiên nga lặng lẽ trôi qua mà không phát ra một âm thanh nào; làn nước nhỏ lăn tăn

theo vệt sóng sau đuôi chúng.

“Ở đâu?” James hỏi, chẳng buồn ngước đầu lên nhìn.

“Chúng thích khúc sông này lắm. Lúc nào cũng yên tĩnh. Thuyền to tránh khúc này hết, kể cả thứ Bảy.”

“Ai đi câu nào?” Stephen hỏi, vẫn nằm yên một chỗ, chân bắt chéo, cọng cỏ lắc lư giữa hàm răng.

“Tí nữa.” James vươn vai ngáp. “Em ăn nhiều bánh quá.”

“Mẹ vẫn chuẩn bị những bữa tiệc dã ngoại đầy ắp như ngày nào.” Stephen lăn sang một bên, ngắm dòng sông xanh xám. “Khi anh bằng tuổi tụi em, khúc sông này chẳng câu được gì cả. Ô nhiễm lắm. Nhưng ít nhất thì một vài thứ cũng đã tốt lên.”

“Một vài thứ tầm thường thôi” Will nói giọng rền rĩ, từ trong đám cỏ.

Stephen cười. Anh vươn tay hái một cọng cỏ thân xanh mảnh, hoa đỏ bé xíu, rồi nghiêm trang cài lên khuy áo.
“Hoa anh thảo đỏ. Gặp nắng thì nở, gặp mưa thì khép, kiểu như phong vũ biểu của người nghèo ấy. Ông nội dạy anh đấy. Tiếc là mấy em không được gặp ông. Còn ông bạn Gerard của em nói gì về loài hoa này, Will?”

“Hử?” Will đang nằm nghiêng, ngắm con ong đang vỗ cánh.

“Hoa anh thảo đỏ, Will” James nhắc. “Tra trong sách đi.”

“Ờ.” Will giở những trang sách giòn tan. “Đây rồi. Nghe thú vị thật. *Nước ép giúp thông thoáng đầu óc khi súc miệng hoặc rửa họng; chữa đau răng nếu hít vào mũi, hiệu quả hơn khi hít bằng lỗ mũi ngược lại.*”

“Lỗ mũi ngược lại, dĩ nhiên rồi” Stephen nói rất nghiêm túc.

“Ông ấy còn bảo loài hoa này chữa được cả vết cắn của rắn và các loài thú độc khác.”

“Nhảm nhí” James nói.

“Không đâu” Will điềm đạm nói. “Chỉ là cuốn sách này đã ba trăm tuổi. Có một đoạn rất hay ở cuối, trong đó ông ấy khẳng định một cách nghiêm túc rằng loài ngỗng cổ đen được nở ra từ… những con hàu bám đá.”

“Vùng biển Caribe chắc làm ông ấy lú rồi” Stephen nói. “Ở đó có cả triệu con hàu, nhưng chẳng có con ngỗng nào cả.”

“Anh có quay lại đó sau kỳ nghỉ không?” James hỏi.

“Tùy xem các ngài đại tá muốn gửi anh đi đâu, nhóc à.” Stephen rút bông hoa đỏ từ áo ra, đứng dậy duỗi cơ thể cao lều khều. “Đi thôi. Câu cá nào.”

“Em ra sau. Hai anh đi trước đi.” Will lười biếng nằm lại, dõi theo khi hai anh đang ráp cần, buộc móc, gắn phao.

Lũ châu chấu rúc rích từ dưới cỏ, hòa lẫn trong tiếng côn trùng rì rầm của mùa hè – một thứ âm thanh ru ngủ, khiến người ta mơ màng. Will thở dài khoan khoái. Nắng vàng, chính giữa mùa hạ, và tuyệt vời nhất là người anh cả trở về sau những ngày lênh đênh trên biển khơi. Cả thế giới như đang mỉm cười với cậu; chẳng có gì cần phải thay đổi nữa. Mi mắt cậu dần sụp xuống, rồi giật mở ra. Lại khép, lại mở. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, Will chợt tự hỏi tại sao mình lại không cho phép bản thân chìm vào giấc ngủ vô hại.

Và rồi cậu tỏ tường.

Cặp thiên nga lại hiện lên phía đầu khúc sông, nhẹ nhàng trôi ngược dòng. Trên đầu Will, tán cây khe khẽ thở dài trong gió như những con sóng mơ hồ nơi đại dương xa xăm. Giữa đám cỏ, những cụm hoa phong bạc nhỏ li ti lung linh ánh sáng. Will vân vê một bông giữa hai ngón tay, mắt vẫn dõi theo Stephen đang đứng cách đó vài bước, thả dây câu xuống nước. Xa hơn, Will thấy một trong hai con thiên nga đang trôi tới gần, chuẩn bị vượt qua Stephen.

Nhưng kỳ lạ thay, khi con thiên nga trôi ngang qua, nó không bị che khuất bởi Stephen.

Will vẫn nhìn thấy thân hình trắng muốt ấy xuyên qua người anh mình, và phía sau nó, một ngọn đồi dốc phủ đầycỏ, chưa từng thấy trước đó, như thể đang dần hiện hình.

Will nuốt khan.” Steve?” Cậu gọi.

Người anh cả của Will đang ở ngay trước mặt, đang buộc dây câu vào cần, và Will đã gọi to. Nhưng Stephen không nghe thấy. James đi ngang qua, giữ cần câu dựng thẳng nhưng thấp, cẩn thận móc lưỡi câu vào tay cầm bọc nút bần. Will vẫn có thể nhìn xuyên qua người anh mình, thấy bóng những con thiên nga hiện ra như trong làn sương mờ. Cậu ngồi dậy, đưa tay với lấy cần câu khi James đi qua, và những ngón tay cậu xuyên qua thân gỗ như thể nó không hề tồn tại.

Và Will biết, vừa sợ hãi vừa hân hoan, rằng một phần trong đời cậu từng ngủ yên bấy lâu nay đã thực sự thức tỉnh trở lại.

Các anh cậu rảo bước về phía con sông, đi chéo qua cánh đồng. Xuyên qua hình bóng mờ ảo của họ, Will có thể thấy mảnh đất duy nhất, trong khoảnh khắc thời gian mơ hồ này, là rắn chắc và thật sự đối với cậu: triền cỏ xanh, mép cỏ nhòa dần vào màn sương. Và trên đó, cậu thấy những hình người đang chạy, đang hối hả, bị thôi thúc bởi một sự gấp gáp mãnh liệt. Nếu cậu nhìn quá kỹ, họ biến mất. Nhưng nếu liếc nhìn bằng đôi mắt lơ mơ, chưa thật sự tập trung, cậu lại thấy rõ tất cả: lấp lánh ánh nắng, và đang vội vã.

Họ nhỏ bé, tóc đen. Thuộc về một thời đại rất xa xưa. Họ mặc áo chẽn màu xanh, màu đen hoặc xanh lục; cậu thấy một người phụ nữ mặc đồ trắng, đeo một chuỗi hạt màu lam sáng lấp lánh quanh cổ. Họ đang thu gom giáo, tên, dụng cụ, cành củi; gói nồi đất vào trong lớp da thú; gom từng nùi thịt khô, những dải thịt nhăn nheo. Có cả chó: lông dày, mõm nhọn, ngắn. Trẻ con chạy nhảy, gọi nhau í ới, một con chó ngẩng đầu hú vang – nhưng chẳng có âm thanh nào vang lên. Với tai Will, chỉ có tiếng dế râm ran, hòa vào âm trầm của côn trùng giữa trời hè.

Cậu không thấy con thú nào khác ngoài lũ chó. Những người ấy là kẻ lữ hành – không thuộc về nơi này, chỉ đang ngang qua. Cậu thậm chí không dám chắc mảnh đất họ đang đứng, trong thời đại của họ, có phải cũng nằm trong thung lũng sông Thames như cậu không, hay là ở nơi nào đó hoàn toàn khác biệt. Nhưng một điều cậu biết rất rõ ràng: họ đều đang rất sợ hãi.

Họ thường xuyên ngẩng đầu lên, đầy vẻ lo âu, nhìn về phía đông. Họ ít trò chuyện với nhau, chỉ lặng lẽ làm việc trong sự hối hả. Có thứ gì đó – ai đó – đang đến, đang đe dọa, dồn ép họ phải rời đi. Họ đang chạy trốn. Will cảm nhận được nỗi khẩn trương ấy, cậu muốn họ nhanh lên, mau thoát khỏi tai họa đang tới gần. Tai họa ấy… Cậu cũng nhìn về phía đông. Nhưng thật khó để biết mình đang thấy gì. Trước mắt cậu là một cảnh trí kép kỳ lạ – một triền dốc cong hiện rõ xuyên qua những đường nét mờ ảo của cánh đồng và hàng rào thời hiện tại, cùng dòng sông Thames lấp lánh, mờ mịt. Những con thiên nga vẫn còn đó, mà lại như không; một con cúi cổ xuống mặt nước, trông mờ ảo như bóng phản chiếu trên ô cửa kính…

… và đột ngột, con thiên nga trở nên rõ ràng, chân thực, hiện hữu – và Will không còn đang nhìn ra khỏi thời đại của mình nữa. Những người lữ hành đã biến mất, khuất bóng trong một ngày hè nào đó cách đây hàng ngàn năm. Will nhắm mắt lại, cố tuyệt vọng níu giữ lấy hình ảnh của họ trước khi nó tan biến khỏi ký ức. Cậu nhớ một chiếc nồi đất ánh lên màu đồng thiếc mờ; một bó tên có đầu nhọn đen láy làm từ đá lửa; nhớ làn da sậm màu và đôi mắt đen của người phụ nữ áo trắng, cùng chuỗi hạt xanh rực rỡ trên cổ bà ta. Trên hết, cậu nhớ đến nỗi sợ hãi.

Cậu đứng dậy giữa bãi cỏ cao, tay cầm cuốn sách, cảm thấy đôi chân run rẩy. Cành cây phía trên đầu cậu, một con chim hoét hót vang bài ca du dương kết đôi của nó. Will bước loạng choạng về phía bờ sông; tiếng James vang lên gọi cậu.

“Will! Bên này! Lại đây xem nè!”

Cậu rẽ về phía âm thanh một cách mù mờ. Stephen, tay câu thủ theo chủ nghĩa thuần túy, đang quăng câu xuống sông bằng một động tác thanh thoát, dây câu lướt nhẹ trong không khí. James thì đang xỏ giun vào móc. Anh đặt cần xuống, rồi thắng lợi giơ lên một chùm ba con cá rô nhỏ xuyên dây qua mang.

“Trời ơi,” Will nói. “Anh câu nhanh vậy!”

Chưa kịp dứt lời, James đã nhướng mày.

“Cũng đâu nhanh lắm. Bộ em ngủ quên à? Mau đi lấy cần đi.”

“Không ạ,” Will nói, trả lời cả câu hỏi lẫn mệnh lệnh. Stephen ngoái đầu lại nhìn, chợt buông chùng dây câu. Anh chăm chú nhìn Will, cau mày.

“Will? Em sao vậy? Trông em…”

“Em thấy hơi lạ trong người,” Will nói.

“Do say nắng đấy, anh dám cá luôn. Chiếu thẳng gáy trong lúc em ngồi đó đọc sách.”

“Chắc vậy.”

“Ngay cả ở nước Anh, tháng Sáu cũng gay gắt lắm nhóc à. Mà hôm nay là Đêm Trước Hạ Chí nữa chứ… đi nằm nghỉ dưới bóng cây chút đi. Uống nốt nước chanh đi.”

“Uống hết luôn hả?” James phản đối. “Còn em thì sao?”

Stephen đá cậu một cú nhẹ.

“Bắt thêm mười con cá nữa đi, rồi anh mua nước cho. Đi đi, Will. Ra dưới tán cây nghỉ.”

“Vâng ạ,” Will nói.

“Anh đã bảo quyển sách đó là tào lao rồi mà,” James nói.

Will băng qua cánh đồng lần nữa, ngồi xuống lớp cỏ mát rượi dưới bóng cây du lớn, cạnh đống đồ ăn dã ngoại còn sót lại. Cậu nhấp chậm rãi nước chanh trong chiếc cốc nhựa, nhìn ra sông đầy bất an – nhưng mọi thứ đều bình thường. Những con thiên

nga đã đi mất. Lũ muỗi bay dập dờn trong không trung; cả thế giới chìm trong làn hơi oi bức mùa hè. Đầu cậu nhức nhối; cậu đặt ly xuống, nằm ngửa trên cỏ, nhìn lên cao. Những tán lá đong đưa trên đầu cậu; cành cây đung đưa, nhè nhẹ, nhè nhẹ, tạo nên những mảng xanh lay động trên nền trời xanh biếc. Will úp hai bàn tay lên mắt, nhớ lại những hình bóng hối hả mờ ảo từ quá khứ hiện về với cậu; và nhớ đến nỗi sợ hãi…

Ngay cả về sau này, Will cũng không thể chắc được liệu khi đó cậu có ngủ thiếp đi không. Tiếng gió rì rào dường như lớn dần, dữ dội hơn; và rồi đột ngột, cậu thấy những tán cây khác bên trên đầu mình – là cây sồi, lá hình trái tim đung đưa trong một vòng xoáy dữ dội hơn hẳn cây du hay cây thích. Và đây không còn là một hàng cây ven sông nữa, mà là một bãi cây rậm rì; con sông đã biến mất – cả âm thanh lẫn hương vị của nó – và hai bên Will là khoảng trời rộng mở. Cậu ngồi bật dậy.

Cậu đang ở cao trên vùng thung lũng rừng rậm của sông Thames, trên một triền cỏ thoai thoải; cụm cây sồi quanh cậu như chiếc mũ chụp trên đỉnh đồi. Vẻn vẹn bên cạnh cậu, hoa đậu tằm vàng mọc chen trong lớp cỏ ngắn mượt mà; từ một nụ hoa xoăn, một con bướm xanh bé xíu đậu lên tay cậu rồi bay đi. Không còn âm thanh rì rầm của côn trùng vùng đồng bằng; thay vào đó, phía cao trên đầu, xuyên qua tiếng gió xào xạc, tiếng chim chiền chiện đổ xuống rộn ràng, ngân vang giữa không trung.

Và rồi, từ đâu đó, Will nghe thấy tiếng người. Cậu quay đầu lại. Một đoàn người đang vội vã trèo lên đồi, từng người một lẩn vào giữa các bụi cây, tránh đi lối dốc trống trải. Hai ba người đầu tiên tiến đến một cái hố sâu kỳ lạ chìm giữa sườn đồi, che kín bởi bụi rậm đến nỗi nếu không nhờ họ vạch cành lá ra thì Will chẳng hề nhận ra. Họ mang theo những bó đồ được gói vội bằng vải tối màu – gói sơ sài đến nỗi cậu có thể thấy bên trong: cúp vàng, đĩa bạc, chén lễ, một cây thánh giá lớn nạm đầy đá quý, chân nến cao bằng vàng và bạc, áo choàng cùng vải vóc ánh lấp lánh, dệt bằng chỉ vàng và đá quý; cả một kho báu tưởng chừng

bất tận. Họ buộc từng gói lại bằng dây thừng, rồi lần lượt hạ xuống hố. Will thấy một người mặc áo tu sĩ, dường như là người chỉ huy: ra hiệu, giải thích, nhưng mắt thì luôn liếc nhìn cảnh vật xung quanh với vẻ cảnh giác bất an.

Ba cậu bé chạy vội lên đỉnh đồi, được người tu sĩ chỉ tay cử đi. Will từ từ đứng dậy. Nhưng lũ trẻ băng qua cậu mà không thèm liếc nhìn, cứ như cậu hoàn toàn vô hình, như thể cậu chỉ là một bóng ma trong thời khắc quá khứ này, không thể được thấy, thậm chí không thể cảm nhận.

Bọn trẻ dừng lại ở rìa bãi cây rậm rạp, chăm chú nhìn ra thung lũng; rõ ràng chúng được sai đi làm người canh gác. Nhìn chúng đứng túm tụm, căng thẳng, Will tập trung lắng nghe, và chẳng mấy chốc tiếng nói của chúng vọng lên trong đầu cậu.

“Chưa thấy ai từ hướng đó cả.”

“Chưa.”

“Có lẽ còn hai giờ nữa, người đưa tin nói thế. Em nghe ông ấy nói với cha em, bảo là có hàng trăm tên, khủng khiếp lắm, đang tràn qua đường cổ. Chúng đốt cháy cả London, ông ấy bảo, nhìn thấy khói đen cuồn cuộn bốc lên”

“Chúng sẽ cắt tai anh nếu bắt được đấy. Đàn ông bị chém toạc bụng, với phụ nữ và con gái thì làm chuyện còn ghê hơn nữa.”

“Cha em biết là chúng sẽ tới. Ông nói thế. Tháng trước, ở phương Đông có mưa máu thay vì mưa thường, ông bảo thế, và người ta thấy rồng bay trên trời.”

“Lúc nào tụi quỷ dữ đến, cũng có mấy dấu hiệu như vậy.”

“Giấu kho báu làm gì chứ? Sẽ chẳng ai quay lại lấy đâu. Khi bị lũ quỷ đuổi đi rồi thì chẳng ai trở lại nữa.”

“Biết đâu lần này khác.”

“Chúng ta đi đâu bây giờ?”

“Ai mà biết. Về phía Tây thôi”

Tiếng gọi hối hả từ dưới vọng lên kêu lũ trẻ trở lại; chúng chạy đi. Việc giấu những gói đồ trong hố đã hoàn tất, và một số người đã lục đục xuống đồi. Will dõi theo say mê khi những người cuối cùng lăn tảng đá lớn bằng đá lửa – tảng lớn nhất cậu từng thấy – đậy lên miệng hố. Họ khéo léo nhét nó vào, như chiếc nắp vừa khít, rồi trải lớp cỏ lên trên. Cành lá từ các bụi cây quanh đó được kéo phủ lên mặt đất. Chỉ một lát sau, không còn dấu vết gì để nhận ra nơi giấu đồ – chẳng có dấu vết nào trên sườn đồi cho thấy công việc hối hả kia từng diễn ra. Một người đàn ông hét lên đầy hoảng hốt, chỉ tay về phía thung lũng; sau ngọn đồi kế bên, một cột khói dày đang bốc lên. Lập tức, cả nhóm hoảng loạn tháo chạy xuống dốc đồi phủ cỏ, trượt chân, nhảy vội, cả người tu sĩ cũng vội vã chạy loạng choạng như những người khác.

Một làn sóng sợ hãi mãnh liệt dâng lên trong Will, cuộn xoáy trong bụng khiến cậu buồn nôn. Trong một khoảnh khắc, cậu cảm nhận rõ rệt, y như những người chạy trốn kia, nỗi sợ bản năng trước cái chết tàn bạo và đầy đau đớn – nỗi đau, sự hành hạ, nỗi căm hận. Hay đúng hơn là thứ còn tồi tệ hơn căm hận: một thứ hư vô rùng rợn, xa lạ, chỉ biết tìm khoái lạc trong hủy diệt, tra tấn và gieo rắc nỗi sợ cho kẻ khác. Một mối đe dọa kinh hoàng đang trỗi dậy, với những người này – cũng như với những hình bóng mờ ảo từ quá khứ xa xăm mà cậu vừa chứng kiến trước đó. Từ phương Đông, tai họa lại đang kéo đến, gầm gào lao tới.

“Nó đang tới,” Will lẩm bẩm, mắt dán vào cột khói, cố không tưởng tượng đến điều gì sẽ xảy ra khi kẻ gây ra khói đó vượt qua đỉnh đồi. “Nó đang tới…”

“Không đâu, nó không di chuyển chút nào. Em tỉnh chưa? Nhìn kìa!”

Giọng James vang lên đầy hứng khởi.

Stephen nói: “Thật lạ lùng!”

Họ đang đứng phía trên đầu Will, còn cậu thì đang nằm ngửa giữa lớp cỏ mát rượi. Phải mất một lúc cậu mới định thần lại được, thôi không run rẩy nữa. Cậu chống khuỷu tay ngồi dậy, thấy Stephen và James đứng cách đó vài bước, tay cầm cần câu, xô mồi và mớ cá. Cả hai đang nhìn chằm chằm vào một điểm nào đó với vẻ cảnh giác pha lẫn tò mò. Will ngoái đầu ra phía cánh đồng đang rực nắng và đầy âm thanh vo ve – để xem điều gì đang giữ chân họ. Và cậu nghẹn thở.

Một con vật nhỏ màu đen đang đứng bất động cách cậu khoảng mười thước trên bãi cỏ: dáng mảnh khảnh, lưng uốn cong, thân dài khoảng nửa mét, đuôi dài ngoằng. Nó giống chồn hương hay chồn ecmin, mà cũng lại không phải. Lông nó bóng mượt, đen nhánh từ đầu đến đuôi; đôi mắt đen không chớp khóa chặt ánh nhìn vào Will. Và từ nó phát ra một thứ hung hãn độc địa, dữ dằn đến mức tâm trí Will phản kháng lại chính ý nghĩ rằng thứ ấy thực sự tồn tại.

James khẽ rít lên, sắc bén.

Sinh vật đen kia không nhúc nhích. Nó vẫn nhìn chằm chằm vào Will. Will cũng nhìn lại, bị cuốn vào cơn hoảng loạn phi lý dội thẳng vào tâm trí như tiếng đàn bật dây. Khóe mắt cậu lờ mờ nhận ra hình dáng cao lớn của Stephen đang đứng bất động bên cạnh.

James nói khẽ:

“Em biết nó là gì rồi. Là loài chồn Mỹ. Dạo này chúng bắt đầu xuất hiện ở vùng này, em đọc báo thấy viết vậy. Giống chồn Châu Âu, mà hung tợn hơn. Nhìn mắt nó kìa”

Không kìm được, James gào lên một tiếng rồi vụt cần câu xuống bãi cỏ. Sinh vật đen lặng lẽ, không chút hoảng loạn, quay người trườn đi qua cánh đồng về phía sông, lưng uốn lượn một cách nhẫn nhụi kỳ quái như rắn. James lập tức lao theo, tay vẫn cầm cần câu.

“Cẩn thận đấy!” Stephen gọi với giọng gắt.

James hét lại: “Em không đụng vào đâu. Có cây cần câu mà”…Rồi biến mất dọc theo bờ sông, khuất sau bụi liễu thấp.

“Anh không thích chuyện này chút nào,” Stephen nói.

“Em cũng vậy,” Will khẽ đáp. Cậu rùng mình, nhìn chỗ con vật vừa đứng, nơi mà đôi mắt đen ấy từng dán vào cậu. “Kinh quá.”

“Không chỉ vì con chồn, nếu đúng là chồn thật.” Trong giọng Stephen có điều gì đó khác thường khiến Will quay hẳn đầu nhìn. Cậu định đứng dậy, nhưng Stephen đã ngồi thụp xuống bên cạnh, tay buông thõng trên đầu gối, lóng ngóng nghịch đoạn dây câu.

Stephen quấn đoạn dây quanh ngón tay, rồi tháo ra, lại quấn vào, rồi lại tháo ra.

“Will,” anh nói bằng giọng căng thẳng lạ lẫm. “Anh phải nói chuyện với em. Ngay bây giờ, khi James đang mải đuổi theo con vật đó. Anh đã cố tìm cơ hội nói riêng với em từ lúc về nhà – anh đã hy vọng hôm nay sẽ được, nhưng Jamie lại cứ muốn đi câu…”

Anh lúng túng, vấp váp trong lời nói, điều mà khiến Will ngạc nhiên và lo lắng, bởi đây là người anh cả mà cậu luôn xem như biểu tượng hoàn hảo của người lớn trưởng thành. Rồi Stephen ngẩng đầu lên, nhìn Will gần như đầy thách thức, và Will nhìn lại, bồn chồn.

Stephen nói:

“Khi tàu anh ghé Jamaica năm ngoái, anh đã gửi cho em chiếc đầu hóa trang lễ hội Tây Ấn to đùng, quà Giáng sinh và sinh nhật gộp lại.”

“Tất nhiên rồi,” Will nói. “Nó tuyệt lắm. Hôm qua cả nhà còn mang ra ngắm mà.”

Stephen tiếp tục, như thể không nghe.– Anh mua nó từ một ông lão Jamaica, người đã túm lấy anh giữa phố, vào đúng dịp lễ hội. Ông ta gọi đúng tên anh, rồi nói rằng phải tặng cái đầu đó cho

em. Khi anh hỏi sao ông biết anh là ai, ông nói, "Người của Cổ Nhân có một dáng vẻ riêng. Gia đình họ cũng mang dáng ấy."

"Em biết chuyện đó rồi," Will nhanh nhảu, cố nuốt trọn nỗi bất an trong cổ họng. "Anh còn viết thư kể mà. Kèm theo món quà. Anh không nhớ sao?"

"Anh nhớ chứ. Mà đúng là lạ thật. Cái kiểu ông ta nói, 'Cổ Nhân', chữ nào cũng in hoa – như thể nghe được cả chữ viết trong giọng nói."

"Ồ không đến nỗi. Ý em là, ông già mà, thì hay nói kiểu đó…"

"Will," Stephen nói, mắt xanh ánh lên lạnh lẽo. "Ngày con tàu rời Kingston, ông lão đó lại đến cảng. Anh không biết bằng cách nào, nhưng ông thuyết phục được người ta gọi anh ra gặp. Ông đứng đó, mặt đen như than, tóc bạc trắng, lặng lẽ nhìn người lính đi gọi anh – rồi khi anh lại gần, ông chỉ nói một câu. 'Nói với em trai anh rằng Cổ Nhân nơi hải đảo đã sẵn sàng.' Rồi ông quay người đi mất."

Will im lặng. Cậu biết còn nữa. Cậu nhìn tay Stephen – đang siết chặt, ngón cái liên tục gạt qua lại trên nắm đấm.

"Rồi," Stephen nói, giọng bắt đầu run "trên đường về, tàu ghé Gibraltar, anh có nửa ngày lên bờ. Một người lạ đến gần, khi anh đang đợi đèn đỏ. Anh ta rất cao, mảnh khảnh, chắc là người Ả Rập. Anh ta nói: 'Hãy nói với Will Stanton rằng Cổ Nhân phương Nam đã sẵn sàng.' Rồi biến mất giữa đám đông."

"Ồ," Will khẽ thốt.

Ngón tay Stephen bỗng ngừng cử động. Anh đứng dậy nhanh như lò xo bật. Will cũng vội đứng lên, ngước nhìn anh, khó đọc biểu cảm trên gương mặt rám nắng giữa nền trời chói sáng.

"Hoặc là anh sắp phát điên rồi," Stephen nói, "hoặc là em dính vào chuyện gì rất kỳ quặc, Will. Dù là gì đi nữa thì em cũng nên nói với anh nhiều hơn một tiếng 'ồ'. Anh nói rồi, anh không thích chút nào."

“Rắc rối là,” Will chậm rãi nói, “nếu em cố giải thích, anh sẽ không tin.”

“Cứ thử xem,” anh trai cậu đáp.

Will thở dài. Trong số chín anh chị em nhà Stanton, cậu là út, còn Stephen là cả; giữa họ cách nhau mười lăm năm dài. Trước khi Stephen vào Hải quân, Will bé nhỏ luôn bám theo anh, trong một sự tôn sùng lặng lẽ. Cậu biết, giờ đây mình đang đứng trước hồi kết của một điều cậu từng mong sẽ không bao giờ kết thúc.

Cậu nói: “Anh chắc chứ? Anh sẽ không cười em? Không… phán xét?”

“Dĩ nhiên là không,” Stephen đáp.

Will hít sâu một hơi.

“Vậy thì… thế này. Thế giới chúng ta đang sống là thế giới của loài người, những con người bình thường, và dù trong thế giới ấy vẫn còn tồn tại Pháp Thuật Cổ Xưa của đất, hay Pháp Thuật Hoang Sơ của muôn loài, thì chính con người mới là kẻ quyết định thế giới sẽ trở nên thế nào.”

Cậu không nhìn vào Stephen, sợ phải thấy nét thay đổi trên gương mặt anh mà cậu biết chắc sẽ có.

“Nhưng ngoài thế giới này là vũ trụ, bị ràng buộc bởi luật của Pháp Thuật Tối Cao – như mọi vũ trụ đều vậy. Và bên dưới Pháp Thuật ấy là hai cực tồn tại… mà ta gọi là Bóng Tối và Ánh Sáng. Không thế lực nào điều khiển chúng. Chúng đơn thuần là tồn tại. Bóng Tối, theo bản chất của nó, tìm cách ảnh hưởng đến loài người, để rồi qua đó, từng bước nắm quyền chi phối Trái đất. Ánh Sáng có nhiệm vụ ngăn điều đó xảy ra. Thỉnh thoảng Bóng Tối trỗi dậy, và bị đẩy lùi. Nhưng giờ đây, nó sắp sửa nổi lên lần cuối cùng, nguy hiểm nhất. Nó đã chuẩn bị rất lâu cho thời khắc ấy, và nay gần như sẵn sàng. Và vì vậy, đây sẽ là lần cuối – cho đến tận cùng của Thời gian – chúng tôi phải đánh bại nó, để thế giới loài người được tự do.”

“Chúng tôi?” Stephen hỏi, mặt không biểu cảm.

“Chúng tôi là Cổ Nhân,” Will nói, lúc này đã vững vàng và dứt khoát. “Một vòng tròn vĩ đại kết nối chúng tôi khắp thế giới và vượt cả ngoài thế giới, từ mọi miền và mọi thời đại. Em là người cuối cùng được sinh ra trong số đó, và khi em được đánh thức trở thành Cổ Nhân, vào sinh nhật mười một tuổi, vòng tròn ấy mới khép kín. Trước đó, em chẳng biết gì về tất cả chuyện này. Nhưng thời khắc đang đến rất gần, và đó là lý do vì sao anh được giao những lời nhắn – có thể gọi là cảnh báo – để đem về cho em. Em nghĩ, là từ hai trong số ba Cổ Nhân xưa nhất vòng tròn.”

Stephen nói, giọng vẫn đều đều: “Người thứ hai đâu có vẻ gì là già cả.”

Will ngước nhìn anh, nhẹ nhàng đáp: “Em cũng vậy mà.”

“Chúa ơi,” Stephen bực bội. “Em là em trai út của anh, mới mười hai tuổi, và anh còn nhớ rõ ngày em chào đời.”

“Chỉ trong một khía cạnh mà thôi,” Will đáp.

Stephen nhìn trân trân đứa em trước mặt: một cậu bé rắn rỏi trong chiếc áo sơ mi cũ và quần bò, tóc nâu duỗi thẳng rũ xuống che một bên mắt.

“Will, em lớn rồi, không còn chơi trò tưởng tượng trẻ con như thế này nữa. Em nói nghe như thể em thật sự tin vào tất cả chuyện đó.”

Will điềm đạm:

“Thế anh nghĩ hai sứ giả kia là ai? Em buôn lậu kim cương à? Hay nằm trong đường dây ma túy?”

Stephen rên lên:

“Anh không biết. Có khi anh mơ… có khi anh thật sự đang hóa điên.” Giọng anh cố tỏ ra nhẹ nhõm, nhưng rõ ràng vẫn đầy căng thẳng.

“Không đâu,” Will nói. “Anh không hề mơ. Những… cảnh báo… khác cũng đã bắt đầu xuất hiện rồi.”

Cậu im lặng một lúc, nhớ lại những hình bóng tất tả mờ mịt từ ba ngàn năm trước, và những cậu bé người Saxon run rẩy dõi mắt tìm đám cướp biển Dane. Rồi cậu nhìn Stephen, buồn rầu.

"Chuyện này quá sức anh. Lẽ ra họ phải biết điều đó. Em nghĩ, họ biết. Những lời nhắn ấy bắt buộc phải được chuyển bằng miệng – đó là cách duy nhất an toàn khỏi Bóng Tối. Và sau đó, mọi chuyện tùy vào em…" Cậu chợt nắm lấy tay áo anh trai, chỉ về phía xa, khi thấy vẻ hoang mang trên mặt Stephen đang dần chuyển thành kinh hoàng. "Kìa – James đấy!"

Stephen quay đầu theo phản xạ. Cử động ấy khiến chân anh quệt vào một bụi mâm xôi thấp mọc lan ra từ hàng rào và rặng cây phía sau. Và từ bụi xanh ấy, một đàn bướm trắng mảnh mai bất chợt tung bay như mây cuộn. Chúng thật kỳ lạ, nhẹ như lông tuyết. Hàng trăm, hàng ngàn cánh bướm bay ngược lên, lượn lờ như trận mưa tuyết dịu dàng quanh đầu và vai Stephen. Anh giật mình giơ tay xua đi.

"Đừng chạm vào!" Will khẽ nói. "Đừng làm hại chúng. Đứng yên".

Stephen khựng lại, một tay đưa lên che mặt. Bên trên và quanh anh, những cánh bướm nhỏ xíu bay vòng vòng, xoay lượn, không bao giờ đậu xuống. Chúng như bầy chim li ti làm bằng tuyết, câm lặng, siêu thực, mỗi cánh mỏng là một cấu trúc vi diệu như hình chiếc lông trắng năm nhánh.

Stephen đứng yên, choáng váng, một tay che mặt. "Chúng đẹp thật! Nhưng nhiều thế này… là giống gì vậy?"

"Bướm lông trắng," Will đáp, nhìn anh bằng ánh mắt yêu thương chan chứa luyến tiếc, như một lời tiễn biệt. "Bướm lông trắng. Có câu ngạn ngữ cổ rằng: *Chúng mang ký ức đi.*"

Trong một vòng lượn cuối cùng, đàn bướm trắng nhẹ nhàng xoáy quanh đầu Stephen; rồi đột ngột, đám mây bướm tan dần như khói, từng con một biến mất vào hàng rào. Lá cây khép lại sau chúng. Chúng đã đi rồi.

James từ xa chạy tới. “Trời ơi, rượt mệt xỉu! Đúng là chồn Mỹ – chắc chắn rồi.”

“Chồn?” Stephen hỏi. Anh lắc đầu, như con chó mới từ dưới nước bước lên.

James nhìn anh chằm chằm. “Con chồn ấy mà. Con vật đen nhỏ ấy.”

“Ừ, phải rồi,” Stephen vội nói, trông vẫn còn bàng hoàng. “Vậy là chồn thật hả?”

James hào hứng: “Chắc chắn luôn. Hên quá! Em rình mãi từ sau khi đọc bài báo trên Observer. Báo bảo phải chú ý, vì tụi nó là tai họa. Chúng ăn gà, cả chim chóc nữa. Ai đó mang chúng từ Mỹ sang để nuôi lấy lông, rồi một số con sổng ra và hoang dã hóa.”

“Nó chạy đâu rồi?” Will hỏi.

“Nhảy ùm xuống sông. Anh đâu ngờ tụi nó biết bơi.”

Stephen nhấc cái giỏ dã ngoại lên. “Đến lúc mang cá về rồi. Đưa anh chai nước chanh, Will.”

James nhanh nhảu: “Anh nói sẽ mua nước cho em trên đường về.”

“Anh nói nếu em bắt thêm mười con nữa.”

“Bảy là sát nút rồi còn gì.”

“Vẫn chưa đủ.”

“Đúng là dân thủy thủ keo kiệt,” James làu bàu.

“Cầm lấy này,” Will dúi chai vào người anh. “Em có uống hết đâu.”

“Uống đi, đồ Sponge,” Stephen bảo. “Uống nốt đi.” Một góc giỏ bắt đầu tuột nan; anh loay hoay đan lại trong khi James tu ừng ực.

Will nói: “Giỏ này rệu rã rồi. Cứ như là của Cổ Nhân để lại ấy.”

“Ai cơ?” Stephen hỏi.

“Cổ Nhân ấy. Trong thư anh gửi em từ Jamaica, kèm cái đầu hóa trang lễ hội năm ngoái ấy. Nhớ ông già nói gì không, người tặng anh món đó?”

“Trời ơi, anh không nhớ nổi,” Stephen cười nhẹ. “Lâu quá rồi. Món quà đó điên thật đấy – như mấy món Max làm ở trường mỹ thuật vậy.”

“Vâng,” Will nói.

Họ đi về nhà, băng qua bãi cỏ mềm mượt, qua bóng râm đang dài dần của tán cây, giữa những chùm hoa vàng lấp lánh của cây du.

CON CHỒN ĐEN

Đường về nhà quanh co uốn lượn: đầu tiên là qua các cánh đồng và lối đi ven kênh, tới chỗ họ để xe đạp, rồi men theo con đường nhỏ rợp bóng cây xanh uốn khúc. Sồi, du và bạch dương Lombardy cao vút hai bên đường; những ngôi nhà nằm im sau hàng rào rậm rạp, thơm hương kim ngân, điểm xuyết dây leo trắng của loài cỏ gà dại. Từ xa, họ có thể nghe thấy âm thanh nhộn nhịp mơ hồ của một thế giới hối hả hơn, và thấy xe cộ vun vút lướt qua trên xa lộ bắc ngang qua thung lũng sông Thames. Lúc này đã xế chiều; chân trời mờ trong lớp sương mỏng, và đàn muỗi vo ve giữa làn không khí ấm.

Họ đang đạp xe trên đường Huntercombe Lane, còn cách nhà nửa dặm, đi qua dãy nhà gạch viền tường đá lửa mà Will yêu thích, thì James phanh gấp.

“Sao thế?” Will hỏi.

“Bánh sau. Anh cứ nghĩ là nó cầm cự được, nhưng càng đi càng xẹp. Anh bơm tạm chắc cũng đủ về tới nhà.”

Will và Stephen dừng lại đợi trong khi James tháo bơm ra. Từ phía trước vọng lại tiếng nói khe khẽ; đoạn đường phía trước băng qua một cây cầu nhỏ, bắt ngang con suối uốn khúc giữa cánh đồng, rồi đổ vào sông Thames. Bình thường, dòng suối này chảy chậm đến mức khó mà gọi là “suối”, mặc dù có một lần duy

nhất Will từng thấy nó dâng nước ào ạt. Cậu đạp xe chậm rãi tiến lên phía trước. Hôm nay không có tiếng nước chảy; dòng suối lấp lánh, nông và tĩnh lặng, mặt nước phủ một lớp tảo xanh như ao tù.

Tiếng nói mỗi lúc một rõ hơn; Will cúi người qua lan can cây cầu nhỏ. Dưới bờ cỏ, một cậu bé da sẫm đang chạy, thở hổn hển, chiếc cặp da bóng loáng to gần bằng nửa người cứ đập vào chân cậu. Ba đứa khác đuổi sát phía sau, la hét và cười cợt. Will định quay đi, tưởng đó chỉ là trò đùa, thì đứa bé chạy đầu tiên – thấy lối chạy bị chặn bởi chân cầu – lập tức xoay người, trượt chân, rồi quay lại đối đầu trong một động tác không hề giống trò chơi, mà là sự tuyệt vọng rõ rệt. Cậu bé ăn mặc gọn gàng, chỉn chu; ba đứa kia là da trắng, và ăn mặc lôi thôi. Giờ đây Will nghe rõ tiếng chúng. Một đứa đang tru tréo như chó săn.

“Thằng Pakkie – Pakkie – Pakkie! Lại đây nào, cưng ơi! Lại đây, Pakkie—”

Chúng trượt tới, dừng lại trước thân hình nhỏ thó đang căng thẳng. Will nhận ra hai trong ba đứa – đều học cùng trường, là cặp chuyên gây rối và phá bĩnh trong sân chơi. Một đứa nhếch mép cười nham hiểm với cậu bé mà chúng vừa rượt đuổi.

“Không chào tụi tao à, Pakkie? Mày sợ gì thế? Đi đâu về đấy?”

Cậu bé giật mạnh sang bên định vượt qua, nhưng một đứa khác nhanh chân chắn đường. Chiếc cặp rơi xuống đất, và khi cậu bé cúi xuống nhặt lên, một bàn chân to, bẩn thỉu đạp thẳng lên quai xách.

“Đi học đàn à? Tao tưởng bọn Pakkie tụi mày đâu có biết chơi đàn? Chỉ mấy cái đồ kêu píp píp nghe như đồ chơi thôi, wheeee-eeeee-eeeeee—”

Nó nhảy nhót quanh, bắt chước tiếng đàn kéo chói tai như vĩ cầm hỏng; mấy đứa kia cười rộ lên ghê gớm, một đứa còn nhặt cái cặp vỗ vào tay như khen ngợi.

“Làm ơn trả lại cặp cho tớ,” cậu bé nhỏ nói, giọng rành rọt nhưng đầy khổ sở.

Đứa to con cầm cái cặp giơ cao trên dòng suối.

“Lại lấy đi, Pakkie, lại mà lấy đi!”

Will giận dữ hét to: “Trả lại cho cậu ấy!”

Cả bọn quay phắt đầu lại; rồi khuôn mặt thằng bắt nạt chuyển thành cái nhếch mép khi nhận ra Will.

“Lo chuyện của mày đi, Stanton!”

Lũ kia cười hô hố.

“Đồ đầu đất!” Will hét toáng. “Suốt ngày bắt nạt tụi nhỏ – trả lại cho cậu ấy ngay, nếu không thì..”

“Thì sao?” Thằng kia gằn, rồi quay sang nhìn đứa bé nhỏ, cười. Nó thả tay ra, để cái cặp rơi tõm xuống dòng suối.

Đám bạn nó cười sặc sụa, reo hò. Cậu bé nhỏ òa khóc. Will tức đến nghẹn họng, vứt xe sang một bên, nhưng chưa kịp xông tới thì một bóng người vọt qua – Stephen với thân hình cao gầy đang lao thẳng xuống bờ dốc.

Lũ kia hoảng loạn bỏ chạy – muộn rồi. Chỉ vài bước chân, Stephen đã tóm được thằng đầu trò. Anh chộp lấy vai nó, nói nhỏ:

“Nhặt cái cặp lên khỏi suối.”

Will đứng yên nhìn, sững sờ trước cơn giận dữ điềm tĩnh trong giọng nói ấy. Nhưng tên kia vẫn còn quá tự tin. Nó vặn mình trong tay Stephen, gào lên:

“Anh bị khùng hả? Bắt tôi ướt người vì cái đồ mọi rợ chết tiệt đó? Cái thằng ăn đồ mèo ấy? Anh nghĩ tôi là..”

Chữ cuối chưa kịp thốt ra. Stephen bỗng đổi tư thế, nhấc bổng thằng nhóc lên không trung và… quẳng thẳng vào dòng nước bẩn xanh rêu.

Tiếng bắn nước im bặt. Một con chim hót vui vẻ trên cao. Hai đứa còn lại đứng chết trân trên bờ, dán mắt vào thằng đầu đảng đang lóp ngóp bò dậy, người ướt nhẹp bùn và tảo, đứng lặng lẽ giữa dòng nước đục đến đầu gối. Nó nhìn Stephen, mặt đờ đẫn; rồi cúi xuống, nhặt cái cặp da lên, giơ thẳng tay đưa ra. Stephen nhận lấy, đưa cho cậu bé – cậu ta mở to mắt, không nói một lời, nhận lấy rồi quay đầu chạy biến.

Stephen quay người, bước dài leo lại lên đường. Khi vừa bước qua hàng rào dây thép, thằng nhóc ướt sũng như bị bừng tỉnh khỏi trạng thái bị hóa đá. Nó lội vội vào bờ, lầm bầm chửi rủa. Họ nghe vài tiếng tục tĩu vang lại, rồi tiếng gào giận dữ:

“Tưởng bự con là ngon hả?!”

“Lươn ngắn mà lại chê trạch dài à,” Stephen thản nhiên nói, leo lên xe đạp.

Thằng kia hét với theo: “Bố tôi mà biết, anh cứ chờ đấy.”

Stephen dừng lại, đạp xe tới mé cầu, cúi xuống:

“Stephen Stanton, ở ngôi nhà cũ của cha xứ. Cậu cứ nói bố cậu đến gặp tôi bất cứ lúc nào ông ấy muốn.”

Không có lời đáp. James đạp xe tới cạnh Will khi họ rời đi; cậu cười tít mắt.

“Tuyệt cú mèo,” cậu nói. “Đẹp mắt thật!”

“Ừ,” Will đáp, đạp xe chậm lại. “Nhưng mà…”

“Nhưng sao?”

“À… không có gì.”

“Chắc là cậu bé Manny Singh đó,” bà Stanton vừa nói vừa ấn con dao lớn vào chiếc bánh mật. “Nhà họ sống ở đầu kia làng, trong mấy căn nhà ở khu mới xây ấy.”

“Con biết nhà đó,” Mary nói. “Bác Singh thường đội khăn xếp.”

“Đúng rồi. Thật ra họ không phải người Pakistan, họ là người Ấn – đạo Sikh. Không phải là chuyện quan trọng, dĩ nhiên. Mấy đứa nhóc kia mới thật kinh khủng.”

“Tụi đó kinh khủng với bất kỳ ai,” James nói, mắt hy vọng dán vào miếng bánh đang sắp được cắt cho mình. “Chẳng phân biệt màu da, chủng tộc hay tôn giáo – miễn là ai nhỏ hơn chúng, chúng đều bắt nạt hết.”

“Hôm nay thì trông có vẻ… chọn lọc hơn chút,” Stephen nói nhỏ.

“Nhưng mẹ không chắc con nên ném thằng bé xuống suối,” bà Stanton bình thản nói. “Đưa hộp kem trứng cho Will nhé.”

“Richie Moore gọi cậu bé đó là “kẻ ăn đồ ăn mèo”, Will nói.

Stephen bảo: “Giá mà con suối đó sâu ba mét thì hay.”

“Còn một miếng bánh nữa kìa, mẹ ơi” James chen vào.

“Của bố con đấy,” bà Stanton nói. “Đừng có mơ. Bố đi làm muộn mà con cứ hớt tay trên thì sao được. Ăn vừa thôi, James. Đến Mary còn ăn chậm hơn con kia kìa.”

Rồi đột ngột, bà ngẩng đầu lên, lắng tai. “Gì thế nhỉ?”

Tất cả đều nghe thấy tiếng động yếu ớt bên ngoài; rồi âm thanh ấy lại vang lên, rõ hơn. Từ phía chuồng gà sau nhà vẳng đến những tiếng kêu thất thanh – không phải tiếng cục tác đòi ăn hay phản đối thường thấy, mà là tiếng kêu cao, hỗn loạn đầy kinh hãi.

Lũ trẻ đồng loạt phóng dậy, đến cả James cũng quên luôn món bánh mật yêu thích. Will là người đầu tiên lao ra cửa sau – và ngay lập tức, đột ngột, cậu khựng lại, khiến Stephen và James đâm sầm vào lưng rồi suýt ngã. Họ vẫn tiếp tục chạy. Nhưng Will thì đứng sững, bởi cậu cảm thấy quanh mình tràn ngập một luồng khí ác nghiệt – một thứ tà ý nguyên sơ, tinh khiết, mạnh đến mức khiến cậu như tê liệt. Cậu run rẩy. Cố rướn người chống lại cảm giác ấy như chống lại một cơn gió mạnh, cậu lảo

đảo chạy theo các anh. Trong đầu cậu dày đặc, u ám. Cậu nghĩ, "Mình từng cảm thấy thế này rồi…" Nhưng không còn thời gian để nhớ lại.

Từ sân sau vọng lên tiếng la hét, tiếng chân giẫm rối loạn, chen lẫn tiếng gà nháo nhác. Trong ánh chiều nhập nhoạng, Will thấy Stephen và James đang chao đảo chạy qua chạy lại như đang cố đuổi thứ gì đó; tiến lại gần, cậu thấy một thân hình nhỏ, đen bóng, lách nhanh như chớp giữa họ. Stephen vớ lấy một nhành cây; quật mạnh về phía sinh vật kia; hụt. Cành cây đập xuống đất, vỡ vụn. Một cây chĩa làm vườn dựng bên hàng rào chuồng gà; Will vớ lấy nó, tiến sát hơn. Con vật lướt qua ngay dưới chân cậu. Không một tiếng động.

"Will, chặn nó!"

"Đập nó đi!"

Chân người đạp rối rít, gà kêu náo loạn, cả sân như hỗn chiến, toàn những hình bóng mờ nhạt giữa ánh sáng nhạt dần. Trong một khoảnh khắc, Will thấy mặt trăng tròn, vàng nhạt, đang nhô lên như vành tròn khổng lồ trên lùm cây. Rồi James lại đâm vào cậu lần nữa.

"Bên này! Nhanh lên!"

Will chợt thấy rõ.

"Là một con chồn Mỹ nữa!"

"Tất nhiên rồi! Mau!"

Con chồn, hoảng hốt tìm lối thoát, đột nhiên mắc kẹt giữa Will và hàng rào. Hàm răng trắng loáng lóe lên. Nó đứng sững, căng như dây cung, nhìn chằm chằm, rồi bỗng rú lên – một tiếng thét chói tai, tức tối, xuyên thẳng vào đầu Will và khiến trong cậu bùng lên cơn nhận thức dữ dội về cái ác mà cậu đã cảm thấy ngay lúc bước ra khỏi cửa. Cậu giật nảy người.

"Ngay bây giờ, Will, mạnh vào!"

Cả hai anh đang hét.

Will giơ cao cây chĩa. Con chồn gầm lên nhìn cậu, lại rú. Will nhìn nó. “Bóng Tối đang trỗi dậy; giết một sinh vật của nó sẽ không ngăn được điều ấy.” Cậu hạ cây chĩa xuống.

James rên lên, tức giận. Stephen lao đến cạnh Will. Con chồn, răng vẫn nhe, đột nhiên lao thẳng về phía Stephen như muốn tấn công; Will kinh hãi, nhưng ngay lúc đó, con vật lạng người tránh, chui tọt qua hai chân Stephen. Vậy mà nó vẫn chưa bỏ chạy. Nó phóng thẳng vào đám gà đang hoảng loạn, ngoạm cổ một con rồi cắn mạnh vào gáy – con gà gục xuống ngay lập tức. Con chồn buông ra, rồi biến mất vào màn đêm.

James dậm chân, tức điên.

“Chó đâu rồi?! Lũ chó đâu?!”

Một luồng sáng lắc lư từ phía cửa bếp.

“Barbara dắt chúng đi Eton để tỉa lông rồi,” mẹ cậu lên tiếng. “Chị ấy về trễ vì còn phải đi đón bố các con.”

“Trời đất ơi!”

“Mẹ cũng thấy phiền,” bà nói nhẹ nhàng. “Nhưng thế đấy.” Bà cầm đèn bước ra. “Xem thử thiệt hại nào.”

Thiệt hại thật sự nghiêm trọng. Sau khi ba cậu con trai tách lũ gà tơ đang gào loạn khỏi những con đã chết, họ đếm được sáu xác con gà mái béo nằm thành hàng. Mỗi con đều bị giết bằng một cú cắn hung tợn đúng vào sau gáy.

“Sao lại nhiều thế?” Mary lắp bắp. “Sao lại phải giết nhiều đến vậy? Nó còn chẳng thèm tha đi con gà nào cả.”

Bà Stanton lắc đầu, vẻ vừa khó hiểu vừa bực bội.

“Cáo thì chỉ giết một con rồi vội mang đi. Như thế còn hợp lý hơn nhiều. Mấy đứa bảo con vật đó là chồn Mỹ hả?”

“Con chắc chắn luôn,” James nói. “Báo từng đăng bài về nó. Với lại tụi con thấy một con hồi chiều ở sông mà.”

Stephen cười khô khốc: “Có vẻ như nó giết gà tụi mình chỉ để giải trí.”

Will đứng cách đó vài bước, dựa người vào bức tường nhà kho. “Giết chỉ vì khoái cảm,” cậu nói.

James búng tay cái tách. “Đúng! Báo cũng viết vậy. Đó là lý do vì sao tụi nó là loài có hại. Bài báo nói chồn Mỹ là loài duy nhất, ngoài chồn sương, giết không vì đói mà chỉ vì thích giết.”

Bà Stanton nhấc hai con gà chết còn đẫm máu lên.

“Được rồi,” bà nói bằng giọng chấp nhận thực tế. “Mang mấy con còn lại vào nhà. Chúng ta đành tận dụng thôi, chỉ mong con vật khốn kiếp đó không chọn đúng mấy con đẻ trứng giỏi nhất. Mà nó cứ thử quay lại lần nữa xem nào… Steve, con dồn mấy con còn lại vào ổ giúp mẹ nhé?”

“Dạ được,” Stephen đáp.

“Con sẽ giúp anh,” James nói. “Trời, anh hên ghê, Steve. Em cứ tưởng nó cắn anh rồi chứ. Không hiểu sao nó dừng lại?”

“Chắc anh… khó nuốt quá,” Stephen ngẩng nhìn trời. “Nhìn kìa, trăng sáng thế này, có đèn đóm cũng chẳng để làm gì… Đi thôi. Gỗ, đinh, búa. Ta sẽ làm cho chuồng gà này bất khả xâm phạm với lũ chồn mãi mãi.”

Will khẽ nói: “Nó sẽ không quay lại đâu.” Cậu đang nhìn bông hoa anh thảo đỏ đã héo rũ trên khuy áo Stephen. “Cái Thiện sẽ xua đuổi thú độc. Nó sẽ không quay lại nữa.”

James nheo mắt nhìn cậu. “Trông em lạ lắm. Ổn không đấy?”

“Dĩ nhiên em ổn,” Will đáp, cố dẹp sự hỗn loạn trong đầu. “Em ổn mà. Ổn…”

Đầu cậu quay cuồng; cảm giác như chóng mặt, nhưng còn hơn thế – như thể nó đang bóp méo cả khái niệm về thời gian, về hiện tại và quá khứ. Con chồn đã đi rồi, hay họ vẫn đang đuổi nó? Nó đã đến chưa, hay chỉ sắp sửa tấn công, để lũ gà bắt đầu la loạn? Hay là… cậu đã… ở nơi khác… hoàn toàn…?

Cậu lắc mạnh đầu. Không, chưa đến lúc.

“Hộp dụng cụ của bố đang để trong nhà kho. Bố mới chuyển nó vô đó,” cậu nói.

“Vậy đi nào.” Stephen dẫn đầu vào căn nhà gỗ phía sau, nơi người ta vẫn gọi là “nhà kho” – dù cái tên nghe có vẻ thi vị hơn thực tế rất nhiều. Ngôi nhà họ đang ở vốn là nhà cũ của cha xứ, chưa từng là nông trại, nhưng nhờ vào gà và thỏ do người mẹ xuất thân từ nhà nông nuôi, nó đã mang dáng dấp khác hẳn.

James bật đèn điện trong kho, cả bọn chớp mắt quen dần với ánh sáng; rồi họ gom búa, kìm, đinh lớn, lưới thép và vài tấm ván thừa.

“Chuẩn luôn,” Stephen nói.

“Bố mới làm chuồng thỏ tuần trước. Còn sót lại mấy tấm này đấy.” James nói. “Cứ để đèn mở, cho sáng hẳn.”

Một vệt sáng từ cửa sổ bụi bặm hắt ra sân. Họ bắt đầu cắt lưới thép, ráp ván lại, ở phía bên chuồng nơi con chồn đã lẻn vào.

“Will, xem còn tấm ván nào dài hơn cái này tầm một gang không nhé.”

“Rồi.”

Will băng qua sân trăng, hướng về luồng sáng vàng hắt ra từ nhà kho. Sau lưng cậu, tiếng búa gõ nhịp đều vang lên, chen vào tiếng xao xác vẫn còn trong chuồng gà.

Và rồi, đầu cậu lại quay cuồng, tâm trí lảo đảo, gió như thổi tạt vào mặt. Cộc-cộc-cộc… cộc-cộc-cộc… tiếng búa dần biến thành âm thanh kim loại rỗng – như tiếng sắt đập vào sắt. Will lảo đảo dựa vào tường kho. Luồng sáng biến mất, cả mặt trăng cũng không còn. Sự thay đổi diễn ra chớp nhoáng như một cú xoay thời gian trọn vẹn – ngay lập tức, cậu chẳng còn thấy James hay Stephen, hay bất cứ vật quen thuộc nào: cây cối, nhà cửa hay súc vật.

Màn đêm đen đặc hơn ban nãy. Có tiếng kẽo kẹt mà cậu không thể nhận ra. Tay cậu vẫn chạm vào tường – nhưng không còn là gỗ nữa; dưới đầu ngón tay là những khối đá to, được ghép lại bằng vữa. Không khí vẫn còn hơi ấm, như thuộc về thời của cậu. Từ phía bên kia bức tường, cậu nghe thấy giọng người. Hai người đàn ông. Và cả hai giọng nói ấy quen thuộc đến mức những sợi lông nhỏ sau gáy Will dựng đứng, và niềm hân hoan dâng đầy trong ngực cậu như nỗi đau:

"Vậy là Badon rồi." Một giọng trầm, không biểu cảm. "Phải vậy thôi."

"Ngài nghĩ mình sẽ đẩy lui được chúng không?"

"Ta không biết. Còn ý ông thì sao?"

Giọng thứ hai cũng trầm không kém, nhưng dịu hơn, chan chứa cảm xúc – gần như một niềm thích thú sâu xa.

"Có. Ngài sẽ đẩy lùi được bọn chúng, thưa bệ hạ. Nhưng sẽ không phải là mãi mãi. Những kẻ này có thể bị đánh bật, nhưng thế lực thiên nhiên đứng sau lưng chúng thì chưa bao giờ bị đẩy lùi được lâu."

Giọng dịu dàng lại thở dài.

"Ông nói đúng. Hòn đảo này rồi sẽ diệt vong, trừ phi… Ta biết ông nói đúng, sư tử của ta. Ta đã biết từ thuở bé. Từ cái ngày.."

Ông ngừng lại. Khoảng lặng kéo dài.

Người đầu tiên khẽ nói: "Ngài đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa."

"Ông biết ư? Ta chưa từng kể cho ai cả. Mà đúng rồi, dĩ nhiên là ông biết rồi." Người đàn ông bật cười khẽ, tiếng cười không mang mỉa mai mà chỉ đượm tình thân. "Ông có ở đó đúng không, Cổ Nhân? Chắc chắn ông đã có mặt ở đó."

"Tôi đã hiện diện ở đó."

"Ba trăm thủ lĩnh ưu tú nhất của nước Anh bị tàn sát. Tất cả. Ba trăm con người trong một cuộc tụ họp. Bị đâm, bị siết cổ, bị đánh chết, chỉ sau một dấu hiệu – ta còn thấy hắn ra dấu đấy,

ông có biết không? Ta, một thằng bé bảy tuổi… Tất cả chết cả. Cha ta cũng vậy. Máu đổ thành dòng, nhuộm đỏ cỏ, và Bóng Tối bắt đầu trỗi dậy khắp nước Anh…"

Ông nghẹn lời.

Giọng trầm cất lên, lạnh lẽo: "Nhưng nó sẽ không trỗi dậy mãi mãi."

"Không đâu, thề với trời là không!" Ông đã lấy lại bình tĩnh. "Và chỉ vài ngày nữa, Badon sẽ chứng minh điều đó. Mons Badonicus, ngọn đồi may mắn. Cầu trời là vậy."

"Cuộc triệu tập đã bắt đầu, và người từ khắp nước Anh trung thành đang đổ về," người đầu tiên nói. "Và đêm nay, Vòng tròn Cổ Nhân sẽ được triệu hồi, để đối mặt với đại hiểm họa này."

Will đứng thẳng dậy, như thể ai đó vừa gọi tên cậu. Cậu đã hoàn toàn hòa vào thời khắc này – không cần gọi, không cần suy nghĩ, chỉ có sự hiện diện thuần khiết. Cậu xoay người, thấy ánh sáng le lói quanh khung cửa trên bức tường đá; bước đến, giật mình khi thấy hai người lính cầm kiếm và giáo đứng hai bên. Nhưng họ không động đậy; đứng nghiêm, mắt nhìn thẳng.

Will đưa tay kéo tấm rèm dày chắn lối vào. Ánh sáng chói lòa tràn ra làm cậu che mắt.

"À, Will," giọng nói trầm vang lên. "Vào đi, vào đi."

Will bước tới, mở mắt ra. Cậu đứng đó, mỉm cười nhìn người đàn ông cao lớn, mũi khoằm, tóc trắng dựng ngược. Đã lâu rồi họ mới gặp lại nhau.

"Ông Merriman!" cậu gọi. Họ bước tới ôm nhau.

"Khỏe chứ, Cổ Nhân?" người cao lớn nói. "Rất vui gặp lại cậu."

"Từ Cổ Nhân đến Cổ Nhân," người đàn ông kia nhẹ nhàng nói. "Người đầu tiên, già nhất, và người cuối cùng, trẻ nhất. Ta cũng chào cậu, Will Stanton."

Will nhìn vào đôi mắt xanh thẳm trong khuôn mặt rám nắng; bộ râu xám ngắn; mái tóc vẫn nâu nhưng đã điểm bạc. Cậu quỳ

xuống, cúi đầu: “Thưa bệ hạ.”

Người kia nghiêng người về phía trước trên chiếc ghế bọc da cũ kẽo kẹt, chạm nhẹ vào vai Will như lời chào.

“Ta rất vui được gặp lại cậu. Đứng lên đi, đến cạnh chủ nhân của cậu. Khoảnh khắc này của thời gian thuộc về cả hai, và còn rất nhiều việc phải làm.”

Ông đứng dậy, vạt áo choàng ngắn vắt sang một bên vai, sải bước về phía cửa – bước chân nhẹ nhàng, không phát tiếng trên nền sàn khảm hoa văn. Tuy thấp hơn Merriman một cái đầu, nhưng trong ông có sự uy nghi khiến bất kỳ ai cũng phải nể phục.

“Ta đi nghe báo cáo số quân mới,” ông nói, quay lại từ cửa, tiếng giáo chạm nhau loảng xoảng khi hai lính gác giơ vũ khí chào. “Một đêm, một ngày. Hãy khẩn trương, sư tử của ta.”

Rồi ông đi mất, như thể chính vạt áo choàng cuốn ông theo.

Will nói: “Mấy lính gác không hề chặn cháu lại.”

“Họ đã được báo trước,” Merriman nói. Khuôn mặt góc cạnh, khắc khổ của ông khẽ nở một nụ cười nhạt khi nhìn Will.

Rồi bất ngờ, ông ngửa đầu, hít một hơi sâu rồi thở dài: “Will này, mọi chuyện với cậu sao rồi, trong lần trỗi dậy vĩ đại thứ hai? Vì khoảnh khắc này, nơi đây, chính là lần trỗi dậy đầu tiên, và ta nói thật: tình hình không ổn chút nào.”

“Cháu không hiểu,” Will nói.

“Cậu không hiểu ư, Cổ Nhân? Sau bao nhiêu năm ta dạy dỗ, và sau khi cậu đã đọc *Sách Pháp Thuật* chưa lâu, cậu vẫn chưa hiểu rằng thời gian luôn vượt khỏi nhận thức của con người? Có lẽ cậu vẫn còn quá gần gũi với họ… Thôi vậy.” Ông ngồi phịch xuống chiếc ghế dài có tay vịn cong. Căn phòng vuông cao vút, nội thất đơn sơ; trên tường thạch cao vẽ những bức tranh rực rỡ: đồng quê mùa hè, ánh nắng, cánh đồng, sắc vàng mùa gặt.

“Trong dòng thời gian của loài người, Will à, có hai lần Bóng Tối trỗi dậy. Một là trong thời đại mà cậu đã được sinh ra làm người. Một là tại nơi này, thời điểm này, cách đó mười lăm thế kỷ, khi vua Arthur phải giành lấy một chiến thắng đủ lâu dài để tách bọn xâm lăng ra khỏi thế lực Bóng Tối đang xúi giục chúng. Cậu và ta, mỗi người đều có vai trò trong cả hai lần trỗi dậy ấy. Thực ra, là cùng một vai trò.”

“Nhưng mà” Will định nói.

Merriman nhướng một bên mày trắng rậm, nhìn xéo cậu.

“Nếu cậu dám hỏi ta, chính cậu, rằng làm sao một người từ tương lai lại có thể góp phần vào một chuyện “đã xảy ra” – theo cái cụm từ ngốc nghếch đó…”

“Ồ không,” Will vội nói. “Ý cháu không phải vậy. Cháu nhớ có lần ông từng bảo… lâu lắm rồi*‘Mọi thời điểm cùng tồn tại’*, ông đã nói,” cậu nheo mày, cố lục lại câu chữ. “*Và tương lai đôi khi có thể ảnh hưởng đến quá khứ, dù quá khứ là con đường dẫn tới tương lai.*”

Một nụ cười thoáng qua gương mặt nghiêm nghị của Merriman.

“Và vì vậy, giờ đây, Vòng Tròn của Ánh Sáng phải được triệu hồi – bởi Will Stanton, Người Tìm Dấu Hiệu, người từng gom đủ Sáu Dấu Hiệu của Ánh Sáng vào thành một vòng tròn. Nó phải được triệu hồi, để từ một lần hiệu triệu duy nhất ấy, nó có thể giúp loài người ở cả hai thời đại – thời của Arthur, và thời đại mà cậu xuất thân.”

“Vậy,” Will nói, “cháu phải lấy lại những Dấu Hiệu từ nơi chúng đang ẩn giấu, xuyên qua pháp thuật phức tạp mà chúng ta đã đặt lên khi ghép chúng lại. Cháu chỉ mong mình tìm được đường đi.”

“Ta cũng mong vậy,” Merriman đáp, giọng hơi nghiêm lại. “Vì nếu cậu thất bại, Phép Thuật Tối Cao bảo vệ các Dấu Hiệu sẽ đưa chúng ra ngoài Dòng Thời Gian, và ưu thế duy nhất mà Ánh Sáng đang có sẽ vĩnh viễn mất đi.”

Will nuốt khan. “Nhưng cháu sẽ phải làm điều đó từ thế kỷ của mình. Vì ở đó, các Dấu Ấn đã được hợp nhất và cất giấu.”

“Tất nhiên,” Merriman gật đầu. “Và đó là lý do vì sao vua Arthur hối thúc chúng ta mau chóng. Đi đi, Will, và làm điều cậu phải làm. Một đêm và một ngày – đó là tất cả thời gian chúng ta có, theo thước đo của trần thế.”

Ông đứng dậy, bước băng qua phòng như cơn gió, nắm lấy tay Will bằng kiểu chào kiểu La Mã xưa. Đôi mắt đen rực lên trong khuôn mặt lởm chởm góc cạnh đầy nếp nhăn.

“Ta sẽ luôn dõi theo cậu, nhưng sẽ không thể giúp gì. Hãy cẩn trọng, Will” Merriman nói.

Will quay đi, bước về phía cửa, vén tấm rèm. Ngoài kia, đêm tối vẫn vang lên tiếng kim loại vang vọng – tiếng sắt đập vào sắt.

“Thợ rèn Wayland phải làm việc vất vả suốt ngày hôm nay,” Merriman nói khẽ sau lưng cậu. “Nhưng không phải đóng móng ngựa, bởi thời này ngựa chưa đi móng sắt. Mà là rèn kiếm, rìu và dao.”

Will rùng mình. Không nói lời nào, cậu bước vào đêm tối. Đầu óc cậu quay cuồng, cơn gió lại tạt vào mặt – và một lần nữa, mặt trăng lại hiện lên trước mặt như một quả cầu cam nhạt khổng lồ treo giữa trời. Trong tay cậu là tấm ván gỗ, và tiếng gõ cạch cạch trước mặt là tiếng búa đang đóng đinh vào ván.

“À,” Stephen ngẩng đầu. “Cái này được đấy. Cảm ơn em.”

Will bước tới, đưa tấm ván cho anh.

LỜI TRIỆU TẬP

Trên căn gác mái nơi phòng ngủ của Will, không khí hầm nóng và im ắng, quện đặc trong hơi thở mùa hè. Cậu nằm ngửa, lắng nghe âm thanh rì rầm và lách cách khe khẽ phía dưới – tiếng động đêm khuya của những người nhà Stanton cuối cùng còn thức – chắc là bố và anh Stephen, dựa theo những giọng nói trầm vọng lên. Phòng này trước đây từng là phòng của Stephen,

và Will đã cẩn thận thu dọn mọi đồ đạc của mình để nhường chỗ cho chủ cũ quay về trong kỳ nghỉ phép. Nhưng Stephen chỉ lắc đầu: “Max đi vắng – anh sẽ dùng phòng nó. Giờ anh như kẻ du mục rồi, Will à. Căn phòng này là của em.”

Cánh cửa cuối cùng khép lại, ánh sáng hắt lên từ cầu thang cũng tắt ngấm. Will nhìn đồng hồ – nửa đêm đã trôi qua; ngày Hạ Chí chính thức bắt đầu, chỉ mới vài phút tuổi. Nửa tiếng đợi nữa là đủ. Qua ô cửa giếng trời nghiêng nghiêng trên mái, cậu chẳng thấy ngôi sao nào – chỉ là bầu trời nhạt nhoà trong ánh trăng; thứ ánh sáng trắng đục đó chiếu qua cửa, hắt xuống sàn phòng.

Ngôi nhà chìm trong giấc ngủ khi Will nhẹ nhàng rón rén xuống cầu thang, mặc bộ đồ ngủ bằng vải mỏng, khéo léo bước khẽ lên mép xa nhất của các bậc thang mà cậu biết sẽ kêu cót két. Khi đến gần cửa phòng bố mẹ, cậu sững lại; bố cậu, đang ngáy khe khẽ theo nhịp dồn dập dần, khẽ trở mình, phát ra một tiếng gằn nho nhỏ, rồi lại lặng lẽ chìm vào giấc ngủ.

Will mỉm cười trong bóng tối. Đối với một Cổ Nhân, việc đưa cả nhà vào trạng thái “ngừng thời gian” – rơi khỏi thực tại trong một giấc ngủ không thể bị phá vỡ – là điều hoàn toàn dễ dàng. Nhưng cậu không muốn làm thế. Chắc đêm nay sẽ có quá nhiều lúc cậu phải can thiệp vào Thời gian rồi.

Nhẹ nhàng bước tiếp xuống cầu thang dưới, Will tiến ra sảnh trước. Bức tranh mà cậu cần tìm treo ngay cạnh cửa lớn, bên giá treo mũ và ô. Cậu có mang theo một chiếc đèn pin nhỏ, nhưng rồi nhận ra không cần đến nó; ánh trăng rọi qua cửa kính sảnh chiếu đủ sáng lên những hình ảnh quen thuộc trong tranh.

Từ khi còn rất nhỏ – nhỏ đến nỗi phải trèo lên giá treo ô mới nhìn được vào trong khung gỗ tối sẫm – cậu đã bị bức tranh đó cuốn hút. Đó là một bản in thời Victoria, toàn màu nâu xỉn, mờ mịt; điều hấp dẫn nhất là mức độ chi tiết kỳ lạ đến phức tạp trong đó. Với dòng chữ uốn lượn thanh thoát, tranh có tên Người La Mã ở Caerleon, mô tả việc xây dựng một công trình lớn. Khắp nơi là đám đông người: kẻ kéo dây, người dắt bò kéo xe

nặng dưới ách gỗ thô, người hướng dẫn tảng đá khổng lồ vào đúng vị trí. Một nền sàn lát đá nhẵn mịn, hình bầu dục ở trung tâm đã hoàn thành, hai bên là các vòm có cột trụ; phía xa dường như có một bức tường hay bậc thang đang được dựng lên. Các binh lính La Mã, trong quân phục chỉnh tề, giám sát từng tốp công nhân đang chất đá vào chỗ.

Will tìm một người lính đặc biệt – một viên đại đội trưởng

ở góc dưới bên phải bức tranh, đang tựa người vào một cây cột. Ông ta là hình bóng duy nhất đứng yên trong bức tranh đầy ắp chuyển động; nét mặt được khắc họa rõ ràng, trầm lặng và hơi buồn, ánh mắt hướng ra khỏi bức tranh, nhìn xa xăm. Chính nét u sầu xa vắng ấy khiến khi còn bé, Will luôn bị mê hoặc bởi nhân vật này hơn bất cứ ai khác trong cảnh nhộn nhịp kia. Và cũng vì lý do ấy, Merriman đã chọn người đàn ông này để giấu các Dấu Hiệu.

Merriman.

Will ngồi xuống bậc thang, chống cằm lên tay. Cậu phải suy nghĩ thật kỹ, thật sâu. Việc nhớ lại cách cậu và Merriman đã giấu vòng tròn sáu Dấu Hiệu – vũ khí mạnh mẽ và dễ tổn thương nhất của phe Ánh Sáng – thì dễ. Họ đã quay về thời của viên đại đội trưởng ấy, và giữa những phiến đá nay đang hiện ra trong bức tranh trước mặt, chính Will đã giấu các Dấu Hiệu vào một nơi an toàn, khuất mắt, được thời gian chôn giấu. Nhưng nhớ lại là một chuyện – còn tìm cách đảo ngược lại mọi việc, là chuyện hoàn toàn khác…

Cậu nghĩ: Cách duy nhất là sống lại mọi chuyện từ đầu. Mình phải quay lại, trải qua tất cả như trước, lần nữa – nhưng lần này, thay vì dừng lại, mình phải tìm cách lấy các Dấu Hiệu ra.

Cơn phấn khích bắt đầu dâng lên. Cậu nghĩ tiếp: Merriman có thể ở đó, nhưng mình sẽ phải tự làm. “Ta sẽ bên cậu, nhưng bất lực,” ông ấy đã nói vậy. Nên ông sẽ không thể ra dấu cho cậu đúng thời điểm phải nói, phải làm, dù là việc gì; thậm chí ông có thể chẳng biết lúc đó là khi nào. Chỉ cậu mới có thể chọn khoảnh

khắc ấy, vì Ánh Sáng. Và nếu thất bại… chúng ta không thể bước tiếp nữa.

Phấn khích tan dần, nhường chỗ cho một sức nặng kinh hoàng, khắc nghiệt của trách nhiệm. Chỉ có một chìa khóa duy nhất để giải bùa, và chỉ mình cậu có thể tìm thấy. Nhưng ở đâu? Khi nào? Bằng cách nào?

Ở đâu? Khi nào? Bằng cách nào?

Will đứng dậy. Con đường thoát khỏi bùa phép chỉ có thể tìm được nếu quay lại giữa nó. Vậy trước hết, cậu phải tái hiện việc thực hiện phép ấy – xoay Thời gian, để một lần nữa sống lại những giờ phút của hơn một năm về trước, khi cùng Merriman…

Merriman đã làm gì? Mọi thứ phải giống y hệt.

Will đặt đèn pin xuống, đứng trước bức tranh trên tường, tập trung toàn bộ ký ức. Cậu đưa tay chạm vào khung tranh. Rồi cậu đứng bất động, dồn hết ý thức nhìn vào nhóm người đàn ông ở giữa tranh – những người đang căng mình kéo một tảng đá lớn về phía nào đó khuất tầm nhìn. Cậu xóa sạch mọi suy nghĩ trong đầu, gạt bỏ mọi hình ảnh, âm thanh khác khỏi giác quan, chỉ còn lại một điều duy nhất: nhìn.

Và dần dần, tiếng dây thừng kẽo kẹt, tiếng hô nhịp đều đều, tiếng đá nghiến vào đá vang lên trong tai cậu; cậu ngửi thấy mùi bụi, mồ hôi, và phân súc vật – và các hình vẽ trong tranh bắt đầu chuyển động. Bàn tay Will không còn đặt trên khung gỗ của bức tranh nữa, mà trên thành gỗ của một cỗ xe bò chở đá, và cậu bước vào thế giới của người La Mã ở Caerleon, trở thành một cậu bé của thời đó, mặc áo vải lanh trắng mát trong ngày hè oi bức, chân xỏ dép da, đứng trên những viên đá lát vuông vức.

“Hô… hai… ba… hô… hai… ba…”

Tảng đá nhích dần trên các con lăn. Những tiếng hô khác vang lên theo nhịp khác, từ các nhóm khác – lính và thợ cùng làm việc, làn da nâu ô liu hay hồng xám, tóc xoăn đen hay vàng

suôn. Đá đập vào đá, nghiến ken két, đàn ông và gia súc gồng mình, rên rỉ vì sức nặng. Và Merriman nói sát tai Will, từ sau lưng:

“Phải sẵn sàng tháo vòng, khi thời điểm tới.”

Will cúi xuống, thấy sáu Dấu Hiệu Ánh Sáng, nối với nhau bằng mắt xích vàng, thắt quanh lưng áo cậu như một dải thắt lưng. Những vòng Dấu Hiệu – hình tròn chia tư bởi dấu thập – nằm xen kẽ giữa các mắt xích sáng tối: đồng xỉn, sắt đen, gỗ cháy; vàng sáng, đá lửa lấp lánh, và cái cuối cùng – thứ cậu sẽ chẳng bao giờ quên, ngay cả trong mơ: Dấu Hiệu Nước, tinh thể trong vắt, khắc các ký hiệu mảnh mai như hoa tuyết đóng băng trong băng giá.

“Đi thôi” Merriman nói.

Ông bước qua Will, tấm áo choàng xanh sẫm gần như chạm gót bay nhẹ phía sau, và tiến đến chiếc cột phía sau đàn bò đang thở phì phò. Ở đó, một viên đại đội trưởng đang quan sát một nhóm công nhân quấn dây và đai quanh phiến đá trên cùng của xe chở đá. Will bám theo, cố gắng trông thật bình thường.

“Công việc diễn ra tốt đấy!” Merriman cất lời.

Viên sĩ quan quay đầu lại, và Will thấy đúng là gương mặt u sầu kia – hình ảnh cậu đã nhìn ngắm gần như mỗi ngày trong suốt cuộc đời mình. Đôi mắt đen sáng nhìn Merriman từ khuôn mặt gầy dài, mũi cao thẳng.

“À,” người đàn ông nói. “Là ông thầy tu Druid.”

Merriman khẽ cúi đầu, kiểu chào mang nét nghi lễ pha chút mỉa mai. “Nhiều hình ảnh khác nhau trong mắt người đời,” ông đáp, mỉm cười nhẹ.

Viên sĩ quan nhìn ông chăm chú. “Miền đất kỳ lạ,” ông nói. “Man di và phù thủy, bùn đất và thi ca. Đúng là một miền đất kỳ lạ, quê hương ông đấy.”

Rồi bất chợt ông thẳng người lại; ánh mắt vẫn để nửa về chiếc xe bò nặng trĩu.

“Cẩn thận! Này, Sextus, giữ đầu dây đó.”

Đám công nhân nháo nhào giữ lại phiến đá đang nghiêng nguy hiểm; cuối cùng cũng đặt nó xuống an toàn. Người chỉ huy đội hô lớn cảm ơn, viên sĩ quan gật đầu, nét mặt giãn ra chút ít, dù mắt vẫn theo dõi sát. Một cỗ xe khác lăn qua, chở đầy những dầm gỗ dài.

Merriman nhìn ra công trình đang dần hình thành trước mặt; tầm nhìn rộng hơn giờ đã cho thấy rõ đó là một khán đài hình tròn đang xây dang dở – tường đá, ghế dài bằng gỗ xếp thành từng bậc cao dần theo đường cong, từ sân khấu trung tâm.

“Người La Mã đúng là có tài năng,” ông nói “Chúng tôi ở đây cũng có chút tay nghề với đá, không ai sánh bằng những vòng đá cổ của chúng tôi, dựng nên để dâng kính Ánh Sáng. Nhưng tài năng xây dựng của người La Mã – từ nhà ở, cầu máng, ống nước, đường xá đến nhà tắm – đúng là tuyệt diệu. Các người đang thay đổi cả thành phố chúng tôi, và cả lối sống nữa.”

Viên sĩ quan nhún vai. “Đế chế luôn mở rộng.” Ông liếc nhìn Will, lúc này đang đứng bên cạnh Merriman, mắt dõi theo đội công nhân đang từ từ xoay phiến đá dài từ trên xe xuống.

“Con trai ông à?”

“Học trò của tôi,” Merriman đáp lạnh nhạt. “Tôi đã dạy nó một năm rồi. Cậu ta có dòng máu cổ, từ thuở trước khi tổ tiên các ông đến đây.”

“Không phải tổ tiên tôi đâu,” viên sĩ quan nói. “Tôi không sinh ra trong Đế chế. Tôi từ Rome sang bảy năm trước, khi được điều vào Quân đoàn Hai. Lâu lắm rồi. Rome là Đế chế, và Đế chế là Rome, nhưng đồng thời…” Ông bỗng quay sang Will, mỉm cười dịu dàng, khiến khuôn mặt nghiêm khắc bỗng trở nên ấm áp. “Cháu học hành chăm chỉ với thầy của cháu chứ, nhóc?”

“Cháu đang cố gắng, thưa ngài” Will nói. Cậu thích thú với sự chuẩn tắc của tiếng Latinh; với một Cổ Nhân thì mọi ngôn ngữ đều dễ dàng, nhưng tiếng Latinh lại mang đến một niềm thích thú riêng nhờ dư âm của nó trong ngôn ngữ mẹ đẻ của cậu. “Việc xây dựng này khiến cháu thấy rất thú vị.”

“Tuyệt vời chứ nhỉ. Cách mà từng viên đá được đẽo gọt khớp chính xác với viên bên cạnh, hay để giữ lấy một thanh dầm gỗ. Và cách họ ghép chúng lại – cẩn trọng, chính xác – rõ ràng là họ biết đích xác mình đang làm gì. Mọi thứ đều được lên kế hoạch. Giống hệt như khắp nơi trong Đế chế. Công trình này – kiểu nhà hát này – đã được xây ở hàng chục thành phố có quân trú đóng như thế này, từ Sparta đến Brindisium. Nào, để ta chỉ cho cháu xem.”

Ông đặt tay lên vai Will, liếc nhìn Merriman như ra hiệu, rồi dẫn cậu băng qua nền đất cát của đấu trường, đến một vòm đá đang xây dở – một trong tám lối vào xuyên qua các tầng ghế đang dần hoàn thiện.

“Khi đội thứ ba của ta mang phiến đá kế tiếp đến, nó sẽ lắp vào đây, như thế này và sẽ khóa vòm lại ở đoạn kia…”

Một cột đá đang được dựng bên cạnh khung vòm. Will nheo mắt nhìn phiến đá đang được chuyển lại gần bằng con lăn, do bốn người lính mồ hôi nhễ nhại kéo. Một nhóm khác đang gồng mình nâng phiến đá lên đúng chỗ trong vòm. Phiến này lớn hơn hẳn các phiến khác: mặt trên lõm sâu một chỗ, nhưng mặt trước thì rất phẳng và rộng. Will thấy rõ dòng chữ khắc sâu:

COH. X. C. FLAV. JULIAN.

“Do đội mười xây dựng, đại đội của Flavius Julianus,” Merriman nói. “Xuất sắc.”

Rồi không phát ra âm thanh, bằng cách giao tiếp giữa các Cổ Nhân, ông truyền thẳng vào tâm trí Will:
“Trong đó. Ngay.”

Cùng lúc, ông cố ý loạng choạng, va khẽ vào khuỷu tay viên đại đội trưởng. Người lính quay lại, đỡ lấy ông theo phản xạ.

“Có gì không ổn à?”

Nhanh như chớp, Will tháo chiếc thắt lưng mang sáu Dấu Hiệu, thả nó vào chỗ lõm trên mặt trên phiến đá – nơi mà phiến tiếp theo sẽ phủ lên. Cậu vội vã hất đất đá nhỏ lên trên, che ánh kim loại sáng lấp lánh.

“Thứ lỗi,” Merriman nói. “Đôi dép tôi bị trượt…”

Viên sĩ quan quay lại; nhóm công nhân cũng vừa tới, hì hục nâng phiến đá kế tiếp lên. Will lùi vội, và phiến đá nặng rên rỉ, kẽo kẹt trượt vào vị trí. Và vòng tròn Dấu Hiệu bị phong kín trong quan tài đá, nằm ẩn trong lòng công trình La Mã này bao lâu công trình ấy còn tồn tại.

Phần tách biệt trong tâm trí của Will – phần vẫn ý thức được mọi thứ như một tiếng vọng do phép thuật mang đến, phản chiếu những điều cậu và Merriman đã từng làm – giờ đây bỗng giật mạnh trở lại với ý thức của cậu. Bây giờ, nó lên tiếng. Tiếp theo là gì? Vì đây là giới hạn cuối cùng của những hành động ban đầu đó. Sau thời điểm này, vào ngày các Dấu Hiệu bị che giấu, cậu đã rất nhanh chóng trở về thế kỷ của mình, bị cuốn tới trước trong Dòng Thời Gian, để lại chiếc vòng quý giá được giấu an toàn phía sau. Vậy nên bí mật mà giờ đây cậu phải khẩn trương tìm kiếm – chiếc chìa khóa quý báu để khôi phục lại mọi thứ – hẳn phải nằm đâu đó trong những khoảnh khắc tiếp theo của thời đại La Mã này. Nhưng nó là gì?

Cậu nhìn Merriman đầy tuyệt vọng. Nhưng đôi mắt đen dưới sống mũi cao khoằm ấy không biểu lộ cảm xúc gì. Đây không phải là nhiệm vụ của Merriman, mà là của chính cậu; cậu phải tự mình làm điều đó.

Dẫu vậy, có thể vẫn có lý do khiến Merriman có mặt ở đây – như đã từng có với nửa kia của câu thần chú; dù vô tình, ông ấy có thể đóng một vai trò nào đó. Nhiệm vụ của Will là khám phá ra

vai trò ấy, nếu nó thực sự tồn tại, và nắm lấy bất cứ điều gì có thể.

Ở đâu, khi nào, bằng cách nào?

Viên đại đội trưởng La Mã hét ra lệnh, và nhóm công nhân gần nhất của ông quay lại, nối đuôi nhau trở về để lấy tảng đá tiếp theo.

Quan sát họ, viên sĩ quan bất chợt rùng mình, rồi kéo chặt áo choàng quanh vai.

“Tất cả bọn họ đều sinh ra ở Anh,” ông nói với Merriman “Giống như ông, họ chẳng thấy có gì kinh khủng với khí hậu này cả.”

Merriman phát ra một tiếng động mơ hồ, như lời cảm thông, và không rõ vì sao, Will thấy những sợi lông nhỏ sau gáy dựng đứng lên, như một cảnh báo từ những giác quan chẳng biết diễn đạt cách nào khác. Cậu đứng căng thẳng, chờ đợi.

“Những hòn đảo này” người La Mã nói. “Xanh tươi, tôi phải công nhận. Tươi đến mức đáng ngờ. Lúc nào cũng mây mù, sương giá, ẩm ướt và mưa.” Ông thở dài. “A, xương tôi đau nhức quá…”

Merriman khẽ nói:

“Không chỉ xương thôi đâu… hẳn là rất khó khăn với một người sinh ra nơi nắng ấm như ông.”

Viên đại đội trưởng nhìn ra những hàng ghế gỗ và cột đá, mắt không nhìn vào đâu cả, rồi lắc đầu bất lực.

Will cất giọng nhỏ nhẹ, trong trẻo, như thể nó không phải của chính mình:

“Quê hương của ngài, nó như thế nào ạ?”

“Rome à? Một thành phố vĩ đại. Nhưng nhà tôi ở ngoại ô thành phố, vùng miền quê – một cuộc sống yên bình, nhưng tốt đẹp”

Ông liếc nhìn Will. “Tôi có một cậu con trai, giờ chắc cũng cao cỡ cậu. Lần cuối cùng tôi gặp nó, tôi còn có thể nhấc bổng nó lên và tung trong tay. Bây giờ vợ tôi bảo nó đã cưỡi ngựa như nhân

mã, và bơi như cá rồi. Có lẽ giờ này nó đang bơi trong con sông gần đất nhà tôi. Tôi từng muốn nó lớn lên ở đó, như tôi đã từng. Dưới ánh nắng nóng rát trên da, không khí vang lên tiếng ve kêu râm ran, hàng cây bách đen tuyền nổi bật dưới bầu trời xanh, những ngọn đồi lấp lánh bạc màu ô-liu, ruộng nho bậc thang, giờ chắc những chùm nho cũng đang căng mọng rồi…"

Nỗi nhớ nhà dâng lên, nhức nhối như cơn đau thể xác, và bất chợt Will hiểu rằng câu trả lời nằm ngay tại đây, trong không khí này, trong khoảnh khắc khao khát mộc mạc không che giấu, với những cảm xúc sâu kín, đơn sơ nhất của một người đàn ông đang để lộ hết ra cho người lạ nghe và thấy. Đây chính là con đường sẽ dẫn cậu đi.

Ngay lúc này, ở đây, theo hướng này!

Cậu để tâm trí mình chìm vào nỗi nhớ ấy, vào nỗi đau của người kia, như thể lao mình xuống biển; và giống như nước khép lại trên đầu, cảm xúc ấy cuốn lấy cậu. Thế giới quay cuồng quanh cậu – đá, bầu trời xám, cánh đồng xanh – xoay tròn, đổi thay, rồi rơi xuống, sắp xếp lại không còn y nguyên như trước, và tiếng nói khắc khoải ấy lại vang lên bên tai cậu; nhưng giờ giọng nói ấy đã khác.

Giọng nói ấy khác đi, và ngôn ngữ cũng đổi – giờ là thứ tiếng Anh mềm mại, có chất giọng, nguyên âm nghiêng dài. Và lúc này là buổi tối, bầu trời đen bạc nhạt dưới ánh trăng, bóng tối bao trùm khắp nơi, những hình thù và bóng dáng lẫn vào nhau không thể phân biệt.

Nhưng trong giọng nói mới ấy, nỗi khắc khoải vẫn y nguyên.

" … nơi tôi sống ở Florida, toàn là nắng, cát và biển. Hoa cỏ khắp nơi. Trúc đào, dâm bụt, và trạng nguyên nở thành bụi đỏ rực lớn ngoài trời, chứ không phải bị nhốt trong mấy chậu nhỏ xíu dịp Giáng Sinh. Và dưới bãi biển, gió thổi qua rặng dừa, lá cây kêu xào xạc như cơn mưa rào. Hồi bằng tuổi cậu, tôi từng đu mình trên mấy tàu lá đó, như đu dây vậy. Nếu giờ được về đó, tôi sẽ đi câu cá với bố – ông ấy có chiếc Bertram dài mươi hai thước, tuyệt

đẹp. Tên nó là Betsy Girl, đặt theo tên mẹ tôi. Ra khỏi rạch trong rừng ngập mặn, cậu đi – rậm rạp như rừng trong nước. Nước cũng màu xanh lá cho tới khi ra xa ngoài Vịnh, rồi chuyển sang xanh thẫm. Đẹp lắm. Cậu dựng cần câu lên, quăng ra hai bên, móc mồi bằng cá ballyhoo, rồi sẽ câu được cá ngừ hoặc cá nục, may mắn thì được cá vược. Du khách toàn thích cá buồm hay cá vua. Ngày trước lúc rời nhà, tôi câu được một con cá vua nặng hai mươi bảy kí. Ginny, bạn gái tôi, chụp ảnh lại…"

Will thấy anh ta nổi bật trên nền trời, sáng tối xen kẽ khi mây lướt qua trăng: một chàng trai gầy cao, tóc dài cột gọn phía sau. Giọng nói mềm mại, đượm ký ức tiếp tục vang lên…

"Tám tháng rồi tôi chưa gặp Ginny. Chao ôi, lâu thật. Tôi lên kế hoạch hết rồi cho ngày đầu tiên khi về nhà. Cứ nghĩ mãi. Một ngày dài lười biếng dưới nắng, bơi lội, nằm dài trên bãi biển, có khi lướt sóng. Rồi bia và bánh mì kẹp ở chỗ Pete. Bánh kẹp của ông ấy tuyệt đỉnh, to và mọng nước. Ginny thích mê… Cô ấy đẹp lắm. Tóc dài vàng óng. Dáng người tuyệt vời. Cô ấy viết thư cho tôi hàng tuần. Không qua đây được vì bố cô ấy yếu tim, cô ấy lo… À, cô ấy đúng là một cô gái tuyệt vời." Anh ngừng lại, khẽ lắc đầu. "Chà, xin lỗi nhé. Tôi nói hơi nhiều. Chắc tôi không nhận ra mình nhớ… người… nhiều đến thế nào. Ở đây đào bới cũng vui, nhưng tôi sẽ vui lắm khi được về nhà."

Phía sau anh ta, một con dốc cỏ tròn nhô lên trên đường chân trời; nhưng dù cảnh này có vẻ hoàn toàn xa lạ, Will vẫn có cảm giác kỳ lạ rằng mình đang đứng đúng nơi cũ. Có lẽ đó chỉ là nhờ mối liên kết cảm xúc – nỗi nhớ khắc khoải trong giọng nói của chàng trai Mỹ – nhưng…

Giọng Merriman vang lên trong đêm tối, vui vẻ, phá vỡ bầu không khí:

"Thằng bé có vẻ đã ấn đúng nút khi hỏi cậu về nhà. Cậu ở đây lâu chưa?"

"Sắp đủ năm rồi, tính đến lúc xong việc. Cũng không lâu lắm, chắc vậy." Chàng trai trẻ lập tức trở nên hoạt bát. "Nào, để tôi

dẫn thầy đi xem. Tiếc là thầy không thể ở lại lâu hơn – buổi sáng thầy sẽ thấy rõ hơn nhiều."

"Ồ, tiếc thật" Merriman mơ hồ nói. "Cậu bảo là bên này?"

"Đợi chút, tôi lấy cái đèn. Tốt hơn đèn pin nhiều."

Cậu người Mỹ biến vào một cái chòi gỗ nhỏ trông như túp lều; ánh sáng lóe lên trong cửa sổ, rồi cậu trở ra với chiếc đèn bão xì xì cháy sáng, giơ cao lên, soi một vòng sáng rõ rệt quanh họ mà Will có thể nhìn thấy cỏ dưới chân, đôi ủng cao su trên ống quần Merriman. Phía xa là những cọc và dây thừng cùng các cờ nhỏ rũ xuống, đánh dấu một khu khai quật cắt sâu vào sườn đồi mà trước đó cậu tưởng là một dốc cỏ tự nhiên, như thể ai đó đã cắt một lát từ chiếc bánh đất khổng lồ. Tận cùng của khu đào, nơi đào sâu nhất vào gò đất, Will thấy đá – một nền đá lát như mặt đường lát gạch vuông; những viên đá rơi từ một vòm bị đổ; những bậc đá cao dần nơi từng có dãy ghế gỗ…

Sự xâm chiếm của cảm xúc từ người khác rút khỏi tâm trí Will, thay vào đó là sự kinh ngạc, nhẹ nhõm và hân hoan ùa vào như triều dâng, và cậu biết, khi nhìn vào lớp đá ấy, rằng bí mật để giải thoát các Dấu Hiệu khỏi bùa chú đã được nắm bắt đúng khoảnh khắc cần thiết.

"Thầy chắc đã biết rõ bối cảnh rồi, Giáo sư Lyon," chàng trai trẻ người Mỹ nói."Từ lâu gò đất này vẫn được gọi là Bàn Tròn của Vua Arthur, dĩ nhiên chẳng có căn cứ gì. Chẳng ai xin được phép khai quật. Cũng chẳng ai được cấp kinh phí, cho đến khi có khoản tài trợ từ Quỹ Ford. Và giờ khi cuối cùng cũng vào được bên trong, thì chúng tôi lại tìm thấy trong cái gọi là Bàn Tròn của Arthur… một đấu trường La Mã."

"Rồi cậu sẽ tìm thấy cả một đền Mithras nữa, tôi không ngạc nhiên đâu" Merriman nói, giọng chuyên môn kỳ lạ mà Will chưa từng nghe. "Dù sao thì Caerleon cũng từng là một pháo đồn lớn – được dựng lên để kiểm soát đám dân Briton man rợ trong sương mù của họ."

Chàng trai cười. “Tôi thì không ngại sương mù cho lắm. Chỉ có mưa – và đống bùn sau đó – mới là phiền. Đám kiến trúc sư đế chế xưa ấy thật biết cách làm việc với đá. Nhìn đây, tấm bia khắc tôi từng kể – Đại đội trưởng Flavius Julianus và đám lính của ông ta.”

Chiếc đèn bão xì xì, bóng tối nhảy múa; cậu dẫn họ tới một trụ đá cao ngang vai gồm nhiều phiến đá lớn. Will thấy phiến cao nhất, lớn nhất, với những hàng chữ khắc giờ đã bị thời gian bào mòn. Nó vừa được khai quật; còn một lớp đất mỏng phủ bên trên, nơi tảng đá phía trên bị trượt lệch.

Merriman lấy một đèn pin nhỏ từ túi, rọi lên phiến đá khắc – điều mà Will thấy hoàn toàn không cần thiết.

“Rất đẹp,” ông nói cẩn thận, “Rất đẹp. Nào Will, con trai, lại xem đi.” Ông đưa đèn cho Will.

“Chúng tôi nghĩ có tám lối vào,” chàng trai nói, “tất cả đều có vòm, với loại đá như thế này. Đây chắc là một trong hai lối chính – chúng tôi mới bắt đầu dọn dẹp nó từ chiều nay.”

“Tuyệt vời,” Merriman nói. “Giờ cậu chỉ tôi tấm bia khác mà cậu nhắc tới được không?”

Họ bước sang một bên khu đào, mang theo vòng sáng vàng của ngọn đèn. Will đứng lại. Cậu bật đèn lên một giây để chắc bước chân, rồi lại tắt. Cúi người về phía bóng tối – giờ cậu đã biết đây là thời đại của mình – vào đúng Ngày Hạ chí, chỉ vài giây sau khi cậu rời đi lúc trước, cậu đưa tay moi vào lớp đất đã nằm im từ khi đế chế La Mã suy tàn, gần mười sáu thế kỷ qua, nơi hõm đá của cổng vòm đổ. Và những ngón tay cậu chạm vào một vòng kim loại được chia tư bởi hình thập tự, và sau khi đặt đèn xuống để moi bằng cả hai tay, cậu lôi ra được chuỗi vòng Dấu Hiệu.

Cẩn thận, cậu phủi sạch đất, mở rộng vòng tròn và những mấu nối vàng để kim loại không va chạm nhau gây tiếng động. Cậu ngẩng lên. Merriman và cậu khảo cổ trẻ chỉ còn là vệt sáng nhạt phía bên kia hố khai quật. Tim thắt lại vì hồi hộp, Will thắt vòng

tròn Dấu Hiệu quanh thắt lưng như chiếc đai, kéo áo len xuống che kín. Rồi cậu bước về phía ánh đèn.

“À, thôi,” Merriman thản nhiên nói. “Chúng tôi phải đi rồi, tiếc thật.”

“Thật hồi hộp đấy,” Will nói, tươi tỉnh và nhiệt tình.

“Tôi rất mừng vì thầy ghé qua.” Cậu người Mỹ đưa họ tới chiếc xe đậu sau hàng rào. “Thật là vinh dự khi được gặp thầy, tiến sĩ Lyon. Ước gì mấy người kia cũng ở đây. Ngài Mortimer mà biết chắc tiếc lắm…”

Trong một tràng lời tạm biệt đầy náo nhiệt, cậu ta đưa họ vào xe, bắt tay Merriman với vẻ kính trọng nồng nhiệt. Will nói, “Anh nói về Florida nghe thật tuyệt. Mong anh sớm được về đó.”

Nhưng khí thế khảo cổ đã cuốn sạch cảm xúc ban nãy của cậu ta. Gật đầu, mỉm cười mơ hồ, cậu biến mất. Merriman lái xe chầm chậm trên con đường. Giọng ông đổi hẳn, “Cậu lấy được rồi chứ?”

“Tôi đã giữ nó an toàn,” Will nói, và một bàn tay mạnh mẽ siết chặt vai cậu trong giây lát, rồi buông ra. Họ không còn là sư phụ và học trò nữa, và sẽ không bao giờ như thế nữa; họ là những Cổ Nhân, vượt ngoài Thời gian, bị cuốn vào một nhiệm vụ đã được định sẵn từ lâu.

“Phải thực hiện vào đêm nay, càng sớm càng tốt,” Will nói. “Ở đây, có được không? Ngay bây giờ?”

“Ta nghĩ vậy. Thời điểm đã gắn kết, nhờ sự có mặt của ta, nhờ nơi chốn này. Quan trọng nhất là nhờ công việc xuất sắc của cậu.”

Merriman dừng xe, quay đầu xe lại, lái về phía khu khai quật. Họ xuống xe và đứng lặng một lát.

Rồi họ cùng bước vào bóng tối, men theo vòm đá và tường được khai quật, trèo lên đỉnh gò cỏ. Ở đó, dưới bầu trời đen mây trôi che lấp trăng, Will tháo chuỗi đai những vòng tròn giao thoa –

biểu tượng của Vòng Ánh Sáng – và giơ cao bằng cả hai tay. Thời gian cùng không gian hợp nhất, khi thế kỷ thứ hai mươi và thứ tư trong khoảnh khắc Hạ chí trở thành hai nửa của một hơi thở duy nhất, và bằng giọng nói trong trẻo, Will cất lên giữa đêm.

“Hỡi các Cổ Nhân! Đã đến lúc rồi. Bây giờ và mãi mãi, lần thứ hai và là lần cuối, để Vòng tròn được hợp nhất. Hỡi các Cổ Nhân, đã đến lúc! Bởi vì Bóng Tối, Bóng Tối đang trỗi dậy!”

Giọng cậu vang vọng mạnh mẽ; cậu giơ cao các Dấu Hiệu, và ánh sao lấp lánh trên vòng pha lê như ngọn lửa trắng. Và ngay lập tức, họ không còn đơn độc trên gò cỏ tĩnh mịch nữa. Từ khắp nơi trên thế giới, từ mọi điểm trong thời gian, những hình bóng đàn ông đàn bà thuộc đủ mọi chủng tộc và thế hệ tụ hội trong đêm. Một đám đông lấp lánh huyền ảo đã tụ họp, các Cổ Nhân của trái đất lần đầu tiên cùng xuất hiện kể từ khi, sáu mùa trước, các Dấu Hiệu được hợp nhất trước sự chứng kiến của họ. Bóng tối xào xạc; có tiếng rì rầm không thành lời, một sự giao tiếp vượt ngoài ngôn ngữ.

Merriman và Will đứng cạnh nhau trên đỉnh đồi giữa đêm đầy những thực thể, và chờ đợi Cổ Nhân cuối cùng, người sẽ kết nối cuộc tụ họp vĩ đại này thành một công cụ quyền năng tối thượng, một lực lượng để đánh bại Bóng Tối.

Họ chờ đợi, và đêm sáng dần bởi ánh sao; nhưng bà không đến.

Những hình bóng lấp lánh rì rầm và xao động như thể cảnh vật mờ đi, và ý thức của Will, hoà cùng tâm trí của toàn thể đồng đạo, đầy ắp sự bất an.

Merriman nói, khàn khàn và nhỏ, “Ta đã lo sợ điều này.”

“Quý Bà,” Will thẫn thờ nói. “Quý Bà đâu rồi?”

“Quý Bà!” Một lời thì thầm dài lan khắp bóng tối, mơ hồ như gió. “Quý Bà đâu rồi?”

Will nói nhỏ với Merriman, “Bà đã đến vào thời khắc chuyển giao của năm, vào năm trước, để thực hiện cuộc Hợp Nhất. Sao giờ bà không đến?”

Merriman đáp, “Ta nghĩ bà không còn đủ sức nữa. Sức mạnh bà đã hao tổn trong việc chống lại Bóng Tối – cậu và ta đều biết bà đã hi sinh bao nhiêu. Dù bà từng cố gắng đến để hợp nhất các Dấu Hiệu, cậu còn nhớ rằng lúc ấy bà không còn đủ sức để chào từ biệt.”

“Vâng,” Will nói, nhớ lại một dáng người nhỏ nhắn, mảnh mai như chim hồng tước, đứng bên cậu nhìn xuống đám đông Cổ Nhân như Merriman lúc này. “Bà chỉ… mờ dần. Rồi biến mất.”

“Và có vẻ như giờ bà vẫn chưa trở lại. Vẫn ngoài tầm với. Chỉ đến khi có phép màu nào đó đến từ tổng hoà các thế kỷ của hòn đảo bị phù chú này, mới có thể đưa bà đến khi ta cần. Lần đầu tiên, duy nhất, Quý Bà cần đến sự giúp đỡ của những sinh vật thường tình.”

Merriman đứng thẳng dậy, một bóng dáng cao lớn trong đêm, áo choàng trùm kín, đen sẫm như cột trụ trên nền trời. Ông cất tiếng không hề gắng sức, chẳng cần mạnh, mà vẫn vang dội khắp đêm, vọng qua đầu đám đông vô hình ấy:

“Ai thấu tỏ? Ai có thể cất lời? Hỡi mọi người – Vòng tròn của Cổ Nhân – ai có thể hé lộ?”

Và một giọng nói vang lên từ trong bóng tối, giọng nam trầm đẹp đẽ, tiếng Welsh tròn trịa, mượt như nhung, vang lên theo nhịp điệu gần như là hát:

“Y maent yr mynyddoedd yn canu,” giọng nói ấy cất lên, “ac y mae’r Arglwyddes yn dod.”

Nghĩa là, được dịch ra: “Núi đang ca hát, và Quý Bà sẽ đến.”

Một làn sóng rúng động lan qua đám đông mờ ảo, và trước khi kịp ngăn mình, Will bật lên tiếng reo vui mừng khi nhận ra lời nói. “Câu thơ ấy! Dĩ nhiên rồi! Câu thơ cổ từ biển.” Rồi cậu chững lại ngay. “Nhưng nghĩa là gì? Tất cả chúng ta đều biết câu ấy, Merriman – nhưng nghĩa là gì?”

Câu hỏi ấy vang vọng qua nhiều giọng nói, rì rào như biển khi cơn gió nhẹ nổi lên. Giọng Welsh trầm ấy chậm rãi nói:

“Khi núi ca hát, Quý Bà sẽ đến. Và hãy nhớ một điều. Câu ấy không đến từ Cổ Ngữ– thứ ngôn ngữ tất cả chúng ta đều dùng – mà từ một thứ tiếng trẻ hơn, dù cũng là một trong những ngôn ngữ cổ nhất loài người từng dùng.”

Merriman nhẹ giọng, “Cảm ơn, Dafydd, bạn ta.”

“Tiếng Welsh,” Will nói. “Xứ Wales.”

Cậu nhìn vào màn đêm tối mờ nơi mây lại trôi qua mặt trăng. Cậu nói chậm rãi, như đang dò dẫm trong tâm trí, “Cháu phải tới Wales. Tới nơi cháu từng đến trước đây. Ở đó, cháu phải tìm ra khoảnh khắc, cách thức đúng đắn… đâu đó giữa núi non. Bằng cách nào đó. Và Quý Bà sẽ đến.”

“Và chúng ta sẽ được hoàn chỉnh và hợp nhất,” Merriman nói. “Và hồi kết của cuộc hành trình dài này sẽ bắt đầu.”

“Pob hwyl, Will Stanton,” giọng Welsh trầm ấm ấy vang lên, dịu dàng trong bóng tối. “Pob hwyl. Chúc may mắn…”

Rồi nó nhạt dần, hoà vào tiếng gió rít khe khẽ, và đám đông quanh họ cũng tan biến, chỉ còn lại hai bóng người lặng lẽ đứng giữa đêm tối trên gò cỏ mượt mà, trong Ngày Hạ chí thuộc thời đại nơi Will sinh ra.

Will nói, “Nhưng lần đầu tiên ấy, khi tôi được triệu gọi, lúc Bóng Tối trỗi dậy trong thời của Arthur… Ta chỉ được phép ở đó một đêm và một ngày để giúp đỡ. Và giờ tôi không thể giữ đúng giới hạn đó. Vậy còn vị vua vĩ đại, còn trận chiến sẽ diễn ra tại Badon thì sao? Điều gì sẽ”

Cậu tự ngừng lại, cắt ngang những lời không dành cho Cổ Nhân, mà cho con người.

Merriman nói tiếp phần còn dang dở:

“Sẽ xảy ra điều gì? Điều gì đã xảy ra, đang xảy ra? Một trận chiến, chiến thắng trong chốc lát. Một thời gian yên bình giành được, nhưng không dài lâu. Cậu thấy đó, Will. Mọi thứ là như vậy, và sẽ như vậy. Trong thời Arthur, ta có Vòng Tròn giúp đỡ, vì họ đã

được tập hợp, và nhờ thế có thể làm được nhiều điều. Nhưng nếu không có lời từ Quý Bà, đỉnh cao quyền lực cuối cùng sẽ không thể đạt được, và vì thế nền hoà bình của Arthur mà ta sẽ giành được cho hòn đảo này tại Badon sẽ bị đánh mất, chẳng bao lâu, và trong một thời gian thế giới sẽ như chìm trong bóng của Bóng Tối. Rồi sẽ lại nổi lên, rồi lại chìm, rồi lại nổi, như đã luôn như thế suốt chiều dài thứ mà loài người gọi là lịch sử của họ."

Will nói, "Cho đến khi Quý Bà đến."

"Cho đến khi Quý Bà đến," Merriman đáp. "Và bà sẽ giúp cậu tìm ra thanh gươm của Pendragon, thanh gươm pha lê mà qua đó phép màu cuối cùng của Ánh Sáng sẽ được thực hiện, và Bóng Tối bị xua tan vĩnh viễn. Và sẽ có năm người giúp cậu, vì từ ban đầu đã biết rằng phải có sáu người – đúng sáu người – hoàn thành công việc lâu dài này. Sáu sinh thể, vừa thuộc về trái đất, vừa vượt lên trên, được trợ giúp bởi sáu Dấu Hiệu."

Will nói, lặp lại, "*Khi Bóng Tối trỗi dậy, sáu người đẩy lùi ngay.*"

"Đúng vậy," Merriman nói. Bất chợt ông nghe có vẻ mệt mỏi vô cùng. "Sáu người, cho một cuộc đẩy lui gian khó."

Theo bản năng, Will lại đọc – lần này là cả đoạn thơ – từ bài thơ tiên tri cổ từng dần hé lộ, tưởng như từ cả một thế giới khác, cùng với quá trình cậu trở thành Cổ Nhân:

Khi Bóng Tối trỗi dậy; Sáu người đẩy lùi ngay,

Ba từ Vòng tròn đến, Ba từ lối mòn ra

Gỗ, đồng, sắt; nước, lửa và đá;

Năm sẽ quay trở lại, một lẻ loi lên đường.

Cậu đọc dòng cuối chậm rãi, như thể lần đầu thật sự nghe nó.

"Merriman? Dòng cuối ấy, có nghĩa là gì? Nó luôn khiến tôi thắc mắc. *Năm sẽ quay trở lại, một lẻ loi lên đường…* Là ai thế?"

Merriman đứng đó giữa đêm yên tĩnh, mặt ẩn trong bóng tối; giọng ông cũng yên tĩnh, không chút biểu cảm.

“Không có gì là chắc chắn cả, Cổ Nhân, ngay cả trong lời tiên tri. Chúng có thể mang nghĩa này, hay nghĩa khác. Vì sau tất cả, con người có tư duy riêng, và có thể quyết định hành động của mình – vì tốt hay xấu, tiến về phía trước hay quay đầu trở lại… Ta không thể biết ai là người đó. Không ai biết, cho đến cuối cùng. Cho đến khi… người đó… đi… một mình…”

Ông lấy lại tư thế, đứng thẳng, như thể kéo cả hai người ra khỏi giấc mơ.

“Còn một chặng đường dài phải đi trước khi điều ấy xảy ra, và một chặng khó khăn, nếu ta muốn chiến thắng cuối cùng. Giờ ta sẽ quay lại với đức vua Arthur, mang theo các Dấu Hiệu, và sức mạnh của Vòng tròn mà chỉ chúng mới có thể triệu hồi.”

Ông đưa tay ra – gần như không nhìn thấy trong ánh sao lờ mờ – và Will đưa cho ông chuỗi đai những vòng tròn giao thoa, vàng, pha lê và đá xen giữa gỗ sẫm, đồng, sắt.

“Đi bình an, Merriman,” Will nói khẽ.

“Bình an, Will Stanton,” Merriman đáp, giọng ông căng thẳng vì áp lực. “Về lại vị trí của cậu, vào giờ khắc Hạ chí này, nơi số phận sẽ dẫn lối theo con đường cậu phải đi. Và ta sẽ tiếp tục nhiệm vụ riêng qua các thế kỷ, xuyên qua sóng thời gian, gặp nhau và rời xa, rời xa rồi lại tái ngộ, trong vòng xoáy bất tận. Và chẳng bao lâu nữa, ta sẽ trở lại bên cậu.”

Ông giơ tay lên – và ông biến mất – những vì sao xoay tròn, đêm lấp lánh quay cuồng, và Will lại đứng dưới ánh trăng trong tiền sảnh nhà mình, tay chạm vào khung tranh in nâu xưa cũ vẽ cảnh người La Mã xây đấu trường ở Caerleon.

NGÀY HẠ CHÍ

Ở một khoảnh sân đầy cỏ, Will đang lao máy cắt cỏ với dáng vẻ chiến thắng, rồi đổ gục, thở dốc, tựa người lên tay cầm máy cắt. Mồ hôi chảy thành dòng bên sống mũi, lưng trần ướt đẫm, lấm tấm những mảnh cỏ vụn nhỏ xíu.

"Ôi! Hôm nay còn nóng hơn cả hôm qua!"

"Chủ nhật lúc nào cũng nóng hơn thứ Bảy," James nói, "nhất là khi em sống trong một ngôi làng có cái nhà thờ nhỏ ngột ngạt. Đó là Định luật của James Stanton, em có thể gọi như vậy."

"Thôi đi," Stephen nói khi bước qua, tay ôm đầy dây buộc và kéo cắt. "Không đến nỗi tệ thế đâu. Hai cậu nhóc tệ hại như mấy đứa mà vẫn hát thánh ca như thiên thần nhỉ."

Anh né khéo khi Will ném một nắm cỏ vụn về phía mình.

"Anh sắp nghỉ hát rồi đấy," James nói đầy tự hào. "Anh đang vỡ giọng. Em có nghe anh kêu khàn ở đoạn thánh ca không?"

"Rồi anh sẽ quay lại thôi," Will nói. "Hát nam cao cho mà xem."

"Anh đoán vậy. Paul cũng bảo thế."

"Ảnh đang tập kìa. Nghe đi!"

Âm thanh mềm mại, rõ ràng của cây sáo vang lên từ trong nhà, như một giấc mơ đang phai nhạt, ngân nga lên xuống theo những đoạn âm giai và hợp âm rải; nó hòa vào buổi chiều hè nóng nực và tĩnh lặng, như tiếng ong vo ve trong bụi đậu lupin và hương cỏ vừa cắt. Rồi những âm giai nhường chỗ cho một giai điệu tuyệt đẹp, kéo dài, được lặp đi lặp lại. Giữa bãi cỏ, Stephen đứng sững lại, lắng nghe.

"Trời đất, em ấy giỏi thật. Đó là bài gì vậy?"

"Mozart, Concerto số Một cho sáo," Will đáp. "Anh ấy sẽ biểu diễn với N.Y.O mùa thu này."

"N.Y.O.?"

“Dàn nhạc Thanh thiếu niên Quốc gia. Anh nhớ mà. Ảnh tham gia nhiều năm rồi, từ trước khi vào Học viện.”

“Anh đoán là có. Anh đi lâu quá rồi…”

“Đó là một vinh dự lớn đấy, buổi hòa nhạc đó,” James nói. “Diễn ở Festival Hall cơ mà. Paul không kể với anh à?”

“Anh biết Paul rồi. Lúc nào cũng khiêm tốn. Mà cây sáo mới nghe cũng hay thật. Ngay cả anh cũng nhận ra.”

“Cô Greythorne tặng cho anh ấy hai Giáng Sinh trước,” Will nói. “Từ dinh thự của cô ấy. Cô ấy có một bộ sưu tập do cha cô để lại, cô từng cho bọn em xem.”

“Cô Greythorne… Trời đất, nghe cái tên là thấy cả ký ức ùa về. Đầu óc sắc sảo, miệng cũng sắc sảo – anh cá là cô ấy chẳng thay đổi chút nào.”

Will mỉm cười. “Cô ấy sẽ không bao giờ thay đổi đâu.”

“Cô ấy từng bắt gặp anh trên cây hạnh nhân của cô ấy hồi anh còn nhỏ,” Stephen nói, cười như nhớ lại. “Anh vừa tụt xuống thì cô ấy từ đâu lù lù xuất hiện trong xe lăn. Dù cô ấy rất ghét để ai thấy mình dùng xe lăn. ‘Chỉ có khỉ mới ăn quả của tôi thôi, chàng trai trẻ ạ,’ – anh vẫn còn nghe như in – ‘và cậu thì thậm chí còn chẳng xứng làm một chú bé lo thuốc pháo trên tàu hải quân thời Nelson.’”

“Bé lo thuốc pháo?” James hỏi.

“Mấy cậu nhóc trong Hải quân thời Nelson – họ lo chuyển thuốc súng cho đại bác.”

“Ý anh là cô Greythorne biết anh sẽ vào Hải quân sao?”

“Dĩ nhiên là không. Lúc đó chính tôi còn chưa biết.” Stephen thoáng ngỡ ngàng. “Trùng hợp kỳ lạ thật. Trước giờ chưa từng nghĩ đến.”

Nhưng đầu óc James đã rẽ sang hướng khác, như thường lệ. “Will, cái tù và săn bắn nhỏ cô ấy tặng em hồi tặng sáo cho Paul ấy, em làm gì rồi? Làm mất rồi à? Chưa bao giờ thổi ra trò gì cả.”

“Vẫn còn,” Will đáp khẽ.

“Thế thì lấy ra đi. Bọn mình có thể chơi thử.”

“Một ngày nào đó.” Will xoay máy cắt cỏ, đẩy tay cầm về phía James, người còn chưa kịp phản ứng. “Này – đến lượt anh. Em làm xong phía trước rồi, giờ anh làm phía sau.”

“Đúng quy tắc rồi đó,” bố cậu nói, vừa đẩy xe cút kít đầy cỏ đi ngang. “Công bằng là công bằng. Cùng gánh vác.”

“Phần của con nhiều hơn nó,” James rên rỉ.

“Vớ vẩn!” ông Stanton nói.

“Mà thật đấy,” Will thêm vào. “Bọn con từng đo rồi. Bãi cỏ sau rộng hơn bãi trước một thước rưỡi, dài hơn ba thước.”

“Có nhiều cây hơn,” ông Stanton nói, tháo hộp chứa cỏ phía trước máy cắt, đổ vào xe cút kít.

“Vậy là tốn công hơn chứ không ít hơn,” James ủ rũ. “Phải vòng quanh chúng. Rồi tỉa sau đó nữa.”

“Biến đi,” bố cậu nói. “Trước khi bố phát khóc.”

Will cầm lấy hộp, gắn lại vào máy cắt. “Tạm biệt, James,” cậu vui vẻ nói.

“Con cũng chưa xong đâu, nhóc ạ,” ông Stanton nói. “Stephen cần người giúp buộc mấy bụi hồng lại.”

Một tiếng chửi nhỏ vang lên từ phía bức tường vườn trước; Stephen, bị bao phủ bởi những cành hồng leo, đang mút ngón tay bị gai đâm.

“Con nghĩ bố nói đúng,” Will đáp.

Cười toe toét, bố cậu nhấc xe cút kít và đẩy James cùng máy cắt lên đường xe vào nhà; Will đang băng qua bãi cỏ thì chị Barbara bước ra từ cửa chính.

“Trà sắp xong rồi,” cô nói.

“Tốt.”

“Mình sẽ uống ngoài trời.”

“Tuyệt vời. Đến giúp Steve đấu với bụi hồng đi.”

Những bụi hồng leo, trổ thành từng chùm hoa đỏ rực rỡ, mọc tràn qua bức tường đá cổ chạy dọc theo đường cái. Họ cẩn thận gỡ những cành vươn quá đà, đóng cọc xuống đất sỏi, buộc các cành lại để hoa không chạm đất.

“Ái da!” Barbara kêu lần thứ năm, khi một cành hồng phản kháng vạch một đường đỏ mảnh lên lưng trần cô.

“Tại chị cả,” Will lạnh lùng nói. “Chị nên mặc nhiều hơn.”

“Đây là đồ đi nắng. Cho ngày nắng đấy, vịt yêu à.”

“Hở hang,” cậu em trai nghiêm nghị nói. “Là tình trạng đáng xấu hổ với một con người. Không đúng. Làm nhục xóm giềng, thế đấy.”

Barbara nhìn cậu. “Mà em đang mặc ít hơn cả—” cô bắt đầu giận dữ, rồi khựng lại.

“Chậm,” Stephen nói. “Chậm quá.”

“Ối anh—” Barbara nói.

Một chiếc xe chạy ngang qua; chậm lại; dừng; rồi từ từ lùi lại cho đến khi ngang hàng với họ. Tài xế tắt máy, bò ngang ghế, thò khuôn mặt đỏ lựng, nặng nề ra cửa sổ.

“Trong các cô cậu có phải cậu to xác nhất tên là Stephen Stanton không?” ông ta nói với giọng vui vẻ vụng về.

“Đúng rồi,” Stephen nói từ đỉnh tường. Anh đóng mạnh chiếc cọc cuối cùng. “Tôi giúp được gì cho ông?”

“Tôi là Moore,” người đàn ông nói. “Nghe nói cậu có vụ lùm xùm gì đó với con trai tôi mấy hôm trước.”

“Richie,” Will nói.

“À,” Stephen nói. Anh nhảy xuống đứng cạnh xe. “Chào ông Moore. Tôi nhớ là đã thả con trai ông xuống nước.”

“Nước xanh lè,” người đàn ông nói. “Làm hỏng cái áo nó.”

“Tôi sẵn lòng mua áo mới cho nó,” Stephen đáp nhẹ nhàng. “Nó mặc cỡ mấy?”

“Đừng nói nhảm,” người đàn ông nói, mặt không biểu cảm. “Tôi chỉ muốn rõ trắng đen, vậy thôi. Sao một thanh niên như cậu lại chơi cái trò đó với trẻ con?”

“Không phải trò chơi, ông Moore,” Stephen nói. “Tôi đơn giản thấy con ông rất xứng đáng bị thả xuống nước.”

Ông Moore lau trán bóng loáng. “Có thể. Nó hoang dã lắm. Người ta đánh nó, nó đánh lại. Nó làm gì cậu?”

“Nó không kể à?” Will hỏi.

Ông Moore liếc qua tường nhìn Will như nhìn một con bọ không mấy quan trọng. “Richie kể thì cũng không đến mức bị ném xuống suối. Nên có lẽ nó không nói thật. Tôi muốn làm rõ vậy thôi.”

“Nó bắt nạt một cậu bé,” Stephen nói. “Không cần vào chi tiết.”

“Nó nói chỉ đùa thôi.”

“Còn cậu bé kia thì chẳng thấy gì vui.”

“Richie nói nó không hề đụng vào cậu kia,” ông Moore nói.

“Nó chỉ ném cặp nhạc đầy bản nhạc xuống suối thôi,” Will nói cụt lủn.

“À ha,” ông Moore nói. Ông ta ngập ngừng, gõ nhịp lên cửa xe. “Tôi nghe nói là cậu nhóc Ấn Độ sống ở khu Common.”

Ba anh em Stanton đứng nhìn ông ta lặng lẽ. Ông ta trơ ra. Cuối cùng Barbara nói bằng giọng nhỏ nhẹ, lịch sự, “Điều đó có khác gì sao?”

Trước khi ông ta kịp trả lời, ông Stanton lên tiếng thân thiện từ phía sau: “Chào buổi chiều.”

“Chiều ạ,” ông Moore nói, quay đầu lại, trong giọng có vẻ nhẹ nhõm. “Tôi là Jim Moore. Chúng tôi đang—”

“Vâng, tôi nghe một phần rồi,” ông Stanton nói. Ông tựa vào xe cút kít mới đặt xuống, lấy tẩu và bật lửa ra. “Tôi phải nói là tôi từng nghĩ Steve hôm đó có thể hơi quá tay. Nhưng mà—”

“Vấn đề là, không thể lúc nào cũng tin mấy người đó được,” ông Moore nói, cười như thể chắc chắn sẽ được đồng tình.

Một khoảng lặng. Ông Stanton châm tẩu. Ông nói, phì khói, thổi tắt que diêm, “Tôi e là tôi không hiểu.”

Stephen nói lạnh lùng, “Chẳng cần tin ai cả, chỉ là tôi thấy tận mắt.”

Ông Moore nhìn ông Stanton bằng vẻ thân thiện gượng gạo. “Có lẽ cậu nhóc làm quá lên thôi, tôi đoán vậy. Ông biết bọn chúng rồi đấy, lúc nào cũng làm ầm lên.”

“Đúng, đúng,” Roger Stanton nói, mặt tròn, điềm tĩnh. “Con tôi thường như thế thật.”

“Ồ không, không,” ông Moore hồ hởi nói. “Tôi chắc con ông rất ngoan. Tôi nói bọn da màu, không phải trẻ con.”

Ông ta tiếp tục, vô tư dấn sâu vào khoảng lặng lần nữa, “Tôi tiếp xúc với họ nhiều lắm. Tôi làm nhân sự – Thames Manufacturing. Không gì tôi chưa thấy ở người Ấn với bọn Pakkies. Dĩ nhiên tôi không có gì chống lại cá nhân họ. Nhiều người thông minh, có học. Tôi từng mổ ruột thừa ở bệnh viện Memorial năm ngoái – bác sĩ Ấn, khéo tay thật.”

Barbara nói, vẫn giọng nhỏ nhẹ, “Chắc ông cũng có vài người bạn Ấn và Pakistan thân thiết lắm nhỉ.”

Cha cô liếc cảnh cáo, nhưng lời ấy bay vù qua đầu ông Moore. Ông ta bật cười với Barbara, kiểu đàn ông vui vẻ cưng chiều cô gái mười bảy tuổi xinh xắn. “Ồ không, tôi không đi xa đến thế! Tôi sẽ nói thẳng, tôi không nghĩ họ nên ở đây, cả bọn da đen

nữa. Họ không có quyền – đang cướp việc của người Anh, trong tình hình đất nước như bây giờ…"

Stephen nói nhẹ nhàng, "Chúng ta có công đoàn, ông Moore, và họ đâu phải bất lực. Phần lớn những việc đó là việc người Anh không muốn làm – hoặc là dân nhập cư làm tốt hơn."

Ông ta nhìn Stephen đầy oán ghét, quai hàm dày cứng lại. "Cậu cũng kiểu đó à? Loại nhân đạo hão. Đừng có dạy tôi, thanh niên. Tôi thấy nhiều rồi. Một gia đình Pakkie thuê nhà hai phòng, rồi kéo theo mười sáu họ hàng. Như thỏ. Một nửa thì đẻ ầm ầm, xài miễn phí Dịch vụ Y tế Quốc gia, tiền thuế của người Anh."

"Nhớ bác sĩ Ấn của ông chứ?" Stephen vẫn dịu giọng. "Không có bác sĩ và y tá nhập cư, Dịch vụ Y tế Quốc gia sụp ngay ngày mai."

Ông Moore khịt mũi khinh miệt. "Đừng nói với tôi về bọn da màu," ông ta nói. "Tôi biết thừa."

Stephen dựa lưng vào tường, vặn sợi dây buộc trong tay. "Ông biết Calcutta chứ, ông Moore?" anh nói. "Ông từng bị ăn mày níu chân chưa, mấy đứa trẻ chỉ bằng nửa thằng Will, cụt tay cụt mắt, xương sườn nổi như đàn t'rưng, chân ghẻ lở? Nếu tôi sống giữa tuyệt vọng như thế, chắc tôi cũng sẽ muốn con mình lớn lên ở nơi khác có tương lai hơn. Nhất là một nước từng bóc lột quê tôi hai trăm năm. Ông thì sao? Còn Jamaica – ông biết bao nhiêu trẻ được vào trung học không? Tỷ lệ thất nghiệp thì sao? Ông từng thấy khu ổ chuột Kingston chưa? Ông biết—"

"Stephen," cha anh nhẹ nhàng ngắt lời.

Stephen ngừng lại. Dây trong tay anh đứt.

"Rồi sao? Mấy chuyện đó thì sao?" Mặt ông Moore tối sầm. Ông ta chồm ra cửa sổ, thở gấp. "Để họ tự lo đi, đừng sang đây than vãn! Chúng liên quan gì đến ta? Chúng không thuộc về đây, đứa nào cũng thế; phải đuổi hết! Nếu cậu thấy chúng tốt đẹp thế thì chuyển sang mấy nước rách nát của chúng mà sống!" Ông ta bắt gặp ánh mắt điềm tĩnh của ông Stanton, cố giữ bình tĩnh, rụt đầu lại và lùi về ghế lái.

Ông Stanton bước tới gần xe, lấy tẩu ra. “Nếu con trai ông chia sẻ quan điểm với ông, ông Moore,” ông nói rõ ràng, “như tôi thấy con trai tôi chia sẻ quan điểm với tôi, thì vụ suối hôm đó chẳng khó hiểu gì. Chúng ta chỉ cần thống nhất cách khắc phục thôi.” Ông đặt lại tẩu vào miệng.

“Khắc phục cái khỉ gì!” Người đàn ông nổ máy thật to. Ông ta thò đầu qua ghế, hét lấn tiếng động cơ. “Nhớ cho kỹ, đứa nào mà dám đụng vào con tôi vì một thằng mọi rợ mũi tèm lem thì cứ liệu hồn đấy!” Ông ta quay ngoắt tay lái, rồ ga bỏ đi.

Họ đứng nhìn theo xe.

Stephen mở miệng.

“Đừng nói,” bố cậu bảo. “Đừng nói! Con biết có bao nhiêu người như thế rồi đấy. Không thể thuyết phục, cũng không thể giết hết. Chỉ có thể làm hết sức theo hướng ngược lại – và con đã làm rồi.” Ông nhìn quanh, mỉm cười ngao ngán với Will và Barbara.

“Thôi nào. Vào uống trà.”

Will tụt lại sau cùng, lòng trĩu nặng. Từ khoảnh khắc nghe người đàn ông kia bắt đầu gào thét, thấy ánh mắt ông ta, Will không còn là một Stanton nữa mà là một Cổ Nhân, hoàn toàn ý thức về hiểm họa. Sự hung hăng vô lý của người đàn ông đó, và cả những kẻ như ông ta, thứ căm ghét chẳng dựa trên gì ngoài bất an và sợ hãi… đó là một kênh dẫn. Will biết cậu đã nhìn thấy cái kênh mà nếu Bóng Tối thoát được, chúng có thể lao qua chỉ trong tích tắc để chiếm lĩnh thế giới. Cậu tràn ngập lo âu, cảm giác cấp bách với Ánh Sáng, và cậu biết nó sẽ còn theo cậu mãi, gào lên âm thầm, mãnh liệt hơn bất kỳ ký ức nào về một kẻ cuồng tín như ông Moore.

“Này Tarzan,” Paul nói, đập nhẹ vai trần khi đi ngang qua từ trong nhà. Và Will từ từ trở lại với phần khác của tâm trí mình.

Cả nhà quây quần uống trà như thể chuyện ông Moore chưa từng xảy ra. Theo một thỏa thuận ngầm thường có trong những gia đình thân thiết, những người chứng kiến ông ta không nhắc

gì với những người không thấy. Trà được dọn trên chiếc bàn mây sơn cam mặt kính, cùng bộ ghế đặt ngoài trời vào mùa hè. Tinh thần Will dần phấn chấn. Với một Cổ Nhân có khẩu vị và cảm giác như một cậu bé, thật khó mà tuyệt vọng mãi về sự yếu kém của loài người khi trước mặt là bánh mì nhà làm, bơ nông trại, pate cá mòi-cà chua, mứt mâm xôi, bánh nướng và bánh bông lan thơm, xốp, ngon tuyệt của bà Stanton.

Cậu ngồi xuống cỏ. Mọi giác quan ngập tràn mùa hè: tiếng ong vo ve vì bẫy mứt; mùi cỏ mới cắt trộn lẫn hương hoa bụi bướm gần đó; ánh sáng lấp lánh quanh cậu khi nắng xuyên qua tán cây táo sum sê đầy lá xanh và những quả táo non đang lớn. Nhiều quả đã rụng, do chen chúc mà chẳng bao giờ chín. Will nhặt một quả nhỏ cuống dày, tròn bầu, ngắm nghĩ.

“Bỏ xuống đi,” Barbara nói. “Cái này ngon hơn.” Cô chìa đĩa ra với hai chiếc bánh nướng phết đầy bơ và mứt.

“Này,” Will nói. “Cảm ơn chị.”

Đó là một cử chỉ ấm áp; trong một gia đình đông con như nhà Stanton, tự phục vụ là chuyện thường. Barbara mỉm cười ngắn gọn với cậu, và Will cảm nhận được nỗi quan tâm không lời, đầy nữ tính, rằng em trai út của cô đã bị xáo trộn vì sự hung hăng của người đàn ông trong xe. Tinh thần cậu phấn chấn hơn. Cổ Nhân trong cậu nghĩ: Mặt khác của con người. Đừng quên. Luôn có mặt khác.

“Còn ba tuần rưỡi nữa là nghỉ hè,” James nói, nửa vui nửa than. Cậu ngước lên bầu trời. “Hy vọng cả kỳ nghỉ đều như hôm nay.”

“Dự báo dài hạn nói đúng hôm bọn em nghỉ là bắt đầu mưa tầm tã,” Paul nghiêm trang nói, gấp miếng bánh mì bơ. Anh tiếp tục, vừa ăn vừa nói, “Sẽ mưa ba tuần không dứt. Ngoại trừ một ngày – cuối tuần tháng Tám.”

“Ôi không!” James kêu lên, hoảng hốt.

Paul nhìn qua cặp kính gọng sừng. “Có thể còn có mưa đá. Và ngày cuối tháng Bảy thì dự kiến có bão tuyết.”

Mặt James giãn ra cười, vừa nhẹ nhõm vừa bực mình. “Paul, đồ đểu. Em sẽ—”

“Đừng giết em ấy,” Stephen nói. “Mệt lắm. Hại tiêu hóa. Nói xem hè này mấy đứa định làm gì.”

“Trại hướng đạo, vài tuần,” James vui vẻ. “Hai tuần ở Devon.”

“Hay đấy.”

“Em học khoá hè ở Học viện – và chơi trong câu lạc bộ jazz buổi tối,” Paul cười nghiêng.

“Chà chà!”

“À, em cũng bắt đầu đổi tông rồi. Không phải jazz kiểu như anh đâu.”

“Thế cũng còn hơn không. Will, em định làm gì?”

“Lười biếng như em,” Barbara thoải mái nói từ ghế bành.

“Thực ra thì,” bà Stanton nói, “Will có một lời mời mà nó vẫn chưa biết. Sẽ bất ngờ đấy.” Bà cúi xuống rót trà. “Dì Jen gọi điện từ London – dì với chú David lên đây vài hôm, đi cùng nhóm nào đó từ Wales. Dì hỏi, Will này, con có muốn dành một phần kỳ nghỉ ở nông trại – ngay khi kết thúc năm học cũng được.”

Will nói chậm rãi, “Hay đấy.”

“Wow!” James kêu. “Đừng cho Mary biết, nó sẽ phát điên – nó tưởng hè này sẽ được mời về Wales.”

“Dì Jen có nhắc chuyện Will từng rất thân với một cậu bé hơi cô đơn sống gần đó,” mẹ nói.

“Vâng,” Will nói. “Đúng vậy. Tên cậu ấy là Bran.”

“Nhưng nhớ phải làm việc đấy,” bố cậu nói. “Phụ chú con. Dù vùng đó toàn cừu, nhưng nông trại thì hè nào cũng bận.”

“Vâng ạ,” Will đáp. Cậu nhặt thêm một quả táo non, xoay tròn nhanh bằng cuống. “Sẽ có rất nhiều việc phải làm.”

PHẦN HAI: NHỮNG NGỌN NÚI BIẾT HÁT
BỘ NĂM

“Chúng ta từng đến đây chưa nhỉ?” Barney hỏi. “Em cứ có cảm giác là—”

“Chưa,” Simon nói.

“Kể cả khi anh còn bé và em là một đứa con nít? Có thể anh quên rồi.”

“Quên chỗ này á?”

Simon vung tay một cách khá kịch, chỉ toàn cảnh hiện ra quanh chúng khi cả ba đang ngồi trên đám cỏ cứng giữa sườn núi, giữa những bụi kim tước vàng rực. Nửa bên phải tầm nhìn của chúng là biển xanh thẳm của vịnh Cardigan, với những bãi cát dài chạy mãi vào màn sương mờ xa tít.

Ngay phía dưới chúng là các gò cỏ xanh của sân gôn Aberdyfi, phía sau những cồn cát lổn nhổn. Bên trái, bãi biển hòa vào cửa sông Dyfi rộng lớn, lúc này nước đang lên cao, xanh ngắt. Và xa hơn nữa, vượt qua vùng đầm lầy bằng phẳng phía bên kia cửa sông, dãy núi của vùng Trung Wales trải dài theo đường chân trời, tím, nâu và xanh lục xỉn, màu sắc thay đổi liên tục khi mây trôi ngang qua bầu trời hè rực nắng.

“Không,” Jane nói. “Chúng ta chưa từng đến Wales trước đây, Barney à. Nhưng bà cố ở đây. Ngay tại Aberdyfi. Có lẽ ký ức cũng có thể lẩn quất trong máu mình.”

“Trong máu em ấy à!” Simon chế giễu. Gần đây, nó vừa tuyên bố rằng thay vì đi hải quân, nó định trở thành bác sĩ giống cha, và cái “tác dụng phụ” từ quyết định trọng đại đó đang bắt đầu khiến Jane và Barney phát cáu.

Jane thở dài. “Ý em hông phải vậy.” Cô lục túi áo. “Này. Bữa phụ giữa đường. Ăn ít sôcôla trước khi nó chảy.”

“Tuyệt!” Barney đáp ngay.

“Và đừng bảo em là nó có hại cho răng nhé, Simon, vì em biết rồi.”

“Tất nhiên là có hại,” anh trai cô vừa nói vừa cười toe. “Thảm họa toàn tập. Phần của anh đâu?”

Chúng ngồi nhai sôcôla hạt và trái cây một cách mãn nguyện, mắt hướng ra cửa sông.

“Em cứ ngỡ mình từng đến đây rồi,” Barney nói.

“Đừng nhai lại mãi,” Jane bảo. “Em xem ảnh rồi.”

“Em nói thật đấy.”

“Nếu em từng đến đây,” Simon kiên nhẫn, “thì nói xem lên tới đỉnh dãy núi kia sẽ thấy gì.”

Barney quay lại, hất tóc vàng ra khỏi mắt, nhìn lên phía núi, qua những bụi dương xỉ và triền dốc xanh. Cậu không đáp.

“Một dãy núi khác,” Jane vui vẻ nói. “Rồi từ đó lại thấy một dãy nữa.”

“Thấy gì hả Barney?” Simon tiếp tục. “Cader Idris? Snowdon? Ireland?”

Barney nhìn cậu một hồi, mắt trống rỗng. Cuối cùng nó nói, “Một người.”

“Một người? Ai cơ?”

“Không biết.” Nó bật dậy đột ngột. “Mà ngồi đây mãi thì làm sao biết được, đúng không? Thi chạy nè!”

Nó nhảy phốc lên dốc, và trong chớp mắt Simon lao theo, một cách tự tin. Jane nhìn theo, cười. Trong năm vừa rồi, dù em trai vẫn nhỏ nhắn gọn gàng, Simon đã mọc chân dài ngoẳng như hươu cao cổ. Hiếm khi nào nó không thắng trong mấy cuộc thi chạy của gia đình.

Cả hai đã biến mất phía trên. Nắng chiếu nóng rát sau gáy Jane khi cô chầm chậm trèo theo. Cô vấp phải một mô đá lồi ra, khựng lại. Từ xa trên núi vọng về tiếng máy kéo nổ nhẹ; một con

choắt hót lảnh lót trên đầu. Những mỏm đá dẫn lên đỉnh núi tại đây theo một lối đi gập ghềnh, xuyên qua bụi dương xỉ, kim tước và đám thạch thảo tím dày; hoa chuông dại nở điểm trên thảm cỏ thấp bị cừu gặm, cùng vài loài hoa nhỏ trắng bò sát đất mà cô không nhận ra. Tít dưới xa, con đường ngoằn ngoèo như sợi chỉ vắt qua sân gôn viền cát, và những mái nhà xám ngắt đầu tiên của làng Aberdyfi hiện ra lốm đốm.

Jane chợt rùng mình, thấy bản thân bỗng đơn độc kỳ lạ. "Simon!" cô gọi. "Barney!"

Không ai trả lời. Chim vẫn hót. Mặt trời chói chang trên bầu trời xanh hơi mờ. Không có gì động đậy. Rồi, rất khẽ, Jane nghe thấy một âm thanh lạ – một tiếng ngân dài như từ nhạc cụ vang lên.

Cao và trong trẻo, nó giống tiếng tù và săn bắn, nhưng không chát gắt hay thúc giục như thế. Âm thanh đó vang lên lần nữa, gần hơn. Jane mỉm cười khi lắng nghe; đó là tiếng gọi ngọt ngào, quyến rũ, khiến cô đột nhiên thấy khao khát muốn biết nó đến từ đâu, loại nhạc cụ nào có thể phát ra âm thanh đẹp đến vậy. Cô vội vã leo lên, cho tới khi vượt qua mỏm đá cuối cùng và thấy trước mặt là phần đầu của dãy núi. Tiếng ngân ngọt ngào ấy vang lên thêm lần nữa, và trên mỏm đá xám cao nhất vươn lên chạm bầu trời, cô thấy một cậu bé đang hạ chiếc tù và cong nhỏ khỏi môi sau khi vừa thổi lên một tiếng gọi vọng qua núi, ra ngoài hư vô. Cậu quay mặt đi khỏi Jane, nên cô chỉ thấy mái tóc thẳng, dài vừa phải. Nhưng khi cậu đưa tay lên đẩy tóc ra khỏi trán theo phản xạ, cô biết chắc chắn – và ngay lập tức – rằng mình đã từng thấy động tác ấy, và biết cậu là ai.

Cô tiến lên đoạn dốc cuối cùng đến mỏm đá, và cậu bé thấy cô, đứng đợi. Jane nói, "Will Stanton!"

"Chào Jane Drew," cậu nói.

"Ôi chao!" Jane thốt lên vui sướng. Rồi cô dừng lại, nhìn kỹ cậu. "Tớ không hiểu sao mình không thấy bất ngờ hơn nhỉ," cô nói. "Lần cuối thấy cậu là ở sân ga số 4 ga Paddington. Một năm

trước. Hơn một năm. Sao cậu lại ở đỉnh núi Wales thế này vậy trời?"

"Gọi người," Will nói.

Jane nhìn cậu hồi lâu, đầu óc đầy ký ức, nhớ về cuộc phiêu lưu tăm tối ở một làng ven biển Cornwall, nơi chú Merriman của cô đã đưa cô, Simon và Barney gặp một cậu bé Buckinghamshire mặt tròn, tóc thẳng – người mà cuối cùng cô thấy vừa khiến người ta rợn gáy như chính ông Merriman, nhưng cũng làm an lòng như ông vậy.

"Hồi đó tớ đã nói cậu không giống người thường," cô nói.

Will nhẹ nhàng đáp, "Cả ba cậu cũng không hoàn toàn bình thường mà, như các cậu thừa biết."

"Thỉnh thoảng thôi," Jane nói. Cô bất ngờ mỉm cười, vén lại dây buộc đuôi ngựa sau gáy. "Tớ đã từng nói mong sẽ gặp lại cậu một ngày nào đó. Nhớ không?"

Will cũng cười, và Jane lại nhớ nụ cười ấy luôn khiến gương mặt có phần nghiêm nghị của cậu sáng hẳn lên. "Và tớ đã nói tớ khá chắc là các cậu sẽ gặp."

Cậu bước vài bước xuống mỏm đá, rồi dừng, giơ tù và lên môi lần nữa. Ngửa cổ hướng lên trời, cậu thổi một chuỗi tiếng ngắn rời rạc, rồi một tiếng dài. Âm thanh ấy bay vút vào không trung mùa hè, rồi rơi xuống như một mũi tên.

"Thế là họ sẽ đến," cậu nói. "Xưa người ta gọi đó là tiếng 'avaunt'."

Âm tù và vẫn vang quanh đầu Jane. "Âm đó hay tuyệt, không giống chút nào tiếng thổi săn cáo. Không phải là tớ từng nghe trực tiếp đâu, chỉ trên tivi thôi. Mà cái này—nó giống nhạc ấy—" Cô ngừng lại, vung tay không nói nổi.

Will giơ chiếc tù và nhỏ cong cong lên, nghiêng đầu ngắm. Dù có vẻ cũ kỹ và trầy xước, nó vẫn ánh lên như vàng dưới nắng. "À," cậu khẽ nói. "Có hai lần để sử dụng nó. Tớ biết vậy thôi. Lần

thứ hai còn ẩn giấu. Nhưng lần thứ nhất là bây giờ – để triệu tập Sáu người."

"Sáu người?" Jane ngơ ngác hỏi.

"Chúng ta đã có hai," Will nói. Cô nhìn chằm chằm cậu.

"Jane? Jane!" Đó là giọng Simon, to và quả quyết, từ bên kia sườn núi. Cô quay đầu lại.

"Jane – À, chị đây rồi!" Barney trèo qua mỏm đá gần đó, quay lại gọi, "Bên này!"

Will nói với cùng giọng điềm đạm, "Vậy là bốn người."

Cả hai cậu bé cùng quay đầu lại ngay tức khắc.

"Will!" Barney kêu lên.

Jane nghe thấy tiếng Simon hít vào sắc lẹm; rồi anh từ từ thở ra như rít hơi. "Chà… tớ… thật là…"

"Là ai đó," Barney nói. "Em đã bảo rồi mà? Là ai đó. Anh thổi tù và đấy hả, Will? Cho xem với, cho em xem với!"

Nó nhảy cẫng xung quanh, với tay đầy tò mò. Will đưa tù và cho nó.

Simon chậm rãi nói, "Không thể nào đây chỉ là trùng hợp."

"Không," Will đáp.

Barney giờ đứng yên trên mỏm đá, tay cầm chiếc tù và nhỏ trầy xước, nhìn ánh nắng phản chiếu vành viền mạ vàng. Nó ngước nhìn Will. "Có chuyện gì đang xảy ra phải không?" nó khẽ nói.

"Đúng vậy," Will đáp.

"Cậu kể bọn tớ nghe được không?" Jane hỏi.

"Chưa. Chút nữa. Đây là chuyện khó nhất, và là việc cuối cùng. Và… nó cần có các cậu."

"Lẽ ra anh phải đoán ra rồi." Simon liếc Jane, nhếch mép. "Sáng nay. Em không có ở đó. Mà lúc đó bố tình cờ nói ai là người để

nghị ta nghỉ ở khách sạn sân gôn này."

"Sao?" Jane hỏi.

"Ông Bác Merry," Simon nói.

Will bảo, "Ông ấy sẽ đến sớm thôi."

"Vậy là thật sự nghiêm trọng," Barney nói.

"Tất nhiên. Tớ đã nói mà. Khó nhất, và là cuối cùng."

"Nó nên là lần cuối thật đi," Simon nói, giọng hơi nghiêm nghị. "Tớ bắt đầu học nội trú sau kỳ nghỉ này."

Will nhìn nó. Khóe miệng cậu khẽ co giật.

Simon như nghe lại lời mình trong đầu; nó cúi xuống, lấy chân giẫm giẫm cỏ. "Ý tớ là," nó nói, "nghĩa là mấy kỳ nghỉ sau của tớ sẽ khác hẳn, nên có thể bọn tớ sẽ không còn đi cùng nhau tới… những nơi thế này. Đúng không, Jane?" Nó quay sang tìm sự đồng tình từ em gái mình; rồi khựng lại. "Jane?"

Jane đang nhìn chằm chằm qua nó, mắt mở to và bất động. Cô đang thấy – chỉ thấy một bóng dáng trên núi, một người đứng nhìn họ, nổi bật trong ánh sáng chói chang của mặt trời giữa hè. Dáng người ấy thon gọn, đứng thẳng. Mái tóc như ngọn lửa bạc. Cô bất chợt cảm thấy một điều lạ lùng – một sự cao quý, địa vị bẩm sinh, gần như đang hiện diện trước một vị vua. Trong giây lát, cô phải cưỡng lại thôi thúc muốn cúi chào.

"Will?" cô nhẹ giọng hỏi, không quay đầu. "Vậy là năm người. Will?"

Giọng Will vang lên mạnh mẽ, bình thường, cắt đứt luồng căng thẳng. "Này Bran! Bên này! Bran!" Cậu phát âm tên ấy kéo dài, Jane nhận thấy – giống âm trong chữ *farm*, hay *barn*. Cô chưa từng nghe cái tên nào như thế. Và chưa từng thấy ai như người này.

Chàng trai trên đường chân trời từ từ tiến lại. Jane dõi theo, nín thở. Giờ cô đã thấy rõ. Cậu mặc áo len trắng và quần jean đen, đeo kính râm; toàn thân không có màu nào nổi bật. Da cậu nhợt

nhạt kỳ lạ. Tóc trắng, cả lông mày cũng trắng. Cậu không chỉ là tóc vàng, như Barney, với mái vàng hoe phủ lên mặt rám nắng. Cậu dường như thiếu hụt màu sắc đến mức gây sốc như thể mất một chi vậy. Rồi cậu tháo kính khi đến gần, và Jane thấy – không phải hoàn toàn thiếu màu. Đôi mắt ấy như chưa từng thấy: vàng, nâu nhạt, điểm ánh kim – mắt cú. Chúng sáng rực như đồng xu mới. Cô cảm thấy bị thách thức – rồi nhận ra mình đang nhìn chằm chằm. Dù bình thường sẽ không bắt tay với người cùng tuổi, cô đưa tay ra như xin lỗi.

“Chào,” cô nói.

Will lập tức tiếp lời, giọng thản nhiên. “Đây là Bran Davies. Bran, đây là Jane Drew. Và Simon, anh cả đấy, còn đây là Barney.”

Chàng trai tóc trắng bắt tay Jane chớp nhoáng, có phần vụng về, rồi gật đầu với Barney và Simon. “Rất vui được gặp,” giọng đậm chất Welsh.

“Bran sống ở một trong những ngôi nhà trong trang trại chú tớ,” Will nói.

“Anh có chú ở đây à?” Barney sửng sốt.

“Thật ra không phải chú ruột,” Will vui vẻ. “Chỉ là chú nuôi. Ông ấy lấy bạn thân của mẹ anh. Cũng như em với Ông Bác Merry ấy. Ông ấy là Ông Bác họ thật à?”

“Tớ chẳng bao giờ biết chắc,” Simon đáp.

“Có lẽ không,” Jane nói. “Xét cho cùng…”

“Xét gì cơ?” Barney tò mò.

“Em biết thừa mà.” Cô bắt đầu thấy ngại ngùng vì Bran đang im lặng nghe.

“Biết,” Barney nói. Cậu đưa lại tù và cho Will. Lập tức mắt Bran ánh lên lạnh lẽo; rồi cậu nhìn Barney trừng trừng, sắc lẻm, như cáo buộc.

“Cậu là người đã thổi tù và à?”

Will vội nói, “Không, tất nhiên không phải, là tớ. Tớ đã nói rồi. Gọi cậu, và gọi họ.”

Có điều gì đó chớp lên trong đầu Jane khi nghe giọng ấy: một điều nhỏ rất lạ, nhẹ đến mức cô không chắc mình tưởng tượng ra. Dường như có một sự tôn trọng – mà Will không hề thể hiện kể cả khi nói chuyện với ông Merriman. Hoặc không hẳn là tôn trọng… mà là một sự nhận biết… một sự ý thức về… điều gì đó… Cô liếc nhanh về phía chàng trai tóc trắng rồi vội quay đi.

Simon hỏi, “Cậu biết Will đã lâu chưa?” Giọng nó cẩn trọng trung lập.

Bran bình thản đáp, “Calan Gaeaf năm ngoái, tớ gặp Will. Lễ Samain trước. Nếu cậu tra ra, sẽ biết lâu bao lâu. Ba người ở khách sạn Trefeddian đúng không?” Cậu phát âm là “Trevethian,” tự nhiên và bản xứ Welsh – không giống họ lúc mới đến, Jane chợt nhớ, ngượng ngùng.

“Đúng,” cô nói. “Bố tớ chơi gôn. Mẹ thì vẽ tranh.”

“Bà vẽ đẹp không?” Bran hỏi.

“Đẹp lắm,” Barney nói. Giọng nó cũng cẩn trọng như Simon, nhưng không thù địch. “Ý em là bà là họa sĩ thật, không phải chơi chơi. Có xưởng vẽ, triển lãm tranh, đủ cả.”

“Em thật may mắn,” Bran nói nhỏ.

Will nhìn Simon. “Có khó trốn không?”

“Khỏi mấy A.P.s á? Không. Mẹ tớ lái xe đi vẽ rồi, còn bố ở trên sân gôn suốt.” Liếc Bran, Simon nói thêm, “À – A.P.s tức là ‘Những phụ huynh có tuổi’.”

“Tin nổi không,” Bran nói, “Trường Welsh cũng dạy Dickens nhé.”

“Xin lỗi,” Simon nói, có phần gượng “Tớ không có ý…”

“Không sao.” Bran đột ngột mỉm cười lần đầu tiên. “Chúng ta sẽ cùng làm việc, Simon Drew. Nên tốt nhất hãy hoà thuận. Đừng lo. Tớ không phải kiểu người Welsh mang mối hận. Không có

ám ảnh về đám người Anh hợm hĩnh hay chuyện bị trị. Mà cần gì, khi rõ ràng người Welsh ưu việt hơn hẳn?"

"Xí, xạo," Will nói vui vẻ.

Barney hơi rụt rè, nhìn Bran, hỏi, "Anh vừa nói, bọn mình sẽ cùng làm việc… Vậy anh là… kiểu như Ông Bác Merry với Will hả?"

"Ở một mức độ nào đó, chắc vậy," Bran chậm rãi. "Tớ không thể giải thích. Rồi các cậu sẽ thấy. Nhưng tớ không phải một Cổ Nhân, không thuộc Vòng tròn Ánh Sáng như họ…" Cậu nheo mắt cười với Will. "Không phải pháp sư, phù thủy, giống như họ, với đủ trò phép."

Will lắc đầu, nở nụ cười nửa miệng. "Lần này chúng ta cần nhiều hơn một trò phù phép. Có một thứ chúng ta phải tìm – tất cả chúng ta – mà tớ còn không biết nó là gì. Chỉ có một câu cuối từ một bài thơ cổ, mà các cậu từng nghe, cũng khá lâu rồi, từ hồi bọn mình giải mã nó. Nó bằng tiếng Welsh, tớ không nhớ nổi, nhưng tiếng Anh thì là: 'Những ngọn núi đang hát, và Quý Bà đang đến.'"

"Yr mynyddoedd yn canu," Bran nói, "ac y mae'r Arglwyddes yn dod."

"Oa," Barney trầm trồ.

"Quý Bà?" Jane hỏi. "Quý Bà là ai?"

"Quý Bà là… chính là Quý Bà. Một trong những nhân vật vĩ đại nhất của Ánh Sáng." Không nhận ra, giọng Will bỗng trầm hơn, ngân vang lạ lùng, và Jane thấy lạnh sống lưng. "Bà là vĩ đại nhất, thiết yếu nhất. Nhưng khi gần đây chúng ta triệu tập Vòng tròn, tất cả các Cổ Nhân trên thế gian, mọi thời đại, để khởi đầu hồi kết cuộc chiến dài này, Quý Bà đã không đến. Có điều gì đó sai lệch. Có gì đó ngăn bà lại. Và nếu không có bà, chúng ta không thể tiến xa hơn. Nên việc đầu tiên tớ – tất cả chúng ta – phải làm là tìm bà. Chỉ với bốn chữ dẫn đường, mà với tớ vẫn rất mơ hồ. 'Những ngọn núi đang hát.'"

Cậu ngừng lại, nhìn quanh nhóm.

“Chúng ta cần cụ Merry,” Barney rầu rĩ nói.

“Hiện tại thì chưa có bác ấy.” Jane ngồi xuống tảng đá gần nhất, nghịch cọng thạch thảo mọc xung quanh thành từng đám xanh tím. Cạnh cô, xuyên qua bụi kim tước đã chết khô, một bụi hoa chuông xứ Welsh mọc lên: những nụ hoa xanh lam nhạt rung rinh trong gió nhẹ nhất. Jane chạm nhẹ vào một nụ hoa bằng ngón út. “Không có tên địa danh nào bằng tiếng Welsh giúp gì sao?” cô nói. “Không gì nghĩa là Núi Hát, hay kiểu thế?”

Bran đi tới đi lui, tay đút túi, đeo lại kính râm che mắt nhợt nhạt. “Không, không có,” cậu cáu. “Tớ đã nghĩ mãi, không có gì giống vậy. Không gì cả.”

Simon nói, “Hay là chỗ nào thật cổ – kiểu Stonehenge chẳng hạn ? Tàn tích hay gì đó?”

“Tớ cũng nghĩ rồi – vẫn không có gì,” Bran nói. “Có tảng đá trong nhà thờ Thánh Cadfan ở Tywyn – khắc tiếng Welsh cổ nhất còn lại – nhưng chỉ ghi nơi Thánh Cadfan yên nghỉ. Hay có Castell y Bere, lâu đài đổ nát, rất cổ tích, gần Cader. Nhưng cái đó đến tận thế kỷ 13 mới xây, khi Hoàng tử Llewellyn định lập tổng hành dinh cai trị phần xứ Wales chưa bị người Anh chiếm.”

“Không giữ thù hằn gì cơ đấy?” Barney trêu.

Cặp kính tối lườm nó ; rồi Bran cười. “Anh nói sử đấy, nhóc ạ, không phải bình luận. Llewellyn mới là người có thù… và thù rất to, như Owain Glyndwr sau này…” Nụ cười tan biến. “Nhưng vậy cũng chẳng giúp ích gì cho ta cả.”

“Không có gì liên quan đến Vua Arthur sao?” Barney hỏi.

Và họ đều cảm thấy không khí quanh mình bỗng nặng nề như chăn đè. Will và Bran không động đậy; chỉ đứng nhìn Barney. Và sự vắng lặng trên núi, trên đỉnh thế giới ấy, đột nhiên đè nặng, khiến từng âm thanh nhỏ nhất cũng như vang dội khủng khiếp. Tiếng thạch thảo xào xạc khi Barney dịch chân; tiếng cừu gọi vọng xa; tiếng chim nhỏ rít từng nhịp đơn điệu không có giai

điệu. Jane, Simon và Barney đứng bất động, ngạc nhiên, lúng túng.

Cuối cùng Will nhẹ giọng, "Sao hỏi thế?"

"Barney bị ám ảnh Vua Arthur, chỉ vậy," Simon nói.

Will ngập ngừng giây lát, rồi cười – và cảm giác áp lực lạ lùng kia biến mất như chưa từng có. "Ờ thì," cậu nói, "ngọn núi to nhất sau Snowdon – Cader Idris. Đằng kia. Tiếng Anh nghĩa là 'ngai của vua Arthur.'"

"Có hy vọng không?" Barney chờ mong hỏi.

"Không," Will đáp, liếc sang Bran. Cậu không giải thích gì cho sự dứt khoát đó. Jane chợt thấy mình bị loại ra, và khó chịu.

Bran chậm rãi nói, "Còn một chỗ nữa. Tớ chưa nghĩ đến. Carn March Arthur."

"Nghĩa là gì?"

"Nghĩa là móng ngựa của Arthur. Nhìn chẳng có gì – chỉ là dấu trên đá, trên núi sau Aberdyfi, phía trên Cwm Maethlon. Tương truyền Arthur từng kéo một con Afanc – một con quái vật – ra khỏi cái hồ ở đó, và dấu chân ngựa in lại khi ông nhảy vọt đi. Tất nhiên là nhảm nhí, nên tớ chẳng để tâm. Nhưng – cái tên vẫn còn."

Chúng nhìn Will. Cậu giơ tay. "Phải bắt đầu từ đâu đó. Sao không?"

"Hôm nay đi nhé?" Barney hy vọng.

Will lắc đầu. "Để mai. Từ đây về nhà cũng xa với bọn tớ."

"Carn March Arthur là chuyến đi khá xa," Bran nói. "Lối nhanh nhất từ phía này là qua nhà xứ, theo lối mòn qua núi. Mùa hè đông xe khách nên không tiện. Nhưng nếu các cậu đến được quảng trường sáng mai, có thể bọn tớ cũng đến. Tùy xem bọn tớ có xin đi nhờ xe được không, đúng không Will?"

Will nhìn đồng hồ. "Còn hai mươi phút gặp bác ấy. Đi hỏi thôi."

Jane không bao giờ nhớ nổi sau này việc "hỏi" ấy xảy ra thế nào, dù cô nghĩ mãi. Khi họ trượt và nhảy qua cỏ và thạch thảo trên rặng núi, chẳng ai nói mấy, và cô linh cảm rằng dù có hơi thở, Will cũng sẽ không kể gì thêm về John Rowlands.

"Ông ấy là người chăn cừu ở trang trại chú tớ. Và hơn thế nữa. Ông ấy... đặc biệt. Tuần này ông ấy đi chợ phiên lớn ở Machynlleth, trên thung lũng Dyfi. Chắc các cậu đã đi qua đó, trên đường xuống đây."

"Mái đá và đá xám," Jane nói. "Mọi thứ đều xám."

"Chính nó. Trong ba ngày chợ phiên, ông John lái xe mỗi ngày, qua Tywyn và Aberdyfi. Hôm nay bọn tớ được ông ấy chở đến đây. Giờ ông ấy đến đón. Nên có thể thuyết phục được ông ấy mai chở tiếp."

Will chậm lại ở đoạn dốc cỏ thoai thoải gần rào gỗ, đứng lịch sự chờ Jane trèo qua trước.

"Cậu nghĩ ông ấy sẽ đồng ý chứ?" cô hỏi. "Chú ấy thế nào?"

"Rồi cậu sẽ thấy," Will nói.

Nhưng tất cả những gì Jane thấy, khi chúng thở dốc chạy xuống lối mòn, ra đường lớn cạnh ga làng, là một chiếc Land-Rover đậu sẵn với khuôn mặt nghiêm nghị phía sau cửa sổ. Một gương mặt rám nắng, gầy, nhiều nếp nhăn; đôi mắt đen sẫm, được tô đậm bởi cặp chân mày nối liền và cái miệng mím chặt không cười.

Bran nói gì đó như xin lỗi bằng tiếng Welsh. "Không chấp nhận được," John Rowlands nói. "Mười phút rồi ngồi đợi. Bác đã nói năm giờ, mà Will có đeo đồng hồ."

"Cháu xin lỗi," Will nói. "Lỗi tại cháu. Trên núi tụi cháu gặp bạn cũ từ London. Đây là Jane Drew, còn đây là Simon, và Barnabas."

"Chào," John Rowlands đáp cụt lủn. Đôi mắt sẫm lướt nhanh qua cả ba.

Jane vội lên tiếng trước hai anh em. "Chào bác Rowlands, cháu xin lỗi vì tụi cháu đến trễ. Tụi cháu làm các bạn ấy chậm lại – tụi

cháu không giỏi chạy xuống núi." Cô cười nhẹ hy vọng.

John Rowlands nhìn cô kỹ hơn. "Ừm," ông khẽ đáp.

Bran hắng giọng. "Giờ hỏi thì không tiện lắm, nhưng bọn cháu mong mai bác cho bọn cháu đi nhờ tiếp. Nếu chú Evans đồng ý cho bọn cháu nghỉ."

"Ta chưa chắc đâu," John Rowlands đáp.

"Thôi nào, John." Một giọng mềm mại vang lên từ trong xe. "Chắc chắn David Evans sẽ cho mấy đứa đi. Mấy hôm nay tụi nó làm việc chăm chỉ – mà ở trại cũng đâu có việc gì, chỉ đợi tin từ chợ."

"Ừm," John Rowlands lại đáp. "Mấy đứa đi đâu?"

"Lên Cwm Maethlon," Bran đáp. "Dẫn ba bạn đi xem đường mòn Panorama."

"Đi mà, John," giọng mềm ấy nài nỉ.

"Nhớ đến đúng giờ đón chứ?" Những nếp nhăn trên gương mặt rám nắng đang dần giãn ra, như thể cau mày vốn không quen với ông.

"Thật mà," Will nói. "Cháu hứa."

"Không đúng giờ thì tự về đấy."

"Vâng ạ."

"Thôi được. Ta sẽ thả các cháu ở quảng trường lúc chín giờ, đón lúc bốn giờ. Nếu chú cháu đồng ý."

Will kiễng chân nhìn vào xe. "Cảm ơn bác gái Rowlands!"

John Rowlands khẽ nheo mắt cười, và vợ ông nghiêng người ra sau lưng, bật cười. Jane thích bà ngay lập tức; một gương mặt dịu dàng, ấm áp và xinh đẹp, ánh lên sự tử tế.

"Cháu có thích chốn này không?" bà Rowlands hỏi.

"Rất thích ạ, cảm ơn bác."

“Mai mấy đứa đi Thung lũng Hạnh Phúc và Hồ Râu phải không?”

Jane nhìn Will. Cậu chỉ ngập ngừng chưa đến một tích tắc, rồi vui vẻ nói, “Vâng ạ, đúng vậy. Du lịch thuần túy. Mà cháu cũng chưa từng lên đó.”

“Đẹp lắm,” bà Rowlands ân cần nói. “John thả các cháu ở quảng trường nhé, gặp nhau ở gần nhà nguyện. Cầm theo đồ ăn. Nhớ mang giày tốt và áo khoác phòng mưa.”

“Trời không mưa đâu ạ,” Simon tự tin, nhìn trời xanh mờ.

“Cậu đang ở Snowdonia đó,” Bran nói. “Lượng mưa trung bình một năm: ba trăm tám mươi xăng ti mét, ở vùng cao. Nơi duy nhất không chết khô năm 1976. Mang áo mưa đi. Mai gặp lại.”

Cậu và Will trèo lên sau xe, và chiếc Land-Rover rồ máy chạy đi.

“Ba trăm tám mươi xăng ti mét á?” Simon nói. “Vô lý.”

Barney nhảy vòng quanh, đá một hòn đá. “Mọi chuyện đang xảy ra rồi!” nó nói. Rồi dừng lại. “Em tự hỏi không biết Will có nên nói nơi bọn mình định đi không?”

“Không sao đâu,” Jane nói. “Will bảo John Rowlands là người đặc biệt.”

“Nghe như mấy chỗ dành khách du lịch thôi,” Simon nói. “Chắc chẳng giúp được gì đâu.”

HỒ RÂU

Lúc đầu chưa có mưa, dù mây đen đã xoáy quanh bầu trời xanh như làn khói dày cuồn cuộn. Không nói nổi lời nào vì kiệt sức, cả bọn gắng gượng leo lên con đường ngoằn ngoèo dẫn từ làng Aberdyfi lên đồi. Đường dốc đứng, thoát ra khỏi thung lũng rộng của cửa sông Dyfi, đến mức cứ mỗi lần chúng dừng lại nghỉ chân, lại có thể nhìn thấy trải ra phía dưới là một dải bờ biển và đồi núi ngày càng rộng mở, với mặt biển mênh mông và dải lụa bạc uốn lượn của sông Dyfi vắt qua những khoảnh cát nâu-vàng lấp lánh do thủy triều rút để lại. Nhưng rồi một khúc quanh

khác lại cắt mất tầm nhìn hướng nam ấy, và chúng chỉ còn lại con đường dẫn lên dãy núi phía bắc, vẫn chưa thể thấy được.

Hai bên đường là bờ cỏ cao vượt đầu chúng, điểm sao hoa cải vàng, diếp dại, cúc ngải trắng dẹt, và vài bông mao địa hoàng muộn. Cao hơn bờ cỏ, những hàng rào cây phỉ, mâm xôi dại và táo gai vươn đến tận trời, trĩu nặng những chùm quả dại và hạt chưa chín, phảng phất hương thơm hoa kim ngân len lỏi.

“Tránh vào trong!” Will gọi từ phía sau. “Xe kìa!”

Chúng dạt người sát vào bờ cỏ, né tránh đám gai mâm xôi nhọn hoắt, khi một chiếc Mini đỏ rực rú ga chạy vèo qua với tiếng gầm rít ở số thấp.

“Khách du lịch!” Bran nói.

“Chiếc thứ sáu rồi đấy.”

“Bọn mình cũng là khách du lịch mà,” Jane nói.

“À, nhưng là loại cao cấp hơn,” Barney trang nghiêm bảo.

“Ít nhất các cậu còn đang dùng chân để đi,” Bran nói. Cậu chỉnh lại chiếc mũ kiểu Thụy Điển đội trên mái tóc trắng, kéo chặt xuống như cam chịu. “Tất cả những chiếc xe hơi này như ruồi ngày nắng ấy, vào mùa này trong năm. Và vì chúng, ở những nơi hoang vắng bây giờ không còn chỉ có cừu, gió và sự trống trải, mà còn có cả những căn nhà gỗ nhỏ xíu cho người từ Birmingham đến ở.”

“Không thoát được đâu, nhỉ?” Simon nói. “Ý tớ là ở đây hình như chẳng còn cách nào kiếm sống ngoài làm du lịch.”

“Nông nghiệp vẫn có,” Will nói. “Nhưng không nhiều.”

“Đúng vậy,” Bran nói. “Mấy người học đại học sau khi rời trường, chẳng ai quay về cả. Ở đây không còn gì cho họ.”

Jane tò mò hỏi, “Cậu sẽ rời đi chứ?”

“Duw,” Bran nói. “Thương tôi đi. Còn xa lắm, bao nhiêu chuyện có thể xảy ra. Nhà máy điện ở cửa sông. Khu nghỉ mát trên đỉnh

Snowdon."

"Cẩn thận!" Simon bỗng la lên. "Lại một chiếc khác!"

Lần này là chiếc xe màu xanh nhạt, chật vật rồ máy như một chiếc xe tăng con. Có thể thấy hai đứa trẻ con đang đánh nhau trong ghế sau. Chiếc xe biến mất sau khúc quanh.

"Xe cộ, xe cộ," Will nói. "Các cậu biết không, trên đường Machynlleth còn có cái gọi là 'chaltel'? Chaltel đấy! Chắc là lai giữa motel với—" Cậu bỗng khựng lại, nhìn chằm chằm phía trước.

"Nhìn kìa! Chà!" Barney túm lấy tay Jane, chỉ. "Chúng là gì thế?"

Dừng lại giữa đường cách họ vài mét là hai con vật dài, lạ lùng, to bằng mèo nhưng thân thon mảnh. Bộ lông màu gừng đỏ giống cáo đỏ; đuôi như mèo, giữ sát mặt đất. Đầu chúng quay lại, mắt sáng. Chúng nhìn chăm chăm vào bọn trẻ. Rồi một con, rồi con còn lại, từ tốn, không vội, quay đi, lặng lẽ lượn người băng qua đường, rồi dường như biến mất vào bờ cỏ.

"Chồn máu!" Simon nói.

Barney ngờ vực, "Chúng không to quá sao?"

"Quá to," Bran nói. "Và chỉ có chút lông trắng ở mõm. Chồn máu thật có bụng và ngực trắng."

"Vậy chúng là gì?"

"Yr ffwlbartau. Chồn đen. Nhưng tớ chưa từng thấy con nào đỏ như vậy." Bran tiến lên trước, cúi người xem xét bờ cỏ, giơ tay cảnh báo khi Simon bước tới. "Cẩn thận. Chúng không hiền đâu… Có hang thỏ. Chắc chúng chiếm lấy."

"Kỳ lạ là xe không làm chúng sợ," Barney nói. "Hay người cũng vậy."

"Chúng chẳng hiền," Bran lặp lại, ngẫm nghĩ nhìn vào hang. "Hung dữ. Không sợ gì. Còn giết cho vui."

“Giống chồn Mỹ,” Will nói. Giọng cậu khàn đặc. Cậu bực dọc hắng giọng. Jane ngạc nhiên thấy Will bỗng tái nhợt; trán cậu lấm tấm mồ hôi, một tay siết chặt.

“Chồn Mỹ?” Bran hỏi. “Ở Wales không có loại đó.”

“Trông giống vậy. Chỉ là đen. Hoặc nâu, tớ nghĩ. Chúng cũng… thích giết.”

Giọng Will vẫn căng. Jane liếc cậu, cố không tỏ vẻ tò mò.

“Có nông trại ngay gần đây, chắc đó là lý do chúng xuất hiện ban ngày.” Bran không còn mấy quan tâm tới chồn nữa; cậu sải bước lên đường. “Đi thôi – còn xa lắm.”

Jane dừng lại kéo lại vớ, để mấy đứa con trai đi qua; rồi lặng lẽ đi theo, trầm ngâm. Phía trên nông trại, đường mở rộng hơn; bờ cỏ giờ chỉ còn thấp ngang đầu gối, có hàng rào kẽm phía trên. Đường giờ thoai thoải hơn, dẫn qua vùng cỏ rải đá nơi những con bò đen xứ Wales gặm cỏ hoặc đứng giữa đường trầm mặc. Jane vòng tránh một con bò to tướng, cố gom lại những cảm xúc mơ hồ cứ chạy qua tâm trí như thủy ngân.

Chuyện gì đang xảy ra? Tại sao Will có vẻ lo lắng, còn Bran thì ngược lại, dường như chẳng thấy gì cả? Và Bran thực ra là ai? Cô thấy khó chịu mơ hồ, không rõ ràng, vì Bran như khiến mối quan hệ giữa họ với Will bỗng trở nên rối rắm: Không chỉ còn là bọn mình nữa, cô nghĩ, như lần trước… Và trên tất cả, cô bắt đầu cảm thấy bất an mãnh liệt về những gì phía trước, như thể tiềm thức đang cố nhắc cô điều gì đó mà bản thân cô chưa ý thức được.

Rồi đang mải nghĩ, cô va vào Barney, thấy tất cả đã dừng lại, im lặng, và ngẩng lên, thấy lý do vì sao.

Họ đứng trên rìa một thung lũng hùng vĩ. Trước mặt là sườn đồi đổ xuống phủ đầy dương xỉ xanh dợn sóng, vài con cừu chênh vênh gặm cỏ giữa các khoảng cỏ thưa. Phía xa, giữa những cánh đồng xanh và vàng của đáy thung lũng, con đường mảnh như chỉ vắt qua một nhà thờ đồ chơi và một nông trại nhỏ. Và bên

kia thung lũng, sau lớp mây đổ bóng xanh tím và rừng thông dày sẫm, là những dãy núi cổ xưa của xứ Wales trùng trùng điệp điệp.

“Ôi!” Jane thốt lên khe khẽ.

“Cwm Maethlon,” Bran nói.

“Thung lũng Hạnh phúc,” Will nói.

“Giờ các cậu hiểu vì sao người ta gọi lối này là Đường Panaroma,” Bran nói. “Cảnh này hút cả xe lẫn khách bộ hành, cũng đáng mà.”

“Tỉnh đi, Jane,” Will nói nhẹ nhàng.

Jane vẫn đứng bất động, mắt nhìn xa qua thung lũng. Cô quay đầu chậm rãi nhìn Will, không cười. “Nó… nó… Tớ không biết diễn tả. Đẹp. Tuyệt vời. Nhưng – đáng sợ, kiểu gì đó.”

“Chóng mặt thôi,” Simon tự tin nói. “Sẽ ổn thôi. Đừng nhìn xuống nữa.”

“Đi thôi,” Will nói, không biểu cảm, khiến Jane bất chợt nhớ đến Merriman. Cậu quay đi, tiếp tục men theo rìa Thung lũng Hạnh phúc. Simon theo sau.

“Chóng mặt cái đầu anh,” Jane nói.

Bran gắt, “Sợ cái gì chứ. Nếu cậu cứ tin mấy cảm giác vớ vẩn kiểu đó ở nơi như thế này, thì sẽ chẳng dứt ra được đâu. Will đã có quá đủ thứ phải lo rồi.”

Jane sửng sốt nhìn theo cậu, nhưng cậu đã quay đi, lầm lũi bước tiếp cùng Simon và Will.

Cô cáu kỉnh nhìn theo. “Cậu ta nghĩ mình là ai vậy? Cảm xúc của mình thì là của mình chứ, đâu phải của cậu ta.”

Barney móc tay vào quai ba lô. “Giờ chắc chị hiểu ý em hôm qua rồi.”

Jane nhướng mày.

“Lúc ở trên đồi nhìn ra biển ấy,” Barney nói. “Lúc đó em cũng thấy sợ kiểu gì đó. Khi em chắc chắn mình từng đến rồi, còn hai người bảo em nói tào lao. Nhưng giờ nghĩ lại – giống như đang sống bên trong một điều từng xảy ra. Dù thực tế nó chưa từng xảy ra.”

Chúng im lặng đi tiếp sau ba người kia.

Rồi mưa bắt đầu: mưa nhẹ, dai dẳng, từ những đám mây thấp xám giờ đã che kín khắp bầu trời. Cả bọn lôi áo khoác mưa từ ba lô, kiên trì bước tiếp trên con đường cao qua vùng hoang mạc, giữa những sườn đồi trống không chốn trú thân.

Từng chiếc xe một chạy xuống ngược chiều họ. Qua một khúc cua cuối cùng, con đường lát đá kết thúc trước một cổng sắt, nhường chỗ cho một lối mòn chạy qua một nông trại sơn trắng lẻ loi, rồi tiếp tục vòng qua núi. Năm chiếc xe đậu nghiêng ngả trên bãi cỏ trước cổng; từ dưới núi lác đác những nhóm khách ướt sũng quay về, khăn choàng rũ rượi, trẻ con mè nheo.

“Mưa cũng có cái hay,” Barney nói. “Nó đuổi hết người đi.”

Simon liếc lại. “Trông u ám thật nhỉ?”

“Hai đứa trên xe xanh nhạt vẫn còn đang đánh nhau. Chắc ai có con kiểu đó cũng rầu lắm.”

“Em cũng chỉ mới thoát khỏi giai đoạn ‘con nít quấy’ thôi đấy, cưng à.”

Barney há miệng ra – khép lại – cố tìm câu đáp trả phù hợp; rồi nó liếc nhìn Jane. Cô đứng yên, mặt không biểu cảm, ánh mắt xa xăm.

“Em vẫn thấy lạ lùng hả Jane?” Simon nhìn kỹ cô.

“Hai người kia kìa,” Jane nói bằng giọng kỳ lạ, nhỏ và căng thẳng. Cô chỉ về phía Will và Bran đang đi trước, từng bước nặng nề trên con đường bùn lầy, cả hai mặc áo mưa dài giống nhau, chỉ phân biệt bởi mũ của Bran và chiếc mũ rộng vành kéo thấp của Will. “Nhìn kìa!” Jane lặp lại, giọng khổ sở. “Thật điên rồ! Họ

là ai, đi đâu, tại sao bọn mình cứ làm theo họ? Sao mình biết chuyện gì sắp xảy ra?"

"Bọn mình đâu biết," Barney nói. "Mà từ đầu đến giờ, bọn mình có bao giờ biết đâu, đúng không?"

"Lẽ ra bọn mình không nên ở đây," Jane nói. Cô bực bội kéo sát mũ áo khoác. "Mọi thứ… quá mơ hồ. Cảm giác không đúng. Và" – cô bật thốt – "em sợ."

Barney chớp mắt, ẩn dưới lớp áo mưa nilon nhăn nhúm. "Nhưng Jane, sẽ ổn thôi, chắc chắn mà. Miễn là có Ông Bác Merry—"

"Nhưng Ông Bác Merry không có ở đây."

"Không, không có," Simon nói. "Nhưng Will có mặt – và thế cũng gần tương tự rồi."

Một luồng ngạc nhiên chạy xuyên đầu Jane. Cô nhìn cậu sững sờ. "Nhưng anh chưa bao giờ thật sự thích Will mà. Em biết anh không nói, nhưng lúc nào cũng có…" Cô ngừng lại. Mặt đất quen thuộc bỗng như trở nên trơn trượt; Simon giờ đã cao lớn hơn cô, lại hơn gần một tuổi, nên cô từ lúc nào đó đã bắt đầu coi trọng ý kiến của anh hơn trước. Giờ nghe anh nói ngược lại, cô bối rối.

"Nghe này," Simon nói. "Anh không nói là anh hiểu được những chuyện xảy ra với Ông Bác Merry hay Will. Nhưng cố hiểu cũng chẳng ích gì, đúng không? Nói đơn giản thì, luôn có phe thiện và phe ác, và hai người đó chắc chắn là phe thiện."

"Thì đúng vậy," Jane gắt nhẹ.

"Thế vấn đề là gì?"

"Không phải vấn đề. Là về Bran thôi. Anh… ôi trời, anh không hiểu được đâu." Jane buồn bã chọc vào bụi cỏ.

"Họ đang đợi kìa," Barney nói.

Trên đường mòn phía trên, bên một cánh cổng khác, hai bóng người nhỏ đang quay lại nhìn.

“Đi thôi, Jane,” Simon nói, vỗ nhẹ lưng cô.

Barney nói, như vừa chợt nghĩ ra, “Biết không, nếu chị thực sự sợ – mà như vậy là lạ đấy – thì nên nghĩ xem chị có bị…” – nó vẫy tay – “bị tác động không.”

“Tác động?” Jane hỏi.

“Bóng Tối ấy,” Barney nói. “Chị nhớ mà – cái kiểu nó làm cho có gì đó len vào đầu, bảo rằng mình không muốn ai cả, biến đi… Làm chị thấy như sắp có chuyện khủng khiếp xảy ra ấy.”

“Có,” Jane nói. “Ồ, có. Chị nhớ rồi.”

Barney nhảy tới trước mặt cô như một con thú nhỏ hung dữ. “Vậy thì, nếu chị chống lại, nó sẽ không thể bám trụ được. Đuổi nó đi, chạy khỏi nó—” Nó nắm tay áo cô. “Đi nào. Thi chạy lên đồi nhé!”

Jane cố gượng cười. “Được!”

Cả hai chạy vội lên con đường mòn dẫn tới những bóng người đang đứng đợi trên đỉnh đồi, những giọt mưa tung ra từ áo khoác khi chúng chạy. Simon theo sau, chậm hơn. Cậu chỉ nghe được một nửa câu chuyện, phần còn lại bị cuốn hút bởi hai con vật đỏ thẫm, uyển chuyển, đang len lỏi vào đám dương xỉ từ một bụi cây kim tước; và rồi từ trong bụi ấy, nếu không phải là ảo giác, hai cặp mắt sáng loé lên, đang dõi theo họ. Nhưng dường như đây không phải lúc thích hợp để kể chuyện đó cho Jane.

Bran nói khi chúng nhìn Barney và Jane đang chạy lên theo lối mòn. “Cậu nghĩ chuyện đó là gì vậy?”

“Có thể họ chỉ đang bàn xem đã đến giờ ăn trưa chưa,” Will đáp.

Bran kéo kính trễ xuống sống mũi, đôi mắt màu nâu vàng chăm chú nhìn Will trong giây lát qua khoảng trống giữa tròng kính tối và vành mũ. “Cổ Nhân,” Bran khẽ nói, “Cậu thừa biết không phải vậy.” Rồi cậu đẩy kính lên lại và mỉm cười. “Dù sao thì cũng còn quá sớm.”

Nhưng Will nghiêm nghị nhìn xuống hai người đang tiến lại gần. "Ánh Sáng cần ba người đó. Vẫn luôn là vậy, trong suốt chuyến hành trình dài này. Nên Bóng Tối chắc chắn đang theo dõi họ rất sát sao lúc này. Chúng ta phải luôn ở gần họ, Bran – đặc biệt là Barney, có lẽ vậy."

Barney chạy tới, thở hổn hển, mũ trùm lỏng lẻo trên vai, mái tóc vàng đậm ướt mưa. "Bao giờ ăn trưa thế?"

Bran bật cười. "Carn March Arthur chỉ cách một con dốc nữa thôi."

"Nó trông thế nào?" Barney hỏi mà không chờ câu trả lời, đã chạy theo con đường, áo mưa bay phấp phới.

Bran quay người định đi theo cậu ta. Nhưng Jane đứng chắn trước mặt. Cô đứng đó, hơi thở không đều, ánh mắt lạnh lùng nhìn hai người khiến Will thấy lạ. "Thế này không được đâu," cô nói. "Chúng ta cứ đi như thể mọi chuyện đều bình thường, nhưng không thể tiếp tục giả vờ với nhau mãi được."

Will nhìn cô, trong đầu giằng co giữa kiên nhẫn và cấp bách; đầu cậu cúi xuống ngực, thở ra một hơi ngắn. "Được thôi. Cậu muốn chúng tớ nói gì?"

"Chỉ là… điều gì đó về những gì chúng ta có thể sẽ gặp trên kia," Jane nói, giọng run rẩy, giận dữ. "Về việc chúng ta đang làm gì ở đây."

Bran đã nhào vào những lời đó như một con chó săn ngoạm lấy khúc xương, trước khi Will kịp mở miệng. "Làm gì à? Không gì cả, cô bạn – có lẽ cậu chẳng phải làm gì ngoài nhìn một thung lũng và một cái hồ rồi kêu lên: ôi, thật đẹp. Làm gì mà rối lên thế? Nếu không chịu được mưa, thì quấn kín người lại rồi về nhà đi. Đi đi!"

"Bran!" Will quát gay gắt.

Jane đứng im, mắt mở to.

Bran gằn giọng, “Mặc xác nó! Nếu cậu từng chứng kiến nỗi sợ được khơi dậy, tình yêu bị giết chết, và Bóng Tối len lỏi bao trùm mọi thứ, cậu sẽ không đặt những câu hỏi ngu ngốc như vậy. Cậu chỉ làm những gì cần làm, không bàn tới bàn lui. Và đó chính là việc chúng ta nên làm bây giờ: tiến lên nơi có thể tìm ra bước đi đúng đắn tiếp theo.”

“Không bàn tới bàn lui!” Jane đáp, giọng căng thẳng.

Simon lặng lẽ đi tới sau lưng cô, lắng nghe, nhưng cô không để ý.

“Đúng thế!” Bran quát lên.

Will nhìn Jane, và chợt cảm thấy như đang nhìn một người mà mình chưa từng quen. Khuôn mặt cô đang co rút lại bởi một cơn giận dữ lạ lẫm, như không thuộc về cô.

“Cậu!” Jane nói với Bran, đút mạnh hai tay vào túi. “Cậu nghĩ cậu đặc biệt lắm phải không, với mái tóc trắng, cái vẻ khác người đó, và đôi mắt sau cặp kính ngốc nghếch kia. Siêu khác biệt. Cậu có thể bảo chúng tôi phải làm gì, nghĩ mình còn đặc biệt hơn cả Will. Nhưng cậu là ai chứ? Chúng tôi chưa từng gặp cậu cho đến tận hôm qua, giữa một nơi hoang vu trên núi, và tại sao chúng tôi phải liều mình chỉ vì cậu—” Giọng cô run lên rồi lịm dần, cô quay người, đi vội lên đồi, về phía dáng người nhỏ bé đầy háo hức của Barney đang dần khuất xa.

Simon toan bước theo rồi dừng lại, ngập ngừng.

“Đặc biệt à?” Bran thì thầm như nói với chính mình. “Đặc biệt. Nghe hay đấy. Sau bao năm người ta xì xào, giễu cợt thằng nhóc da nhợt nhạt, chẳng có chút sắc tố nào. Thật dễ chịu. Đặc biệt. Mà con bé đó nói gì về mắt tôi cơ?”

“Phải,” Will đáp gọn. “Đặc biệt. Cậu biết rõ mà.”

Bran do dự; cậu tháo kính ra, nhét vào túi. “Chuyện đó là chuyện khác. Nó không biết gì về chuyện ấy cả. Và chắc chắn không phải điều nó định nói.”

“Không,” Will đáp. “Nhưng cậu và tớ thì không được quên dù chỉ một khắc. Và cậu không thể… buông mình ra như vậy.”

“Tớ biết,” Bran nói. “Tớ xin lỗi.” Cậu nhìn thẳng vào Simon khi nói, như muốn gửi lời xin lỗi đến cả cậu ấy.

Simon ngập ngừng nói, “Tớ chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra, nhưng cậu đừng bận tâm nếu Jane nổi nóng. Nó chẳng có ý gì đâu.”

“Nhưng không giống cậu ấy lắm,” Will nói.

“À… dạo này thi thoảng nó như thế,” Simon nói nhỏ, như tâm sự. “Có lẽ… nó đang trải qua một giai đoạn.”

“Có thể,” Will nói. Cậu đang nhìn Bran. “Hoặc có thể chính Jane là người chúng ta cần chú ý đặc biệt?”

“Đi thôi,” Bran nói. Cậu gạt mưa khỏi vành mũ. “Carn March Arthur.”

Chúng tiếp tục leo lên, tới nơi sườn đồi phủ cỏ xanh gặp bầu trời xám xịt. Ở bên kia con dốc, theo lối mòn dốc xuống, Jane và Barney đang cúi người bên một mỏm đá nhỏ nhô lên, trông giống hệt những vết sẹo đá khác trên đồi, nhưng được đánh dấu bởi một tấm bảng đá phiến gọn gàng như nhãn tên. Will bước chậm rãi theo lối mòn, mọi giác quan mở ra nhạy bén như tai của chó săn, nhưng cậu chẳng cảm nhận được gì. Nhìn sang bên, cậu thấy vẻ mặt Bran cũng trống rỗng như thế.

“Ở đây có một vòng tròn lõm giống như là dấu chân ngựa của Arthur giẫm lên – nhìn này, có ghi chú.” Barney đo kích thước vết lõm bằng tay. “Và một cái nữa ở kia.” Cậu nhăn mặt, không mấy ấn tượng. “Ngựa nhỏ thật.”

“Nhưng đúng là hình móng ngựa đấy,” Jane nói, đầu cúi xuống, giọng khàn nhẹ. “Không biết thứ gì đã thực sự tạo nên chúng nhỉ?”

“Xói mòn,” Simon nói. “Nước xoáy quanh.”

“Cọ xát với đất,” Bran thêm vào.

Jane chậm rãi nói, “Và băng giá, làm đá nứt ra.”

“Hoặc là móng ngựa phép thuật, giáng xuống thật mạnh,” Barney nói. Nó ngẩng lên nhìn Will. “Chỉ có điều, nó không phải thế, đúng không?”

“Không,” Will mỉm cười. “Khó mà tin được. Nếu Arthur từng cưỡi ngựa qua tất cả các chỗ lõm được gọi là Dấu Móng Arthur, hay ngồi trên từng hòn đá được gọi là Ngai Arthur, hay uống nước từ mọi dòng suối mang tên Giếng Arthur, thì ông ấy sẽ dành cả đời chỉ để đi vòng quanh nước Anh mà chẳng dừng lại được chút nào.”

“Và các hiệp sĩ cũng vậy,” Barney vui vẻ nói, “Phải đến từng ngọn đồi được gọi là Bàn Tròn của Vua Arthur.”

“Đúng thế,” Will nói. Cậu nhặt một viên đá thạch anh trắng nhỏ, lăn nó qua lại trong lòng bàn tay. “Những cái tên ấy… đôi khi mang nghĩa khác.”

Barney nhảy bật dậy. “Hồ đâu? Cái hồ mà ông ấy được cho là đã kéo con quái vật lên ấy?”

“Llyn Barfog,” Bran nói. “Hồ Râu. Ở bên này.”

Cậu dẫn cả bọn đi tiếp, theo con đường men xuống một thung lũng giữa các đỉnh đồi, uốn lượn quanh sườn dốc; cơn mưa vốn chỉ lác đác giờ bắt đầu táp mạnh vào mặt chúng theo từng đợt, khi gió lớn xoáy quanh vùng đất đầy khe rãnh. Mây thấp sà ngay trên đầu.

“Cái tên kỳ quặc thật, Hồ Râu,” Jane nói. Lời ấy dành cho Bran, dù cô không hề nhìn về phía cậu; Will cảm nhận được chút chạnh lòng trước lời xin lỗi không thành tiếng mà cô đang cố gắng bày tỏ. “Có râu. Nghe không lãng mạn chút nào.”

“Tớ sẽ cho cậu biết vì sao ngay,” Bran đáp, giọng không hề oán trách. “Cẩn thận dưới chân, có chỗ lầy lội đấy.”

Cậu đi nhanh lên phía trước, tránh những đám cỏ lau mọc thành bụi, dấu hiệu của vùng đất ẩm ướt. Rồi Will ngẩng lên, và

đột nhiên trước mắt cậu, xuyên qua màn mưa quất thẳng vào mặt, là bên kia Thung lũng Hạnh Phúc, mờ ảo và xám xịt. Nhưng lần này, ở phía bên này, trên mép dốc của chính ngọn núi chúng đang đứng, có một cái hồ.

Đó là một hồ nước nhỏ kỳ lạ, viền đầy lau sậy, chỉ lớn hơn một cái ao chút ít; mặt nước tối đen, lốm đốm những mảng loang lổ kỳ dị. Rồi Will nhận ra rằng mặt nước mở ấy đang gợn sóng vì gió, nhưng chỉ có một phần nhỏ được mở ra – một tam giác ở đầu gần nhất của hồ. Phần còn lại, từ mép hồ sát thung lũng cho đến hình chữ V kéo dài ở giữa, bị phủ kín bởi lá, thân và những đóa hoa trắng ngà của loài súng nước. Và từ tiếng gió rít trong tai như sóng biển dâng trào, cậu cũng biết rằng, bằng một cách nào đó, nơi này chính là nơi mà chúng được dẫn tới. Có thứ gì đó đang chờ chúng ở đây, đâu đó trên đỉnh núi lởm chởm đá giữa Thung lũng Hạnh Phúc và cửa sông Dyfi.

Xuyên qua màn sương không phải là mưa, mà là sự mờ ảo trong tâm trí, Will ngạc nhiên mơ hồ nhận thấy cảm giác này không đến với Bran. Cậu bé tóc trắng đứng trên lối mòn cùng Simon và Jane, một tay giơ lên che gió mưa, tay kia chỉ về phía trước.

“Hồ Râu – nhìn xem, là vì đám rong trên mặt nước nên có cái tên đó. Những năm ít mưa thì hồ cạn xuống, và rong mọc quanh mép như một bộ râu. Bác John Rowlands nói có thể tên ấy không phải từ vậy, mà ngày xưa hồ có nhiều nước hơn và từng tràn qua mép núi đổ xuống thung lũng thành thác. Cũng có thể lắm. Nhưng là từ rất lâu rồi, trông nó như thế này.”

Hồ nhỏ nằm lặng lẽ dưới bầu trời xám di chuyển không ngừng. Chúng nghe thấy tiếng gió rít qua những ngọn đồi, và luồn qua áo quần. Dưới thung lũng, thật xa, một con chim cút lội kêu lên tiếng gọi u uẩn. Rồi gần hơn, ở đâu đó, chúng nghe thấy tiếng hét bị bóp nghẹt.

Barney ngoảnh đầu. “Cái gì thế?”

Bran nhìn sang bên kia hồ, nơi có vẻ là phần cao nhất của ngọn núi chúng đang đứng. Cậu thở dài. “Khách tham quan. Đang hét

gọi tiếng vọng. Lại xem đi."

Will đi chậm lại phía sau khi cả nhóm lần lượt đi theo con đường lầy lội, lổn nhổn đá dọc bờ hồ.

Cậu lại nhìn ra mặt nước, qua tấm thảm xanh sao trắng của rong và hoa súng, tới bờ bên kia nơi đất đột ngột đổ xuống thung lũng. Mưa quất ngược vào mắt, sương mù cuộn tròn trên các đỉnh đồi. Nhưng chẳng có gì vang vọng trong ý thức cậu; chẳng có gì lên tiếng với cậu. Chỉ có một cảm giác mạnh mẽ nhịp nhàng len lỏi trong tâm trí: rằng chúng đang đứng trước một thứ Phép Thuật Tối Cao, dưới một hình thức mà cậu chưa thể hiểu được.

Rồi Will theo bước những người khác, đi dọc theo con đường mòn vòng quanh sườn đồi cao kế tiếp. Cậu thấy cả bọn đang đứng trên một mỏm đá nhìn xuống một hõm đất phẳng giữa các ngọn đồi, rộng chừng năm mươi thước, một vùng trống giống như chỗ đặt Hồ Râu, nhưng ở đây chỉ có những mảng cỏ lau dày đặc mọc loang lổ – dấu hiệu của đầm lầy. Một người đàn ông và một phụ nữ mặc áo khoác màu cam chói mắt đứng thấp hơn dưới sườn đồi, cùng ba đứa trẻ đủ kích cỡ đang la hét, chạy nhảy quanh khoảng trống xanh rờn. Một vách đá dựng đứng ở phía đối diện vọng lại tiếng vọng.

"Ê!… Ê…"

"Uuuu!… Uuuu…"

"Baa baa cừu đen… cừu đen… cừu…"

"Đồ mặt mỡ!… mỡ… mỡ…"

Jane nói, "Nghe kỹ thì thấy có tiếng vọng kép, tiếng thứ hai rất nhỏ."

"Đồ mặt mỡ!" – đứa trẻ ồn ào nhất lại hét lên, khoái chí với chính mình.

Barney nói rõ ràng, "Lạ thật, người ta chẳng bao giờ nghĩ ra được điều gì thông minh để hét gọi tiếng vọng."

“Giống như lúc không biết nên nói gì để thử micro có hoạt động không,” Will nói. “Thử mic, thử mic, một, hai, ba…”

“Thầy dạy tiếng Anh ở trường tớ có một bài vè rất thô tục để thử đó,” Simon nói.

“Không thể hét mấy bài vè tục tĩu cho tiếng vọng nghe được,” Barney lạnh lùng nói. “Tiếng vọng là điều đặc biệt. Người ta nên… nên hát cho chúng nghe.”

“Hát ấy hả?” Jane nói. Mấy đứa trẻ vẫn đang la hét vào núi; cô nhìn chúng đầy vẻ khó chịu.

“Sao không? Hoặc diễn mấy đoạn Shakespeare. Simon đóng vai Prospero kỳ trước mà – diễn lại một đoạn đi.”

“Cậu đóng thật à?” Bran nhìn Simon đầy hứng thú.

“Chỉ vì tớ là đứa cao nhất,” Simon khiêm tốn nói. “Và có giọng hợp.”

“Đồ mặt mỡ!” – lũ trẻ hét đồng thanh.

“Trời ơi!” Jane mất kiên nhẫn. “Cha mẹ chúng bị làm sao vậy?” Cô quay phắt đi, giận dữ, rồi bước xuống dốc một đoạn. Gió ở đây dường như bớt dữ dội hơn, và mưa cũng dịu lại thành một màn bụi mỏng. Bụi rậm cào vào mắt cá chân cô; sườn đồi phủ đầy thạch nam và những bụi dâu thấp, thỉnh thoảng điểm vài quả dâu nhỏ màu xanh đen lẫn trong lá.

Tiếng mấy người kia dần lùi xa khi cô bước đi. Jane thọc tay sâu vào túi áo, khom vai như thể muốn rũ bỏ điều gì khỏi lưng mình. *Con chó đen trên vai*, cô thầm nghĩ chua chát: cách gọi trong nhà khi có ai đó đang trong cơn u sầu ngắn, thường là cô dạo gần đây. Nhưng lần này, Jane cảm thấy, có gì đó hơn cả một cơn buồn. Có một sự kì lạ xâm chiếm tâm trí cô – một cảm giác bất an, nửa sợ hãi, nửa chờ đợi điều gì đó mà một phần cô hiểu, phần còn lại thì không… Jane thở dài. Cứ như thể cô đang sống với một người khác bên trong chính mình – mà lại hoàn toàn không biết người ấy sẽ làm gì hay cảm thấy ra sao tiếp theo.

Một vệt cam lướt qua tầm mắt cô, hiện lên giữa một kẽ hở nơi đường chân trời gồ ghề; gia đình ồn ào kia đang rời đi, người mẹ kéo một đứa trẻ đang vùng vằng, cau có nắm tay. Họ khuất sau sườn đồi, hướng về con đường mòn. Nhưng Jane không quay lại với những người khác; cô vẫn lững thững đi một mình, qua những đám thạch nam và cỏ ướt, cho tới khi gió lạnh lại quất vào mặt và cô nhận ra mình đã quay trở lại Hồ Râu.

Từ phía sau, cô nghe thấy tiếng cười khẽ và một lời gọi từ Barney, rồi lại nghe tiếng gọi ấy một lần nữa: một tiếng gọi để vang vọng. Cô đứng lặng, trống trải, nhìn ra mặt hồ tối đen phủ rong rêu, về phía thung lũng xa xăm bên kia. Gió rít trong tai cô. Mây xám nặng trĩu sà thấp đến mức trôi lững lờ trên đỉnh đồi thành từng dải trắng rách rưới, lượn xuống mặt hồ, cuộn tròn rồi tan đi về phía thung lũng. Cả thế giới như chuyển sang màu xám, như thể mọi sắc màu đã bị rút cạn khỏi lớp cỏ mùa hè.

Trong một đợt gió xoáy khiến không gian bỗng chốc trở nên tĩnh lặng, Jane nghe thấy giọng Simon từ phía sau, vẳng lên yếu ớt, một đoạn ngắt quãng: "… thou earth, thou! Nói!…" Và rất khẽ, có lẽ chỉ trong tưởng tượng, cô nghe thấy tiếng vọng: "… nói… nói…"

Rồi một vài từ vang lên từ một giọng khác, rõ ràng và xa lạ, và cô biết đó là Bran đang gọi bằng tiếng Wales; và một lần nữa tiếng vọng khẽ khàng đưa những lời đó trở lại với cô, thân quen ngay cả khi cô không hiểu nghĩa.

Gió cuộn lên, sương mù kéo thành tấm màn mỏng rách nát che khuất bên kia hồ, nuốt lấy Thung lũng Hạnh Phúc. Và ngay trên tiếng vọng từ lời gọi của Bran, như thể theo một dấu hiệu nào đó, một giọng hát thứ ba cất lên, ngân vang, cao vút, ngọt ngào và siêu thực đến mức Jane đứng lặng người, không thở nổi, cơ thể như đông cứng, nhưng cũng đồng thời như thể hoàn toàn thoát khỏi xác thân. Cô biết đó là Will; cô không nhớ mình đã từng nghe cậu hát bao giờ chưa; cô không thể nghĩ gì nữa, không thể làm gì, chỉ có thể nghe.

Giọng hát bay lên theo gió, từ sau đồi vọng tới, xa mà rõ ràng, một làn giai điệu lạ lùng và tuyệt đẹp, và đi kèm theo sau, rất mờ nhạt như một bè phụ, là tiếng vọng ngân theo bài hát ấy – một giọng thứ hai ma mị đan xen với giọng đầu tiên.

Cứ như thể cả dãy núi đang hát.

Và khi Jane vẫn đứng bất động, mắt nhìn mông lung vào những đám mây trắng trôi thấp trên mặt hồ, một ai đó đã đến.

Giữa lớp sương xám đang dịch chuyển, một mảng màu bắt đầu phát sáng, lấp lánh đỏ, hồng và lam, quyện lấy nhau nhanh đến mức mắt không thể theo kịp. Mảng sáng ấy dịu dàng nhưng ấm áp trên ngọn núi lạnh giá, thu hút ánh nhìn của Jane như ánh lửa; rồi từ từ, nó bắt đầu định hình, và Jane chớp mắt trong kinh ngạc khi nhận ra một hình thể đang hiện ra xung quanh ánh sáng ấy. Không phải một hình thù rõ ràng, mà là một gợi ý, một dấu hiệu cho những ai có thể nhìn thấy bằng "đôi mắt đúng nghĩa"…

Ánh sáng dần trở nên rực rỡ hơn cho tới khi toàn bộ thu gọn lại trong một viên đá màu hồng phấn, gắn trên một chiếc nhẫn, và chiếc nhẫn nằm trên ngón tay của một bóng người thanh mảnh đang đứng trước cô, hơi nghiêng người như thể đang tựa vào một cây gậy. Ban đầu, ánh sáng quanh hình thể ấy quá chói khiến Jane không thể nhìn thẳng; mắt cô trượt xuống mặt đất nơi bà ấy đang đứng – chỉ để sững sờ nhận ra không có mặt đất nào ở đó. Bóng người ấy đang lơ lửng trước mặt cô, một mảnh tách biệt từ thế giới nào đó sau màn sương xám. Giờ thì cô đã thấy rõ, đó là dáng người mảnh khảnh của một bà lão, mặc áo choàng dài màu nhạt; khuôn mặt thanh tú, vừa hiền hậu vừa kiêu hãnh, đôi mắt xanh trong sáng một cách kỳ lạ trên gương mặt già nua đầy những nếp nhăn như mạng nhện.

Jane đã quên cả những người còn lại, quên cả ngọn núi, cơn mưa, quên tất cả trừ gương mặt ấy – gương mặt đang nhìn cô, giờ đây nhẹ nhàng mỉm cười. Nhưng bà lão vẫn chưa nói gì.

Jane khẽ khàng nói, "Bà là Quý Bà. Quý Bà của Will."

Người phụ nữ cúi đầu, một cái gật nhẹ uyển chuyển. “Và vì cháu có thể nhìn thấy điều ấy, ta có thể nói với cháu, Jane Drew. Từ đầu vốn đã được định rằng chính cháu sẽ mang thông điệp cuối cùng.”

“Thông điệp?” Giọng Jane chỉ còn là một hơi thở.

“Có những điều chỉ có thể truyền đạt giữa những người đồng dạng,” giọng nói ngọt ngào vang lên trong sương. “Giống như trò chơi domino của trẻ nhỏ. Bởi cháu và ta có những điểm tương đồng rất rõ ràng, Jane, Jana, Juno, Jane – tách biệt khỏi tất cả những người khác trong cuộc hành trình này. Còn cháu và Will giống nhau ở tuổi trẻ và sức sống – điều mà ta không còn.”

Giọng nói yếu dần đi, như mang một nỗi mỏi mệt khôn tả; rồi lại trở nên vững vàng, và ánh sáng từ chiếc nhẫn màu hồng nơi tay bà lão lại sáng rực hơn. Bà đứng thẳng người lên, áo choàng giờ đây trắng tinh, rạng rỡ như ánh trăng rọi xuống mặt hồ xám xịt.

“Jane,” bà nói.

“Thưa bà?” Jane lập tức đáp, và không chút ngại ngùng, cô cúi đầu, khụy một gối gần như quỳ hẳn xuống, mặc kệ chiếc quần jean và áo khoác, như thể cô đang thực hiện một cái cúi chào cung kính của một thời đại khác.

Quý Bà cất giọng rõ ràng, “Cháu phải nói với cậu ấy rằng họ phải tới Vùng Đất Mất Tích, vào đúng khoảnh khắc nó lộ diện giữa đất liền và biển cả. Một bộ xương trắng sẽ ngăn cản họ, còn một cây táo gai bay sẽ cứu họ, chỉ chiếc tù và mới có thể ngăn bánh xe lại. Và trong tòa tháp thuỷ tinh giữa bảy cây cổ thụ, họ sẽ tìm thấy thanh gươm pha lê của Ánh Sáng.”

Giọng bà rung lên, ngắt quãng như đang cố gắng gom lại chút sức lực cuối cùng.

Jane vội lặp lại, cố giữ chặt những lời nói, cố giữ hình ảnh của Quý Bà. “Trong tòa tháp thuỷ tinh giữa bảy cây cổ thụ. Và… một

bộ xương trắng sẽ ngăn cản họ, và một cây táo gai bay cứu họ. Và chỉ có – chiếc tù và mới ngăn được bánh xe."

"Hãy nhớ lấy," Quý Bà nói. Hình dáng trắng toát của bà đang dần nhòa đi, ánh sáng trong chiếc nhẫn cũng tắt lịm. Giọng nói mỗi lúc một nhỏ dần, nhẹ như gió. "Hãy nhớ, con gái của ta. Và hãy can đảm lên, Jane. Hãy can đảm… can đảm…"

Âm thanh tan biến, gió cuộn lên; Jane tuyệt vọng nhìn ra màn sương xám, cố tìm lại đôi mắt xanh trong khuôn mặt già nua ấy, như thể chỉ có ánh mắt đó mới giữ được những lời vừa rồi trong ký ức cô. Nhưng cô chỉ còn một mình giữa ngọn đồi đen tối và mặt hồ lặng lẽ dưới tầng mây thấp trôi, trong tai chỉ còn tiếng gió rít và âm vang tưởng tượng cuối cùng của một giọng nói đang tắt dần. Và lúc đó, như thể nó chưa từng rời khỏi ý thức cô từ khoảnh khắc đầu tiên, vang lên thay vào đó là giai điệu ngân cao của giọng hát Will, âm vang như tiếng núi cất lời.

Bỗng dưng, tiếng hát ngừng bặt. Giọng Will vang lên khàn đặc, đầy lo âu: "Jane! Jane!" Tiếng vọng theo sau: "… Jane!… Jane!…" như một lời cảnh báo thì thầm. Theo phản xạ, Jane quay phắt lại phía tiếng gọi, nhưng chỉ thấy sườn đồi phủ cỏ xanh.

Rồi cô quay về phía hồ – và chỉ trong khoảnh khắc quay đi ấy, một cảnh tượng khủng khiếp hiện ra khiến nỗi kinh hoàng quét qua người cô như nước đá. Cô cố hét lên, nhưng chỉ phát ra một âm thanh khò khè nghẹn ứ.

Từ mặt nước đen ngòm, một cái cổ khổng lồ trồi lên, đung đưa trước mặt cô, rỏ nước tong tong, phía trên là một cái đầu nhọn nhỏ với cái miệng há rộng đầy răng đen. Hai chiếc râu như sừng ốc sên lay động chậm chạp trên đầu; một hàng bờm tua tủa bắt đầu giữa hai râu ấy, chạy dọc suốt cổ dài, nghiêng hẳn sang một bên vì nước, từng giọt dính nhớp nhỏ xuống mặt hồ. Cái cổ ấy trồi lên cao hơn nữa, cao mãi, dường như vô tận. Jane đứng trân trối, bất động vì kinh hãi, thấy rằng sinh vật ấy phủ kín một màu xanh lục thẫm, ánh lên những tia màu xỉn lạ lùng, chỉ trừ phần bụng quay về phía cô – trắng đục như bụng cá chết. Sinh

vật ấy vươn cao, chao lượn, đe dọa; không khí đầy mùi tanh nồng của rong, khí đầm lầy và xác thối rữa.

Jane không thể cử động tay chân. Cô đứng trân trối. Con mãng xà khổng lồ ngọ nguậy, lắc lư tiến lại, càng lúc càng gần, dò dẫm một cách mù quáng. Cái miệng nó há rộng. Nhớt dãi nhớp nhúa nhỏ ra từ hàm răng đen kịt. Nó lao sát đến cô, bốc mùi kinh tởm, và dường như đã cảm nhận được sự hiện diện của cô; cái đầu rụt lại chuẩn bị vồ tới.

Jane hét lên, và nhắm nghiền mắt lại.

THUỶ QUÁI AFANC

Trong khoảng trống bên cạnh tảng đá vọng âm, mọi âm thanh dường như đều tan biến khi Will bắt đầu cất tiếng hát. Gió lớn lặng xuống, và Simon, Bran cùng Barney đứng bất động, sửng sốt lắng nghe. Âm nhạc rơi xuống không trung như ánh mặt trời; một giai điệu lạ lùng, ám ảnh, không giống bất kỳ điều gì chúng từng nghe. Will đứng hát, tự nhiên và thư thái, tay đút túi áo, chất giọng cao trong vắt như của một thiếu sinh hát hợp xướng, cất lên những lời bằng một thứ tiếng mà không ai trong bọn chúng nhận ra. Chúng biết rằng đây là âm nhạc của các Cổ Nhân, thấm đẫm một sự mê hoặc vượt qua cả giai điệu. Giọng hát trong trẻo vút qua núi non, quấn quýt với tiếng vọng của chính nó, và khi lắng nghe, chúng đứng bất động, bị cuốn ra khỏi dòng thời gian.

Nhưng rồi đột ngột, bài hát ngưng lại giữa một nốt, và Will lảo đảo lùi về sau như thể vừa bị tát thẳng vào mặt. Chúng thấy khuôn mặt cậu méo mó vì kinh hãi, và cậu ngửa đầu hét lên, giọng đầy cảnh báo khủng khiếp, không còn chút vẻ trẻ con nào: “Jane! Jane!”

Tiếng vọng trả lại lời cậu: “Jane… Jane!”

Nhưng trước khi tiếng vọng đầu tiên kịp vang lên, Bran đã bắt đầu chuyển động. Cậu lao vụt qua Simon và Barney, như thể bị xô đẩy bởi cùng một xung động khẩn cấp đang nắm lấy Will. Mũ

cậu rơi xuống, mái tóc trắng bay phần phật như lá cờ khi cậu phóng qua cỏ và đá, lao về phía Hồ Râu, đuổi theo một điều gì đó mà không ai khác nhìn thấy.

Chiếc đầu khổng lồ lướt qua mặt Jane, một lần, hai lần, ba lần; chưa bao giờ đủ gần để chạm vào, nhưng mỗi lần đều mang theo một luồng khí ghê tởm của sự phân hủy. Jane hé mắt, nhìn qua kẽ tay run rẩy đang che mặt, chỉ biết rằng mình còn sống là nhờ cảm giác buồn nôn dữ dội đang trào lên. Thật không thể tin rằng một thứ ghê rợn đến thế lại tồn tại; vậy mà sinh vật ấy vẫn hiện diện. Tâm trí cô cố bám víu lấy điều gì đó để neo lại, chao đảo trong nhận thức kinh hoàng về một ác lực đang hiện hữu. Sinh vật từ hồ này là sai trái, độc địa, thù hằn, mang trong mình nỗi uất hận mưng mủ được nuôi dưỡng qua bao thế kỷ ngủ mê ác mộng. Cô cảm nhận được ý chí của nó đang lần mò tìm đến ý chí mình, cũng như cái đầu mù mờ kia đang lần trong không khí trước mặt. Rồi đột nhiên, một giọng nói phá vỡ tâm trí cô như tiếng rú, dù không vang lên bằng tai người, nhưng vẫn rít gào trong đầu.

"Nói!"

Jane nhắm chặt mắt lại.

"Hãy nói với ta!" Mệnh lệnh dội thẳng vào tâm trí cô. *"Ta là Afanc! Hãy nói cho ta điều chỉ mình ngươi biết! Nói!"*

"Không!" Jane tuyệt vọng cố gắng cắt đứt tâm trí và ký ức mình.

"Nói! Nói mau!"

Cô cố tìm lấy những hình ảnh để làm khiên chắn trước những đòn công phá dữ dội ấy; cô nghĩ đến gương mặt tròn dễ mến của Will, với mái tóc nâu thẳng rẽ một bên; đến ánh mắt dữ dội của ông Merriman dưới đôi mày trắng rậm; đến chiếc chén thánh vàng và cuộc hành trình tìm kiếm nó. Cô vươn xa hơn, tới những ngày gần đây ở xứ Wales, nghĩ về khuôn mặt rám nắng gầy gò của ông John Rowlands, và nụ cười dịu dàng, tử tế của vợ ông.

Nhưng ngay khi cô bắt đầu tìm được chút ổn định, tất cả lại vỡ tan, và giọng nói cao vút lại phá tan tâm trí cô, gào thét không ngừng, đến mức cô thấy mình sắp phát điên. Cô rên rỉ, loạng choạng, hai tay ôm lấy đầu.

Và đột nhiên, như lòng thương xót che phủ tiếng thét ấy, một giọng nói khác cất lên, dịu dàng, an ủi: *Ổn rồi. Jenny, ổn rồi,* và một luồng nhẹ nhõm ấm áp tràn qua tâm trí cô, rồi sau đó chỉ còn bóng tối…

Cả bọn thấy cô đổ sụp và ngã gục trên đám cỏ ướt khi chúng lảo đảo chạy từ tảng đá vọng âm đến. Simon và Barney vội vã lao về phía cô, nhưng Will túm lấy cả hai với một lực siết kinh ngạc, và ngay cả Simon cao lớn cũng bị bàn tay như vòng thép kẹp chặt cánh tay, không nhúc nhích được. Chúng thảng thốt khi nhìn thấy con thuỷ quái Afanc, giờ đang vùng vẫy điên cuồng trong hồ, chiếc cổ khổng lồ cong qua lại. Và rồi chúng nhìn thấy Bran, đầu trần, đứng thẳng trên một tảng đá cao, đối mặt với sinh vật, tóc trắng bay trong gió, vẻ mặt đầy thách thức.

Sinh vật rú lên giận dữ, khuấy bọt trắng xóa trong hồ, bắn tung toé hòa vào những đám mây xám và cơn mưa tạt ngang, khiến cả thế giới dường như cuốn xoáy trong màn sương xám xịt.

“Quay về đi!” Bran hét lớn qua hồ về phía nó. “Quay về nơi mày thuộc về!”

Từ chiếc đầu có sừng giữa màn sương, một giọng cao the thé vang lên, lạnh buốt như tử khí; chúng rùng mình khi nghe thấy.

“Ta là Afanc của Llyn Barfog!” giọng cao rít lên. *“Nơi này là của ta!”*

Bran đứng bất động. “Cha ta đã trục xuất ngươi khỏi nơi này, đày ngươi đến Lyn Cau. Ngươi lấy tư cách gì để quay lại?”

Trên sườn đồi, Will cảm thấy bàn tay Barney bấu chặt lấy tay áo mình. Cậu nhóc bé nhỏ đang nhìn lên cậu, mặt tái nhợt. “Cha cậu ấy là sao, Will?”

Will bắt gặp ánh mắt nó, nhưng không nói gì.

Nước trong hồ sôi sục, giọng nói giận dữ và bướng bỉnh. *"Bóng Tối đã sống lâu hơn vị chúa tể đó. Bóng Tối đã đưa ta về nhà. Bóng Tối là chủ ta. Ta phải có được điều mà con bé đó sẽ tiết lộ!"*

"Ngươi đúng là một sinh vật ngu xuẩn," Bran nói rõ ràng, giọng khinh bỉ.

Con thuỷ quái Afanc gầm rú, rít lên, quẫy đạp; âm thanh của nó thật kinh hoàng. Nhưng dần dần, chúng bắt đầu nhận ra rằng nó chỉ là âm thanh: rằng mặc cho thân hình đồ sộ đáng sợ, sinh vật dường như chỉ có thể đe dọa bằng lời. Nó là một cơn ác mộng – không hơn.

Mái tóc trắng của Bran ánh lên như ngọn đuốc giữa làn sương xám; giọng Welsh lảnh lót của cậu vang vọng qua mặt hồ.

"Và các chủ nhân của ngươi cũng ngu xuẩn, nếu nghĩ rằng chỉ bằng sức mạnh của nỗi sợ có thể khuất phục một người trong Bộ Sáu. Cô gái này, cô ấy đã chứng kiến những cảnh tượng kinh hoàng hơn ngươi, và đã vượt qua thử thách." Giọng cậu trở nên sắc lạnh, vang dội, bỗng nhiên sâu hơn và già dặn hơn; cậu đứng thẳng, chỉ tay. "Cút đi, Afanc, trở lại làn nước đen nơi ngươi thuộc về! Trở lại với Bóng Tối, và đừng bao giờ xuất hiện nữa! Ewch nôl! Ewch y llyn!"

Và bỗng nhiên, mặt hồ chìm trong im lặng hoàn toàn, chỉ còn tiếng gió rít và mưa lộp độp trên quần áo chúng. Chiếc cổ xanh khổng lồ cúi xuống, cuộn lại như phục tùng, nhỏ dãi bùn lầy và rong rêu; rồi chiếc đầu có sừng như con ốc sên cúi xuống nước, và sinh vật đó từ từ biến mất. Một vài bong bóng lớn, lờ đờ nổi lên trên mặt hồ tối đen, những gợn sóng tỏa rộng, tan dần trong đám lá súng. Rồi chẳng còn gì nữa.

Will hét lên đầy khoái chí nhẹ nhõm, cùng với Simon và Barney, cậu trượt chân lảo đảo chạy xuống sườn đồi trơn trượt. Jane đang ngồi dưới chân dốc, trên bãi cỏ sát mép lau sậy ven hồ; khuôn mặt cô tái nhợt.

Simon quỳ xuống bên cô. “Em ổn chứ?”

Jane nói, một cách lạ lùng, “Em đang nhìn cậu ấy.”

“Nhưng em không bị thương chứ? Khi ngã xuống ấy?”

“Ngã á?” Jane lặp lại.

Will nhẹ nhàng nói, “Giờ cậu ấy sẽ ổn thôi.”

“Will?” Jane nói. Cô nhìn ra phía hồ, nơi Bran vẫn đứng bất động trên tảng đá. Giọng cô run run. “Will… Bran là ai – hay là gì?”

Simon đỡ cô đứng dậy, và bốn người họ cùng đứng nhìn về phía Bran. Cậu bé tóc trắng từ từ quay lưng lại phía hồ, kéo cổ áo sát hơn, lắc đầu như chó rũ nước mưa khỏi lông.

“Cậu ấy là Pendragon,” Will nói đơn giản. “Con trai của Arthur. Người thừa kế cùng một trách nhiệm, ở một thời đại khác… Khi cậu ấy chào đời, mẹ cậu – Guinevere – đã mang cậu đi xuyên qua Thời Gian, với sự giúp đỡ của Merriman, bởi vì lần trước bà đã phản bội chồng mình nên bà sợ Arthur sẽ không tin Bran là con trai thật sự của ông. Vì thế bà để cậu ở đây, để cậu lớn lên trong thời đại của chúng ta, ở xứ Wales, với một người cha nuôi mới. Nên cậu ấy thuộc về thời đại này chẳng kém gì chúng ta, nhưng đồng thời cũng không hoàn toàn thuộc về nó… Và đôi khi tớ nghĩ cậu ấy hoàn toàn ý thức được tất cả điều đó, và những lúc khác thì dường như một nửa cuộc đời ấy với cậu chỉ như một giấc mơ…”

Giọng cậu trở nên nhanh hơn, thực tế hơn. “Tớ không thể kể thêm bây giờ. Mau đi thôi.”

Chúng bước đi, mỗi người một chút ngập ngừng, để gặp Bran, trong cơn mưa giờ lại nặng hạt hơn. Cậu nở nụ cười tươi rói với chúng, hoàn toàn không có chút gì căng thẳng, và chun mũi lại.

“Daro!” cậu nói. “Thật là kinh tởm!”

“Cảm ơn cậu, Bran,” Jane nói.

“O’r gorau,” Bran đáp. “Không có gì.”

“Nó thật sự sẽ không bao giờ quay lại chứ?” Barney nói, nhìn mặt hồ đầy tò mò.

“Không bao giờ,” Bran nói.

Simon hít một hơi thật sâu rồi thở ra. “Từ giờ tớ sẽ không cười nhạo những câu chuyện về quái vật hồ Loch Ness nữa.”

“Nhưng sinh vật này là một tạo vật của Bóng Tối,” Will nói. “Được tạo ra từ chất liệu của ác mộng, nhằm mục đích đánh gục Jane. Vì chúng muốn thứ gì đó mà cậu ấy đang giữ.” Cậu quay sang nhìn cô. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Đó là lúc cậu hát,” Jane nói. “Và tiếng vọng hát cùng cậu. Nghe… nghe như thể…”

“Như ngọn núi đang hát,” Bran nói chậm rãi.

“Và Quý Bà đã đến,” Jane nói. “Và đúng là bà đã đến.”

Chúng im lặng.

Will không nói gì. Cậu đứng lặng nhìn Jane, trên mặt hiện lên những cảm xúc đan xen: sự sửng sốt trống rỗng, rồi ganh tỵ, tiếp đến là một hiểu biết dần hé mở và cuối cùng dịu lại trong nét mặt thân thiện thường thấy. Cậu nhẹ nhàng nói, “Tớ không hề biết.”

“Quý Bà này –” Simon nói. Cậu ngừng lại.

“Sao?” Jane hỏi.

“Thì… bà ấy đến từ đâu? Giờ bà ấy đang ở đâu?”

“Em không biết. Cả hai điều đó. Bà chỉ… xuất hiện. Và bà đã nói –” Jane ngừng, cảm giác ấm áp tràn qua khi cô nhớ lại những lời mà Quý Bà đã nói – cho cô, chỉ mình cô. Rồi cô gạt chúng sang bên. “Bà nói, bảo cậu ấy, rằng chúng ta phải đến Vùng Đất Mất Tích, khi nó hiện ra giữa bờ và biển. Bà nói, một bộ xương trắng sẽ ngăn chúng ta lại, và một… một cây táo gai bay sẽ cứu chúng ta. Và –” Cô nhắm mắt lại, cố gắng tuyệt vọng để nhớ đúng từng từ. “Và chỉ có chiếc tù và mới ngăn được bánh xe, bà nói thế. Và

chúng ta sẽ tìm được thanh gươm pha lê của Ánh Sáng trong tòa tháp thủy tinh giữa bảy cây cổ thụ."

Cô thở ra một hơi ngắn, mở mắt ra. "Không hoàn toàn chính xác, nhưng đó là những gì bà ấy đã nói. Rồi bà… biến mất. Bà trông mệt lắm, cứ như mờ dần đi vậy."

"Bà ấy thật sự rất mệt," Will nói nghiêm nghị. Cậu đặt nhẹ tay lên vai Jane. "Cậu đã làm rất tốt. Ngay khoảnh khắc Bóng Tối cảm thấy bà ấy đã nói cho cậu biết, chúng lập tức kéo đến, phái Afanc đến để gây sốc buộc cậu phải tiết lộ lời tiên tri. Đó là cách duy nhất – chúng không thể tự nghe được. Đôi khi có một lớp bảo vệ bao quanh Bộ Sáu, Bóng Tối không thể nhìn hay nghe xuyên qua được."

"Nhưng chỉ có năm chúng ta thôi mà," Barney nói.

Bran bật cười. "Cậu nhóc này sắc sảo đến mức tự làm mình bị thương mất."

Barney vội nói, "Em xin lỗi – em biết. Dĩ nhiên mọi thứ vẫn diễn ra dù là năm hay sáu người. Nhưng Ông Bác Merry đâu rồi ?" Trong một thoáng, giọng cậu nhỏ lại, ngây thơ như trẻ con.

"Anh không biết," Will nói. "Ông ấy sẽ đến, Barney à. Khi nào có thể."

Simon bất ngờ hắt hơi một tiếng thật lớn, cúi đầu xuống. Nước mưa nhỏ thành dòng từ mép mũ trùm đầu cậu. Không còn sương mù trôi trên mặt hồ nữa, và mây dường như cao hơn, tan loang ra, trôi nhanh qua bầu trời trong cơn gió mà chúng gần như không cảm thấy khi ở dưới thấp. Nhưng mưa vẫn rơi đều.

"Vùng Đất Mất Tích ở đâu vậy?" Barney hỏi.

"Rồi chúng ta sẽ tìm ra," Will nói. "Khi đến lúc. Không nghi ngờ gì nữa. Đi thôi, đi xuống kẻo lại ốm cả đám."

Chúng nối đuôi nhau đi men theo con đường nhỏ ven hồ, nhảy qua những vũng nước, tránh những mảng bùn lầy; rồi rảo bước qua thảm cỏ dài ướt sũng về phía mỏm đá xám Cam March

Arthur, và con đường quay trở lại đỉnh đồi. Jane ngoái đầu lại nhìn cái hồ lần cuối, nhưng sườn dốc đã che mất.

“Will,” cô nói. “Cho tớ hỏi điều này. Ngay trước khi tớ thấy cái – cái thứ đó. Tớ nghe cậu hét lên ‘Jane!’ Như lời cảnh báo ấy.”

Barney nói ngay, “Đúng, anh ấy có hét thật. Nhìn anh ấy lúc đó sợ khiếp – như thể anh ấy đã thấy nó rồi.” Nó chợt nhận ra mình vừa nói gì, rồi nhìn Will đầy suy nghĩ.

“Cậu thấy thật à?” Jane hỏi.

Will vuốt tay qua tấm bia đá đánh dấu Cam March Arthur, nơi Bran, đi phía trước, đã đi ngang mà chẳng hề liếc nhìn. Cậu tiếp tục bước đi trong im lặng. Rồi cậu nói, “Khi Bóng Tối xuất hiện, ở bất cứ đâu, bọn tớ đều cảm nhận được. Giống như… kiểu như thú vật ngửi thấy mùi người ấy. Nên tớ biết – và tớ biết cậu đang gặp nguy hiểm, nên tớ phải hét lên.”

Cậu ngoái đầu lại nhìn Jane với nụ cười nửa miệng ngượng nghịu. “‘Hô vang tên nàng với những ngọn đồi vọng âm,’” cậu nói.

“Hử?” Simon đi bên cạnh cô ngạc nhiên.

“Cậu không phải là người duy nhất biết vài câu Shakespeare đâu,” Will nói. “Câu đó từ đâu ra ấy nhỉ?”

“Ồ – một bài diễn văn bọn tớ phải học kỳ trước.”

“Những ngọn đồi vọng âm,” Jane lặp lại. Cô nhìn ngược về ngọn đồi phía sau, nơi tảng đá vọng âm đã khuất. Rồi cô cau mày. “Will – nếu cậu có thể cảm nhận Bóng Tối, sao lại không cảm nhận được Ánh Sáng?”

“Quý Bà á?” Will lắc đầu. “Tớ không biết. Đó là lựa chọn của bà. Vì lý do riêng. Tớ nghĩ – tớ nghĩ có thể mỗi người bọn mình sẽ phải trải qua một thử thách, trước khi mọi chuyện kết thúc. Mỗi lần đều khác nhau và luôn bất ngờ. Và có lẽ Hồ Râu là thử thách của riêng cậu, Jane – của một mình cậu.”

“Em hy vọng thử thách của em không như vậy đâu,” Barney vui vẻ nói. Nó chỉ tay. “Nhìn kìa – mây đang tan rồi.”

Những vệt xanh lam hiện ra ở phía tây, giữa những đám mây rách loang; mưa giờ chỉ còn lất phất, rồi tạnh hẳn. Chúng tiếp tục đi xuống đồi, ngang qua ngôi trang trại nhỏ trắng xóa xây chắc như pháo đài để chống chọi gió đông; qua những cánh cổng khác, băng qua những ống kim loại kêu loảng xoảng của rào chắn gia súc được lắp để giữ cho những con bò đen xứ Wales không vượt rào. Thung lũng Hạnh Phúc lại hiện ra phía dưới, những sợi sương mù cuối cùng đang bị gió cuốn thổi qua các dãy núi xa xa. Ánh mặt trời ló rạng qua những khe mây, không khí ấm lên; áo khoác được mở ra, áo mưa giũ sạch nước. Như thể để xác nhận rằng mưa đã dứt, một chiếc ô tô nhỏ rì rào lên đồi, mang theo những vị khách đầu tiên trong dòng người mới tới – những người sẽ dạo bước trên sườn đồi giữa phân cừu và hang thỏ; để nhặt lông chim, những búi len xám mà hàng rào thép gai móc lại từ lũ cừu, và những viên sỏi thạch anh trắng thô ráp. Will chợt thấy cậu phải cố gắng nhớ rằng cậu hoàn toàn không có quyền gì để bực tức khi những người này dạo bước giữa đám dương xỉ và hoa thạch thảo, bụi kim tước và cỏ chuông, rải tàn thuốc lên đám cỏ tươi tốt.

Tiếng hải âu réo rắt vọng lại từ xa. Khi con đường uốn khúc quanh quả đồi, đột nhiên ở phía trước chúng trông thấy biển, và cửa sông Dyfi rộng lớn, với sợi chỉ bạc của con sông lượn lờ qua những dải cát vàng lấp lánh lúc thủy triều xuống thấp.

Tất cả đều dừng lại đứng nhìn. Ánh nắng len qua mây chiếu sáng trên dòng sông, lung linh trên dải cát chắn ngang cửa biển.

“Em đói quá,” Barney nói.

“Ý kiến hay đấy,” Simon nói. “Ăn trưa nhé?”

Bran nói, “Có mấy tảng đá ngồi được kìa – lên trên đó đi.”

Chúng leo lên sườn dốc bên đường, đến trảng đất không rào nơi bò đang gặm cỏ. Vài con bò đen lớn lững thững tránh đường đầy vẻ trách móc. Chẳng mấy chốc chúng đã vượt qua đỉnh một gò

nhỏ, con đường khuất sau lưng, và trước mặt chúng là biển cả và cửa sông trải rộng. Chúng ngồi lên những mô đá xám và ăn ngấu nghiến bánh mì kẹp. Cỏ ướt tỏa mùi thơm sạch sẽ, và đâu đó, một con sơn ca đang ngân nga bản nhạc dài say mê của nó. Trên cao, một con chim ưng nhỏ lơ lửng giữa không trung.

Jane vừa nhai vừa nhìn ra cửa sông, nói, "Bên kia sông có biết bao nhiêu dải đất bằng phẳng. Hàng dặm, hàng dặm, trước khi núi non lại xuất hiện."

"Cors Fochno," Bran nói, mái tóc trắng kỳ lạ của cậu giờ đã khô và bông lên trong nắng. "Đầm lầy, phần lớn là vậy – thấy mấy con kênh thoát nước thẳng tắp không? Bên ấy có nhiều loài cây thú vị lắm, nếu cậu là nhà thực vật học. Mà tớ thì không... Và người ta từng tìm thấy mấy thứ cổ xưa ở đó – một đai vàng có gai nhọn, một sợi vòng cổ bằng vàng, và ba mươi hai đồng vàng hiện đang nằm trong Bảo tàng Quốc gia. Còn có cả gốc cây chết đuối ngoài bãi cát, gần đụn cát kia. Một vài gốc bên phía này của sông nữa, giữa Aberdyfi và Tywyn ấy."

"Cây chết đuối á?" Simon hỏi.

"Chắc rồi," Bran nói. Cậu cười khúc khích. "Chắc từ Vùng Trăm Ngập Nước đấy."

Barney ngẩn ra, "Cái gì cơ?"

"Em chưa từng nghe câu chuyện cũ đó à? Về tiếng chuông Aberdyfi ngân vang như ma quái ngoài biển đêm hè kia, bên đó ấy?" Bị cặp kính đen che đôi mắt sáng nhợt, Bran đứng dậy và chỉ tay về phía cửa sông, giờ ngập trong nắng, bên dưới những khoảng trời xanh rộng lớn. "Người ta bảo nơi ấy từng là Cantr'er Gwaelod, Trăm Dặm Đất Thấp, miền đất màu mỡ tươi đẹp của vua Gwyddno Garanhir, từ nhiều thế kỷ trước. Mỗi tội nó thấp quá, phải dùng đê giữ nước biển ngoài. Rồi một đêm giông bão dữ dội, đê vỡ, nước tràn vào. Và cả vùng đất bị nhấn chìm."

Will đứng dậy, lặng lẽ bước tới bên cạnh, nhìn xuống cửa sông. Cậu cố kiềm chế sự phấn khích trong giọng.

“Nhấn chìm,” cậu nói. “Đã mất…”

Ngọn núi tĩnh lặng. Con sơn ca đã ngừng hót. Từ xa, chúng lại nghe thấy tiếng hải âu vọng mơ hồ ngoài biển.

Bran đứng lặng, không quay đầu. “Lạy Chúa,” cậu khẽ nói.

Những người khác vội đứng bật dậy. Simon nói, “Vùng Đất Mất Tích?”

“Tớ luôn biết câu chuyện cũ đó, rõ như chính tên mình,” Bran chậm rãi nói, “mà chưa từng nghĩ đến…”

“Thật sự có thể là nơi đó sao?” Simon hỏi. “Nhưng –”

Barney thốt lên, “Chắc chắn là vậy! Còn nơi nào khác được chứ! Đúng không, Will?”

“Tớ nghĩ vậy,” Will nói. Cậu cố không để khuôn mặt vỡ òa thành nụ cười ngớ ngẩn. Niềm tin dâng trào trong cậu như hơi ấm mặt trời. Cậu lại cảm thấy rõ sức mạnh của Phép Thuật Tối Cao quanh mình, mạnh mẽ trở lại như xưa. Đó là một cảm giác say mê, như đêm Giáng Sinh, như màn sương xanh mơn mởn của cây rừng đầu xuân, hay lần đầu thấy biển khi kỳ nghỉ hè bắt đầu. Theo bản năng, cậu giơ cả hai tay lên, như muốn ôm lấy một đám mây.

“Có gì đó –” cậu nói, buột miệng từ chính cảm giác của cậu, chẳng nghĩ gì. “Có điều gì đó –” Cậu quay tròn, nhìn quanh núi; niềm vui trào dâng trong cậu, cậu gần như quên hẳn sự hiện diện của mọi người. Ngoại trừ một người.

“Bran?” cậu gọi. “Bran? Cậu có cảm thấy – cậu có –”

Cậu vung tay, không tìm được lời, nhưng rồi nhìn sang và biết rằng cậu chẳng cần nói gì, vì vẻ sửng sốt mê mẩn trên khuôn mặt Bran đã nói lên tất cả. Cậu thiếu niên xứ Wales cũng quay sang, nhìn về núi non, về bầu trời, như thể tìm kiếm điều gì đó, cố lắng nghe một tiếng gọi. Will bật cười lớn, khi thấy chính niềm vui khó gọi thành tên ấy đang phản chiếu trên gương mặt bạn mình.

Jane, đứng sau họ, quan sát, cảm nhận cường độ cảm xúc ấy và bất giác thấy sợ. Cô khẽ dịch sát lại Simon, và vòng tay giữ Barney cạnh bên; và như cùng một linh cảm, Barney không chống cự, chỉ bước lùi lại, rời xa Will và Bran. Ba anh em Drew đứng đó, cùng nhau, lặng lẽ quan sát.

Và nơi đồi cao phía trước, một dặm xa trong ánh nắng xanh-vàng nơi cửa sông, không khí bắt đầu rung lên, như làn khói mỏng trong ngày hè nóng nực trên con đường lát đá. Cùng lúc đó, một bản nhạc mơ hồ vang đến tai chúng, xa xăm và dịu dàng, ngọt ngào đến mức chúng căng tai lắng nghe, nhưng không tài nào bắt được nhiều hơn một khúc giai điệu mơ hồ, mong manh. Không khí rung động ngày càng sáng hơn, rồi rực rỡ, như thể ánh sáng mặt trời tỏa ra từ trong chính nó; ánh sáng chói lòa, nhưng xuyên qua đó chúng thấy có điều gì đó đang thay đổi nơi cửa sông, một chuyển động trên mặt nước.

Dù thủy triều đã rút thấp, dường như lại có thêm bãi cát vàng lấp lánh hiện ra ngoài rìa nước. Sóng lặng đi, nước bắt đầu rút sâu hơn. Xa dần, xa dần, rìa trắng của biển xanh lùi ra xa, và bờ dần lộ diện; đầu tiên là cát, rồi ánh xanh óng ánh của rong. Nhưng đó không phải là rong, Jane kinh ngạc nhận ra, đó là cỏ; vì sau đó, khi biển rút dần, nổi lên những cây xanh, hoa lá, những bức tường và công trình bằng đá xám, ngói xanh và vàng ánh. Cả một thành phố dần hiện ra, mọc lên từ lòng biển rút: một thành phố sống, nơi có làn khói mỏng bay lên từ những đống lửa khuất tầm nhìn, trong bầu không khí mùa hè tĩnh lặng.

Những tháp canh và chóp nhọn sáng lấp lánh vươn lên như vệ binh, trấn giữ vùng đất màu mỡ trải dài giữa núi non. Và nơi rìa xa tít của miền đất mới, nơi biển xanh bắt đầu trở lại, họ thoáng thấy một cột sáng dựng lên, một tòa tháp xa vời, lấp lánh như ngọn lửa trắng.

Trên đỉnh cao nhất của sườn đồi, nhìn ra Vùng Đất Mất Tích và thành phố, tựa như thống lĩnh nó, Will và Bran đứng cạnh nhau, nổi bật giữa nền trời xanh. Trong mắt Jane, họ như những

nhạc công sẵn sàng, chờ cú vung gậy đầu tiên của người chỉ huy. Cô thấy Will ngẩng đầu lên đột ngột, nhìn ra biển. Và rồi ánh sáng đầy không trung lại bừng lên, chói lòa, lóa mắt, khiến người ta chỉ còn thấy hình bóng mờ nhạt của miền đất kỳ lạ qua làn sáng ấy, và Jane thấy – khi cô lùi lại, che mắt – ánh sáng tụ lại thành một dải rực rỡ như con đường, kéo dài từ chân họ, băng qua không trung, qua cửa sông Dyfi, ra biển.

Cô lại nghe tiếng nhạc – đẹp đẽ và khó nắm bắt – và thấy Will cùng Bran bước lên con đường ánh sáng ấy, tiến xa dần, băng qua sông, qua không trung, đi vào màn sương về phía Vùng Đất Mất Tích.

Cánh tay cô siết chặt vai Barney, và bên kia, cô cảm thấy tay Simon chạm vào tay mình. Chúng đứng bên nhau trong im lặng.

Rồi âm nhạc dần lặng, nhường chỗ cho tiếng hải âu xa xa, và con đường ánh sáng mờ dần, cùng với hai bóng người đang đi trên đó. Khi ánh sáng rút khỏi không trung, chúng chỉ còn thấy cửa sông như ban đầu – không thành phố, không đồng xanh mới mọc, không khói bếp mỏng bay – chỉ có biển, con sông, và bãi triều đang rút như trước.

Simon, Jane và Barney quay đi, im lặng, gom áo khoác và phần còn lại của bữa trưa vào ba lô, rồi lặng lẽ quay lại con đường lớn.

BA TỪ LỐI MÒN RA

Chúng đi thành hàng một, quay lại con đường mòn băng qua những ngọn đồi. Cỏ ướt lúc này lấp lánh dưới nắng; những giọt mưa còn vương long lanh trên dương xỉ, thạch thảo, và những bụi kim tước vàng lốm đốm sao.

Barney nói, “Chúng ta sẽ nói gì bây giờ?”

“Chị không biết,” Jane đáp.

“Chúng ta phải gặp ông John Rowlands ở Quảng trường, nơi các cậu ấy định đến,” Simon nói. “Rồi bảo – rồi bảo là –”

“Sẽ tốt hơn nếu ta không làm vậy,” Jane đột ngột nói. “Như thế ông ấy sẽ chỉ nghĩ các cậu ấy đến muộn, và sẽ rời đi không đợi. Ông ấy đã cảnh báo sẽ làm thế, nhớ không?”

“Nhưng vậy cũng không giải quyết được gì lâu dài.”

“Có thể các cậu ấy chẳng cần nhiều thời gian đến thế.”

Chúng lặng lẽ bước tiếp. Ở khúc ngoặt nơi đường mòn uốn về phía Aberdyfi, Jane dừng lại, đứng nhìn xa xăm qua những cánh đồng, về phía sườn đồi hoang cao nơi chúng từng gặp Will và Bran lần đầu.

Cô chỉ tay. “Chúng ta có thể men theo đồi, rồi xuống khách sạn từ sườn bên kia không?”

Simon có vẻ lưỡng lự, “Không có đường mòn nào đâu.”

“Sẽ nhanh hơn nhiều so với quay về làng,” Barney nói. “Và chúng ta cũng sẽ không gặp ông Rowlands.”

“Ít nhất cũng có lối mòn bò đi, qua cánh đồng kia,” Jane nói.

Simon nhún vai. “Anh không quan tâm. Đi thôi.” Cậu có vẻ dửng dưng, như thể tâm trí vẫn nửa tê liệt. Jane mở cổng vào cánh đồng đầu tiên dẫn chúng rời con đường nhỏ, và cậu lững thững theo sau.

Barney chạy theo sau, đỡ cổng từ tay Jane; nhưng trước khi kịp khép lại, đột nhiên phía trước, Jane thét lên, một tiếng hét ghê rợn, nghẹn lại. Cô dường như bật lên khỏi mặt đất, đâm sầm vào Simon; Simon cũng hét toáng, rồi cả hai lao vào Barney, đẩy nó lùi qua cổng. Và phía sau chúng, trong chớp mắt hãi hùng, Barney thấy những thân hình đỏ quạch gợn sóng của hàng chục con chồn Châu âu từ khắp cánh đồng đang lao đến – đúng loại như hai con mà chúng đã thấy trên đường lên núi sáng nay.

Simon hoảng loạn đóng sập cổng lại, một phản xạ vô vọng để phòng thủ. Nhưng lập tức bọn thú lại xông tới như trước, tràn qua hàng song hở chẳng thể ngăn những thứ nhỏ hơn lũ cừu. Bọn trẻ ra sức đá văng chúng đi; những thân hình đỏ dẻo quẹo

lách sang bên rồi lại lập tức bám gót, răng trắng lấp lánh, mắt đen sáng rực; không cắn, chỉ quấy rối, lượn lờ, thúc đẩy, xô đuổi.

Xua đuổi… đuổi đi, Barney chợt nghĩ; đang lùa chúng ta, như lùa đám cừu, còn chúng như lũ chó chăn cừu. Nó ngẩng đầu lên, thấy những thân hình nhỏ cứng rắn đang lướt quanh mắt cá chân mình đều dồn về phía cổng mở của nông trại mà chúng đã đi ngang qua hôm trước. Nó cố tình quay hướng khác, lập tức lũ vật lại bám gót, rít gào, táp khẽ, phát ra những âm thanh rít nhỏ rợn người, ép nó đổi hướng; cho đến khi, dù cố chống lại, Barney cũng phải quay lại nhập với Simon và Jane, cả ba cùng lao vào sân nông trại tìm nơi trú ẩn.

“Chậm lại nào!” Một giọng nói ấm áp, thư thái, vui vẻ; khi Jane hoảng loạn trượt vào sân trại, cô kịp thấy dáng một người phụ nữ phía trước, giơ tay đỡ lấy mình.

Gương mặt tươi cười ấy sao mà quen thuộc… Jane không nghĩ thêm, chỉ đổ người vào cánh tay dang ra đầy an ủi ấy trong cơn kiệt sức nhẹ nhõm. Sau lưng cô, Barney quay lại nhìn lo lắng – và thấy rằng từng con chồn Châu Âu đã biến mất không dấu vết.

“Chúa tôi ơi!” Giọng người phụ nữ nhẹ nhàng. “Rồi các cháu cũng sẽ gãy cổ mất, lao vào đây cứ như quỷ đuổi sau lưng. Chuyện gì vậy, có chuyện gì không ổn à?” Rồi cô nhìn kỹ Jane. “Ồ, ta nhận ra cháu – các cháu là mấy đứa đi cùng Bran và Will Stanton hôm qua mà.”

Barney bất chợt nói, “Bà là bà Rowlands!”

“Chính thế.” Giọng Blodwen Rowlands sắc lên. “Có chuyện gì sao? Hai cậu bé ấy có chuyện gì à?”

Chúng lặng người, nhất thời không thể gom đủ bình tĩnh để trả lời.

“Không không,” Jane lắp bắp. “Không… họ ổn, các cậu ấy… đi xuống rồi. Các cậu ấy nói sẽ gặp bà ở Quảng trường.”

“Phải rồi.” Khuôn mặt tròn của bà Rowlands dịu lại. “Chúng ta lên đây để John gặp Llew Owen, giờ đang chuẩn bị đi xuống đây.

Ta cũng tự hỏi liệu có bắt gặp mấy đứa dọc đường không." Bà nhìn Jane đầy lo lắng. "Tóc cháu ướt sũng, cariad, chắc bị dính mưa rồi… Sao trông ba đứa lại hoảng thế?"

"Không hẳn là hoảng," Simon nói cộc cằn. Giờ khi chẳng còn dấu vết nào của bọn chồn, cậu bắt đầu thấy xấu hổ vì mình đã hoảng loạn. "Chỉ là –"

"Lũ thú ấy," Jane nói, kiệt sức đến mức không còn giả vờ nổi. "Chồn – Bran bảo thế. Bọn cháu thấy hai con sáng nay, gần đây. Và rồi lúc nãy, trên đường mòn, chúng bỗng từ đâu trồi ra cả đám – và – và – chúng kinh khủng lắm. Răng của chúng –" Cô nuốt khan.

"Trời đất ơi," bà Rowlands dịu dàng nói, vỗ về như với trẻ nhỏ. "Thôi nào, đừng lo nữa, giờ không còn gì nữa, chúng biến hết rồi…" Bà vòng tay qua vai Jane, dẫn cô vào trong nông trại. Simon làm mặt với Barney như thể nói: bà ấy chẳng tin chút nào. Barney nhún vai, rồi cả hai theo sau. Trước khi chúng tới cửa nhà, John Rowlands bước ra; chiếc Land-Rover của ông đỗ ngay gần đó. Ông nhận ra bọn trẻ ngay; vẻ ngạc nhiên làm khuôn mặt rám nắng gầy gò của ông nhăn lại.

"Ồ ồ," ông nói. "Ba trong năm – còn hai đứa của tôi đâu rồi?"

"Các anh ấy đi xuống trước rồi," Barney nói, tỏ ra rất bình thản, theo đúng bản năng nói thật nửa vời như Jane trước đó. "Bọn cháu định băng ngang đỉnh đồi rồi xuống Trefeddian bằng lối ấy. Nhưng dường như không có đường."

"Giờ khó tìm lắm," John Rowlands nói, "từ ngày mấy căn nhà mới mọc lên che mất lối cũ. Biến mất rồi, lối xưa ta thường đi hồi còn bé." Ông liếc nhanh khuôn mặt tái nhợt của Jane, nhưng dường như không muốn hỏi gì thêm; ánh mắt ông như vẫn đang bận rộn đâu đó phía sau.

"Đi cùng bọn bác," bà Rowlands nói. "Bác sẽ đưa các cháu về." Bà vẫy chào bà chủ trại vừa bước ra nhìn dò hỏi từ cửa nhà, rồi mở

cửa sau chiếc Land-Rover.

“Phải rồi, tất nhiên,” John Rowlands nói.

“Cảm ơn bác nhiều ạ.” Chúng trèo lên xe. Jane chăm chú nhìn hàng rào và đồng cỏ khi xe rẽ vào đường làng, thấy cả Barney cũng đang dõi theo – nhưng không có dấu vết gì ngoài những cây ngò tây trắng và hoa liễu hồng mọc cao giữa cỏ, cùng hàng rào xanh thẫm vươn lên phía trên.

Simon, ngồi cạnh cô, thấy sự căng thẳng trên mặt cô và khẽ chạm vào cánh tay cô. Cậu nói rất khẽ, “Nhưng chúng thực sự đã ở đó.”

Chiếc Land-Rover rẽ xuống khúc ngoặt cuối cùng của con đường nhỏ dốc đứng, vào Quảng trường Nhà Nguyện, rồi đứng đợi trong dòng xe hơi nhỏ nhích từng chút một ở con phố một chiều hẹp dẫn ra đường lớn.

“Lạy Chúa lòng lành,” Blodwen Rowlands nói. “Xem kìa. Xe cộ gì mà đông thế. Em muốn ghé qua Royal House một chút, John à, nhưng em không biết anh định đỗ xe ở đâu nữa.”

“Ta cứ làm như khách du lịch, đưa xe vào bãi đỗ thôi,” John Rowlands nói, đánh lái sang phải, len lỏi giữa đám áo len và áo khoác, xe đẩy và xô xẻng nhựa, người người lững thững lang thang hay dõi mắt ra biển.

Chiếc Land-Rover được để lại trong bãi, nóc vuông to cao của nó nổi bật giữa những xe nhỏ hơn như một cột mốc. Họ len lỏi qua những con phố đông đúc; bà Rowlands dừng lại bên cửa hàng trưng bày áo len, đồ bơi và quần short.

“Wyt ti’n dwad i mewn hefyd, cariad?”

“Không, anh không vào đâu,” John Rowlands nói, rút chiếc tẩu ra khỏi túi và ngó vào bầu tẩu. “Bọn anh sẽ ra bến tàu, chắc thế. Nơi lý tưởng nhất để ngóng Bran và Will. Không vội đâu, Blod, cứ thong thả.”

Ông dẫn lũ trẻ băng qua đường, giữa một nhà kho đen to tướng ghi biển trường Hải dương Outward Bound và một cụm cột buồm, dây buồm rung khẽ trong gió, nơi thuyền buồm của Câu lạc bộ Du thuyền Aberdyfi nằm thành hàng trên bãi. Cát tràn cả ra vỉa hè.

Họ đi qua bến tàu rồi ra một đoạn đê đã gãy khúc ngắn. John Rowlands dừng lại, nhồi thuốc vào tẩu từ một túi da đen cũ kỹ. "Ngày xưa khi ta còn bé, bến tàu khác lắm," ông nói bâng quơ. "Toàn bằng gỗ, những tấm xà đen bôi dầu creosote… Hồi thủy triều xuống, bọn ta trèo khắp chỗ ấy, trượt ngã vì rong xanh trơn, rồi câu cua."

"Bác từng sống ở đây ạ?" Barney hỏi.

"Thấy bên kia không?" Theo tay chỉ của John Rowlands, chúng nhìn lại dãy nhà kiểu Victoria uy nghi, hẹp và cao ba tầng xếp dọc theo con đường, đối diện bãi biển, nhìn ra cửa sông Dyfi và biển cả.

"Ngôi nhà ở giữa, sơn xanh ấy," John Rowlands nói, "ta sinh ra ở đó. Cả cha ta nữa. Ông ấy là thủy thủ, cũng như ông nội ta. Ông nội ta là thuyền trưởng Evan Rowlands của chiếc tàu hai buồm Ellen Davies – chính ông ấy xây ngôi nhà đó. Toàn là các thuyền trưởng xưa xây cả dãy ấy, hồi Aberdyfi còn là cảng tàu đích thực."

Jane tò mò hỏi, "Bác không muốn làm thủy thủ luôn sao ạ?"

John Rowlands mỉm cười với cô qua làn khói xanh từ tẩu, mắt nheo lại dưới những vết nhăn của gương mặt rám nắng. "Hồi nhỏ chắc cũng có chứ. Nhưng cha ta chết đuối khi ta mới sáu tuổi, hiểu chứ, và mẹ ta đưa mấy anh em ta rời Aberdyfi, về nông trại của ông bà ngoại gần Abergynolwyn. Trở lại vùng đồi gần Cader Idris – sau thung lũng mà các cháu tới hôm nay. Rồi chuyện nọ chuyện kia, ta gắn với cừu, chứ không phải biển cả."

"Thật tiếc quá," Simon nói.

“Không hẳn đâu. Thời hoàng kim tàu thuyền cũng qua lâu rồi, cả nghề cá nữa. Đến thời cha ta thì nó cũng đã sắp lụi rồi.”

Barney nói, “Thật kỳ lạ. Là thủy thủ mà lại chết đuối.”

“Nhiều thủy thủ chẳng biết bơi đâu,” Simon nói. “Cả Nelson cũng thế. Mà ông ấy còn hay say sóng nữa.”

John Rowlands lặng lẽ rít tẩu.

“Nhiều người trong số họ chẳng bao giờ có dịp học, ta nghĩ vậy. Mấy ông đi tàu buồm ngày xưa – chẳng chơi bời dưới biển gì cả. Biển với họ là người tình, là mẹ, là nguồn sống, là cuộc đời. Nhưng mọi thứ đều nghiêm trọng. Không có gì gọi là vui chơi cả.”

Ông quay chậm rãi lại phía phố, mắt nhìn kỹ – và Jane bỗng nhận ra, ông đã nhìn kỹ cả bến tàu lẫn bãi biển từ nãy. “Ta chẳng thấy dấu vết nào của Bran và Will cả. Lúc các cháu rời tụi nó, tụi nó xuống đây bao lâu rồi?”

Jane do dự, thấy Simon há miệng rồi lại ngậm lại, lúng túng. Barney chỉ nhún vai.

Cô nói, “Khoảng – khoảng nửa tiếng, chắc thế.”

“Có thể các anh ấy bắt xe buýt rồi?” Barney đề nghị.

John Rowlands đứng im một lúc, ngậm tẩu trong miệng, mặt không biểu cảm. Ông hỏi, “Các cháu quen Will Stanton đã lâu chưa?”

“Tụi cháu từng đi nghỉ cùng nhau một lần,” Jane nói. “Hai năm trước. Ở Cornwall.”

“Có chuyện gì… bất thường… xảy ra trong kỳ nghỉ ấy không?” Giọng người đàn ông xứ Wales vẫn bình thản, nhưng đột nhiên ông nhìn rất sát – đặc biệt là vào Simon, đôi mắt đen sáng rực, tập trung.

Simon chớp mắt, bị bất ngờ. “Ừm – có lẽ là có.”

“Chuyện kiểu gì?”

“Chỉ… ờ, chỉ vài chuyện.” Mặt Simon đỏ bừng; cậu lúng túng, mắc kẹt giữa thành thật và hoang mang.

Jane thấy mặt Barney cau lại đầy bực bội. Cô lên tiếng, ngạc nhiên bởi sự điềm tĩnh trong giọng mình, “Ông đang muốn nói gì, thưa ông Rowlands?”

“Ba cháu biết gì về Will?” John Rowlands nói. Mặt ông không biểu lộ gì, giọng cộc lốc.

“Cũng khá nhiều,” Jane nói, rồi ngậm miệng lại nhanh như cánh cửa đóng sầm.

Cô đứng nhìn ông. Hai bên cô có thể cảm thấy Simon và Barney cũng cứng người, thách thức như chính cô; cả ba đứa đứng thành một khối đối diện với những câu hỏi mà, theo bản năng, chúng biết rằng không ai ngoài những người từng dính líu đến Merriman và Will có quyền hỏi tới.

Rowlands đang nhìn cô lúc này: ánh nhìn dò hỏi, lạ lùng, không chắc chắn. “Ba cháu không giống cậu ấy,” ông nói. “Ba cháu, cũng như ta, không phải… thuộc về kiểu đó.”

“Không,” Jane đáp.

Một điều gì đó như sụp đổ sau ánh mắt John Rowlands; khuôn mặt ông méo lại trong một vẻ đau khổ căng thẳng, và Jane đột ngột thấy lòng mình dậy lên một cơn xao động khi thấy ông nhìn cô, ánh mắt cầu khẩn lộ liễu.

“Diawl,” ông nói, giọng thít chặt lại, đau đớn, “các cháu có thể thôi ngờ vực ta được không, vì Chúa? Các cháu không thể thấy rõ bản chất của hai đứa ấy bằng ta, như ta đã thấy trong suốt một năm qua. Hai đứa – bởi vì Bran là người mà các cháu có thể hoàn toàn không hiểu gì cả. Và lúc này trong ta là nỗi sợ đang gào thét, về điều có thể xảy ra với chúng, về bàn tay kẻ có thể đã tóm lấy chúng, vào thời khắc có thể là hiểm nguy hơn bất kỳ lúc nào trước đây.”

Đằng sau vai Jane, Barney bất chợt nói, “Ông ấy nói thật đấy, Jane. Và Will đã tin ông ấy.”

“Đúng vậy,” Simon nói.

“Bác muốn nói gì, bác Rowlands,” Jane chậm rãi hỏi, “về những điều bác đã thấy trong năm vừa rồi?”

“Không phải là cả một năm kéo dài đâu,” John Rowlands nói. “Là mùa hè năm ngoái ấy, khi Will tới thăm chú cậu ấy. Ngay khi cậu ấy đặt chân tới thung lũng, mọi thứ… mọi thứ bắt đầu xảy ra. Những thế lực từng ngủ yên chợt bừng tỉnh, con người thay đổi và lớn lên, và Vua Xám xứ Cader Idris trỗi dậy trong quyền năng, rồi lại thất thế… tất cả là một cuộc đối đầu giữa Ánh Sáng và Bóng Tối, và ta đã chẳng hiểu gì về nó, cũng chẳng muốn hiểu.” Ông nhìn chúng, nét mặt nghiêm trang và chăm chú, tẩu thuốc quên khuấy trên tay. “Ta đã nói với Will như thế, suốt từ đầu,” ông nói. “Ta biết cậu ấy thuộc về một thế lực gọi là Ánh Sáng, và Bran Davies có lẽ còn gắn bó sâu sắc hơn trong cục diện đó. Nhưng như vậy là đủ với ta rồi. Ta sẽ giúp Will Stanton khi cậu ấy cần, và cả Bran nữa, vì ta có tình cảm với thằng bé như thể cậu ấy là con ruột của ta—chỉ có điều, ta không muốn biết cả hai đang làm gì.”

Barney tò mò hỏi, “Sao lại không ạ?”

“Vì ta không cùng một kiểu với họ,” John Rowlands nói gay gắt. “Và các cháu cũng vậy, điều đó là không nên.” Trong thoáng chốc, ông như thể nghiêm khắc và khắt khe—và vô cùng quả quyết.

Simon bất ngờ lên tiếng, “Cháu hiểu cảm giác ấy. Cháu luôn cảm thấy như vậy. Và dù sao thì bọn cháu thật sự cũng đâu có biết điều gì.” Cậu nhìn Jane. “Phải không?”

Cô định cãi lại, nhưng rồi dừng lại. “Ờ… không. Ông Bác Merry chẳng bao giờ nói gì nhiều. Chỉ là Bóng Tối đang trỗi dậy, hoặc đang cố trỗi dậy, và phải bị ngăn chặn. Mọi việc chúng ta làm dường như chỉ là những bước đi trên đường tới một điều gì khác. Thứ gì đó khác hẳn. Và chúng ta chưa bao giờ thật sự biết nó là gì.”

“Càng an toàn cho các cháu nếu cứ như vậy,” John Rowlands nói.

“Và cho các cậu ấy nữa, đúng không ạ?” Simon nói.

John Rowlands khẽ lắc đầu, một cái lắc vừa như nhún vai vừa như mỉm cười, rồi ông bắt đầu bật lửa nhóm lại tẩu thuốc.

Jane nói, “Cháu không nghĩ Will và Bran sẽ trở lại đây đâu, bác Rowlands ạ. Cả hai đã đi đâu rồi, tới một nơi nào đó. An toàn. Nhưng… rất xa.” Cô nhìn ra cửa sông, nơi vài cánh buồm trắng đang lướt qua lướt lại trên mặt nước xanh. “Cháu không biết bao lâu nữa. Một giờ, một ngày… Các cậu ấy cứ thế mà đi thôi.”

“Ờ,” John Rowlands nói, “vậy thì chúng ta chỉ còn biết chờ xem. Và ta phải nghĩ ra điều gì đó để kể cho Blodwen, vì đến tận giờ ta vẫn không rõ bà ấy có mảy may biết gì về hai cậu nhóc đó không. Ta nghĩ là không thật. Bà ấy có trái tim ấm áp và cái đầu khôn ngoan, cầu trời phù hộ, và bà ấy hài lòng khi quý mến tụi nó theo cái cách mà chúng thể hiện ra ngoài thôi.”

Một chiếc ca nô rít qua con sông phía sau họ, suýt nữa thì át đi tiếng ông. Từ đâu đó, tiếng nhạc rock vang rền trong không khí ấm áp; nó trỗi lên rồi lùi lại, khi một nhóm người mang theo radio đi qua bến tàu.

Nhìn về phía con đường, Jane thấy Blodwen Rowlands bước ra từ tiệm vải và dừng lại trên vỉa hè đông đúc; rồi bà bị khuất khỏi tầm nhìn khi một chiếc xe khách lớn lừ đừ len qua con phố hẹp của làng.

John Rowlands thở dài. “Nhìn tất cả đi,” ông nói. “Aberdyfi fach đã đổi thay đến nhường nào. Tất nhiên điều đó là không tránh khỏi, nhưng ta vẫn nhớ… ta vẫn nhớ… những ngày xưa cũ, khi tất cả các lão ngư già xếp thành hàng ở đằng kia, tựa người vào lan can trước khách sạn Dovey, nhìn ra mặt nước. Và hồi ta còn nhỏ cỡ tuổi Barney, điều ta thích nhất là được quanh quẩn gần đấy và nghe họ kể chuyện, nếu được cho phép. Thật là thú vị. Họ nhớ được những chuyện xưa xửa xưa xưa—giờ chắc cũng cả trăm năm rồi. Trở lại thời mà gần như toàn bộ đàn ông Aberdyfi đều là thủy thủ, thời của ông nội ta, khi cột buồm chen chúc dày như rừng dọc theo bến tàu này, chất đầy đá phiến từ các mỏ đá.

Và có tới bảy xưởng đóng tàu trên sông, bảy cái, đóng hàng chục con tàu—tàu hai buồm và tàu chở hàng nhỏ, cùng đủ loại thuyền bé khác…"

Giọng xứ Wales trầm ấm của ông vang lên như một khúc bi ai, hồi tưởng và tiếc thương những ngày đã mất, những ngày ông chưa từng sống qua, chỉ nhìn thấy qua ký ức người khác. Chúng lặng lẽ lắng nghe, mê mải, cho đến khi âm thanh và hình ảnh của thị trấn nghỉ mát đông đúc mùa hè dường như lùi xa, và chúng gần như có thể tưởng tượng ra cảnh những con tàu cao lớn đang vòng qua cửa biển vào sông, và những chồng đá phiến cắt sẵn chất đầy quanh chúng trên một bến tàu khác, làm bằng gỗ đen chứ không phải bê tông.

Một con mòng biển chậm rãi bay lên khỏi đầu cầu cảng, kêu lên một tiếng khản đục, chậm rãi và buồn bã, và Jane quay đầu dõi theo những cái vỗ cánh và sải cánh viền đen của nó. Làn gió như mạnh hơn lúc trước phả lên má cô. Con mòng biển lượn ngang qua họ, rất gần, vẫn kêu…

… và khi Jane hạ ánh nhìn từ bầu trời xuống, cô thấy những thanh dầm gỗ của cầu cảng đen sì dưới chân, chất đầy những hàng đá phiến xám xanh, và phía xa, trên mặt sông, một con tàu lớn đang tiến sát vào bờ, vải buồm phần phật và kẽo kẹt khi các thủy thủ kéo buồm xuống.

Jane đứng bất động, tròn mắt nhìn. Cô nghe tiếng cười, và những tiếng la the thé, và quanh cô trên cầu cảng là một đám nhỏ con trai, đứa xô đứa đẩy, nhảy nhót và chen lấn nhau sát mép cầu nguy hiểm trong tiếng la ó hỗn độn. "*Tao trước… tao trước… đừng giẫm chân tao, Freddie Evans!… cẩn thận!… đừng có đẩy!*" Chúng là một đám hỗn tạp, đứa sạch sẽ đứa lấm lem, có đứa đi chân trần, đứa đi bốt, và một đứa trong số đó, tóc vàng hoe, đang cười nói xô đẩy giữa đám đông ấy, là em trai cô—Barney.

Jane chỉ có thể nghĩ, một cách vô lý, “Nhưng vào thời đó họ hẳn là nói tiếng Welsh…”

Xa hơn trên cầu cảng, cô thấy Simon đang nói chuyện một cách chăm chú với hai ba cậu trai trạc tuổi mình. Họ cùng quay lại dõi theo con tàu đang từ từ áp sát. Với tiếng rít của vải buồm, cánh buồm chính của nó đổ ụp xuống thành đống, được tóm lại và buộc chặt; đó là một chiếc tàu buồm hai cột, buồm vuông ở cột buồm trước và buồm xuôi ở cột chính, lúc này chỉ còn hai buồm đầu căng phồng để đưa nó vào bờ. Tượng đầu tàu lấp lánh dưới phần mũi sào nhô ra: một cô gái bằng gỗ kích cỡ người thật, tóc vàng óng ả tung bay. Trên mũi tàu, giờ đây Jane có thể đọc được cái tên: Frances Amelia.

“Chở gỗ,” giọng trầm của John Rowlands vang lên bên cạnh cô. “Thấy đống gỗ chất trên boong kia không? Chủ yếu là chở cho John Jones thợ xây, chắc chắn rồi—ông ta đang đợi đấy. Một chuyến gỗ thông vàng, từ Labrador.”

Jane liếc nhìn ông; nét mặt ông bình thản, tẩu thuốc vẫn ngậm chặt giữa môi. Nhưng trên bàn tay lúc này vừa đưa lên tẩu, giữa các đốt ngón, có xăm một ngôi sao nhỏ màu xanh mà cô chưa từng thấy trước đó, và nơi cổ ông, ông đang mặc cổ áo dựng cứng và chiếc áo khoác cao cổ của thế kỷ mười chín. Ông đã trở thành một người khác, thuộc về một thời đại khác, mà bằng cách nào đó vẫn là chính ông. Jane rùng mình, nhắm mắt trong giây lát, và không dám nhìn xuống xem mình đang mặc gì.

Rồi có một tiếng xôn xao và tiếng hét thảng thốt vang lên ở mép cầu cảng, nơi ngày càng có nhiều người tụ tập. Cố gắng dõi mắt qua đám đầu người, Jane chỉ thấy chiếc tàu buồm đã bắt đầu cập bến, dây thừng từ mũi và đuôi tàu phóng xuống, được những bóng người lao nhanh bắt lấy và cột chặt vào bờ. Từ phía cuối cầu cảng nơi bọn trẻ con đã ùa đến, vang lên một tràng la mắng ầm ĩ từ một nhóm phụ nữ, và đột ngột Barney cùng một cậu bé khác, cả hai mặt mày tái nhợt, bị một người phụ nữ tất tả kéo lại phía Jane—một người đàn bà đội mũ trùm và choàng khăn. Đó

rõ ràng là Blodwen Rowlands, nhưng là một Blodwen Rowlands dường như không biết Jane là ai.

Bà nói với cả thế giới, vừa mắng vừa đẩy ân cần, "Lúc nào cũng thế, cái trò ngốc nghếch đua nhau xem ai là đứa đầu tiên chạm tay vào tàu mới cập cảng, và tất cả cứ chen chúc cản trở cánh đàn ông làm việc…Một ngày nào đó thể nào cũng có đứa chết, và hai đứa này hôm nay thì suýt chết rồi, các vị có thấy không? Ngay mép cầu, chới với, suýt bị mạn tàu nghiền vào cầu cảng nếu không có người kéo kịp ra… aah!" Cô lắc mỗi đứa một cái đầy bực dọc. "Bọn bây quên tuần trước Ellis Williams rớt xuống à?"

"Còn Freddie Evans tuần trước nữa," cậu bé đi cùng Barney nói bằng giọng lanh lảnh. "Mà còn tệ hơn, vì Evans thợ cạo chờ cậu ấy với cây roi da khi cậu ấy lên bờ, và quất cậu ấy từ đó tới tận nhà."

"Phải gọi là ông Evans, nhãi ranh," bà Rowlands nói, cố nén cười. Bà nhún vai với Jane đầy hài hước, thả hai cậu bé ra với một ngón tay giơ lên cảnh cáo, rồi quay về với nhóm phụ nữ đang chào đón thủy thủ trên tàu.

"Em thích bà ấy," Barney vui vẻ nói. "Có lẽ bà ấy vừa cứu mạng em đấy, chị biết không?" Rồi cậu nhe răng cười với Jane và chạy đi cùng cậu bé kia, biến mất sau những chồng đá phiến lớn bên lề đường.

Jane định gọi với theo, nhưng không thốt ra được lời nào. Bên cạnh cô, John Rowlands đang hét to về phía một người trên tàu Frances Amelia. "Iestyn! Iestyn Davies!"

"Cậu Evan!" người kia đáp lại, nụ cười sáng loáng răng trắng. Và ngay khi cái tên đó vang lên, Jane lại cảm thấy sự kỳ lạ rằng chẳng nghe thấy tiếng Welsh nào cả, rồi đột nhiên cô nhận ra rằng dĩ nhiên rồi, tất cả những lời cô nghe thấy thực ra đều là tiếng Welsh, cả của chính cô, không hề có một từ tiếng Anh nào cả.

“Dù sao đi nữa,” cô run run nói, chẳng vì lý do gì lại biết chắc rằng Simon đang đứng bên cạnh mình, rồi quay sang cậu, “hiểu được một ngôn ngữ mình không biết còn chẳng kỳ lạ bằng việc bị đưa về một thời gian trước khi mình ra đời.”

“Không,” Simon nói, giọng cậu vẫn là chính giọng Simon khiến Jane thấy nhẹ người hẳn. “Không thật sự kỳ lạ đâu.”

John Rowlands gọi lớn, đứng bên họ, “Có tin gì về chiếc Sarah Ellen không?”

Người đàn ông sững người. “Các anh chưa nghe gì à?”

Người đàn ông trên tàu Frances Amelia ngừng tay, đặt cuộn dây thừng xuống, gọi mấy câu với ai đó trên boong, rồi nhảy qua mạn tàu xuống cầu cảng. Anh ta bước nhanh tới chỗ John Rowlands, gương mặt lộ rõ vẻ lo lắng. “Tin xấu, Evan Rowlands, rất xấu. Tôi xin lỗi. Chiếc Sarah Ellen đã bị đắm ngoài khơi Skye hai hôm trước, mất toàn bộ thủy thủ đoàn. Bọn tôi vừa nghe tin hôm qua.”

“Lạy Chúa tôi,” John Rowlands nói. Ông đưa tay ra, dò dẫm nắm lấy cánh tay người đàn ông kia trong chốc lát; rồi quay đi loạng choạng, như thể đột nhiên trở nên già nua. Mặt ông xám ngoét, đầy đau đớn. Jane muốn chạy theo ông, nhưng cô không thể nhúc nhích. Làm sao có thể an ủi một nỗi đau trần trụi trên gương mặt sống động kia, khi mà nỗi đau ấy đã trôi qua và bị lãng quên cả trăm năm rồi? Cái nào thực hơn: sự hoang mang của cô, hay nỗi đau của Evan Rowlands hiện rõ trong đôi mắt người cháu nội?

Người tên Iestyn nói, mắt dõi theo John Rowlands, “Và em trai ông ấy ở trên tàu đó.” Anh nhìn quanh, về phía hai ba người đàn ông đang đứng gần đó, gương mặt nghiêm trọng. “Có gì đó không ổn. Đó là con tàu thứ tư do John Jones ở Aberdyfi đóng mà bị chìm trong vòng ba tháng, mà tất cả đều là tàu mới. Và người ta nói không phải một cơn bão lớn nào đã đánh chìm chiếc Sarah Ellen, chỉ là một con sóng lớn đuổi theo phía sau thôi.”

“Chúng đều giống nhau,” một người nói. “Mũi tàu chúi xuống nước. Tất cả tàu của ông ta giờ đều bị như thế, rồi thân tàu chịu sức căng, nước tràn vào, thế là chìm.”

“Không phải tất cả,” một người khác nói.

“Không, không phải tất cả, điều đó đúng. John Jones đã đóng một số tàu rất tốt. Nhưng mấy chiếc hỏng…”

“Tôi nghe nói,” người tên Iestyn nói, “rằng vấn đề không nằm ở thiết kế mà là ở khâu thi công. Không phải lỗi của John Jones, mà là của một trong những thợ cưa của ông ta. Và bất cứ mảnh gỗ nào qua tay hắn—”

Anh ngưng lại, bất chợt nhận ra ánh mắt lo lắng của Jane, rồi nở một nụ cười tươi roi rói đầy chủ ý. “Chờ đợi như thường lệ hả, như mấy đứa nhỏ khác, nhưng quá lịch sự để hỏi?” Anh thọc tay vào túi áo khoác rộng thùng thình và rút ra một gói vuông. “Đây—tôi bỏ một ít vào túi cho đứa nào đầu tiên đến nài nỉ xin. Mà vì cháu không hỏi, nên cháu sẽ được thừa hưởng, nhóc con.”

“Cháu cảm ơn,” Jane nói, và lần thứ hai trong ngày, cô tự khiến mình ngạc nhiên khi khẽ khàng nhún người cúi chào. Trong tay cô, được gói trong giấy, là bốn chiếc bánh quy khổng lồ, cứng như gỗ.

“Đi đi,” người đàn ông thân thiện nói. “Cho vào lò nướng, để trong đĩa, đổ sữa lên, rồi đặt một miếng bơ nhỏ lên trên, tuyệt lắm. Chỉ có trời mới biết có người còn thích bánh quy khô kiểu đó. Giữa đại dương thì không ngon bằng đâu, tôi nói thật. Khi đó người ta sẵn sàng đổi hết đống này lấy một lát bánh bara brith ấm áp.”

Mấy người khác phá lên cười, và đột nhiên, như thể hai chữ cuối đã vặn ngược chìa khóa để khóa lại một cánh cửa. Vì giờ đây họ bắt đầu nói chuyện với nhau bằng tiếng Welsh mà Jane không còn hiểu được nữa, và cô biết rằng sự khác biệt không nằm ở ngôn ngữ họ dùng mà nằm ở chính khả năng nghe hiểu của cô. Cô đã có thể hiểu nó trong một khoảnh khắc mê hoặc ngắn ngủi;

giờ thì không còn. Cô nắm lấy tay áo cứng còng lạ lẫm của Simon, kéo cậu ra xa.

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Anh chỉ ước mình biết. Chẳng có logic gì cả. Mọi thứ cứ rối tung lên.”

“Chúng ta đang ở đâu? Khi nào? Và tại sao?”

“Cái ‘tại sao’ là thứ lớn nhất.”

“Đi tìm Barney thôi.”

“Anh biết. Đi thôi.”

Khi cả hai bước qua những thanh gỗ được đóng cách nhau rộng rãi để tiến ra đường, Jane liếc nhìn người anh trai cao lớn; bằng cách nào đó, trong bộ quần áo cũ kỹ thô ráp, trông cậu cao hơn bao giờ hết, và chững chạc hơn. Cậu cũng đã thay đổi sao? Không, cô nghĩ: chẳng qua là mình thường chẳng bao giờ bận tâm để ý xem anh ấy là người thế nào…

Cả hai đi dọc con đường, ngang qua những túp nhà nhỏ rực rỡ hoa hồng, mõm chó và cẩm tú cầu thơm ngát; ngang qua những ngôi nhà liền kề trông bề thế và mới mẻ hơn hẳn so với dáng vẻ của chúng trong những ngày chưa tới; ngang qua một quán trọ hào nhoáng với biển hiệu vừa được sơn lại: The Penhelig Arms. Hai người đàn ông đang đi phía trước chúng chào một thân hình thấp đậm rám nắng đang đứng ở cửa quán trọ. “Chào ông, thuyền trưởng Edwards.”

Jane nghĩ: Mình lại nghe thấy tiếng Welsh rồi… “Chào ông.”

“Anh đã nghe chuyện chiếc Sarah Ellen, rồi chứ?”

“Tôi nghe rồi,” thuyền trưởng Edwards nói. “Và tôi nhớ những gì chúng ta từng nói, tôi đang tính đến gặp John Jones. Và có lẽ gặp một người làm cho ông ta nữa.”

“Có lẽ bọn tôi đi cùng ông,” một trong hai người kia nói, và khi người ấy quay lại, Jane choáng váng nhận ra đó lại là John

Rowlands. Cô không nhận ra ông; không chỉ vì trang phục khác, mà dáng đi cũng khác.

Tiếng đập búa vang lên từ đâu đó phía dưới đường, gần biển, kèm theo tiếng rít cao vút nhịp nhàng mà Jane không thể đoán ra là gì. Từ khoảng cách an toàn, cô và Simon theo chân ba người đàn ông, tới mép đường nơi nhìn xuống một sân phẳng ngay phía trên mức thủy triều lên cao.

Xưởng đóng tàu thật đơn sơ: vài cái lán, bên cạnh là một cấu trúc giống như chiếc hộp kỳ dị, rò rỉ những luồng hơi nước. Nó chỉ cao và rộng chừng hai bộ, nhưng rất, rất dài, hàng chục bộ, và được nối với một cái nồi hơi kim loại lớn bằng một ống dẫn. Gần đó, khung xương thô sơ của một con thuyền nằm trên giá đỡ gỗ: một chiếc sống tàu dài được đỡ bởi những sườn sồi trơ trụi mà mới chỉ có vài tấm ván được ghép vào. Những thanh gỗ khổng lồ, màu trắng ngả vàng của gỗ thông, chất thành đống trên mặt đất, và cạnh đó là một cái hố dài và sâu, sâu hơn chiều cao một người, nơi các thợ cưa cắt gỗ thành từng tấm ván.

Jane nhìn chăm chú, mê mẩn. Mỗi tấm gỗ được đặt dọc theo miệng hố, tựa trên các khúc gỗ nhỏ kê ngang; một người đứng dưới, một người đứng trên, và giữa họ là chiếc cưa dài gắn khung được kéo lên kéo xuống, tạo nên âm thanh rít nhức nhối mà cô đã nghe từ xa. Hai thợ cưa khác cũng đang làm việc trong một hố tương tự gần đó.Những người khác thì đang chuyển gỗ, chất ván, chăm sóc nồi hơi đang xì xèo hơi nước, dưới đó là một ngọn lửa nóng đến mức hầu như vô hình trong không khí ấm áp mùa hè.

Một cậu bé ngẩng đầu nhìn thấy ba người thủy thủ, liền giơ tay chào kiểu gì đó; nó chạy đến bên người thợ cưa đang làm việc phía trên một trong các hố, gào lên để át tiếng cưa xé gỗ.

“Thuyền trưởng Humphrey Edwards và thuyền trưởng Ieuan Morgan, và thuyền trưởng Evan Rowlands, ở trên kia kìa.”

Người thợ cưa ra hiệu cho bạn mình, dừng lưỡi cưa dài lại trước nhịp cắt kế tiếp. Anh ta ngẩng đầu lên. Jane, đang nhìn trộm qua

mép đường, thấy một gương mặt tròn trĩnh, phía trên là mái tóc đỏ rực đến sửng sốt; người đàn ông ấy cau có, không hề có vẻ gì thân thiện hay chào đón.

“John Jones ra bến tàu rồi,” người tóc đỏ hô lên. “Đi xem lô gỗ thông mới cập bến.” Rồi anh ta cúi xuống, tỏ rõ ý xua đi.

“Caradog Lewis,” thuyền trưởng thấp đậm từ quán trọ nói. Giọng ông không to, nhưng dù ở mức bình thường thì đó vẫn là kiểu giọng quen được nghe rõ cả giữa cơn bão trên biển.

Người tóc đỏ giật người lên, vẻ cáu kỉnh, tay chống hông. “Ở đây có việc phải làm, Humphrey Edwards, xin ông đừng quấy rầy.”

“Phải rồi,” John Rowlands nói. “Chính công việc của anh là điều chúng tôi muốn nói tới.” Ông bước qua bức tường đá thấp và đi xuống một cầu thang đá thô dẫn tới hố cưa; hai người kia theo sau. Và rồi, một lát sau khi không ai để ý, Simon và Jane cũng lén lút đi theo.

“Con tàu anh đang làm là gì vậy, Caradog Lewis?” thuyền trưởng Edwards hỏi, nhìn chăm chú vào bộ khung uốn cong duyên dáng—chỉ là sườn tàu và sống tàu—đang dựng trơ trọi trên giá.

Lewis nhìn ông bằng ánh mắt hậm hực, như muốn gầm lên, nhưng có vẻ đổi ý. “Là chiếc schooner Courage, đóng cho Elias Lewis. Tôi cứ tưởng ông phải biết chứ. Dài bảy mươi lăm bộ, trễ tiến độ cả tháng rồi. Còn bên kia—” anh ta hất đầu về phía một thân tàu đã đóng xong phần lớn, đang nổi trên đầm, “là con Jane Kate của thuyền trưởng Farr. Mai người ta sẽ chở cột buồm từ Ynyslas về, cũng đến lúc rồi.”

“Và anh đều tham gia vào cả hai chiếc đó,” John Rowlands nói.

“Tất nhiên rồi, ông bạn,” Lewis đáp gắt gỏng. “Tôi là thợ cưa chính của John Jones, phải không nào?”

“Chắc chắn chịu trách nhiệm không ít việc rồi,” thuyền trưởng Edwards nói, vuốt bộ râu quai nón. “John Jones là người bận rộn, mấy năm nay đóng tàu lia lịa, kèo nọ nối tiếp kèo kia.”

“Sao nào?”

“Chiếc Integrity cũng là do anh đóng?” John Rowlands hỏi. “Còn Mary Rees? Và Eliza Davies?” Mỗi lần được hỏi, Lewis lại gật đầu gấp gáp. Rowlands tiếp tục, như cắn vụn từng chữ. “Và Charity? Và Sarah Ellen?”

Lewis nhăn nhó. “Ông toàn chọn mấy con tàu xui xẻo.”

“Đúng là như vậy.”

Những thợ cưa và công nhân đóng tàu đã đặt dụng cụ xuống và lục tục kéo đến gần nghe; họ tụ lại thành một nhóm, bồn chồn, mắt nhìn mấy ông thuyền trưởng với vẻ bất bình.

“Tôi vừa mới nghe tin về chiếc Sarah Ellen.” Lewis nhún vai, ra vẻ tiếc nuối hời hợt. “Thật đáng tiếc, về người em trai của ông. Nhưng đó không phải chuyện gì mới ở làng này.”

“Chuyện chẳng mới gì với những con tàu mà anh đóng,” thuyền trưởng Humphrey Edwards nói.

Mặt Caradog Lewis tái đi vì tức giận, Jane thấy tay anh ta nắm chặt thành nắm đấm. “Này—” anh ta bắt đầu.

“Anh hãy nghe chúng tôi, Caradog Lewis,” người thứ ba lên tiếng, người từ đầu đến giờ vẫn im lặng từ khi bước vào xưởng. Đó là một người đàn ông thấp, da ngăm, râu xám viền quanh mặt.

“Hai con tàu đó tôi từng thấy ngoài biển, cùng hành trình lên Labrador, cả hai đều có cùng một khuyết điểm, mà chắc chắn không phải do John Jones thiết kế. Ông ấy có bất cẩn và hơi tham việc thật, nên không giám sát kỹ như những người đóng tàu chỉ làm một con một lần. Nhưng ông ấy không làm ra những con tàu cắm đầu xuống sóng rồi đắm. Đó là lỗi của kẻ nào đó cứ làm mũi tàu dài hơn mức cần thiết, và không ít lần để lọt những tấm ván bị hấp quá nhanh khiến nứt nẻ.”

Một tràng rì rầm giận dữ vang lên từ đám công nhân.

Mặt người tóc đỏ đỏ mọng lên vì giận dữ; anh ta gần như không thể thốt thành lời. “Chứng minh đi, Ieuan Morgan!” anh ta gằn giọng. “Chứng minh được một điều nhỏ nhặt nào đi! Mấy ông tưởng có thể chứng minh tôi cố ý đưa người ta vào chỗ chết sao?”

“Phải có cách nào chứng minh thôi,” John Rowlands nói, giọng trầm và nghiêm, “vì chuyện ấy là thật, không nghi ngờ gì nữa. Trong anh có nhiều thứ hơn là vẻ bề ngoài. Ba chúng tôi đã nghi ngờ từ lâu, và giờ vụ Sarah Ellen là giọt nước tràn ly. Chúng tôi chắc chắn rồi.”

“Chắc chắn về cái gì?”

“Rằng anh… không giống người thường, Caradog Lewis. Rằng lòng trung thành của anh không giống như người thường. Anh đang phục vụ một cách khủng khiếp cho một thế lực không thuộc về loài người.”

Những lời nói ấy mang theo sự quả quyết lạnh lẽo đến mức đám công nhân gần Caradog Lewis vô thức lùi lại một chút; và Lewis nhận ra điều đó, liền quay sang quát tháo họ một cách giận dữ khiến họ lập tức lao đầu trở lại công việc gần nhất. Nhưng trong cách Caradog Lewis nhìn John Rowlands lúc ấy không còn chút tức giận nào—thay vào đó là ánh nhìn thù hằn băng giá, đầy kiêu căng khiến Jane rùng mình, vì cô đã từng thấy ánh nhìn ấy một lần—trong mắt một kẻ hiến dâng bản thân để thực hiện ý chí của Bóng Tối.

Lewis, với gương mặt bệch bạc và mái tóc đỏ rực, không hoàn toàn là sinh vật của Bóng Tối, nhưng chính điều đó khiến hắn càng đáng sợ hơn; sự độc ác hiện hữu không lý do trong một người trông hoàn toàn bình thường là điều Jane khó lòng chịu đựng nổi. Cô cảm nhận được cơn thịnh nộ đang dâng lên trong hắn như hơi nước trong nồi sắp sôi.

Lewis từ từ tiến về phía ba người đàn ông, bước khỏi miệng hố cưa. Hắn gằn giọng bảo, “Tôi cũng là người như ông thôi, Evan Rowlands, và tôi sẽ chứng minh điều đó cho ông thấy.” Và đột

ngột, hắn như bùng phát, lao vào John Rowlands, mặt vặn vẹo trong cơn giận dữ gầm gào. Bị tấn công bất ngờ, Rowlands bị xô ngã trong một trận mưa đá phiến xám xịt, và Lewis như một con chó dại lao theo, tay chân đấm đá loạn xạ. Hai thuyền trưởng còn lại lao đến can ngăn, nhưng lúc này, đám công nhân xưởng tàu đã buông dụng cụ và cố tình chen ngang, và ngay lập tức hỗn chiến nổ ra dưới mặt đất.

Thuyền trưởng Edwards lùn mập đấm ngã một người, nghe rõ tiếng răng va nhau khi nắm tay ông giáng vào đầu đối phương; rồi ông biến mất dưới ba người khác, trong khi bên cạnh, Ieuan Morgan vừa hét vừa vật lộn kéo họ ra. Caradog Lewis, đang giằng co với Rowlands, loạng choạng đứng dậy, thở dốc vì giận, rồi lấy đà định tung cú đá bằng chiếc bốt cứng. Jane hét lên, và rồi Simon vụt qua cô, tay chân chới với, nhào vào túm lấy Lewis, hét lên khi một chiếc giày nặng đá trúng ống chân mình.

Simon không bao giờ chắc chắn được chuyện gì xảy ra sau đó. Trong lúc vật lộn để kéo Caradog Lewis ra khỏi thân hình bất động của John Rowlands, cậu thấy mình bị hắn tóm lấy, đẩy xuống phía biển, hoàn toàn không chống đỡ nổi. Cả hai cùng nhào xuống nước, vẫn còn vùng vẫy, và đột nhiên Simon cảm thấy mình bị giật ra ngoài, rơi xuống, rơi xuống, rồi nước lạnh trùm kín đầu và không thấy đáy đâu. Cậu chỉ vừa chạm nhẹ được một lần vào cát bằng một chân, thì bị dòng nước cuốn xoay tròn, kéo sâu xuống, một mình. Cậu ngoi lên, quẫy đạp để hít thở; hớp được một hơi; lại bị xoáy nước lôi đi, vùng vẫy cố bơi, nhưng tay chân như nặng trịch bởi bộ quần áo cũ. Có tiếng ù ù trong tai, mắt mờ nhòe; nước cuốn cậu xoay vòng tròn mãi.

Simon cố không hoảng loạn. Cậu có một nỗi sợ sâu kín, khủng khiếp với nước sâu, dù biết bơi khá tốt. Ba năm trước, trong một cuộc đua thuyền buồm trên sông Thames, cậu từng ngã khỏi thuyền bị lật và chui lên ngay dưới cánh buồm chính đang căng phồng, bị giữ dưới mặt nước như cái nút chai trong hũ kín. Cậu từng hoảng loạn khi ấy, vung vẫy cuống cuồng, và chỉ nhờ may mắn mới bơi được tới rìa buồm, rồi vội vã ngụp lặn vào bờ. Giờ

đây, cơn hoảng loạn cũ đang trào lên cổ họng và tâm trí; dâng lên như những con sóng vần vũ, với từng hơi thở chộp giật; sắp sửa cuốn trôi hết mọi suy nghĩ—

Cậu đẩy nó ra. Cậu vùng vẫy chiến đấu; cố cảm nhận lại từng cử động của tay chân; cử động theo ý mình, tìm lại nhịp bơi thay vì vùng vẫy vô định trong nỗi khiếp hãi. Bằng một nỗ lực lớn, cậu giữ được tỉnh táo.

Nhưng nước vẫn ở đó, bao quanh, không còn dữ dội nữa mà ru êm như ru ngủ, và lại một lần nữa cậu đang chìm xuống. Nước ép vào tai, mắt và mũi cậu. Giờ đây nó không còn đáng sợ, mà như đang vỗ về, che chở, như thể đây không còn là môi trường xa lạ, mà là nguyên tố của chính cậu. Nó chào đón cậu, dịu dàng, như thể cậu thở được trong nước, như cá. Êm đềm, bao trùm, thả lỏng, như khoảnh khắc ngay trước khi thiếp đi…

Có thứ gì đó—ai đó—túm lấy Simon từ phía sau, nắm chặt vai cậu, đẩy lên, lên mãi, cho đến khi bật ra ngoài không khí. Ánh sáng cứa vào mắt cậu.

Nước đắng chát nơi cổ họng. Cậu há miệng hớp khí, nôn ọe, sặc sụa. Trong từng nhịp thở gấp gáp như vỡ tung là âm thanh rít nghẹn. Simon nghe thấy tiếng thở khò khè đáng sợ và kinh hãi nhận ra đó là chính cậu.

Rồi có nền cát cứng dưới chân. Người cứu cậu buông tay. Simon lảo đảo bò lên bằng tay và gối, và có bàn tay mạnh mẽ đỡ lấy cậu, xoay đầu sang bên và ấn nhẹ lên lưng. Nước trào ra khỏi mũi và miệng; cậu ho, nôn khan. Đôi tay đó nhẹ nhàng đỡ cậu ngồi dậy. Simon ngồi cúi đầu giữa hai gối, cuối cùng cũng thở được mà không khò khè, không ngắt quãng, chậm rãi hơn. Cậu hất tóc ướt khỏi mắt, sụt sịt, rồi ngẩng đầu lên.

Trước tiên cậu thấy Jane, mắt mở to, mặt tái nhợt, đang khụy gối. Bên cạnh cô, một người đàn ông đang quỳ một gối, vóc dáng cao lớn hiện rõ ngay cả khi đang cúi xuống. Quần áo ông sũng nước. Khuôn mặt nghiêm nghị nhìn Simon đầy lo lắng, góc cạnh, với đôi mắt sâu ẩn dưới hốc mắt, lông mày trắng rậm

đang nhỏ từng giọt nước dọc theo sống mũi khoằm. Mái tóc trắng dày, ướt sũng, rối tung thành từng búi.

Simon nói bằng giọng the thé yếu ớt không giống giọng mình, "Ôi, Gumerry."

Cậu im bặt, thấy cay mắt. Đã lâu rồi, cậu không gọi bằng cái tên thân mật ấy.

"Gan dạ đấy," Merriman nói.

Ông đặt tay lên vai Simon, liếc nhìn Jane ra hiệu lại gần hơn. Rồi ông đứng dậy. Jane nhẹ nhàng vòng tay qua vai Simon, giúp cậu quay lại nhìn.

John Rowlands đang đứng ngay gần đó trên bãi biển, ướt sũng từ đầu đến chân. Jane nói nhỏ vào tai Simon, "Ông ấy đã nhảy xuống biển theo anh, cố cứu anh, khi—" giọng cô nghẹn lại —"khi cụ Merry… cụ ấy đột ngột xuất hiện, từ hư không."

Merriman hiện ra trước chúng, cao lớn như một cái cây, sũng nước. Trước mặt ông, những người xưởng tàu đứng bất động thành một nhóm, hai vị thuyền trưởng râu bạc tức giận đứng bên. Caradog Lewis đứng giữa đám thợ đóng tàu, tóc đỏ rực như cháy. Hắn đang trừng mắt nhìn Merriman, sững sờ, như con thú nhỏ bắt gặp cơn thịnh nộ của con lửng hoặc cáo.

Và ánh nhìn giận dữ trong mắt Merriman khi ông nhìn vào kẻ tóc đỏ ấy sâu đến mức cả Simon và Jane, đứng quan sát, đều rùng mình. Caradog Lewis từ từ lùi lại, rụt rè, tìm đường thoát thân. Rồi Merriman duỗi cánh tay, ngón trỏ duỗi thẳng, chỉ thẳng, và người kia đông cứng lại ngay lập tức.

"Đi đi," Merriman nói khẽ, giọng ông như nhung đen. "Đi đi, kẻ đã bán linh hồn cho Bóng Tối, rời khỏi Aberdyfi sáng ngời bên dòng sông này, trở về Dinas Mawddwy nơi ngươi sinh ra. Trở về nơi Bóng Tối rình rập giữa các đồi núi quanh Cader Idris, trong cõi của Vua Xám, nơi những kẻ khác đang chờ đợi trong hy vọng đen ngòm như chính ngươi. Nhưng nhớ lấy, vì ngươi đã thất bại trong âm mưu lần này, nên chủ của ngươi sẽ không còn dung

thứ nữa. Vậy nên hãy cẩn trọng, từ giờ trở đi, giữ cho con trai và con gái ngươi, và con cháu đời sau của chúng, tránh xa mọi giao kèo với Bóng Tối. Vì Bóng Tối trong cơn báo thù sẽ hủy diệt bất kỳ ai trong số họ nếu có thể."

Không nói một lời, Caradog Lewis quay người bước đi qua đám đá phiến lạo xạo, leo lên bậc đá thô rồi biến mất dọc con đường, cho tới khi họ không còn thấy hắn nữa.

Merriman nhìn Simon và Jane; rồi ông quay về phía biển, đi ngang qua những người thợ lặng im, qua mấy căn lán và con tàu còn dang dở, và bằng một cử chỉ dịu dàng kỳ lạ, ông dang hai tay rộng, như người vừa tỉnh dậy sau giấc ngủ dài, ngẩng đầu nhìn bầu trời.

Và từ hư không, một con mòng biển lao ngang qua mặt đại dương, kêu lên the thé. Mắt chúng dõi theo nó… dõi theo…

… và khi nó bay vút khỏi tầm nhìn, đột nhiên chúng thấy mình lại đang mặc quần jeans và áo sơ mi của thời hiện tại, đứng trên một bãi biển hẹp phủ đá phiến, thấp hơn vài bộ so với vỉa hè có lan can sắt, chỉ còn lại John Rowlands và Merriman. Trong tay phải Simon là một mảnh đá phiến phẳng; ngón trỏ của cậu cong lại như thể chuẩn bị ném. Cậu nhìn xuống nó, nhún vai, cúi người, và ném nó lướt trên mặt nước. Nó nảy lên rất xa, nhiều lần liên tiếp.

"Tám!" Simon reo.

"Anh lúc nào cũng thắng," Jane nói.

Quần áo chúng khô ráo; chỉ có tóc Jane còn hơi ẩm vì mưa sáng nay. Không có dấu hiệu nào cho thấy Simon, Merriman và John Rowlands từng ở dưới biển. Jane lén liếc John Rowlands khi ông đứng đó chớp mắt, hoang mang, và cô biết ông không nhớ gì cả. Ông nhìn quanh, bối rối; rồi bắt gặp Merriman và bất động hẳn. Ông nhìn chăm chăm Merriman thật lâu.

"Daro," John Rowlands nói khẽ. "Chuyện gì thế này? Là ông. Chính ông! Tôi chưa bao giờ quên ông, từ hồi còn bé. Ông còn

nhớ không? Là ông thật sao?"

Simon và Jane đứng lắng nghe, khó hiểu.

"Lúc đó cậu bằng tuổi Will," Merriman nói, thoáng mỉm cười. "Trên núi của cậu. Và cậu thấy ta… đang cưỡi."

John Rowlands chậm rãi nói, "Cưỡi trên gió."

"Cưỡi trên gió. Ta vẫn tự hỏi liệu sau đó cậu có nhớ không. Nếu có thì cũng chẳng sao—có ai tin đâu? Nhưng ta đã khiến cậu nghĩ mình chỉ nằm mơ thôi, để cậu được bình yên."

"Quả thật tôi đã từng nghĩ mình nằm mơ, cho đến khoảnh khắc này, khi thấy lại gương mặt ấy, không hề đổi khác sau ngần ấy năm. Và tự hỏi vì sao ông lại ở đây." John Rowlands quay đầu nhìn Simon và Jane. "Đây là thầy của Will, phải không? Và cũng quen biết hai cháu nữa."

Simon đáp như phản xạ, "Ông Bác Merry của bọn cháu đấy."

Giọng John Rowlands vút lên, không thể tin nổi. "Ông Bác của các cháu sao?"

"Chỉ là cái tên thôi," Merriman nói. Mắt ông chợt mờ đi; ông nhìn ra cửa sông. "Ta phải đi rồi. Will cần ta. Bóng Tối biết điều đó, Simon, khi nó đẩy cháu vào hiểm cảnh trong một thời gian mà chỉ ta mới có thể cứu được cháu, bằng cách rời nơi ta đang ở."

"Các cậu ấy có ổn không ạ?" Simon hỏi.

"Họ sẽ ổn, nếu mọi chuyện suôn sẻ."

Jane lo lắng nói, "Chúng cháu có thể làm gì?"

"Hãy có mặt trên bãi biển lúc bình minh. Bãi biển của các cháu," Merriman nói. Ông nhìn cô với một nụ cười kỳ lạ căng thẳng, rồi chỉ tay lên con đường. "Và đưa cậu em trai bé nhỏ của cháu về nhà ăn tối nữa."

Quay đầu lại, chúng thấy dáng người tóc vàng hoe của Barney đang nhảy nhót tiến lại phía chúng, từ đầu đường, Blodwen

Rowlands đi theo ngay phía sau; và khi chúng quay lại nhìn bãi biển, thì Merriman đã không còn ở đó.

PHẦN BA: VÙNG ĐẤT MẤT TÍCH

THÀNH PHỐ

Xuyên qua màn sương sáng chói, con đường kỳ lạ đưa chúng đi, vồng lên như một chiếc cầu vồng. Will và Bran nhận ra rằng chúng không hề cử động theo ý mình. Một khi đã bước lên bề mặt con đường đó, chúng bị cuốn đi, vượt qua không gian và thời gian bằng một chuyển động không thể diễn tả được. Rồi từ trong vùng sáng ấy, chúng đáp xuống Vùng Đất Mất Tích, con đường tan biến, và tất cả mọi thứ khác cũng rơi khỏi tâm trí khi chúng ngẩng đầu nhìn nơi chúng đang đứng.

Cả hai đứng trên cao, trên một mái nhà màu hoàng kim, phía sau một hàng lan can thấp bằng vàng chạm trổ. Sau lưng chúng, và trải dài hai bên, là những mái nhà của một thành phố rộng lớn, sáng loáng, những ngọn tháp, tháp chuông và tháp canh chen chúc trên đường chân trời, có mái màu vàng kim như nơi chúng đang đứng, cũng có mái lại tối sẫm như đá lửa. Thành phố yên tĩnh lạ thường. Có vẻ đây là buổi sớm mai, mát lạnh và lặng lẽ. Trước mặt chúng, phía xa tít tắp, một màn sương trắng sáng lượn quanh các ngọn cây xòe rộng trong một công viên. Sương sớm long lanh trên các tán cây. Đâu đó phía bên kia công viên, mặt trời đang dần trồi lên trong lớp mây mù.

Will ngắm nhìn hàng cây. Chúng không mọc chen chúc như rừng hoang dại, mà cách nhau vừa phải, mỗi cây đều vươn lên đầy kiêu hãnh và khỏe khoắn; chúng nổi lên khỏi màn sương như những hòn đảo xanh lấp lánh giữa biển xám trắng. Cậu nhận ra cây sồi, dẻ gai, dẻ ngựa, cây du; những hình dáng thân thuộc ấy lại tương phản lạ lùng với kiến trúc xung quanh cậu, vốn hoàn toàn xa lạ.

Bran khẽ nói bên cạnh, “Nhìn kìa!”

Cậu chỉ về sau lưng Will. Quay lại, Will thấy giữa các đỉnh mái và rìa mái là một mái vòm vàng rực, phía trên là một mũi tên vàng chỉ về phía tây, nơi đường chân trời xanh thẳm của biển cả. Các mặt vòm hứng nắng sớm rực rỡ; cậu nhận ra chúng được

ghép bởi các tấm pha lê xếp xen giữa những đường chỉ vàng chạy dọc lên xuống.

Bran nheo mắt, chụm tay quanh cặp kính râm. “Là nhà thờ sao?”

“Có thể. Nhìn hơi giống nhà thờ Thánh Paul.”

“Hoặc một trong mấy kiểu kiến trúc Ả Rập gì đó. Thánh đường Hồi giáo.”

Chúng thì thầm, theo bản năng. Nơi này quá đỗi yên lặng. Không có âm thanh nào phá vỡ sự tĩnh mịch của thành phố, ngoại trừ một lần, trong vài giây, từ đâu đó xa xa giữa các ngọn cây, tiếng kêu thảm thiết của một con mòng biển vang lên.

Will cúi nhìn xuống chân. Mái nhà nơi chúng đang đứng có vẻ như bao quanh chúng, với mạng lan can vàng chạm khắc trải quanh như một hàng rào. Cậu đưa tay ra. Thanh ngang phía trên không nhúc nhích. Nó cao chừng nửa người cậu; cậu nghĩ tới việc trèo qua, nhưng rồi đổi ý khi thấy khoảng rơi thẳng xuống mái kế tiếp sâu tới hai mươi bộ.

Bran cũng với tay nắm lấy lan can trước mặt; rồi bất chợt, cậu hít mạnh. Dưới tay cậu, cả mảng mắt cáo chuyển động; nó đung đưa ra, tựa trên một thanh ngang phía dưới, rồi buông rơi khỏi tay cậu dọc theo mép mái, kéo dài ra từng đoạn như một chiếc thang gập đang bung mở.

“Choang!… choang!… choang!… choang!” Âm thanh kim loại vang dội khắp các mái nhà, xé toạc sự yên lặng, kết thúc bằng một tiếng rền vang khi đoạn cuối cùng của khung vàng hình thang đập vào mái dưới. Khắp thành phố yên ắng, những tiếng vọng dội lên như chim tung bay khỏi tổ.

Will và Bran đảo mắt nhìn quanh, trông đợi có người, ở đâu đó, tỉnh dậy vì tiếng động náo động kia. Nhưng không có gì cả.

“Nơi này buồn ngủ thật đấy,” Bran nói, giọng cố làm ra vẻ ngang tàng nhưng vẫn run nhẹ; và với Will theo sát phía sau, cậu leo qua mép mái và tụt xuống chiếc thang vàng. Giờ chúng đứng

trên một mái thấp hơn, rộng, dốc nhẹ hơn, có những đường kim loại sẫm màu bắt chéo dùng làm gờ để bước đi. Ở mép mái dưới cùng, tưởng rằng sẽ gặp một bức tường thẳng đứng, nhưng chúng lại thấy một cầu thang đá rộng lớn bằng đá xám ánh kim như đá hoa cương, đổ dài từ rìa mái xuống tận vùng sương mù và cây cối phía dưới.

Cả hai cùng chạy xuống các bậc đá, đi sát nhau, và khi chúng chạy, làn sương dưới chân tan dần thành hư vô, lùi lại để những tán cây hiện rõ ra trên thảm cỏ xanh mượt. Và chúng thấy dưới chân bậc thang đá, đang chờ, là hai con ngựa đã thắng sẵn yên cương, dây cương buông lơi trên cổ. Chúng là những con vật tuyệt đẹp, màu vàng sư tử, bờm và đuôi dài màu vàng kem tương phản với thân ngựa óng ánh. Hàm thiếc trong miệng, bàn đạp đều bằng bạc, dây cương là lụa đỏ tết thành sợi. Will tiến lại gần con thứ nhất, đặt tay lên cổ nó với vẻ tò mò, và con ngựa khẽ thở qua mũi, cúi đầu như mời cậu lên yên.

Bran nói, ánh mắt mơ màng nhìn hai con ngựa, “Cậu biết cưỡi không, Will?”

“Không hẳn,” Will đáp. “Nhưng tớ nghĩ điều đó không quan trọng.” Và cậu đặt một chân lên bàn đạp, không một tiếng động hay nỗ lực nào đã leo lên yên ngồi, mỉm cười nhìn xuống, thu dây cương lại. Con ngựa thứ hai giậm chân, nhẹ nhàng hích vào vai Bran bằng mũi.

“Lên đi, Bran,” Will nói. “Chúng đã đợi chúng ta.”

Cậu ngồi đó, bình thản như một thợ săn, dáng người thấp chắc nịch trong quần jeans và áo len ngồi trên con ngựa vàng cao lớn, còn Bran thì lắc đầu kinh ngạc và đưa tay nắm lấy vành yên. Cậu đã lên ngựa, ngồi yên, trước khi kịp nghĩ gì. Con ngựa hất đầu, và Bran chộp lấy dây cương vừa trôi xuống chỗ cậu.

“Được rồi,” Will nhẹ nhàng nói với chú ngựa của cậu, vừa vuốt bờm trắng của nó. “Hãy đưa chúng ta đến nơi cần đến. Làm ơn nhé?” Và hai con ngựa cùng di chuyển, thong thả, đầy tự tin, đi trên con đường lát đá ngay dưới chân cầu thang.

Cây cối trong công viên xanh tươi rộng lớn vươn cao về một bên, đổ bóng xuống con đường, rợp mát, và vương chút sương sớm. Ánh nắng rải thành những mảng sáng rực rỡ giữa đám cỏ, nhưng không có âm thanh nào. Không con chim nào hót. Chỉ có tiếng lóc cóc của móng ngựa vang vọng trong thành phố tĩnh mịch, rồi chuyển sang âm trầm hơn khi hai con ngựa vàng rẽ đột ngột khỏi công viên vào một con phố hẹp. Hai bên là những bức tường xám sừng sững, những mảng đá xám trơn nhẵn, không có lấy một ô cửa sổ.

Đường phố ngày càng hẹp lại, và tối hơn. Hai con ngựa vẫn nhịp bước đều đặn giữa những bức tường cao chót vót, còn Will và Bran thì ngồi hờ cầm dây cương, mắt nhìn quanh đầy cảnh giác.

Chúng rẽ qua một góc. Vẫn là những bức tường trống trơ bao quanh, trong một ngõ hẹp, bầu trời trên đầu chỉ còn là một vệt xanh mỏng dính. Nhưng lần này chúng thấy một cánh cửa gỗ nhỏ nằm trong bức tường bên phải, và khi chúng tới chỗ cánh cửa ấy, cả hai con ngựa đều dừng lại, lắc lư và cào móng xuống đất. Ngựa của Will lắc đầu qua lại, khiến bộ dây cương bạc rung lên như nhạc, còn bộ bờm xõa tung như lụa vàng trắng.

“Được rồi,” Will nói. Cậu nhảy xuống ngựa; Bran cũng vậy. Vừa khi chúng chạm đất, hai con ngựa liền quay mình, không chút vội vàng, lóc cóc quay trở lại lối cũ, chiếc yên và dây cương va vào nhau leng keng, và cả hai cùng phi nước kiệu dọc theo ngõ hẻm. Những chiếc đuôi vàng óng đung đưa như đuốc sáng giữa phố tối.

“Đẹp thật!” Bran khẽ nói, dõi theo bóng ngựa khuất dần.

Will đứng trước cánh cửa, quan sát mặt gỗ thô mộc. Nó tối và lỗ chỗ như đã rất xưa. Vô thức, cậu đút ngón cái vào dây lưng da, chạm vào hình cong của chiếc tù và nhỏ bằng đồng —vật cậu từng thổi trên đỉnh núi, trong một đời khác, thế giới khác. Tháo chiếc tù và ra, cậu đưa cho Bran.

“Chúng ta phải luôn đi sát nhau, bất kể chuyện gì xảy ra. Cậu nắm một đầu, tớ cầm đầu kia. Như vậy sẽ tốt hơn.”

Bran gật đầu, mái đầu trắng khẽ cúi, và luồn tay trái vào quai tròn của chiếc tù và. Will nhìn lại cánh cửa. Không có tay nắm, không chuông, không ổ khóa hay lỗ khóa—không có dấu hiệu gì cho thấy cách mở cửa.

Cậu giơ tay, gõ mạnh.

Cánh cửa mở ra ngoài. Không có ai bên trong. Họ nhìn vào, chỉ thấy bóng tối. Mỗi người nắm một đầu chiếc tù và như thể đó là phao cứu sinh, rồi chúng bước vào, và sau lưng chúng, cánh cửa khép lại.

Một tia sáng le lói từ đâu đó, không rõ nguồn, hé cho chúng thấy chúng đang ở trong một hành lang hẹp, trần thấp, kết thúc cách đó vài thước, nơi có một cái thang dẫn lên trên và khuất khỏi tầm nhìn.

Will chậm rãi nói, “Tớ đoán là tụi mình phải leo lên đó.”

“Có an toàn không?” Giọng Bran khàn khàn vì bất an.

“Thì… đó là điều duy nhất tụi mình có thể làm, đúng không? Và kỳ lạ là chẳng có gì mách bảo tớ phải tránh né cả. Cậu hiểu không?”

“Đúng là thế. Không thấy… nguy hiểm. Nhưng cũng chẳng dễ chịu gì.”

Will khẽ bật cười. “Cái cảm giác ấy sẽ bao phủ ở khắp nơi đây. Tớ nghĩ Bóng Tối không có quyền lực ở vùng đất này—và Ánh Sáng cũng vậy.”

“Vậy thì ai có thể?”

“Tớ nghĩ tụi mình sẽ biết thôi.” Will siết chặt chiếc tù và. “Giữ chặt lấy nhé. Dù leo lên sẽ hơi vướng.”

Chúng leo lên chiếc thang bậc rộng, người này sát sau người kia, vẫn được nối bởi vật hộ thân, và bước vào một không gian hoàn toàn bất ngờ đến mức cả hai đứng yên không nhúc nhích trong vài khoảnh khắc. Chúng vừa leo lên từ một cửa sập mở, gần phía đầu của một căn phòng dài. Sàn nhà trải dài trước mặt chúng

theo từng đoạn kỳ lạ, đoạn này cao hơn đoạn kia, đoạn sau lại thấp hơn cả hai đoạn trước. Nơi này trông như một thư viện. Những chiếc bàn vuông nặng nề cùng ghế ngồi lấp đầy không gian, ngăn cách nhau bởi những dãy giá sách thấp, và toàn bộ bức tường bên trái phủ kín sách. Trần nhà ốp gỗ. Còn bức tường bên phải—thì không tồn tại.

Will ngây người nhìn, không thể hiểu nổi. Bên phải cậu, trong căn phòng dài này, có một dãy lan can gỗ chạm khắc chạy suốt chiều dài nền nhà. Nhưng phía sau lan can, chẳng có bức tường nào cả, cũng không có gì khác hiện hữu: chỉ là một vùng đen tuyền. Một khoảng tối đặc quánh. Không phải cảm giác trống rỗng hay vực thẳm nguy hiểm. Chỉ đơn giản là… không có gì.

Rồi cậu thấy có chuyển động trong phòng. Những con người đầu tiên mà chúng gặp ở vùng đất này đang xuất hiện, bước qua một cánh cửa ở đầu kia căn phòng; từng người một, cả nam lẫn nữ, thuộc mọi lứa tuổi, mặc những bộ đồ đơn sơ chẳng rõ thuộc thời đại nào. Không đông. Từng người lặng lẽ chọn một chồng sách từ giá, rồi ngồi vào bàn, hoặc đứng đọc lướt qua một quyển. Không ai để ý đến Will hay Bran. Một người đàn ông tiến sát đến bên cả hai và đứng chau mày trước dãy sách sau lưng chúng.

Will đánh bạo hỏi, “Ông tìm không ra sao?” Nhưng người kia chẳng có dấu hiệu nào cho thấy đã nghe được. Mặt ông bỗng sáng rỡ; ông đưa tay lấy một cuốn sách, rồi quay lại ngồi xuống chiếc bàn gần đó. Will cố nhìn tiêu đề cuốn sách khi ông đi ngang qua, nhưng trên bìa viết bằng thứ chữ cậu không hiểu được. Và khi người đàn ông mở sách ra, các trang hoàn toàn trắng trơn.

Bran chậm rãi nói, “Họ không thấy chúng ta.”

“Không thấy. Cũng chẳng nghe thấy. Đi thôi.”

Chúng cùng nhau di chuyển cẩn trọng dọc căn phòng dài, lách qua những người đang chăm chú đọc sách, khéo léo tránh va vào hoặc vấp té. Không ai có chút phản ứng nào khi chúng đi ngang qua. Và mỗi lần chúng cúi xuống nhìn vào quyển sách mà

một người đàn ông hay phụ nữ đang đọc, chúng lại thấy các trang sách dường như hoàn toàn không có chữ.

Cuối căn phòng không có cánh cửa thật sự, mà là một khoảng trống trong bức vách ốp gỗ, từ đó mở ra một hành lang lạ lùng. Lối đi ấy cũng được ốp gỗ; nó giống như một đường hầm hình vuông hơn là hành lang, dốc nghiêng xuống ở góc khá lớn, rẽ ngoặt qua lại theo kiểu zích-zắc. Bran đi theo Will mà không hỏi han gì; cậu chỉ nói một lần, giọng bộc phát bất lực, “Chỗ này chẳng có ý nghĩa gì cả.”

“Sẽ có, khi chúng ta đến nơi,” Will đáp.

“Đến đâu cơ?”

“Thì… đến ý nghĩa của nơi này! Tới thanh kiếm pha lê…”

“Kìa! Gì thế kia?”

Bran đã dừng lại, ngẩng đầu lên, cảnh giác. Phía trước chúng, khi rẽ qua một góc ngoặt, đoạn cuối cùng của lối đi zích-zắc sáng lóa, ngập tràn ánh sáng mạnh mẽ chiếu từ nơi nào đó bên ngoài. Trong khoảnh khắc, Will chợt thấy rùng rợn như thể chúng đang bước xuống một hố lửa khổng lồ. Nhưng ánh sáng này là ánh sáng lạnh, gay gắt nhưng không chói lóa. Cậu rẽ qua góc cuối cùng, bước hẳn vào vùng sáng, và một giọng nói vang dội cất lên phía trước, từ trong vùng ánh sáng ấy: “Chào mừng!”

Một khoảng sàn rộng lớn trải ra trước mặt chúng, các bức tường khuất trong bóng tối, mái trần cao tới mức không nhìn thấy được. Giữa không gian ấy là một dáng người đứng lẻ loi, mặc toàn đồ đen. Đó là một người đàn ông thấp nhỏ, chỉ cao hơn chúng một chút, khuôn mặt góc cạnh, những nếp nhăn nơi khóe mắt và khóe miệng gợi ý nét hài hước—dù giờ đây không có lấy một nụ cười. Tóc ông hoa râm, xoắn lại như tấm thảm, và ông có bộ râu xám gọn gàng quăn tít, giữa râu là một đường sẫm màu như vạch kẻ. Ông dang hai tay, xoay người một chút, như thể đang dâng tặng không gian quanh mình. “Chào mừng,” ông lại nói. “Chào mừng tới Thành Phố.”

Chúng đứng cạnh nhau trước mặt ông. Bran bước lên một bước, buông tay khỏi tù và. Cậu hỏi, “Trong Vùng Đất Mất Tích chỉ có Thành Phố thôi sao?”

“Không,” người đàn ông nói. “Có Thành Phố, có Đồng Quê, và có Lâu Đài. Các cậu sẽ được thấy cả ba, nhưng trước hết các cậu phải cho chúng ta biết vì sao các cậu đến đây.” Giọng ông vang dội và ấm áp, nhưng vẫn ẩn chứa dè chừng, và ông vẫn chưa cười. Ông đang nhìn Will. “Vì sao các cậu đến đây?” ông lặp lại. “Nói đi.”

Khi ông nói, ông khẽ đưa tay ra phía trước. Will nhìn theo, và há hốc miệng. Đầu cậu ong ong vì choáng váng; bỗng chốc cậu thấy lạnh buốt.

Phía ngoài kia, trong không gian rộng lớn vốn chỉ là bóng tối một giây trước, bỗng hiện ra cả một biển người, hàng ngàn khuôn mặt trắng bệch ngẩng lên, xếp thành từng hàng, từng tầng không dứt. Trong các khán đài, trong các dãy ghế chồng chéo, họ ngồi đó, nhìn chằm chằm vào cậu. Ý thức của họ đè lên cậu như một sức nặng khủng khiếp, khiến tâm trí cậu như tê liệt; cảm giác như đang đối diện với cả thế giới.

Will siết chặt nắm tay, cảm thấy kim loại mát lạnh của tù và vẫn áp lên những ngón tay. Lấy một hơi thật sâu, cậu nói to, dõng dạc, “Chúng tôi đến để tìm thanh kiếm pha lê.”

Và họ phá lên cười.

Không phải là tiếng cười khoan dung hay thân thiện; đó là tiếng cười khủng khiếp. Một tràng gầm sâu vang lên từ đám đông vô tận, dâng lên như sấm rền kéo dài, chế nhạo, giễu cợt, đổ ập xuống cậu như một đợt sóng khinh miệt. Cậu thấy từng người, chỉ trỏ, miệng há ra vì cười nhạo. Biển người chế nhạo ầm ầm như cuốn trôi Will, khiến cậu run rẩy, và cảm thấy mình bé nhỏ, không đáng kể, cứ teo lại…

Giọng Bran vang lên cạnh cậu, gào lên giận dữ giữa tiếng ầm ĩ: *“Chúng tôi đến vì Eirias!”*

Mọi âm thanh bỗng đột ngột biến mất, như thể ai đó vừa ngắt công tắc. Ngay lập tức, mọi gương mặt giễu cợt đều biến mất.

Will đổ gục, nghe hơi thở bị nén bấy lâu thoát ra thành một tiếng thở hắt yếu ớt. Bran lại lặp lại, như tự nhủ, đầy kinh ngạc: "Chúng tôi đến vì… Eirias." Cậu như đang nếm cái tên ấy trên môi.

Người đàn ông râu xám dịu giọng nói, "Phải rồi. Các cậu thật sự đã đến vì điều đó." Ông bước tới, dang hai tay ra. Đặt tay lên vai mỗi người, ông xoay chúng lại đối diện với khoảng trống đen kịt nơi hàng ngàn gương mặt từng hiện ra.

Ông nói, "Không có ai hết. Không ai, không gì cả. Chỉ là khoảng trống. Tất cả chỉ là… một ảo ảnh. Nhưng nhìn lên đi. Nhìn ra sau các cậu. Các cậu sẽ thấy—"

Chúng lập tức quay lại; và đứng lặng người. Trên đầu chúng, như một ban công treo lơ lửng giữa không khí, là căn phòng sáng đèn nơi chúng đã đi qua, giữa những con người đang đọc sách mà không để ý đến ai. Mọi thứ vẫn ở đó, sách, kệ, bàn ghế nặng nề. Những người đọc vẫn đi lại lơ đãng, hoặc đứng trước giá sách. Và khoảng không mà qua đó chúng đang nhìn vào căn phòng, chính là bức tường thứ tư tưởng như không hề tồn tại.

Will nói, "Nơi này như một nhà hát sống vậy."

Người đàn ông mân mê chóp râu, đẩy nhẹ nó về phía trước bằng một ngón tay. "Toàn bộ cuộc đời là sân khấu," ông nói. "Tất cả chúng ta đều là diễn viên, ta và các cậu, trong một vở kịch không ai viết và cũng không ai xem. Không có khán giả ngoài chính bản thân chúng ta…" Ông bật cười khẽ. "Có lẽ đó là loại sân khấu tuyệt vời nhất mà người ta từng có."

Bran mỉm cười đáp lại, một nụ cười nhẹ và luyến tiếc. Nhưng Will thì vẫn đang lắng nghe một từ vang vọng trong đầu. Cậu nói với Bran, "Eirias à?"

"Tớ không biết," Bran nói. "Tự nhiên… bật ra thôi. Đó là một từ tiếng Welsh. Nghĩa là lửa lớn, ngọn lửa cháy bừng."

“Và thanh kiếm pha lê quả thực cháy bừng,” người đàn ông râu xám nói. “Ít nhất là người ta kể vậy, vì trong ký ức của vùng đất này, rất ít người còn sống từng nhìn thấy nó.”

“Nhưng chúng tôi phải tìm ra nó,” Will nói.

“Phải,” người đàn ông nói. “Ta biết vì sao các cậu đến đây. Khi người ta hỏi các cậu đến vì điều gì ở vùng đất này, không phải vì chúng ta cần câu trả lời. Ta biết các cậu là ai. Will Stanton, Bran Davies. Có khi còn rõ hơn” —ông nhìn Bran thật kỹ trong một thoáng— “cả chính các cậu nữa. Còn ta, các cậu sẽ sớm biết thôi. Các cậu có thể gọi ta là Gwion. Và ta sẽ chỉ cho các cậu thấy Thành Phố.”

“Vùng Đất Mất Tích,” Bran lẩm bẩm.

“Phải,” người tên Gwion đáp. Ông là một người gọn gàng, vóc dáng mảnh khảnh trong bộ đồ đen; bộ râu ông lấp lánh dưới ánh sáng trắng từ phía trên. “Vùng Đất Mất Tích. Và như ta đã nói, nơi đây có Thành Phố, Đồng Quê, và Lâu Đài. Và Lâu Đài là nơi các cậu phải đến cuối cùng, nhưng không thể đến đó nếu không qua những nơi còn lại. Vậy nên các cậu sẽ bắt đầu từ đây, trong Thành Phố—thành phố mà ta vô cùng yêu mến. Các cậu phải ghi nhớ kỹ lấy, vì đây là một trong những kỳ quan của thế giới sẽ không bao giờ trở lại.”

Ông mỉm cười với chúng, một nụ cười sáng rực bất ngờ làm cả gương mặt ông bừng lên ấm áp và trìu mến, và khiến chính tâm hồn chúng cũng bừng sáng chỉ nhờ ánh nhìn đó.

“Nhìn đi!” ông nói, xoay người, dang tay hướng về khoảng không phía sau như một sân khấu. Căn phòng sáng đèn phía trên biến mất, ánh sáng trở nên dịu hơn, tỏa ra khắp nơi, và đột nhiên chúng thấy mình đang đứng giữa một quảng trường rộng lớn. Xung quanh là những tòa nhà trắng xám có cột trụ sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời, đông nghịt người, rộn ràng âm nhạc và tiếng rao của người bán hàng bên các quầy rực rỡ sắc màu, cùng tiếng nước bắn tung toé từ các đài phun.

Mặt trời ấm áp trên mặt chúng. Will cảm thấy niềm hân hoan dâng lên như thể máu trong huyết quản đang nhảy múa, và cậu nhìn sang Bran, thấy ánh sáng hân hoan tương tự nơi gương mặt bạn mình.

Gwion bật cười, kéo chúng đi qua quảng trường, băng qua đám đông, giữa những con người của Vùng Đất Mất Tích.

VƯỜN HỒNG

Những gương mặt lướt qua quanh chúng như những hình ảnh xáo trộn trong ống kính vạn hoa. Một đứa trẻ vung mấy dải ruy băng rực rỡ trước mặt chúng, cười vang rồi vụt biến; một đàn bồ câu cổ xanh rối rít sà ngang. Chúng đi qua một nhóm người đang nhảy múa, giữa đó là một người đàn ông cao lớn đeo đầy ruy băng đỏ đang thổi sáo, giai điệu vui tai, lôi cuốn; chúng suýt vấp phải một ông lão trông mong manh nhăn nheo đang ngồi trên mặt lát xám mịn, vẽ bằng phấn màu trên nền đất. Will chợt thoáng thấy bức vẽ—một cái cây xanh khổng lồ mọc trên một ngọn đồi tròn, các nhánh cây phát sáng rực rỡ—trước khi người thổi sáo dẫn đoàn vũ công lướt qua, xóa tan mọi thứ trong cơn lốc âm nhạc, và cậu bị cuốn đi.

Gương mặt râu quai nón của Gwion hiện ra cạnh cậu giữa đám đông, đi sát bên. “Đi sát nhau!” ông gọi. Nhưng giờ Will nhận ra rằng không còn ai khác ngoài Gwion nhìn thẳng vào mắt chúng trong đám đông này. Những người xung quanh dường như giờ đây đều có thể thấy cậu, liếc nhìn như với bất kỳ người qua đường nào khác, chứ không còn là kiểu trống rỗng vô hồn của kẻ không nhìn thấy. Nhưng không ai thực sự chú ý đến cậu hay Bran; chẳng có tia nhận biết nào, không ánh quan tâm như cách họ nhìn nhau. Cậu nghĩ: chúng ta đã bước được một đoạn đường—chúng ta có mặt ở đây rồi, nhưng chỉ vừa mới thôi. Có lẽ họ sẽ thật sự nhìn chúng ta sau này, nếu chúng ta làm tốt điều mà người ta mong đợi…

Tiếng cười dâng lên từ một vòng người đang theo dõi kẻ tung hứng. Mùi thơm ngào ngạt trôi qua từ các quầy hàng bán đồ ăn.

Một làn sương mỏng mát rượi lướt qua mặt Will, cậu nhìn thấy ánh nước lấp lánh từ đài phun bắn lên như kim cương, vút tới mặt trời rồi lại rơi xuống. Cậu thấy Bran phía trước, khuôn mặt tái nhợt rạng rỡ sau cặp kính đen, đang cười lớn và hét gì đó với Gwion. Rồi trong đám đông có sự xao động, những cái đầu quay lại; đám đông dạt vào Will. Cậu nghe tiếng móng ngựa, tiếng leng keng của yên cương, tiếng bánh xe kẽo kẹt rung rinh; qua kẽ hở giữa đám đông, cậu thấy vài kỵ sĩ đang đi ngang, đầu trần, mặc áo xanh lam. Tiếng xe ầm lên; cậu thấy một cỗ xe ngựa, mui xanh đậm và trang trí cầu kỳ bằng vàng, lông chim xanh rủ xuống từ trán những con ngựa đen huyền cao lớn.

Tiếng vó ngựa chậm dần, bánh xe rít trên con đường lát đá; cỗ xe dừng lại, đung đưa nhẹ. Gwion lại gần, kéo Will và Bran tiến lên. Đám đông dạt sang hai bên, kính cẩn nhường đường ngay khi thấy mái đầu bạc dựng thẳng của Gwion. Rồi cỗ xe hiện ra ngay trước mắt chúng, bỗng lớn khủng khiếp, như một con tàu xanh thẫm lung linh đong đưa trên những dây da chắc chắn treo từ khung bánh cao cong. Trên cánh cửa bóng loáng có chạm một huy hiệu bằng vàng, cao hơn đầu Will. Những con ngựa đen giậm chân thở phì. Không thấy người đánh xe đâu cả.

Gwion mở cửa xe, đưa tay vào trong và hạ bậc thang xuống. “Lên đi, Will,” ông nói.

Will ngước lên, ngập ngừng. Bóng tối phủ đầy bên trong. “Không sao đâu,” Gwion nói. “Tin vào bản năng của cậu đi, Cổ Nhân.”

Will nhìn kỹ vào đôi mắt có nếp cười trên gương mặt kiên nghị. Cậu hỏi, “Còn ông thì sao?”

“Chưa,” Gwion đáp. “Chỉ có cậu và Bran thôi.”

Ông giúp chúng bước lên, rồi đóng cửa lại. Will ngồi nhìn ra ngoài. Quanh Gwion, đám đông lại dần tan ra và trò chuyện như cũ, loang loáng màu sắc dưới nắng. Bên trong, cỗ xe mát và lờ mờ ánh sáng, ghế bọc mềm mại, phảng phất mùi da. Một con

ngựa hí lên; móng va xuống đường đá, và cỗ xe bắt đầu chuyển động.

Will tựa lưng, nhìn sang Bran. Cậu bé tóc trắng tháo kính ra, cười toe với cậu.

“Lúc đầu là ngựa, giờ đến xe tứ mã. Không biết tiếp theo họ tặng chúng ta cái gì nữa nhỉ? Có khi là Rolls-Royce ấy chứ?”

Nhưng cậu chẳng nghe nổi chính mình; cậu chớp mắt nhìn những tòa nhà lướt qua ngoài cửa sổ, rồi lại đeo kính tối màu lên.

“Một con chim khổng lồ,” Will nhẹ nhàng nói. “Hoặc một con mãnh điểu, hay một con basilisk.” Cậu cũng ngoái nhìn ra ánh sáng, cùng nhịp đong đưa của cỗ xe treo bằng dây da. Giờ đây chỉ còn có vài người. Chúng đang đi dọc một đại lộ rộng, hai bên là dãy nhà với mái vòm uốn cong mà cậu thấy đẹp đến kinh ngạc, với các đường nét tinh tế, cửa chính và những ô cửa sổ rộng và đều đặn, cùng những bức tường đá vàng ấm áp. Chưa bao giờ cậu từng nghĩ kiến trúc có thể đẹp đến vậy.

Bran ngập ngừng nói, cùng một suy nghĩ, “Nơi này… được xây quá chuẩn chỉ.”

“Mọi thứ đều đúng hình đúng dáng,” Will nói.

“Chuẩn đấy. Ý tớ là, nhìn kìa!” Bran nghiêng người trỏ tay. Giữa các dãy nhà là một lối vào vòm cao dẫn vô một sân trong tráng lệ với những hàng cột. Nhưng cỗ xe đã lướt qua trước khi chúng kịp thấy bên trong có gì.

Cảnh vật dần mờ đi; Will thấy ánh nắng đã biến mất. Chúng ngồi đong đưa theo nhịp xe, tiếng vó ngựa vang lên rõ rệt. Ánh sáng cứ thế lụi dần.

Will cau mày. “Trời đang tối sao?”

“Chắc có mây,” Bran đứng lên, chống giữa hai ghế, nhìn ra ngoài, bám tay vào cửa. “Phải rồi, có đấy. Những đám mây xám to tướng. Có vẻ như sắp có một cơn giông mùa hè thực sự.” Rồi

giọng cậu cao lên. “Will—lúc nãy trước chúng ta có mấy kỵ sĩ mặc áo màu lam, phải không?”

“Phải. Như một đoàn rước ấy.”

“Giờ chẳng còn ai. Phía trước trống trơn. Nhưng có gì đó… đang theo phía sau.”

Sự căng thẳng trong giọng nói khiến Will bật dậy, ghé qua mái đầu trắng để nhìn. Ngoài khung cửa xe, con phố rộng đã trở nên mờ mịt đến mức khó nhìn rõ; có một nhóm người tối đen đang chuyển động phía sau, giữ cùng tốc độ, có vẻ đang dần tiến lại gần. Cậu nghĩ mình nghe thấy vó ngựa khác lẫn với tiếng lọc cọc của cỗ xe. Rồi bản năng đánh thức cậu, tay cậu siết chặt khung cửa sổ: có thứ gì đó đang tới, từ đằng sau, khiến cậu phải sợ hãi.

“Chuyện gì vậy?” Bran hỏi; rồi há hốc khi một cú lắc đột ngột hất cậu ngã bật về ghế. Will loạng choạng lùi lại, ngồi phịch xuống bên cạnh. Tiếng xe rền vang, va chạm leng keng; chúng bị quăng qua lại như đang ở trên thuyền giữa cơn giông dữ dội.

Bran hét, “Chúng ta đi nhanh quá!”

“Ngựa hoảng rồi!”

“Vì cái gì?”

“Vì… cái gì đó… ở phía sau.” Lời nghẹn lại; cổ họng Will khô khốc. Gương mặt trắng bệch của Bran lấp loáng trước mặt cậu; cậu bé xứ Wales đã tháo kính đen trong bóng tối, và trong đôi mắt vàng nâu lạ lùng kia đầy nỗi sợ. Rồi mắt cậu trợn lớn; Bran bấu lấy tay Will.

Bên ngoài, một loạt bóng đen lướt vút qua hai bên; ngựa phi như điên, bờm và đuôi tung bay, áo choàng đen phấp phới sau lưng những người cưỡi đội mũ trùm. Đâu đó trong đám người ấy, có vài kẻ khoác áo trắng.

Chúng không nhìn thấy khuôn mặt dưới mũ trùm. Chỉ có bóng tối. Không rõ liệu bên trong có gương mặt nào không.

Nhưng một kẻ, cao lớn hơn cả, phi sát đến cửa sổ chiếc xe đang bay vùn vụt, lắc lư giữa ánh sáng mờ xám. Đầu hắn ngoảnh lại phía chúng. Will nghe thấy tiếng Bran hít mạnh.

Cái đầu hất lên, vén tung một bên chiếc mũ trùm đang phấp phới. Và lộ ra một gương mặt: một gương mặt mà Will nhận ra, đầy kinh hoàng, khi nó nhìn cậu chằm chằm, rực cháy hận thù và hiểm độc, đôi mắt xanh sáng như xuyên thẳng vào mắt cậu. Will nghe tiếng khò khè lạ lẫm của chính giọng cậu:

"Kỵ sĩ!"

Hàm răng trắng lóe lên trong nụ cười độc địa vô hồn, rồi mũ trùm rơi lại xuống. Bóng áo choàng nghiêng mình về trước, thúc ngựa lao đi, biến mất vào đoàn kỵ sĩ tối tăm phía trước. Tiếng vó rền vang đập vào thính giác chúng; rồi dần mờ xa.

Thế giới dần sáng trở lại, cỗ xe không còn chao đảo điên cuồng nữa, nhịp lắc cũng chậm lại.

Bran nhìn Will chằm chằm, người cứng đờ. "Ai vậy?"

Will đáp trống rỗng, "Tên Kỵ Sĩ, Kỵ Sĩ Đen, một trong những Lãnh Chúa vĩ đại của Bóng Tối—" Rồi cậu bật thẳng dậy, mắt rực sáng. "Chúng ta không thể để hắn biến mất, khi hắn đã thấy chúng ta. Chúng ta phải đuổi theo hắn!" Giọng cậu vút cao, vang vọng khắp cỗ xe như thể đang nói với một sinh thể sống. "Đuổi theo! Đuổi theo hắn! Mau!"

Xe lại lao nhanh, tiếng động vang rền, ngựa phóng thục mạng. Bran nhoài người bám lấy khung xe. "Will, cậu điên à! Cậu làm gì thế? Đuổi theo… cái thứ ấy sao?" Sự kinh hãi khiến cậu gần như gào lên.

Will co người trong góc xe đang lắc lư, mặt cứng như đá. "Chúng ta phải… chúng ta cần biết… Bám chắc. Hắn tạo ra nỗi sợ bằng chính sự hiện diện—nếu chúng ta đuổi theo, nó sẽ bớt đi. Giữ chặt, chờ xem…"

Cỗ xe giờ đây lao nhanh, nhưng không còn điên cuồng. Ngựa giữ được nhịp phi chắc khỏe, chiếc xe đung đưa như món đồ chơi

treo trên dây. Ánh sáng tăng dần, như thể không còn mây; chẳng bao lâu sau ánh nắng lại tràn qua khung cửa. Các tòa nhà mái vòm đá vẫn trải dọc một bên đại lộ, nhưng phía còn lại giờ là công viên với cây cao và bãi cỏ phẳng mượt; các lối đi lát sỏi chạy ngang dọc.

“Hẳn là… công viên lúc nãy.” Giọng Bran đứt quãng theo nhịp xe. “Cái chúng ta thấy… từ mái nhà… lúc đầu.”

“Có thể đấy. Nhìn kìa!”

Will chỉ tay; phía trước, hai kỵ sĩ vừa rẽ khỏi đường chính, phi chậm vào một lối mòn trong công viên. Trông họ thật kỳ dị, như hai quân cờ sống động: một người khoác áo choàng đen cưỡi ngựa đen như than, người kia áo trắng trên ngựa trắng như tuyết.

“Đuổi theo!” Will gọi.

Bran ngoái nhìn con đường dài trống trải phía sau khi xe rẽ khỏi đại lộ. “Nhưng lúc nãy nhiều lắm—như một đám mây đen. Giờ chúng đâu cả rồi?”

“Nơi lá vàng trôi về mùa thu,” Will nói.

Bran nhìn cậu, rồi bất chợt dịu lại; cậu bật cười. “Nghe thi vị phết.”

Will bật cười. “Lá thì thế mà—vấn đề là, mùa xuân chúng sẽ mọc lại…”

Nhưng cậu đã chuyển sự tập trung vào hai kỵ sĩ cao lớn đang in hình rõ nét trên nền xanh của công viên. Chỉ trong chốc lát, Kỵ Sĩ Trắng—Will buộc phải gọi như vậy—đã lùi lại và rẽ đi. Xe tiếp tục bám theo bóng đen cao lớn phía trước.

Bran hỏi, “Sao một số Kỵ Sĩ Bóng Tối mặc toàn đen, mà có kẻ lại mặc toàn trắng?”

“Không màu…” Will trầm ngâm. “Tớ không biết. Có lẽ vì Bóng Tối chỉ tới với những ai cực đoan—kẻ bị mù bởi ánh sáng rực rỡ

của chính mình, hoặc kẻ bị giam hãm trong bóng tối của chính họ."

Bánh xe kêu rạo rạo trên con đường rải sỏi. Chúng bắt đầu thấy những luống hoa xếp theo họa tiết, hai bên đường là ghế đá trắng, có người ngồi đọc, dạo chơi, hay trẻ con đùa nghịch. Không ai tỏ vẻ quan tâm trước Kỵ Sĩ Đen cưỡi ngựa đi trước, hay cỗ xe xanh huy hiệu vàng lắc lư phía sau.

Bran nhìn thấy một ông già liếc lên, nhìn xe, rồi quay lại đọc sách.

"Họ thấy chúng ta. Nhưng họ… chẳng bận tâm."

"Có thể sau này họ sẽ," Will nói. Xe dừng. Cậu mở cửa, dùng chân đẩy bậc thang xuống. Chúng nhảy xuống con đường trải sỏi trắng kêu lạo xạo; và khi nhìn quanh, cả hai cùng khựng lại, vì choáng ngợp.

Không khí ngào ngạt hương thơm, và khắp nơi đều là hoa hồng. Những ô vuông, tam giác, vòng tròn rực rỡ phủ kín bãi cỏ quanh chúng, với sắc đỏ, vàng, trắng, và mọi sắc màu chen giữa. Trước mặt chúng là lối vào một khu vườn tròn khép kín, vòm cổng cao được tạo bởi hàng rào hoa hồng đỏ rực. Chúng bước vào, gần như ngất ngây bởi hương thơm. Trong vòng tròn rộng lớn của khu vườn, những hàng lan can và ghế đá cẩm thạch trắng xếp quanh một đài phun nước lấp lánh, nơi ba con cá heo trắng không ngừng nhảy múa, phun những tia nước thành hình vòng cung lấp lánh, và ánh cầu vồng mờ nhạt vắt ngang qua dưới ánh mặt trời. Và như để cân bằng với những đường nét lạnh lùng của đá cẩm thạch, những bụi hoa hồng khổng lồ mọc um tùm khắp nơi, cao lớn như cây.

Trước một trong những bụi hoa lớn nhất—một khóm hồng tỏa hương như táo ngọt, hoa nhỏ màu hồng nhạt—đứng sừng sững như vết đen là hình bóng Kỵ Sĩ trên lưng ngựa đen cao lớn.

Will và Bran bước tới cạnh đài phun nước, dừng lại, đối diện với người cưỡi ngựa cách đó một đoạn. Con ngựa đen bước ngang, giậm chân, bồn chồn; Kỵ Sĩ giật mạnh dây cương. Hắn hơi vén

mũ trùm, và Will thấy gương mặt sắc sảo, dữ tợn cậu từng thấy trước đó, cùng ánh đỏ nâu của mái tóc.

“Will Stanton,” Kỵ Sĩ khẽ nói. “Đường từ thung lũng sông Thames đến Vùng Đất Mất Tích quả thật dài.”

Will đáp, “Và đường từ tận cùng thế giới, nơi Cuộc Săn Hoang Dại xua đuổi Bóng Tối, cũng chẳng ngắn hơn.”

Một nét nhăn đau đớn thoáng qua mặt Kỵ Sĩ; hắn quay đầu vào bóng mũ trùm, nhưng không kịp giấu đi vết sẹo rợn người kéo dài từ má đến tai. Nhưng rồi hắn lại ngẩng đầu lên, thẳng lưng kiêu hãnh.

“Đó chỉ là một chiến thắng của Ánh Sáng, chỉ một thôi,” hắn lạnh lùng nói. “Sẽ không có chiến thắng nào khác. Chúng ta đã trỗi dậy lần cuối cùng, Cổ Nhân; cơn lũ đã dâng cao. Các ngươi không còn cách nào ngăn lại được nữa.”

“Vẫn còn một cách,” Will nói. “Chỉ một thôi.”

Kỵ Sĩ chuyển đôi mắt xanh sáng từ Will sang Bran. Hắn cất lời một cách trang trọng, gần như đọc theo vần:
“Thanh gươm sẽ không có quyền năng của Pendargon cho đến khi nó nằm trong tay chàng, cũng như Pendragon chưa thực sự hiện hữu cho đến khi tay chàng chạm vào thanh gươm.”

Đôi mắt xanh ấy chuyển lại phía Will, và Kỵ Sĩ mỉm cười, nhưng ánh mắt vẫn lạnh như băng.
“Chúng ta tồn tại trước ngươi, Will Stanton à. Chúng ta đã có mặt ở đây từ ngày vùng đất này bị mất tích, và dù ngươi có ra sức đến đâu để lấy thanh gươm Eirias, từ bàn tay đang nắm giữ nó, thì ngươi cũng sẽ không thành công. Bởi bàn tay ấy là của chúng ta.”

Will cảm nhận được Bran quay sang cậu, lo lắng và bối rối, nhưng cậu không nhìn lại; cậu đang quan sát Kỵ Sĩ. Vẻ tự tin trong nét mặt và phong thái của người đàn ông kia là tuyệt đối, như thể một sự kiêu ngạo toàn diện, thế nhưng linh cảm của Will mách bảo rằng nó không hoàn toàn như thế. Ở đâu đó có

một điểm yếu; đâu đó có một vết nứt, một vết nứt rất nhỏ trong sự chắc chắn chiến thắng của Bóng Tối. Và trong vết nứt ấy chính là hy vọng cuối cùng mà Ánh Sáng còn giữ được, để kìm hãm sự trỗi dậy của Bóng Tối.

Cậu không nói gì, chỉ nhìn chằm chằm vào Kỵ Sĩ suốt một lúc lâu, giữ ánh nhìn ấy, cho đến khi đôi mắt xanh kia chớp nhẹ rồi nhìn lảng sang nơi khác, như ánh mắt của một con thú. Khi ấy cậu biết mình đã đúng.

Kỵ Sĩ cất lời nhẹ nhàng, để che giấu cái chớp mắt ấy:

“Ngươi khôn ngoan hơn thì nên thôi theo đuổi những ảo vọng bất khả thi trong lúc còn ở đây, mà hãy tận hưởng vẻ kỳ diệu của Vùng Đất Mất Tích. Không có kẻ nào ở đây giúp Bóng Tối, và cũng không có ai để giúp ngươi. Nhưng có nhiều điều đáng để chiêm ngưỡng.”

Con ngựa đen dịch chân, sốt ruột, và hắn giật dây cương, quay ngựa vài bước về phía một khóm hồng leo với những nụ hoa to lớn và những bông hoa vàng rực rỡ trĩu xuống.

Với một cử chỉ tự tin, gần như cố ý làm ra vẻ, Kỵ Sĩ cúi người bẻ một đóa hồng vàng và đưa lên ngửi.
“Những đóa hoa như thế này. Hoa hồng của mọi thời đại. Marechal Niel, ở nơi này, chẳng đâu có mùi hương sánh bằng… hay giống hồng lạ lùng cao vút bên cạnh các ngươi, với những bông hoa đỏ nhỏ, tên là moyesii, cứ theo cách riêng của nó mà nở rộ dữ dội hơn bất kỳ giống hồng nào khác, rồi có khi lại im lìm nhiều năm liền chẳng nở lấy một bông.”

“Hoa hồng thì khó đoán lắm, thưa ngài,” một giọng nói vang lên nhẹ nhàng, mang vẻ thân mật; rồi một nét sắc cạnh khẽ lướt qua trong âm điệu. “Và người của Vùng Đất Mất Tích cũng thế.”

Gwion đã có mặt, một cách đột ngột, một dáng người gọn gàng trong bộ đồ sẫm, đứng cạnh đài phun nước. Không ai thấy ông đến từ đâu; như thể ông vừa bước ra từ chính vầng cầu vồng đang lơ lửng giữa những giọt nước lấp lánh.

Con chiến mã của Kỵ Sĩ lại bước giật một cái, tỏ vẻ bối rối; hắn khó nhọc giữ nó đứng yên. Hắn nói lạnh lẽo: “Số phận nghiệt ngã sẽ đến với ngươi, người hát rong à, nếu ngươi dám tiếp tay cho Ánh Sáng.”

“Số phận của ta sẽ do chính ta định đoạt,” Gwion đáp.

Con chiến mã hất đầu; giờ đây, Will nghĩ, dường như nó đang muốn thoát ra khỏi khu vườn có hàng rào cao bao quanh. Cậu liếc nhìn lại qua vai, về phía mái vòm tràn ngập hoa hồng nơi chúng bước vào, và thấy, đứng đó, chói lòa trong ánh mặt trời, một bóng người bất động trong áo choàng trắng, trên lưng một con ngựa trắng.

Ánh mắt Gwion dõi theo cậu. Ông nói khẽ, “Ra vậy.”

“Ta không đơn độc ở vùng đất này,” Kỵ Sĩ nói.

“Không,” Gwion đáp. “Quả thực ngươi không đơn độc. Có lời truyền rằng các Lãnh Chúa tối cao của Bóng Tối đã tụ hội về vương quốc này, và ta thấy điều đó là sự thật. Quả thực ngươi đã mang theo toàn bộ sức mạnh—và ngươi sẽ cần đến nó.” Ông nói nhẹ nhàng, không hề nhấn nhá, nhưng mấy từ cuối được kéo dài một cách cố ý, và gương mặt Kỵ Sĩ tối sầm lại. Hắn giật mạnh mũ trùm đầu che kín mặt, và chỉ còn giọng nói, rít lên từ trong bóng tối.

“Tự lo thân đi, Taliesin. Hoặc chìm theo những hy vọng vô dụng của Ánh Sáng! Chìm luôn!”

Hắn xoay ngựa một cách đột ngột, chiếc áo choàng đen quét theo; những lời hắn tuôn ra như đá ném thẳng.
“Chìm nghỉm!”

Hắn thúc dây cương, con ngựa bồn chồn lao vút về phía cổng vòm, Kỵ Sĩ Trắng xoay ngựa đón chào. Một tiếng sấm bỗng nổi lên, mỗi lúc một gần, và toán kỵ binh Bóng Tối mà Will và Bran từng gặp lúc trước lao vút qua công viên như một đám mây đen xóa nhòa ngày nắng rực rỡ. Chúng ào xuống chỗ hai con ngựa đang chờ của hai Kỵ Sĩ—những Lãnh Chúa của Bóng Tối—bao

quanh họ và dường như cuốn họ đi mất; đám mây đen biến mất theo con đường, và tiếng sấm dội cũng lắng dần.

Will, Bran cùng Gwion đứng một mình giữa vườn hồng, trong Thành Phố, trong khu vườn thơm ngát của Vùng Đất Mất Tích.

CUNG ĐIỆN HOANG VU

Will nói, "Taliesin?"

"Một cái tên," Gwion nói. "Chỉ là một cái tên nữa thôi." Ông đưa tay âu yếm vuốt một nhánh hoa hồng trắng bên cạnh. "Giờ thì cậu thấy thành phố của ta thế nào?"

Will không hoàn toàn đáp lại nụ cười nhanh của ông. Có điều gì đó đang gặm nhấm trong tâm trí cậu. "Khi ông đưa chúng tôi đi bằng cỗ xe đó, ông có biết chúng tôi sẽ gặp Kỵ Sĩ không?"

Gwion trở nên nghiêm nghị, mân mê chòm râu. "Không, Cổ Nhân à, ta không biết. Cỗ xe ấy chỉ dùng để đưa các cậu đến đây. Nhưng có lẽ hắn đã biết điều đó. Có rất ít điều mà Bóng Tối không biết trong Vùng Đất Mất Tích. Nhưng đồng thời, cũng có rất ít điều chúng có thể làm." Ông bất chợt quay về phía đài phun nước. "Đi thôi."

Chúng theo ông đến trước trung tâm của đài phun nước, nơi dòng nước vọt lên thành xoáy lấp lánh từ những con cá heo trắng đang quấn lấy nhau. Gần đó mọc lên bụi hoa hồng lớn nhất trong số những khóm hồng rậm rạp: một ụ cao phủ đầy hoa tường vi trắng mong manh, rộng như một căn nhà. Những giọt nước li ti từ đài phun bay tới vương lên tóc họ và làm mặt họ ướt đẫm; Will thấy cả những giọt sáng lấp lánh vướng lại trong chòm râu xám của Gwion.

"Hãy tìm cổng vòm Ánh Sáng," Gwion nói.

Will nhìn chăm chú vào dòng nước nhảy múa, vào những con cá heo lấp lánh, vào những đóa hồng bốn cánh; mọi thứ nhòe đi, hòa quyện làm một. "Ý ông là cầu vồng?"

Nó lại hiện ra—một vòm mờ nhòe của sắc màu sinh từ ánh mặt trời giữa lòng đài phun, và thấp thoáng phía trên, là bóng dáng mờ ảo của một cầu vồng khác.

Gwion nhẹ nhàng nói sau lưng chúng, “Hãy nhìn thật kỹ. Hãy nhìn cho lâu.”

Chúng chăm chú dán mắt vào cầu vồng, nhìn không rời cho tới khi ánh mặt trời phản chiếu từ đá cẩm thạch và dòng nước nhảy múa khiến mắt chúng hoa lên. Rồi đột nhiên Bran kêu lên, “Nhìn kìa!”—và ngay cùng lúc đó Will cũng giật người tới trước, tay nắm chặt. Chúng có thể thấy, thấp thoáng sau cầu vồng, bóng dáng một người đàn ông dường như đang trôi nổi trong không trung; một người đàn ông mặc áo choàng trắng với áo ngoài màu lục, đầu cúi xuống, toàn thân toát lên vẻ u sầu trĩu nặng—và trong tay ông là một thanh gươm phát sáng.

Will căng mắt ra để nhìn rõ hơn, nín thở không dám thở mạnh. Bóng người đó hơi ngẩng đầu lên, như thể cảm nhận được ánh nhìn của chúng và đang cố quay lại nhìn; nhưng rồi sự uể oải lại chiếm lấy, đầu ông lại cúi xuống, và bàn tay…

…và rồi chẳng còn gì ngoài cầu vồng, vắt ngang qua màn nước lấp lánh của đài phun. Bran nói, giọng căng thẳng, “Eirias. Đó là thanh kiếm. Người đó là ai?”

“Buồn quá,” Will nói. “Người ấy buồn quá.”

Gwion thở dài một hơi thật sâu, như thể vừa thoát khỏi nỗi căng thẳng của chính mình. “Các cậu đã thấy rồi? Thấy rõ chứ?” Giọng ông chứa đầy sự mong đợi lo lắng.

Will nhìn ông đầy tò mò. “Ông không thấy à?”

“Đây là đài phun Ánh Sáng,” Gwion nói. “Là một chạm nhẹ duy nhất của Ánh Sáng được phép hiện diện trong Vùng Đất Mất Tích. Chỉ những ai thuộc về phe Ánh Sáng mới có thể thấy được những điều nó hiển lộ. Và ta… không hoàn toàn thuộc về Ánh Sáng.” Ông chăm chú nhìn Will và Bran. “Các cậu sẽ vẫn nhận ra gương mặt ấy chứ? Gương mặt u sầu ấy, và thanh gươm?”

“Ở bất cứ đâu,” Will đáp.

“Mãi mãi,” Bran nói. “Đó là—” Cậu ngừng lại, bối rối, rồi nhìn sang Will.

Will nói, “Tớ biết. Không thể diễn tả được. Nhưng, chúng ta sẽ nhận ra ông ấy. Ông ấy là ai vậy?”

Gwion thở dài. “Đó là nhà vua. Gwyddno, Vị Vua Thất Lạc của Vùng Đất Mất Tích.”

“Và ngài ấy mang theo thanh gươm,” Bran nói. Một sự chăm chú kỳ lạ dường như bao trùm lấy cậu. Will đã nhận thấy mỗi khi nhắc đến thanh kiếm pha lê, Bran đều như thế.

“Ngài ấy đang giữ thanh gươm, và có thể ngài sẽ trao nó cho cậu nếu ngài nghe thấy khi cậu lên tiếng gọi. Ngài đã không nghe thấy ai từ lâu lắm rồi—không phải vì tai ngài không nghe được, mà vì ngài đã tự khóa kín mình trong tâm trí.”

Bran lại nói, “Ngài ấy ở đâu?”

“Trong tháp của ngài,” Gwion nói. “Tháp của ngài ở Caer Wydyr.” Khi ông nói những từ tiếng Wales đó, Will chợt nhận ra rằng giọng tiếng Anh của Gwion từ trước đến giờ luôn mang âm sắc của một người xứ Wales; dù không đậm bằng Bran.

“Caer Wydyr,” Bran nói. Cậu nhìn Will, trán nhíu lại. “Nghĩa là, lâu đài thuỷ tinh.”

“Một tòa tháp bằng kính,” Will nói. “Thứ mà cậu có thể thấy qua một cầu vồng.” Cậu quay lại nhìn những tia nước phun vút lên, vỡ tung, rồi rơi xuống như mưa kim cương trên lưng những chú cá heo sáng ngời. Rồi cậu khựng lại, nheo mắt nhìn kỹ hơn. “Nhìn kìa, Bran. Tớ không để ý. Có gì đó được khắc dưới đài phun, rất thấp.”

Cả hai cúi xuống nhìn, tay che mặt khỏi những tia nước bắn tung. Một dòng chữ khắc lún trong đá cẩm thạch, nửa bị cỏ che khuất; những con chữ phủ rêu xanh.

"Ta là…" Will vạch đám cỏ bằng hai tay. *"Ta là cái nôi của mọi khu rừng."*

Bran cau mày. "*Cái nôi của mọi khu rừng*. Cái nôi là nơi ta khởi sinh trong lòng mẹ, vậy chắc là—sự khởi đầu, đúng không? Nhưng 'khu rừng'? Khu rừng nghĩa là gì?"

"Một nơi trú ẩn," Gwion nói khẽ.

Bran kéo kính xuống sống mũi, chăm chú nhìn hàng chữ. "Sự khởi đầu của mọi nơi trú ẩn? Thế nghĩa là gì chứ?"

"Ta không thể tiết lộ cho các cậu được," Gwion nói. "Nhưng ta nghĩ các cậu nên nhớ lấy." Ông chỉ tay ra vòm cổng, nơi cỗ xe màu lam đang đợi. "Giờ đi thôi?"

Will nói, khi chúng bước lên bậc gập của cỗ xe, "Cái huy hiệu màu vàng trên cửa ấy, con cá đang nhảy với hoa hồng, là gì vậy?"

"Cá hồi Dyfi đấy," Gwion nói. "Sau này những kẻ làm huy hiệu sẽ gọi nó như thế. Nền lam, một con cá hồi màu vàng bơi ngang, giữa ba đóa hồng trắng, nhị vàng, lá xanh." Ông nhún mình trèo lên phía trên đầu chúng để ngồi vào vị trí đánh xe, cầm lấy dây cương, và câu nói cuối cùng vọng xuống mơ hồ. "Đó là huy hiệu của nhà vua Gwyddno."

Rồi ông khẽ vung dây cương, những con ngựa đen như nhung hất đầu, bộ bờm lượn sóng tung lên, và chúng lên đường, cỗ xe nghiêng ngả leng keng xuyên qua khu vườn trong công viên rộng thênh thang rồi lao ra những con phố lát đá của thành phố. Chỗ này chỗ kia có từng nhóm người hoặc từng đôi đang đi bộ; giờ họ đều ngẩng đầu lên khi cỗ xe đi qua, ngoái nhìn theo với vẻ ngạc nhiên hoặc tò mò. Không ai cất lời chào, nhưng cũng chẳng ai làm ngơ như trước nữa; lần này, mọi ánh mắt đều ngoảnh lại dõi theo.

Cỗ xe chậm dần; chúng lắc lư qua một khúc quanh. Nhìn ra ngoài, Will và Bran thấy chúng đang rẽ vào một cổng vòm dẫn vào sân trong. Những bức tường cao với hàng cột bao quanh

bốn phía, gắn những cửa sổ cao chia chín ô; phía trên đường mái lan can là những tòa tháp nhọn hình thù kỳ quái. Mọi cửa sổ đều trống không; chúng không thấy một bóng người nào cả.

Xe dừng lại; chúng bước xuống. Trước mặt là cầu thang đá hẹp dẫn lên một cổng lớn có hàng cột vuông, được trang trí bằng những đường cuộn và tượng đá chạm trổ—và, nổi bật hơn hết, là bản sao huy hiệu con cá nhảy vọt giống trên cửa xe. Will và Bran liếc nhìn nhau, rồi lại quay đầu lên. Cánh cửa đang mở. Bên trong chỉ toàn bóng tối.

Gwion nói phía sau chúng, "Đây là cung điện của Gwyddno Garanhir. Người ta gọi nó là Cung Điện Hoang Vu, kể từ ngày nhà vua rút lui về tòa lâu đài bên bờ biển và không bao giờ trở ra nữa. Vào đi, cả hai cậu cùng nhau. Và ta sẽ gặp lại các cậu nếu các cậu tìm được đường đi."

Will ngoái nhìn lại. Cỗ xe sang trọng và cặp ngựa đen huyền đã biến mất. Sân rộng mênh mông trống không. Gwion đứng dưới chân bậc thang, thân hình gọn gàng trong bộ đồ tối, gương mặt râu ria ngước lên, những đường nét lo âu đột ngột hiện lên rõ ràng một cách kỳ lạ. Ông đang căng thẳng, chờ đợi.

Will gật đầu. Cậu quay lại phía cánh cửa cung điện rộng lớn đang mở. Bran vẫn đứng đó, nhìn chằm chằm vào bóng tối. Cậu chưa hề nhúc nhích kể từ khi Gwion lên tiếng. Không quay đầu lại, cậu nói, "Đi thôi."

Chúng bước vào, sóng vai bên nhau. Cánh cửa khổng lồ rít lên một tiếng dài rồi đóng sập lại phía sau cả hai bằng một tiếng trầm đục dội vang khắp nơi. Lập tức, bóng tối vỡ ra thành một luồng ánh sáng trắng chói lòa. Will chỉ kịp thấy Bran lùi lại, giơ tay che mắt, trước khi cảnh tượng phía trước ập đến khiến cậu nghẹn thở.

Khắp quanh chúng, lấp lánh không dứt, là vô số hình ảnh lặp lại của chính bản thân Will và Bran. Cậu quay phắt lại, sững sờ nhìn; những hình Will phản chiếu cũng quay lại theo, một dãy hợp xướng dài đang lui vào khoảng không. Cậu hét lên, theo bản

năng mong đợi tiếng vang cũng sẽ vang vọng vô tận như những hình ảnh phản chiếu kia lặp đi lặp lại trong tầm mắt. Nhưng chỉ có một âm vang đục nặng vang lên quanh chúng, rồi tan biến.

Chính âm thanh ấy khiến Will lần đầu tiên cảm nhận được hình dáng nơi chúng đang đứng: dài và hẹp.

“Là hành lang à?” cậu nói, mơ hồ.

“Gương!” Bran đảo mắt hoảng loạn, nheo lại sau cặp kính đen. “Khắp nơi là gương. Cả nơi này làm bằng gương.”

Đầu óc Will bắt đầu thoát khỏi cơn choáng. Cậu dần định hình được những gì mình đang thấy. “Gương, đúng rồi. Trừ sàn nhà.” Cậu nhìn xuống khoảng tối óng ánh. “Là kính đen. Nhìn xem, từ đầu đến cuối. Là một hành lang, hành lang cong dài toàn bằng gương.”

“Tớ thấy quá nhiều tớ,” Bran nói, cười gượng. Một chớp trắng lướt qua từng khuôn mặt khi vô số các hình Bran phản chiếu cùng lúc cười theo—rồi cùng nghiêm lại, nhìn chằm chằm.

Will bước vài bước, lưỡng lự, co người khi những dãy hình ảnh phản chiếu cũng chuyển động theo. Khúc cong của hành lang mở ra đôi chút phía trước, phản chiếu chính sự lấp lánh của nó, như trang sách trống trong một cuốn sách khổng lồ. Cậu đưa tay kéo tay áo Bran.

“Này. Đi bên cạnh tớ. Có người khác để nhìn, dù chỉ khóe mắt, thì mấy cái bóng ấy sẽ đỡ làm tụi mình chóng mặt.”

Bran đi cùng cậu. Cậu lưỡng lự nói, “Cậu nói đúng.” Nhưng khi chúng đi thêm một đoạn, cậu chợt khựng lại; mặt tái xanh, nhăn nhó. “Khủng khiếp thật,” cậu nói, giọng nghèn nghẹn. “Mấy tấm kính, ánh sáng, tất cả như ép lại. Ép chặt, ép chặt, như thể bị nhốt trong cái hộp khủng khiếp nào đó.”

“Đi tiếp nào,” Will nói, cố tỏ ra tự tin. “Có khi chỗ đó mở ra sau khúc quanh kia. Không thể kéo dài mãi được.”

Nhưng khi chúng rẽ qua khúc cong, với vô số bóng người phản chiếu theo chúng trên những bức tường gương, chúng chỉ gặp một ngã tư, nơi ba hành lang gương khác giao cắt với hành lang ban đầu, làm các hình ảnh càng bị nhân lên rối rắm, và chúng có ba hướng để lựa chọn.

Bran nói, vẻ chán nản, "Giờ đi hướng nào đây?"

"Có trời biết." Will thò tay vào túi, lôi ra một đồng xu. "Ngửa thì chúng ta đi bên phải hoặc giữa, sấp thì đi bên trái." Cậu tung đồng xu lên, đón lấy và chìa ra.

"Sấp," Bran nói. "Vậy bên trái."

"Úi!" Will làm rơi đồng xu; chúng nghe tiếng nó lăn đi và xoay tròn. "Nó đâu rồi? Đáng lẽ dễ thấy chứ… Lạ thật, sao không có khe nối nào giữa các tấm kính—như thể chúng ta đang ở trong một ống kính vuông vức—" Cậu nhìn thấy vẻ căng thẳng trên mặt Bran, liền chột dạ. "Thôi nào—ra khỏi đây thôi."

Chúng rẽ vào lối bên trái. Nhưng hành lang gương, trông không khác gì hành lang trước, dường như kéo dài vô tận; nó uốn cong sang trái rồi lại duỗi thẳng. Tiếng bước chân chúng vang vọng, nhưng mỗi khi chúng dừng lại, âm vang lập tức tắt lịm. Cuối cùng, chúng lại đến một ngã tư hành lang.

Bran nhìn quanh, tuyệt vọng. "Y hệt chỗ khi nãy."

Một ánh sáng lấp lánh, không phải ánh gương, thu hút mắt Will nhìn xuống sàn. Cậu cúi xuống, nhận ra đó là đồng xu của mình. Cậu đứng thẳng dậy, nuốt nghẹn để xua đi cảm giác trống rỗng đang dâng trong họng, rồi chìa tay cho Bran xem.

"Chính là chỗ cũ. Nhìn này."

"Duw… Chúng ta vừa đi một vòng." Bran nhìn cậu, nhíu mày. "Biết không? Tớ nghĩ chúng ta đang ở trong mê cung."

"Một mê cung…"

"Một mê cung gương. Thế thì đủ sống cả đời trong đó."

“Gwion đã biết trước, đúng không?” Will nhớ lại gương mặt râu xám nhìn lên họ với vẻ căng thẳng rõ ràng. “Gwion đã nói: Ta sẽ gặp lại các cậu nếu các cậu tìm được lối đi…”

“Cậu có biết gì về mê cung không?”

“Hồi trước tớ từng vào mê cung ở Hampton Court. Bằng hàng rào cây. Cứ phải rẽ phải suốt khi đi vào, rồi rẽ trái suốt để đi ra. Nhưng cái đó có trung tâm. Còn chỗ này—”

“Mấy khúc cong.” Bran trông đỡ tái đi đôi chút, có lẽ vì được dịp suy nghĩ. “Nghĩ kỹ xem. Chúng ta rẽ phải lúc khởi đầu, rồi nó cong…”

“Nó cong sang trái.”

“Rồi chúng ta tới ngã tư, rẽ lối ngoài cùng bên trái, nó lại cong trái và đưa chúng ta trở lại ngã tư theo vòng tròn.”

Will nhắm mắt lại, cố hình dung sơ đồ. “Vậy rẽ trái là sai. Thế chúng ta phải rẽ phải?”

“Đúng, nhìn này,” Bran nói. Mặt cậu rạng lên với ý tưởng vừa lóe. Cậu há miệng thổi hơi dài lên tấm gương hành lang, và vẽ bằng ngón tay trên lớp sương mờ một đường xoắn ốc đi lên, gồm các vòng không chạm nhau, như chiếc lò xo dựng đứng. Các đỉnh cong của vòng xoắn hướng về bên trái. Nó trông giống một bức vẽ của chiếc lò xo bị kéo giãn dựng đứng.

“Nó phải như thế này. Thấy vòng đầu tiên không? Chính là đoạn ta vừa đi. Mà mê cung thì luôn lặp lại, đúng không?”

“Vậy nếu là chuỗi vòng xoắn, thì thành một xoắn ốc,” Will nói, nhìn hình vẽ sương mờ dần biến mất. “Mà chúng ta không cần đi trọn từng vòng, chỉ cần đi men bên phải, nơi mỗi vòng giao nhau.”

“Bằng cách luôn rẽ phải. Đi nào.” Bran hăm hở trượt bước về hành lang bên phải.

“Khoan đã.” Will thở lên gương, vẽ lại hình xoắn ốc. “Chúng ta đang quay sai hướng. Thấy không? Chúng ta đã đi trọn một

vòng đầu tiên, nên giờ đang quay mặt về phía ngược lại so với hướng ban đầu. Nếu giờ chúng ta rẽ phải, thực ra lại là rẽ trái."

"Và sẽ lại lặp vòng nữa. Xin lỗi, đúng là tớ hấp tấp quá." Bran vung tay nhảy một cái gọn gàng để xoay ngược lại. Cậu nhìn với vẻ ghét bỏ vào vô số hình ảnh phản chiếu bản thân vừa nhảy theo mình. "Đi thôi, tớ ghét mấy tấm gương này."

Will nhìn cậu chăm chú khi chúng bước vào hành lang cong bên phải. "Cậu thực sự ghét đấy nhỉ? Tớ cũng thấy nó rợn thật. Nhưng cậu thì—"

"Ánh sáng." Bran nhìn quanh bối rối, bước nhanh hơn. "Không chỉ thế. Cái phản chiếu ấy, nó làm gì đó với đầu óc, như thể nó hút cả trí não tớ ra ngoài. Aah!" Cậu lắc đầu, không tìm được từ để diễn đạt.

"Đến ngã tư rồi. Nhanh hơn hẳn."

"Đúng thế, nếu chúng ta đi đúng đường. Rẽ phải nữa."

Chúng rẽ phải bốn lần, từng bước theo những dãy hình phản chiếu vô tận cũng bước đều tăm tắp.

Rồi đột ngột, sau khúc cong thứ tư, chúng đụng mặt chính mình: những hình bóng sững sờ nhìn lại từ một bức tường gương trống trơn.

"Không!" Will gắt lên, giọng run nhẹ khi thấy đầu và vai Bran rũ xuống thất vọng.

Bran khẽ nói, "Ngõ cụt."

"Nhưng sao lại sai được?"

"Ai mà biết. Nhưng rõ ràng là sai. Chắc chúng ta phải quay lại và… bắt đầu lại." Bran buông người ngồi bệt xuống sàn kính đen.

Will nhìn hình ảnh trong gương. "Tớ không tin."

"Nhưng đó là sự thật."

"Ý tớ là, tớ không tin chúng ta phải bắt đầu lại."

“Có chứ.” Bran ngẩng lên, nhìn những hình ảnh phản chiếu: chiếc áo len xanh và quần jeans của cậu đang đứng, mái tóc trắng và kính đen của chính cậu đang ngồi co lại trên sàn. “Chuyện này từng xảy ra trước đây rồi, lâu lắm rồi—khi chúng ta bị chặn bởi bức tường cụt. Nhưng lúc đó cậu có thể dùng phép thuật của Cổ Nhân. Ở đây thì không được, đúng không?”

“Không,” Will nói. “Không có tác dụng, ở Vùng Đất Mất Tích.”

“Vậy thì thế đấy.”

“Không,” Will nói một cách bướng bỉnh. Cậu cắn móng tay, nhìn quanh những bức tường gương mù lòa chỉ phản chiếu đúng thứ chúng nhận, vậy mà vẫn như đang chứa một thế giới bao la riêng biệt. “Không. Có gì đó… chắc chắn có điều chúng ta cần phải nhớ lại…” Cậu nhìn xuống Bran, ánh mắt dường như không còn nhìn cậu bạn nữa. “Nghĩ xem: từ lúc gặp Gwion tới giờ, ông ấy đã nói gì có vẻ như là thông điệp không? Đã dặn ta điều gì?”

“Gwion à? Ông ấy bảo lên cỗ xe…” Bran bật dậy, trán nhăn tít, cố nhớ ngược lại. “Ông ấy bảo sẽ gặp lại nếu chúng ta tìm được đường—nhưng đó là điều cuối cùng. Trước đó… đúng là có gì đó ông ấy bảo nên nhớ, cậu nói đúng. Là gì nhỉ? Ông ấy bảo nhớ, nhớ…”

Will bật thẳng người. “Tớ nhớ rồi. Gương mặt người trong cầu vồng, rồi sau đó còn một điều nữa, dòng chữ trên đài phun. Ông nghĩ chúng ta nên nhớ lấy…”

Nhớ lại, cậu đứng thật thẳng, hai tay duỗi ra phía trước, mười ngón chỉ vào bức tường gương chặn trước mặt.

“Ta là cái nôi của mọi khu rừng,” cậu nói, chậm rãi và rõ ràng, đọc lại những dòng chúng từng thấy sau lớp cỏ dày trên phiến đá phủ rêu của đài phun trong công viên.

Và phía trên đầu chúng, trên mặt gương, một hàng chữ khác dần hiện lên, mỗi lúc một sáng, cho đến khi ánh sáng rực rỡ của

nó làm lu mờ mọi ánh sáng khác quanh chúng. Chúng chỉ kịp nhìn dòng chữ và hiểu được:

Ta là ánh lửa trên mọi ngọn đồi.

Rồi ánh sáng bùng lên chói lòa trong khoảnh khắc khiến chúng phải ngoảnh mặt đi, và với âm thanh lạ lùng, như một vụ nổ bị ngăn cách bởi hàng dặm khoảng cách, toàn bộ tường kính quanh chúng vỡ vụn rơi xuống trong tiếng nhạc dịu nhẹ.

Và chúng đứng tự do, với những dòng chữ sáng rực lơ lửng trong bóng tối phía trước, còn mê cung gương thì biến mất như chưa từng tồn tại.

HÀNH TRÌNH

Những câu chữ rực sáng tan dần trong không khí trên đầu Will, để lại dấu ấn chói lòa của chúng khiến trong vài khoảnh khắc, các chữ cái như vẫn lơ lửng một cách ma mị trước mắt cậu. Bên cạnh cậu, Bran thở ra một hơi dài chậm rãi, nhẹ nhõm.

Giọng Gwion vang lên ấm áp từ trong bóng tối: "Vậy là các cậu đã tìm được đường đi."

Chớp mắt, Will nhìn thấy ông đứng trước chúng, trong một đại sảnh mái vòm cao với những bức tường trắng treo đầy thảm gấm sang trọng và tranh vẽ rực rỡ. Cậu quay lại nhìn. Kia, bên kia sảnh, là cánh cửa lớn chạm khắc tinh xảo đã đóng sầm lại sau lưng chúng khi lần đầu tiên chúng lạc vào mê cung. Giờ đây không còn dấu vết gì của mê cung nữa.

Bran lên tiếng, giọng vẫn còn run nhẹ: "Nó có thật không?" Rồi cậu bật cười khẽ, ngượng ngùng. "Đúng là một câu hỏi ngớ ngẩn."

Gwion bước về phía chúng, mỉm cười. "'*Thật*' là một từ khó," ông nói. "Gần như khó bằng '*đúng*', hay '*bây giờ*'... Đi nào. Giờ các cậu đã chứng tỏ được mình bằng cách vượt qua rào cản của Thành phố, ta có thể đưa các cậu lên đường tới Lâu đài."

Ông kéo một tấm thảm treo trên tường sang một bên, lộ ra lối vào một cầu thang xoắn ốc hẹp. Ông ra hiệu, và chúng đi lên theo hàng: Will theo sau bước chân Gwion, nhẹ nhàng trong đôi giày da mềm; những bậc thang như xoáy mãi lên trên, nối tiếp nhau. Chúng cứ tiếp tục đi, leo mãi, leo mãi đến mức hơi thở Will bắt đầu dồn dập, và cậu cảm thấy mình hẳn đã lên tới hàng trăm thước trên không.

Rồi Gwion nói, "Đợi một chút," và dừng lại. Ông lấy từ túi ra một vật gì đó. Đó là một chiếc chìa khóa sắt nặng nề. Trong ánh sáng mờ từ một trong những ô cửa sổ hẹp đục gắn trên tường cầu thang, Will thấy đầu chìa khóa được rèn thành một họa tiết trang trí: một vòng tròn, chia làm tư bởi một cây thập tự. Will sững người nhìn chằm chằm. Rồi cậu ngẩng lên, thấy đôi mắt đen của Gwion lấp lánh một cách bí ẩn nhìn xuống cậu.

"À, Cổ Nhân," Gwion nhẹ giọng nói. "Vùng Đất Mất Tích đầy những dấu hiệu từ thuở xa xưa, nhưng giờ chỉ còn rất ít người ở nơi đây nhớ được ý nghĩa của chúng."

Ông mở cánh cửa nhỏ chắn đường họ, và đột ngột ánh nắng tràn xuống, xua tan những ký ức nặng nề cuối cùng về mê cung gương.

Will và Bran bước ra, mặt ngẩng lên nhìn bầu trời xanh như những tù nhân vừa ra khỏi ngục. Chúng thấy mình đang đứng sau một lan can bằng vàng chạm trổ, nhìn ra những mái nhà vàng rực óng ánh của Thành phố và những thảm xanh mướt của công viên, giống hệt như lần đầu tiên chúng nhìn thấy – nhưng lần này là từ một độ cao lớn hơn. Chỉ sau một lúc, chúng nhận ra ban công mà chúng đang đứng chính là viền dưới của một mái vòm lớn màu trắng và vàng – và chúng hiểu rằng đây chính là cung điện của Vua Gwyddno, Cung Điện Hoang Vu của Vùng Đất Mất Tích, nơi được phủ bởi mái vòm tuyệt mỹ, viền pha lê và vàng, mà chúng đã thấy lấp lánh trong bình minh. Ngẩng cổ lên, Will nghĩ rằng cậu có thể thấy được đỉnh chóp, nơi mũi tên vàng chỉ về bờ biển phía tây.

Gwion bước đến đứng sau lưng chúng, chỉ tay theo cùng hướng. Will để ý thấy trên ngón áp út của ông có một chiếc nhẫn, với viên đá sẫm màu được chạm khắc thành hình một con cá đang nhảy.

Nhìn theo hướng cánh tay ông chỉ, chúng thấy mái nhà của Thành phố kết thúc, nhường chỗ cho những cánh đồng loang loáng xanh vàng trải dài trong làn hơi nóng. Rất xa, rất xa phía chân trời mờ nhòe, Will tưởng như thấy những hàng cây tối sẫm, phía sau là dải núi tím mờ và một vệt sáng dài của biển, nhưng cậu không thể chắc chắn. Chỉ có một thứ rõ ràng ngoài kia: một cột sáng rực rỡ vươn lên từ đám mờ xanh nơi Vùng Đất Mất Tích dường như gặp gỡ đại dương.

“Nhìn kìa,” Bran nói. Trong một khoảnh khắc, tay cậu lơ lửng bên tay Gwion, ngón tay trắng sữa và trẻ trung bên cạnh bàn tay rám nắng với chiếc nhẫn sẫm màu. “Kia kìa – chúng ta đã thấy nó từ trên núi. Will, nhớ không? Trên Cwm Maethlon.” Rồi cậu liếc Will, vẻ hối hận. “Một thế giới khác, phải không? Cậu biết không, tớ hoàn toàn quên mất các bạn ấy rồi. Cậu nghĩ họ ổn chứ?”

“Tớ nghĩ vậy,” Will chậm rãi nói. Cậu vẫn nhìn ra phía chân trời mờ ảo, nhưng không thực sự thấy nó: bị cuốn vào một nỗi lo đã chập chờn trong tâm trí từ khi chúng đặt chân đến Vùng Đất Mất Tích. “Tớ ước gì biết được. Và tớ ước gì biết Merriman đang ở đâu. Tớ không thể… chạm tới ông ấy. Bran à. Tớ không thể chạm tới ông ấy. Tớ không nghe được gì từ ông ấy nữa. Dù tớ nghĩ ông ấy định đi cùng chúng ta, ở đây.”

“Đúng vậy, Cổ Nhân,” Gwion bất ngờ lên tiếng. “Nhưng phép thuật của Vùng Đất Mất Tích giữ ông ấy lại, nếu ông ấy đã lỡ mất khoảnh khắc duy nhất để phá vỡ nó.”

Will quay phắt sang ông, một bản năng sâu xa trỗi dậy. “Ông biết ông ấy, đúng không? Từ rất lâu rồi, ông đã từng gần gũi với Merriman.”

“Rất gần,” Gwion nói, với một nỗi thương mến sâu lắng trong từng lời. “Và có một điều ta được phép nói với cậu, giờ khi cậu đã nhắc đến ông ấy với ta. Ông ấy lẽ ra đã đến đây gặp các cậu, tại cung điện này. Nhưng ta bắt đầu lo sợ rằng bằng cách nào đó Bóng Tối đã giữ ông ấy lại, trong thế giới kia của các cậu. Và nếu giờ ông ấy đã bỏ lỡ khoảnh khắc để bước vào Vùng Đất Mất Tích, thì ông ấy sẽ không thể nào đến được nữa.”

Will hỏi: “Không thể nào sao?”

“Không,” Gwion nói.

Will chợt nhận ra cậu đã hy vọng bao nhiêu vào sự hiện diện vững chãi của Merriman – hy vọng ông sẽ đến, sớm thôi, như một chỗ dựa. Cậu nuốt xuống cơn hoảng loạn, và nhìn sang Bran.

“Vậy thì chúng ta chỉ còn lại lời của Quý Bà. Rằng chúng ta sẽ tìm thấy thanh gươm pha lê trong tòa tháp thủy tinh, giữa bảy cái cây, nơi chiếc tù và sẽ ngăn bánh xe lại.”

Bran nói, “Và một khúc xương trắng sẽ cản trở chúng ta, còn một cây táo gai bay sẽ cứu chúng ta. Dù điều đó có nghĩa là gì đi nữa.”

“Tòa tháp thủy tinh,” Will lặp lại. Mắt cậu nhìn trở lại cột sáng chói lọi ở đường chân trời.

Gwion nói, “Đó là Caer Wydyr, nơi các cậu đang nhìn. Lâu đài của Vùng Đất Mất Tích, với tòa tháp thủy tinh. Nơi chủ nhân ta ngồi, chìm trong một nỗi u sầu chết chóc không ai có thể xua tan.” Giọng ông trở nên ảm đạm và buồn bã.

Will ngập ngừng hỏi, “Chúng tôi có thể biết thêm không?”

“Ồ có,” Gwion nói, giọng u ám. “Có những điều ta phải nói với các cậu, về Vùng Đất này và thanh gươm, vì Merlion. Nhiều nhất có thể.” Ông bước đến mép lan can vàng và nắm chặt lấy đường viền của nó bằng cả hai tay, rồi nhìn ra Thành phố. Chòm râu của ông nhô ra, và chiếc mũi thẳng mạnh mẽ hiện rõ trên nền trời; ông trông như một khuôn mặt nghiêng khắc trên đồng xu.

Ông nói: “Vùng Đất này không thuộc về Bóng Tối hay Ánh Sáng, và chưa bao giờ thuộc về bất kỳ bên nào cả. Sự mê hoặc của nó là một điều riêng biệt — phép màu của tâm trí, của bàn tay và đôi mắt — không thuộc về ai vì nó không thiện cũng chẳng ác. Nó không liên quan gì đến hành vi của con người, hay những tuyệt đối lớn lao của Ánh Sáng và Bóng Tối, cũng như bông hồng nở rộ hay cú nhảy uốn cong mình của một con cá chẳng liên quan gì đến điều đó. Tuy nhiên, những người thợ thủ công của chúng ta — những người vĩ đại nhất từng tồn tại trong hay ngoài Thời Gian — chưa bao giờ… sẵn lòng phục vụ cho Bóng Tối. Họ đã làm những tác phẩm kỳ diệu nhất cho các Chúa tể Ánh Sáng. Họ dệt thảm, chạm khắc ngai vàng và rương báu, rèn chân đèn bằng bạc và vàng. Họ đã tạo nên bốn trong sáu Dấu Hiệu vĩ đại của Ánh Sáng.”

Will ngẩng phắt đầu lên.

Gwion mỉm cười với cậu. “À, Người Tìm Dấu Hiệu,” ông dịu dàng nói. “Từ rất lâu về trước, trong Vùng Đất Mất Tích, giờ đã bị tất cả dân chúng lãng quên, đã khởi đầu với chuỗi xích vàng của cậu — sắt, đồng, nước và lửa… Và cuối cùng, một người thợ thủ công của vùng đất này đã tạo nên thanh kiếm vĩ đại Eirias cho phe Ánh Sáng.”

Bran căng thẳng hỏi, “Ai đã rèn nó?”

“Nó được rèn bởi một người gần gũi với phe Ánh Sáng,” Gwion nói, “nhưng không phải là Chúa tể Ánh Sáng hay một trong những Cổ Nhân — bởi ở vùng đất này không có ai như thế… Ông ta là người duy nhất có kỹ năng tạo nên một kỳ quan lớn đến vậy. Dù ở đây, nơi có rất nhiều người tài năng. Một người thợ bậc thầy, không ai sánh kịp.” Ông nói với vẻ thành kính chậm rãi, lắc đầu ngạc nhiên khi hồi tưởng. “Nhưng các Kỵ Sĩ Bóng Tối, họ có thể đi lại tự do khắp vùng đất này, vì chúng tôi không có lý do hay mong muốn xua đuổi bất kỳ sinh vật nào — và khi họ nghe rằng Ánh Sáng đã yêu cầu thanh kiếm ấy, họ lập tức yêu cầu không được rèn nó. Dĩ nhiên họ biết rằng đã có những lời

tiên tri từ lâu dự báo rằng một khi Eirias được rèn xong, nó sẽ được dùng để đánh bại Bóng Tối."

Will hỏi, "Vậy người thợ đó đã làm gì?"

"Ông ấy đã triệu tập tất cả những người sáng tạo trong vùng đất," Gwion nói. Ông ngẩng đầu cao hơn một chút. "Tất cả những ai viết nên, hoặc mang tới sự sống cho lời nói và âm nhạc của người khác, hoặc tạo ra những thứ đẹp đẽ. Và ông ấy nói với họ: Ta có một tác phẩm trong lòng, ta biết nó sẽ là đỉnh cao của mọi điều ta từng làm được, và Bóng Tối đang cố ngăn ta thực hiện nó. Chúng ta có thể sẽ phải chịu đau khổ, nếu ta chống lại ý muốn của họ, và vì thế, ta không thể một mình đưa ra quyết định. Hãy nói cho ta biết. Nói ta nên làm gì."

Bran nhìn chằm chằm ông. "Thế họ nói gì?"

"Họ nói: Ông phải làm nó." Gwion mỉm cười, tự hào. "Không có ngoại lệ. Họ nói: Hãy rèn thanh gươm. Và thế là ông ấy rời đi đến nơi riêng của mình, và rèn Eirias, và trong một vùng đất đầy kỳ quan, đó là điều kỳ diệu và quyền năng nhất từng được tạo ra. Và cơn thịnh nộ của Bóng Tối rất lớn, nhưng bất lực, bởi các Chúa tể Bóng Tối biết rằng họ không thể phá hủy một tác phẩm được tạo ra cho Ánh Sáng, cũng không thể đánh cắp hay gây tổn hại gì… cho người chế tác ra nó."

Ông im lặng, nhìn ra đường chân trời mờ sương.

"Tiếp đi," Bran hối thúc. "Hãy kể tiếp đi!"

Gwion thở dài. "Thế là Bóng Tối đã làm một điều đơn giản," ông nói. "Chúng cho người thợ rèn thấy nỗi bất an và sợ hãi của chính ông. Sợ rằng mình đã làm điều sai trái — sợ rằng sau khi làm được điều vĩ đại ấy, ông sẽ không bao giờ có thể tạo ra điều gì giá trị nữa — sợ tuổi già, sợ sự thiếu sót, sợ những lời hứa chưa được thực hiện. Tất cả những nỗi sợ vô tận đó — là lời nguyền của những người được ban tặng khả năng sáng tạo — luôn ẩn sâu trong tâm trí họ.

Và dần dần, ông rơi vào tuyệt vọng. Nỗi sợ lớn dần trong ông, và ông trốn chạy nó bằng sự mệt mỏi uể oải — và thế là niềm hy vọng chết đi, được thay thế bằng một nỗi u sầu tê liệt khủng khiếp. Giờ ông bị giam cầm bởi chính tâm trí mình. Ông, và thanh gươm Eirias mà ông tạo ra, bị giam cùng nhau. Tuyệt vọng giữ ông làm tù nhân, tuyệt vọng — sự sáng tạo khủng khiếp nhất trong tất cả. Bởi nơi những con người vĩ đại, tâm trí có thể tạo ra những bóng ma khổng lồ với quyền năng to lớn. Và vua Gwyddno là một con người vĩ đại."

"Nhà Vua!" Will chậm rãi nói. "Vị vua của Vùng Đất Mất Tích là người đã rèn nên thanh gươm?"

"Phải," Gwion nói. "Từ rất lâu về trước, nhà vua đi một mình vào lâu đài của ngài, vào tháp thuỷ tinh Caer Wydyr. Và ngài đã rèn nên thanh kiếm Eirias, và kể từ đó, ngài và thanh kiếm ở trong đó, một mình, suốt thời gian ấy. Bị mắc kẹt trong chiếc bẫy mà chính ngài tạo ra. Và có lẽ chỉ có các cậu mới có thể phá bỏ chiếc bẫy đó."

Dù ông nói với cả hai, nhưng ánh mắt ông lại hướng về phía Bran.

Bran nói, gương mặt tái nhợt lộ vẻ kinh hãi, "Một mình ư? Một mình từ bấy đến giờ sao? Không ai từng gặp ngài ấy sao?"

"Ta đã từng gặp ngài ấy," Gwion nói. Nhưng giọng ông bỗng tràn đầy nỗi đau đến mức không ai hỏi thêm điều gì nữa.

Mặt trời ấm áp trên khuôn mặt họ; hơi nóng toả ra từ những dải vàng và pha lê của mái vòm, và những mái nhà của Thành phố nhấp nhô trước mặt. Ở đâu đó xa xa, trên những cánh đồng xanh của Vùng Đất Mất Tích, Will nghe tiếng mòng biển kêu.

Cậu bất ngờ cảm nhận được sự hiện diện của Merriman, và ngay lập tức một cảm giác cấp bách trỗi dậy. Merriman không ở đây, không thể nghe thấy trong tâm trí: cậu biết điều đó, nhưng sự cấp bách vẫn còn vương lại, như một âm vang của điều gì đó đang xảy ra ở đâu đó rất xa. Will nhìn vào gương mặt của Gwion

và thấy sự nhận thức về điều đó cũng hiện rõ trên đó. Đôi mắt của họ gặp nhau.

“Đúng,” Gwion nói. “Đã đến lúc. Các cậu phải lên đường đến Lâu đài, vượt qua vùng giữa, và ta đã làm hết mức có thể rồi. Nhưng ta không thể nói cho các cậu biết những gì các cậu sẽ gặp trên đường, cũng không thể bảo vệ các cậu khỏi chúng. Hãy nhớ rằng, các cậu đang ở trong Vùng Đất Mất Tích, và chính phép thuật của vùng đất này mới là người điều khiển nơi đây.” Ông nhìn ra xa về phía ngọn tháp lấp lánh nơi chân trời. “Hãy nhìn kỹ vào nơi các cậu phải đến, và tập trung tâm trí vào việc đến đó. Và rồi, các cậu sẽ đến.”

Chúng nhìn một lần nữa vào tia sáng, xa xa trong làn sương mù, rồi chúng theo Gwion trở lại xuống cầu thang, vào Cung Điện Hoang Vu nơi không còn vị vua nào sinh sống. Mặc dù nhà vua đã rời đi nhưng chúng thấy rằng cung điện vẫn còn những người khác ngoài Gwion - và chúng nhận ra chúng đã từng đến đó trước đây.

Khi chúng đi được nửa đường xuống cầu thang xoắn ốc, Gwion mở một cánh cửa trên tường mà Will chưa từng để ý thấy. Ông dẫn chúng xuống một cầu thang khác, thẳng và thoai thoải, vào trung tâm cung điện. Và ngay lập tức chúng nghe được tiếng thì thầm nho nhỏ của những giọng nói phía trước, và thấy mình đang ở trong một căn phòng dài ốp gỗ, đầy sách, kệ và những chiếc bàn nặng nề.

Đó là phòng trưng bày dài, giống như một thư viện. Đôi mắt của Will nhìn sang bức tường bên và thấy rằng vẫn còn bóng tối ở đó, một không gian trống rỗng, không có ánh sáng hay những chiếc bóng nào cả: đó là nhà hát vĩ đại, nơi mọi cuộc đời có thể được trình diễn. Tuy nhiên, những điều khác lại không giống như trước. Mọi người giờ đây chen chúc trong phòng, lấp đầy nó với tiếng trò chuyện rì rầm ấm áp, và bất kỳ ai nhìn lên ba người họ đứng ở cửa đều mỉm cười, hoặc vẫy tay chào.

Chúng đi qua, lên xuống trên mặt sàn với những mức độ khác lạ; nhiều người chúng gặp nói vài lời với Gwion, và sự ấm áp hiện rõ ràng trên mọi khuôn mặt nhìn vào Will và Bran. Một người phụ nữ nhẹ nhàng chạm vào vai Will khi chúng đi qua, và nói, "Chúc cậu một chuyến đi an toàn." Khi cậu ngẩng lên, ngạc nhiên, cậu nghe một người đàn ông đứng bên cạnh khẽ nói với Bran, "Pob hwyl!"

Bran thì thầm bên tai cậu, "Ông ấy chúc may mắn đó. Sao họ đều biết thế nhỉ?"

Will lắc đầu, kinh ngạc. Chúng theo sau dáng người gọn gàng mặc đồ tối của Gwion, bước nhanh, rồi ở cuối phòng, một người đàn ông đang cúi xuống một cuốn sách lớn trên bàn đã đứng thẳng người lên và quay lại khi chúng đến gần, giơ tay ra hiệu cho chúng dừng lại. Will nghĩ cậu nhớ khuôn mặt đó là của người mà cậu đã nói chuyện khi chúng lần đầu tiên có mặt trong phòng: người đàn ông lúc đó có vẻ như không nhìn thấy hay nghe thấy cậu, và ông ấy đang đọc một cuốn sách mà các trang của nó hoàn toàn trống trơn.

"Trước khi các cậu đi," người đàn ông nói, với giọng Bắc Wales mạnh mẽ hơn cả giọng của Gwion hay Bran. "Có một phần trong cuốn sách này mà các cậu phải xem qua, và ghi nhớ lấy."

"Phải nhớ lấy…" Gwion khẽ khàng nói, nhìn vào chúng, và tiếng vọng âm vang trong tâm trí cả hai. Cuốn sách mở ra trước mặt chúng trên chiếc bàn gỗ sồi nặng nề; trên một trang giấy da cong có một bức tranh, và trên trang đối diện là một dòng chữ.

Will đang nhìn chằm chằm vào bức tranh. Trong một thế giới tươi tốt được cách điệu với cây cối và bãi cỏ, giữa những luống hoa hồng rực rỡ như nơi chúng gặp Kỵ Sĩ, bức tranh vẽ một thiếu nữ tóc vàng, mặc áo choàng xanh, đang nhìn ra chúng. Gương mặt cô hình trái tim, với những đường nét tinh tế và vẻ đẹp dịu dàng; cô trông nghiêm nghị, không mỉm cười cũng chẳng buồn rầu.

"Đó là Quý Bà!" Will nói.

Bran ngạc nhiên nói: “Nhưng cậu bảo bà ấy rất già mà?” Rồi cậu suy nghĩ một chút. “Tất nhiên, điều đó chỉ tùy thuộc vào cách nhìn nhận, phải không?”

“Đúng là Quý Bà,” Will lặp lại, chậm rãi. “Cả chiếc nhẫn màu hồng trên ngón tay bà ấy nữa, tớ chưa bao giờ thấy bà ấy không đeo nó. Và nhìn kìa — trong bức tranh phía sau bà ấy, chẳng phải là—”

“Đài phun nước!” Bran nhìn kỹ hơn qua cặp kính. “Đúng là đài phun nước đó, cái đài phun nước chúng ta đã thấy trong công viên — và đó chắc chắn là cùng một vườn hồng. Nhưng làm sao mà—”

Will đặt ngón tay lên dòng chữ đen dày trên trang đối diện. Cậu đọc to: “Ta là nữ hoàng của mọi tổ ong.”

“Nhớ nhé,” người đàn ông nói. Ông đóng cuốn sách lại.

“Nhớ nhé,” Gwion nói. “Rồi đi đi.”

Đứng đối diện với chúng, ông đặt tay lên vai mỗi người một cách nhẹ nhàng và nhìn thẳng vào mắt chúng. “Các cậu biết nơi này, căn phòng trưng bày chúng ta đang ở phải không? Tất nhiên rồi. Vậy các cậu sẽ nhớ con đường mà các cậu đã đi vào đây, và bây giờ các cậu phải đi theo con đường ấy. Ta sẽ ở lại đây một lúc. Có những người đàn ông và phụ nữ tài nghệ ở đây, và họ sẽ cho ta hay những gì họ biết về Merriman. Ta sẽ gặp lại các cậu, nhưng các cậu phải đi ngay bây giờ.”

Will nhìn xuống và thấy cánh cửa sập vuông mở trên sàn nhà, với cái thang dẫn xuống phía dưới. “Lối đó à?”

“Lối đó,” Gwion nói. “Và rồi, hãy lấy những gì các cậu tìm thấy, và việc tìm thấy đó sẽ khởi đầu hành trình của các cậu.”

Gương mặt mạnh mẽ với bộ râu xám của ông nở một nụ cười ấm áp, tỏa sáng. “Chúc các cậu đi đường bình an, các bạn của ta.”

Bran và Will trèo xuống bóng tối, tự tin hơn so với khi chúng leo lên cái thang vào buổi sáng sớm, nối kết với nhau bởi chiếc sừng

nhỏ giờ bị bỏ quên treo trên thắt lưng Will. Khi đứng trên mặt đất bằng phẳng, chúng lần mò đi tiếp trong bóng tối, và đến một cánh cửa gỗ nhỏ. Will cảm nhận bề mặt gồ ghề của nó bằng lòng bàn tay.

“Không có tay nắm hay gì cả ở phía này.”

“Cánh cửa mở ra ngoài mà, phải không? Có lẽ chỉ cần đẩy.”

Và ngay áp lực nhẹ đầu tiên, cánh cửa liền mở ra, khiến chúng đứng chớp mắt một lúc trước ánh sáng đường phố bên ngoài. Rồi chúng bước ra ngoài, cánh cửa đóng sầm lại phía sau với một tiếng động lớn, báo hiệu rằng nó sẽ không dễ dàng mở ra lần nữa. Và ở đó, trên con phố hẹp râm mát, đang đợi chúng, là hai con ngựa vàng bờm trắng mà chúng đã cưỡi đến đây từ rất lâu đồng thời cũng chẳng lâu lắm.

Những con ngựa lắc bộ bờm như chào đón chúng; bộ yên bạc kêu leng keng như chuông xe trượt tuyết. Không nói một lời, Will và Bran trèo lên yên ngựa, với sự dễ dàng không thể giải thích như lần trước, và những con ngựa phi nước kiệu lên con phố hẹp, giữa những bức tường xám cao, với dải trời xanh mỏng manh phía trên.

Chúng ra tới một khu vực rộng rãi hơn, nhiều cư dân có vẻ nhận ra chúng ngay lập tức; họ đứng vẫy tay, hô to lời chào. Những con ngựa bước cẩn thận qua đám đông; tiếng gọi dần chuyển thành tiếng reo hò ngắt quãng; những đứa trẻ chạy bên cạnh chúng, cười đùa và hò hét. Bran và Will mỉm cười nhìn nhau trong sự bối rối, vui mừng. Chúng tiếp tục xuôi xuống con phố lát đá rộng, cho đến khi chúng đến một bức tường cao vút, với một cổng vòm lớn mà con đường chạy xuyên qua đó. Sau cánh cổng, chúng thấy một thoáng những cánh đồng xanh rì và đám cây cối xa xa.

Đám đông đứng dày đặc trước cổng vòm, nhưng những con ngựa vàng vẫn bước tiếp, không hề dừng lại, nhẹ nhàng chen qua.

“Chúc các cậu may mắn!”

“Thượng lộ bình an!”

“Chúc chuyến đi tốt đẹp!”

Xung quanh, người dân Thành phố gọi và vẫy tay; trẻ em chạy nhảy, reo hò và nhảy múa; một nhóm các cô gái bên cổng đứng cười và ném hoa. Will giơ tay lên nửa như tự vệ và bắt được một đóa hồng đỏ lớn; nhìn xuống, cậu thấy cô gái tóc đen ném nó đang đỏ mặt và mỉm cười. Cậu cười lại với cô và cắm bông hoa vào túi áo.

Sau đó, đột nhiên chúng đã ra ngoài cánh cổng lớn của Thành phố, và tất cả đám đông đã biến mất. Trước mặt chúng là những cánh đồng xanh rộng lớn, và con đường cát gồ ghề màu vàng nâu kéo dài với một khu rừng phía xa. Những tiếng nói từ thành phố dần tắt lịm. Đâu đó một con sơn ca đang hót trong bầu trời mùa hè; bầu trời xanh thẳm, điểm xuyết những đám mây trắng bồng bềnh, và mặt trời rực rỡ ở tít trên cao. Những con ngựa rẽ vào con đường cát và tiếp tục di chuyển mà không hề ngắt quãng, nhịp bước đều đặn.

Bran nhìn vào đóa hoa trong túi áo Will. “Ôi!” cậu nói bằng giọng the thé trêu chọc. “Một đóa hồng đỏ sao?”

Will cười nói, “Biến đi.”

“Không xinh bằng Jane, cô gái đã ném nó đấy.”

“Bằng ai cơ?” Will hỏi.

“Jane Drew. Cậu không thấy cô ấy xinh sao?”

“Tôi đoán là có,” Will ngạc nhiên nói. “Tớ chưa bao giờ nghĩ về chuyện đó.”

Bran nói, “Một điều tốt ở cậu, cậu không phức tạp.”

Nhưng tâm trí Will đã quay ngược lại. Cậu quấn dây cương lỏng quanh một ngón tay khi cậu lắc lư đều đặn trên lưng con ngựa cao lớn. “Tớ hy vọng họ ổn cả, ở đó.”

Bran nói, thô lỗ và đột ngột, “Tốt hơn là quên họ đi, ngay bây giờ.”

Will ngẩng đầu lên nhìn nhanh. “Ý cậu là sao?”

Không nói gì, Bran chỉ tay sang một bên, ngang qua cậu. Xa xa, qua những cánh đồng xanh phẳng, Will thấy một mảng đen trắng di chuyển thật nhanh, theo hướng song song với con đường mà chúng đang đi. Cậu biết đó chỉ có thể là các Kỵ Sĩ của Bóng Tối, cũng như chúng, đang hướng đến lâu đài của Vùng Đất Mất Tích.

MARI LLWYD *(NGỰA XÁM)*

Chúng nhìn theo đoàn Kỵ Sĩ, nhỏ xíu phía xa, đang di chuyển nhanh qua những cánh đồng. Ngựa của Will bất chợt hất đầu, hít ngửi không khí, rồi từ từ tăng tốc.

Bran tiến lại ngang hàng với cậu. “Chúng đi nhanh quá. Muốn tới Lâu đài trước chúng ta à?”

“Tớ đoán vậy.”

“Chúng ta đua chứ?”

“Tớ không biết.” Will nhìn xuống con ngựa đang bồn chồn của cậu. “Bọn ngựa thì muốn rồi đấy.”

Bran ngồi thẳng trên yên, gương mặt nhợt nhạt căng lên đầy cảnh giác; cậu mỉm cười. “Cậu nghĩ tụi mình bám trụ được không?”

Will phá lên cười, một cảm giác hứng khởi hoang dại chợt bùng lên trong người cậu. “Cứ thử xem!” Cậu chỉ khẽ giật dây cương một cái, con ngựa lập tức lao vọt đi, tung vó phóng dọc theo con đường mòn đầy cát cứng. Bran lao lên cạnh cậu, người chúi về phía trước, mái tóc trắng bay phấp phới, hét lên đầy thích thú. Cứ thế, chúng lao đi, vụt qua những ruộng yến mạch và lúa mì đang chín tới, qua những cánh đồng nơi đàn gia súc thong thả gặm cỏ – có vài con mang màu đen quen thuộc, nhưng phần lớn là trắng toát. Lũ ngựa chạy êm ru, tự tin. Ở phía xa, đám Kỵ Sĩ Bóng Tối phi nước đại song song: rồi một lúc sau, chúng biến mất nơi bìa rừng – khu rừng nằm giữa vùng Đồng Quê, phân cách giữa Thành Phố và Lâu Đài của Vùng Đất Mất Tích.

Will cứ ngỡ rằng con đường chúng đang đi cũng sẽ vòng qua khu rừng, theo phía gần hơn. Nhưng khi ngẩng đầu lên giữa cơn lốc phi nước đại, cậu phát hiện ra chúng không hề rẽ; ngược lại, những hàng cây dường như đang vươn ra bao quanh chúng, che khuất tầm nhìn về tòa tháp thuỷ tinh lấp lánh. Cậu và Bran đang phi thẳng về phía khu rừng, và khu rừng ấy đang lớn dần lên, sừng sững trước mặt, tối tăm và rậm rạp hơn hẳn lúc trước.

Ngựa bắt đầu giảm tốc.

“Đi tiếp nào!” Bran giật dây cương một cách thiếu kiên nhẫn.

“Lũ ngựa biết rõ hơn chúng ta đấy,” Will nói. “Tớ không thích dáng vẻ của khu rừng đó chút nào.”

Bran liếc nhìn lên, nhăn mặt trước khối đen khổng lồ đang chắn phía trước. “Nhưng chúng đâu có dừng lại. Sao chúng không chạy vòng qua?”

“Tớ đoán là chúng phải đi theo lối mòn. Mà tớ lại không để ý xem nó dẫn tới đâu. Đáng lẽ nên để ý.”

“Cả hai chúng ta đều nên thế. Thôi kệ vậy…” Ngựa đã đi chậm lại, bước từng bước. Bran đưa tay lau trán. “Trời ơi, nóng quá. Mặt trời vẫn còn cao quá.”

Lúc đầu, khu rừng khá thưa thớt và thoáng đãng, đầy dương xỉ và cây bụi, vẫn còn sáng sủa nhờ những bóng râm loang lổ. Con đường, dù đã thu hẹp lại thành một lối mòn phủ cát, vẫn còn uốn lượn rõ ràng giữa những thân cây. Nhưng dần dần, đường đi trở nên mờ nhạt, cỏ mọc lấn vào cát, và dây leo trườn ra chắn lối. Giờ đây, không khí đã dịu đi khi chúng tiến vào sâu trong rừng. Ngựa bước cẩn trọng, đi thành một hàng. Ít có tiếng chim hót ở đây. Will và Bran bắt đầu cảm nhận được sự tĩnh lặng. Cây cối mọc dày hơn, to hơn; khu rừng cứ kéo dài bất tận.

Will cố gắng lờ đi cảm giác đang âm thầm len lỏi vào tâm trí cậu khi thấy ánh sáng mờ dần và cây cối trở nên áp đảo hơn, nhưng cậu biết là cậu đang sợ.

Giờ đây, không còn âm thanh nào khác ngoài tiếng bước chân nhịp nhàng khe khẽ của lũ ngựa. Con đường chúng đi đã hoàn toàn bị cỏ che phủ, nhưng vẫn còn nhìn thấy được; được đánh dấu – như để tách biệt khỏi cảnh vật xung quanh – bằng một lớp thảm của thứ cỏ leo nào đó có lá xanh sẫm. Đâu đó trong hàng cây phía trước, một con chim bỗng vỗ cánh bay vút lên; lũ ngựa giật mình, khựng lại lo lắng.

“Chúng cũng sợ như tớ vậy,” Will nói, cố khiến giọng cậu tươi tỉnh. Một cành cây sột soạt trong khoảng rừng gần đó làm cậu giật thót.

Bran nhìn quanh trong ánh sáng tù mù. Cậu lo lắng nói, “Hay chúng ta quay lại?”

Như thể đáp lại, lũ ngựa lại lặng lẽ bước tiếp. Will vuốt nhẹ bộ bờm sáng màu trên cổ con ngựa trước mặt; tai nó cụp lại sát đầu, nhưng vẫn kiên trì đi tiếp.

“Có lẽ đây chỉ là một… rào chắn,” cậu bỗng nói. “Giống như mê cung vậy. Có thể chúng biết là chẳng có gì đáng sợ cả.”

Một vài sinh vật vô hình bất ngờ bật dậy từ bụi rậm ven đường rồi lao vút đi, qua những thân cây bất động và biển dương xỉ xanh ngắt xung quanh; Will và Bran thở hổn hển, nhưng lần này, lũ ngựa vẫn tiếp tục di chuyển, chẳng chút bận tâm. Cây cối đan xen trên đầu. Will nghiến chặt răng, gắng gượng chống lại cơn hoảng loạn, chỉ được an ủi phần nào bởi nhịp đung đưa đều đặn của con ngựa cao lớn. Không khí mát lạnh và ẩm ướt; chúng băng qua một dòng suối nhỏ, nước chảy chậm rì và bị che phủ gần hết bởi đám dương xỉ. Rồi, gần như không thể nhận ra, lũ ngựa bắt đầu tăng tốc. Ánh sáng lại rọi qua những nhành cây phía trên; và cát hiện ra giữa những chiếc lá xanh ken đặc phủ trên mặt lối mòn.

“Chúng ta sắp ra khỏi rừng rồi!” Bran thì thầm, giọng cao vút đầy nhẹ nhõm. “Cậu nói đúng, lũ ngựa biết đấy chỉ là sự đáng sợ vô cớ. Chúng ta sắp ra khỏi rồi!”

Ngựa bắt đầu phi nước kiệu, nhịp nhàng và uyển chuyển; chúng hất đầu như thể vừa được giải thoát. Will cảm thấy nhịp tim cậu dịu lại, trở về bình thường; cậu ngồi thẳng lên, xấu hổ vì nỗi sợ hãi của mình, và ngước nhìn qua những hàng cây đang thưa dần.

"Trời xanh lại rồi, nhìn kìa. Ôi, khác biệt biết bao!"

Và thế là cả hai đều thả lỏng trên yên ngựa, dây cương buông lơi, ngẩng nhìn lên, hoàn toàn không đề phòng—khi bỗng một trong hai con ngựa hí lên hoảng loạn, rồi cả hai con đều lồng lên, chồm người dựng đứng, khi một thứ gì đó to lớn và ầm ĩ lao ra từ trong rừng cây về phía chúng. Trước khi chúng kịp hiểu chuyện gì xảy ra, Will và Bran đã bị giật ngược lại, vội vã chộp lấy dây cương hay sừng yên, rồi ngã nhào xuống đất một cách bất lực. Hai con ngựa vàng óng hốt hoảng bỏ chạy, phóng qua bãi cỏ hoang lầy lội trải dài từ mé rừng.

Will kịp thoáng thấy thứ đang rượt theo chúng. Cậu thét lên, kinh hãi và không tin nổi: "Không!"

Bran cũng phát ra một tiếng hét khàn đặc không thành lời, và cả hai lảo đảo bật dậy, cắm đầu chạy bán sống bán chết qua cánh đồng. Dưới cái nắng mùa hè gay gắt, Will cảm thấy lạnh buốt. Đầu cậu ong lên. Cậu thấy buồn nôn. Nỗi sợ khiến cậu chẳng còn đủ sức để nhận ra mình đang sợ nữa.

Đó là bộ xương của một con ngựa khổng lồ, với hai hốc mắt trống rỗng trên chiếc đầu lâu khô khốc, đang lao đi, nhảy nhót, phi nước đại bằng những cẳng chân xương xẩu được điều khiển bởi cơ bắp ma quái đã mục rữa từ lâu. Nó đuổi kịp chúng gần như ngay tức khắc. Nhanh hơn bất kỳ con ngựa sống nào, nó phi không một tiếng động. Im lặng, nó vượt lên, đầu ngoảnh lại, nhe răng cười, một nỗi kinh hoàng không thể có thật. Những chiếc xương trắng hếu nơi lồng ngực đồ sộ của nó lấp lánh dưới ánh nắng. Nó hất cái đầu kinh dị của mình lên, và những dải ruy băng đỏ đung đưa, phấp phới như những lá cờ, từ hàm dưới đang nhe ra.

Sinh vật đó đang đùa giỡn với chúng, xua đuổi chúng chạy khắp nơi, như bọn mèo vờn bọ cánh cứng. Nó nhảy tới nhảy lui trước mặt chúng, rồi đột nhiên dừng phắt lại, móng guốc cào lê trong lớp đất cát. Rồi với cái đầu lâu ghê rợn thọc ra phía trước, quai hàm há ngoác ra, nó lao thẳng vào chúng trong sự im lặng kinh hoàng – rồi bất ngờ lướt qua, vòng ra phía sau chúng, chờ đợi lần nữa.

Quay ngoắt lại trong cơn hoảng loạn, Bran ngã nhào.

Chiếc hộp sọ lắc lư trên cột sống làm cổ; những chiếc răng trắng toát, ruy băng đỏ múa lượn quanh một cái mấu gãy kỳ lạ giữa trán xương. Vẫn vẻ đe dọa không lời, nó đứng đó, dõi theo chúng từ hốc mắt trống rỗng, vó cào xuống mặt đất. Will nuốt khan.

“Cậu ổn chứ? Mau đứng lên!”

Bran đã ngồi dậy, chớp chớp đôi mắt vàng to tròn; kính cậu đã rơi mất. “Mari Llwyd!” cậu thì thào. “Mari Llwyd!” Cậu nhìn chằm chằm vào sinh vật đó như thể bị thôi miên.

“Dậy mau, nhanh lên!” Will vừa nói vừa nhìn thấy một chỗ trú gần đó. Trong cơn hoảng loạn, cậu kéo Bran đứng dậy. Bóng ma bắt đầu vòng quanh chúng, chầm chậm, lặng lẽ.

“Bên này! Mau lên!”

Đó là một tòa nhà, cậu nhận ra. Một tòa nhà kỳ lạ nhất: một căn nhà nhỏ, thấp, được xây bằng đá xám, mái từng được lợp rạ giờ phủ kín bởi cỏ dại và bụi rậm, bên trên là đám cành nhánh loà xoà đang trổ hoa trắng xóa. Một cây táo gai mọc từ mái nhà cổ ấy, thấp lè tè, không lớn hơn một bụi cây là bao.

Bran vẫn đứng yên bất động, mắt dán chặt vào bộ xương. “Mari Llwyd!” cậu lại thì thầm.

“Nhắm mắt lại!” Will gắt lên. Cậu giơ tay che mắt Bran, cắt đứt tầm nhìn về con ngựa quái dị, và ngay trong khoảnh khắc đó, những lời cần nói chợt hiện lên trong đầu cậu. “Nhanh, nhớ lại xem, Quý Bà đã nói gì?”

“Quý Bà à?” Bran lẩm bẩm. Nhưng đầu cậu quay lại.

“Bà ấy đã nói gì với Jane? Mau nghĩ đi!”

“Với Jane.” Gương mặt Bran bắt đầu sáng ra. “Để nhắn với chúng ta… một bộ xương trắng sẽ ngăn cản chúng ta… và một cây táo gai bay —”

“Sẽ cứu chúng ta. Nhìn kìa. Nhìn đi!”

Will xoay người Bran về phía căn nhà đá, nơi có thân cây nở hoa trắng mọc trên mái. Thứ đang rình chúng xoay vòng lại gần, mỗi lúc một gần. Với một âm thanh như tiếng nấc, Bran loạng choạng bước tới; Will đẩy cậu vào trong và sập mạnh cánh cửa lại sau lưng. Cậu đứng tựa vào đó, thở dốc. Bên ngoài là một sự im lặng rờn rợn.

Bran nhìn xuống tay mình. Cậu vẫn đang siết chặt chiếc túi yên lấy từ con ngựa đã biến mất, như thể đó là một cái phao cứu sinh. Đặt nó xuống sàn, cậu xoa những ngón tay tê cứng và nhìn Will. “Xin lỗi.”

Nhưng Will không nghe thấy; cậu đã bước đến bên cửa sổ nhỏ duy nhất, nơi ánh sáng mờ ảo lọt qua lớp tường đá dày. Một cánh cửa chớp gãy đung đưa nơi khung cửa; không có kính. Mặt Will tái mét; Bran thấy nỗi sợ hiện trên đó.

Will nói, giọng khàn khàn: “Cậu có dám nhìn không?”

“Tớ ổn rồi.” Bran bước lại đứng bên cạnh. Và khi nhìn qua cửa sổ, cậu vô thức siết chặt lấy cánh tay Will, mạnh đến mức các đầu ngón tay hằn sâu, để lại dấu vết.

Bộ xương trắng khổng lồ của con ngựa có sừng, chết mà vẫn sống, đang lượn qua lại trước căn nhà, tới lui không dứt. Bốn cẳng chân xương xẩu của nó nhảy múa dưới những dải xương sườn trắng cong vút và những vòng xương hông phẳng lì. Chiếc đầu lâu buộc đầy những dải ruy băng dài giật lên giật xuống trong một cơn cuồng loạn chết chóc, mỗi lúc một nhanh; và mỗi lần đối diện với ngôi nhà, nó hạ trán xuống như một con bò tót

chuẩn bị lao tới, rồi dừng lại chốc lát trước khi lại quay đi bồn chồn, tiếp tục vòng luẩn quẩn.

Will thì thầm: "Nó sắp lao vào rồi. Húc vào cửa. Chúng ta làm gì bây giờ?"

"Chặn cửa? Liệu có cản nổi nó không?"

"Chẳng hy vọng gì."

"Cậu không làm được gì sao, khiến gì đó xảy ra —"

"Chúng ta đang ở Vùng Đất Mất Tích mà…"

Và sinh vật quái dị ngoài kia dưới ánh nắng mặt trời thực hiện một vòng cung cuối cùng trước khi lao vào cửa, phá tung để hủy diệt chúng. Chậm rãi tiến sát tới cửa sổ căn nhà, từ hốc mắt rỗng sâu, con quái vật cười gớm ghiếc, nụ cười im lặng rùng rợn, trong một thoáng ngắn ngủi. Đó là khoảnh khắc cuối cùng. Khi nó lướt sát qua, một trận mưa như tuyết rơi xuống qua cửa sổ từ phía trên, một đám mây trắng chao nghiêng, lấp lánh, phủ lên sinh vật đó, tất cả là cánh hoa của cây táo gai, rơi xuống thành một cơn mưa mềm mại êm dịu.

Và con ngựa – bộ xương của một con ngựa – đổ sụp xuống, như thể các sợi dây rối đã bị cắt đứt, và tan rã.

Các khúc xương tách rời nhau, rơi lạch cạch xuống đất, kêu lách cách rõ ràng trái ngược hoàn toàn với sự im lặng lúc trước. Và không còn gì ngoài một đống xương trắng lấp lánh dưới ánh mặt trời, trắng hếu, chết từ lâu, với những dải ruy băng đỏ nhạt rủ xuống từ chiếc sọ cười méo mó nằm lệch trên đỉnh đống xương.

Bran thở ra một hơi dài nhẹ nhõm, tay ôm mặt; cậu xoay người rồi ngồi sụp xuống sàn. Thế nên chỉ có Will, đứng bên cửa sổ, mắt mở to kinh ngạc, là người duy nhất thấy được cảnh tượng tiếp theo: đám cánh hoa trắng bay lên lần nữa, chao nghiêng, sống động, như một đàn bướm phấn trắng mà cậu từng thấy đâu đó, ở nơi nào đó – và bay vút lên trời, biến mất khỏi tầm mắt.

Will quay lại, bước chân lảo đảo, không chắc đầu gối cậu có giữ nổi không. Cậu đứng lặng, nhìn quanh căn phòng mờ tối. Phải một lúc sau cậu mới nhìn rõ mọi thứ. Nhưng khi cảm giác hoảng loạn dịu đi, cậu nhận ra cậu đang nhìn vào cánh cửa: một cánh cửa cổ, gỗ mục nát, chẳng thể chịu nổi bất kì va chạm nào nữa. Trên đó có chữ, với ánh nhũ vàng lấp lánh. Không đủ ánh sáng để đọc được. Will bước đến, run rẩy, đẩy cánh cửa hé ra; ánh sáng tràn vào.

Bran cất giọng chậm rãi phía sau cậu, đọc: "Ta là tấm khiên cho mọi cái đầu."

"Và nó được viết bên trong, nơi chúng ta không thể thấy," Will nói, lùi lại để nhìn rõ dòng chữ. "Nên có lẽ chúng ta đã không dám vào, nếu không nhờ lời của Quý Bà."

Bran ngồi dậy, tay vòng qua đầu gối, đầu tóc trắng rũ xuống. "Duw. Cái thứ đó…"

"Đừng nhắc tới nữa," Will nói; một cơn ớn lạnh rít qua người cậu. Rồi cậu nhớ ra điều gì. "Mà Bran này, cậu gọi nó là gì thế? Khi nó… thôi miên cậu… cậu gọi nó bằng tiếng Welsh."

"À," Bran đáp. "Cơn ác mộng nguyên thủy đó. Có một tập tục Giáng sinh xưa cũ ở miền Nam xứ Wales, gọi là Mari Llwyd – Ngựa Xám – một đám rước đi qua các con phố, và có người khoác tấm vải trắng, mang sọ ngựa gắn trên cột. Họ có thể làm cho cái miệng nó mở ra, đóng lại, và giả vờ cắn người. Vào một Giáng sinh khi tớ còn rất nhỏ, nhà Rowlands đưa tớ và bố đến đó xem, và tớ đã thấy Mari Llwyd – nó làm tớ sợ chết khiếp. Mấy tuần liền tớ toàn gặp ác mộng, hét suốt." Cậu nhìn Will, nở nụ cười nhợt nhạt. "Nếu ai đó thật sự muốn làm tớ phát điên, thì không thể chọn cách nào tốt hơn thế."

Will quay lại căn phòng, để cửa mở, ánh nắng chiếu vào thành vệt. "Là Bóng Tối sao? Khó nói lắm. Dù thế nào thì chắc cũng liên quan. Một hồn ma cổ xưa của Vùng Đất Mất Tích, bị đánh thức bởi – "

“Có lẽ bởi đám Kỵ Sĩ, ” Bran trầm ngâm. “khi chúng đi ngang qua.” Cậu với lấy túi yên đã bỏ xuống nền đá phiến thô kệch, và nhìn vào trong. “Này – đồ ăn! Cậu có đói không?”

“Cũng hơi đói,” Will đáp. Cậu bắt đầu rảo quanh căn nhà, nhìn vào căn phòng nhỏ phía sau, nhưng mùi rơm mục và lớp rác rưởi cũ kỹ cho thấy nơi đó chỉ từng dùng làm chuồng gia súc. Căn phòng chính có tường đá xếp khô - những khối đá phiến ghép lại không dùng vữa; không có đồ đạc gì, chỉ vài chiếc kệ thô sơ gắn vào tường. Hoàn toàn khác biệt với vẻ tinh tế của Thành Phố. Nhưng khi Will đưa tay lướt dọc theo một chiếc kệ, cậu bất ngờ chạm phải một vật: một chiếc gương nhỏ, lồng trong khung gỗ sồi khắc hình cá nhảy. Cậu lau sạch mặt gương bằng tay áo, rồi dựng nó lên kệ.

Bran bước tới sau lưng cậu. “Đây, chụm tay lại. Đồ ăn lành mạnh kiểu Gwion đây – hai quả táo và cả túi hạt phỉ to tướng. Đã bóc sẵn nhé. Ăn đi, ngon lắm đấy.” Vừa nhai nhồm nhoàm, cậu ngẩng đầu lên và thấy Will đang nhìn chằm chằm vào chiếc gương.

Cậu nhăn mặt. “Ach y fi! Cậu chưa thấy đủ gương à?”

Will gần như không nghe thấy. Nhìn vào hình phản chiếu của Bran trong gương, cậu thấy một gương mặt quen thuộc khác phía sau.

“Merriman!” cậu reo lên, quay ngoắt lại đầy vui sướng.

Nhưng phía sau cậu chỉ có Bran, miệng còn đang hé ra khi vẻ mặt vui tươi vừa chuyển thành bàng hoàng. Căn phòng trống không, chỉ có hai đứa nó.

Will nhìn lại vào gương, và Merriman vẫn còn ở đó. Đôi mắt u tối trên gương mặt góc cạnh nhìn thẳng vào cậu, phía sau cái đầu phản chiếu đầy bối rối của Bran.

“Ta ở đây,” Merriman nói với cậu từ trong gương. Gương mặt ông căng thẳng, lo âu. “Ở với cậu mà lại không ở với cậu, và ta phải nói rằng Bran không thể nhìn hay nghe thấy ta, bởi nó vẫn

chưa đến lúc thức tỉnh quyền năng… Ta không được phép đến bên cậu, Will à, thậm chí không được giao tiếp bằng ngôn ngữ của Cổ Nhân. Như Gwion đã nói, ta chỉ có một khoảnh khắc duy nhất để băng qua Luật của Vùng Đất Mất Tích, và ngay lúc khoảnh khắc ấy đến, mưu chước của Bóng Tối đã kéo ta trở lại một thời khắc khác. Nhưng ta có được khe hở của khoảnh khắc này. Cậu đang làm rất tốt. Hãy vững tin. Bây giờ, không có gì là cậu không thể làm được, nếu cậu cố gắng."

"Ôi trời," Will nói. Giọng cậu nhỏ và lạc lõng, và đột nhiên cậu cảm thấy mình thực sự nhỏ bé và lạc lõng.

"Chuyện gì thế?" Bran bối rối hỏi.

Will không nghe thấy. "Merriman, những người khác có ổn không?"

"Có," Merriman đáp, giọng trầm ngâm. "Đang gặp nguy hiểm – nhưng tạm thời vẫn ổn."

Một nỗi hoảng loạn cô đơn cuộn xoáy phía sau tâm trí Will, nhưng bằng cách nào đó ký ức về việc tiêu diệt con ngựa ác mộng đã giúp xua tan nó. "Chúng tôi phải làm gì?" cậu hỏi.

Bran đứng yên, lặng lẽ nhìn cậu trong gương không nói một lời.

"Hãy nhớ lời của Quý Bà, như các cậu đã làm." Trong gương mặt Merriman có ánh nhìn tin tưởng. "Tiếp tục đi, và hãy nhớ kỹ những điều khác cậu đã được căn dặn, nơi Vùng Đất Mất Tích. Cậu không thể làm gì hơn ngoài việc cố gắng hết sức. Và nhớ lấy một điều từ ta, Will – cậu có thể tin tưởng Gwion bằng cả mạng sống của mình. Như thuở xưa ta đã từng tin ông ấy bằng chính mạng sống của ta." Một nét ấm áp trìu mến làm giọng ông trầm lại. Ông dành cho Will một cái nhìn cuối đầy cứng rắn. "Ánh Sáng sẽ nâng bước cậu, khi cậu trở lại cùng thanh gươm. Đi bình an. Cổ Nhân," ông nói.

Rồi ông biến mất. Will quay khỏi gương, buông ra một hơi dài.

Bran khẽ nói, "Ông ấy có ở đây không? Giờ đi rồi à?"

“Ừ.”

“Sao mình không thấy ông? Ông ấy ở đâu?”

“Trong gương.”

“Trong gương!” Bran nhìn nó đầy sợ hãi. Nhìn xuống, cậu thấy túi hạt dẻ bị bỏ quên trong tay, liền dúi nó vào Will. “Này. Ăn đi. Merriman nói gì vậy?”

Will bỗng dưng thấy đói. Cậu nhét một nắm hạt dẻ vào miệng. “Ông ấy bảo chắc chắn ông không thể đến Vùng Đất Mất Tích,” cậu lúng búng nói. “Rằng chúng ta phải tự đi tiếp. Rằng phải nhớ những điều đã được dặn – như cái đó, chắc vậy.” Cậu chỉ vào dòng chữ trên cửa căn nhà. “Và – rằng chúng ta có thể tin cậy Gwion.”

“Chuyện đó thì tớ biết rồi,” Bran nói.

“Ừ.” Will nghĩ tới vóc dáng gầy gò với gương mặt rắn rỏi, chòm râu xám và nụ cười rạng rỡ. “Không biết Gwion là ai nhỉ? Và là gì…”

“Ông ấy là một người sáng tạo,” Bran bất ngờ nói.

Will ngừng nhai. “Là gì cơ?”

“Ông ấy là một thi nhân, tớ dám chắc luôn. Đầu ngón tay ông có vết chai từ việc gảy đàn hạc. Nhưng phần nhiều là do cách ông nói về những người làm ra mọi thứ, đủ loại, khi ông kể chuyện về nhà vua. Với tất cả sự trìu mến…”

“Và ông ấy với Merriman hẳn từng trải qua hiểm nguy lớn cùng nhau, một thời… Mà thôi, chắc rồi chúng ta sẽ biết. Này –” Will đưa lại túi hạt dẻ. “Cậu ăn nốt đi. Ngon thật đấy. Cậu nói có táo à?”

“Mỗi đứa một quả.” Bran đưa cho cậu một quả, rồi bắt đầu gấp gọn chiếc túi yên ngựa.

Will bước ra cửa, vừa cắn táo – quả nhỏ, cứng và vàng đậm, nhưng ngọt và mọng nước đến lạ kỳ. Đống xương trắng vẫn

nằm đó, phơi dưới nắng; cậu cố không nhìn vào nó, mà ngẩng lên nhìn ra vùng Đồng Quê.

“Bran! Nhìn kìa, gần quá rồi!”

Mặt trời treo cao giữa bầu trời xanh biếc, lốm đốm những đám mây trắng bồng bềnh. Ngoài kia, qua vùng đất gồ ghề cỏ dại, cách chừng một dặm, một tòa tháp lấp lánh nhô lên giữa một cụm cây cao; ánh mặt trời phản chiếu từ nó chói đến lóa mắt.

Bran bước ra. Cả hai đứng nhìn Lâu Đài hồi lâu. Phía bên kia, Vùng Đất Mất Tích kết thúc bằng đường chân trời lấp lánh của biển xanh phẳng lặng. Will quay lại, nhìn lần cuối vào cây táo gai thấp tè mọc trên mái nhà nhỏ. Cậu sững sờ. Cái cây từng phủ đầy hoa trắng sữa, đã dệt nên cơn bão tuyết phép thuật tiêu diệt Mari Llwyd, giờ dày đặc những quả đỏ chói, mọc từng chùm dọc theo cành, rực rỡ như lửa.

Bran lắc đầu ngạc nhiên. Cả hai, Will và Bran, không hẹn mà cùng đưa tay chạm vào bức tường đá rắn chắc của căn nhà nhỏ, như một lời tạm biệt đầy biết ơn. Rồi chúng bắt đầu sải bước qua bãi cỏ gập ghềnh, hướng về phía tòa tháp lấp lánh đang vươn cao.

Và khi chúng quay đầu nhìn lại lần cuối về ngôi nhà nhỏ che chở với cây mọc trên mái, chúng chẳng còn thấy căn nhà nào nữa, mà chỉ thấy một bụi táo gai um tùm, đầy quả đỏ, giữa cánh đồng trống trải.

CAER WYDYR (TOÀ THÁP THUỶ TINH)

Dù đã cố gắng, nhưng chúng không bao giờ tìm lại được con đường cũ. Không thấy dấu vết gì của những con ngựa vàng; nỗi hoảng loạn đã đẩy lũ ngựa đi thật xa. Vậy là Will và Bran quay mặt về phía tòa tháp lấp lánh ánh sáng, băng qua những đồng cỏ lau sậy gồ ghề, xuyên qua các bụi kim tước mọc lên trên nền đất cứng và những mảng đầm lầy ướt át ở những vùng trũng, nơi nước vẫn còn đọng lại. Toàn bộ Vùng Đất Mất Tích đều nằm dưới thấp: một đồng bằng ven biển, bên trái là đường viền uốn

lượn của vịnh Cardigan, còn phía tay phải là dãy núi tím nâu mờ ảo, ở xa tít trong đất liền. Ở đâu đó phía trước — Will chợt nhận ra — hẳn phải có con sông Dyfi chảy qua, hướng về một cửa biển nằm xa hơn nhiều so với nơi cậu từng biết. Tựa như toàn bộ dải bờ biển ở thời của chúng đã được kéo dài thêm nửa dặm về phía biển khơi.

“Hay đúng hơn,” cậu nói thành lời, “là được trả lại phần đất từng bị mất.”

Bran nhìn cậu, thoáng mỉm cười như thể hiểu ý. “Chỉ có điều là nó vẫn chưa bị mất, phải không?” cậu nói. “Vì chúng ta đã quay ngược thời gian.”

Will trầm ngâm đáp, “Phải vậy không?”

“Dĩ nhiên là vậy mà!” Bran nhìn cậu chằm chằm.

“Tớ cũng đoán vậy. Quay lui, rồi tiến tới, lại lui, rồi lại tới…” Tâm trí Will bắt đầu trôi dạt. Cậu nhìn về phía đám diên vỹ vàng rực giữa những bụi lau sậy ở một khoảng đất lầy mà chúng vừa cẩn thận đi vòng qua. “Đẹp thật, đúng không? Giống hệt ở trang trại, gần bờ sông.”

“Có lẽ chúng ta sắp đến gần một con sông,” Bran nói, mắt liếc nhìn Will có phần nghi hoặc. “Đất ở đây rất ẩm ướt. Tớ thì khát khô cả cổ rồi.”

“Nghe kìa!” Will nói. “Cậu có nghe thấy tiếng nước chảy không?”

“Nghe thấy thì cũng chẳng ích gì – chắc toàn là nước mặn thôi,” Bran nói, nhưng cũng nghiêng đầu lắng nghe. Rồi cậu gật đầu. “Ừ. Ở phía trước. Qua mấy hàng cây đó.”

Chúng tiếp tục đi. Tòa tháp sáng ngời kia giờ đã hiện rõ hơn, dù phần lớn vẫn bị cây cối che khuất. Chúng có thể thấy nó được phủ bằng một mái vòm đính pha lê và vàng, giống hệt mái vòm của cung điện nhà vua trong thành phố. Ngay cả mũi tên vàng trên đỉnh tháp, hướng ra biển, cũng giống y như thế.

Rồi chúng tiến vào một rặng liễu lưa thưa, tiếng nước chảy ngày một lớn hơn, cho đến khi một con suối viền lau sậy đột ngột hiện ra, chảy nhanh một cách kỳ lạ so với địa hình bằng phẳng nơi đây. Dòng nước uốn lượn đón chúng, dường như bắt nguồn từ phía Thành Phố, đổ ra sông Dyfi trên hành trình xuôi về biển. Nước trông trong vắt và mát lạnh.

"Tớ khát quá rồi!" Bran nói. "Cầu may đi." Cậu nhúng một tay xuống nước nếm thử; rồi lập tức nhăn mặt ghê tởm.

Will rên lên thất vọng. "Mặn hả?"

"Không," Bran đáp, mặt tỉnh bơ. "Nước uống được." Cậu né cú nhào tới của Will đang cười toe toét, rồi cả hai cùng ngả người xuống bãi cỏ bên bờ suối, uống lấy uống để, vừa vốc nước dội lên mặt nóng bừng cho đến khi tóc chúng ướt sũng, nhỏ giọt. Trong một khoảng nước lặng khuất gió sau một hòn đá, Will bắt gặp hình ảnh phản chiếu của Bran, và bị hút chặt lấy. Chỉ ánh mắt vàng hoe kia là giống Bran thật sự, còn khuôn mặt phản chiếu thì tối sẫm trong bóng râm, mái tóc ướt lại có những vệt đen đậm nhạt xen lẫn. Thế nhưng, chẳng hiểu sao, Will cảm thấy một thoáng nhận biết kỳ lạ khi nhìn thấy hình ảnh đổi khác đó. Cậu đột ngột nói, "Tớ từng thấy cậu trông như vậy rồi, ở đâu đó."

"Dĩ nhiên là cậu từng thấy tớ rồi," Bran uể oải nói. Cậu cúi đầu xuống, thổi bong bóng trong nước, làm vỡ hình ảnh phản chiếu. Mặt nước vỡ tung ra thành hàng trăm mặt gợn lấp lánh, xoay tròn; bỗng chốc dường như có rất nhiều sắc trắng trong đó. Một cảm giác cảnh báo mơ hồ vang lên trong đầu Will. Cậu lăn người lại, và thấy hiện ra sừng sững giữa nền trời, đứng ngay trên đầu chúng, là Kỵ Sĩ Trắng khoác mũ trùm, trên lưng con bạch mã. Bran ngẩng đầu ra khỏi mặt nước, sặc sụa, miệng kéo theo một sợi rong xanh. Cậu dụi nước khỏi mắt, ngước nhìn — và lập tức bất động.

Kỵ Sĩ Trắng nhìn Will với đôi mắt sáng rực ẩn trong khuôn mặt trắng mờ dưới lớp mũ trùm. "Chủ nhân của ngươi đâu rồi, Cổ

Nhân?" Giọng nói mềm mại, rít nhẹ, nghe quen thuộc một cách khó hiểu, dù chúng biết mình chưa từng nghe giọng ấy bao giờ.

Will đáp gọn lỏn, "Ông ấy không có ở đây. Như các ngươi đã biết."

Kỵ Sĩ Trắng nhe răng cười lạnh lùng. "Chắc hẳn ông ta đã nói với ngươi rằng có chuyện gì đó khiến ông ta không thể đến, còn ngươi thì ngây thơ tin lấy lời ấy. Chúa tể Merriman khôn ngoan hơn ngươi nhiều, Cổ Nhân ạ. Ông ta biết rõ hiểm họa đang rình rập ở đây, và cẩn trọng không để bản thân lộ diện."

Will cố tình nằm ngửa ra sau, chống khuỷu tay. "Và các ngươi còn hơn cả ngây thơ, nếu tưởng có thể lay chuyển ta bằng những lời lẽ ấy. Bóng Tối chắc đang khốn đốn lắm, mới phải dùng đến những mánh khóe rẻ tiền của kẻ ngu ngốc."

Lưng Kỵ Sĩ Trắng bỗng thẳng hơn; hắn bỗng toát ra một vẻ nguy hiểm khó lường. "Quay về đi," giọng rít khe khẽ giờ hóa lạnh lẽo. "Quay về, khi vẫn còn có thể."

"Ngươi không thể ép chúng ta quay lại," Will nói.

"Không," Kỵ Sĩ Trắng đáp. "Nhưng ta có thể khiến các ngươi ước gì mình chưa từng đến đây. Đặc biệt là…" đôi mắt lóe sáng của hắn liếc về phía Bran… "đặc biệt là thằng bé tóc trắng đó."

Will dịu giọng, "Ngươi biết cậu ấy là ai, Kỵ Sĩ. Cậu ấy xứng đáng được gọi bằng tên."

"Nó vẫn chưa nắm được sức mạnh của mình," Kỵ Sĩ Trắng nói, "và cho đến khi điều đó xảy ra, nó chẳng là gì cả. Vậy nên nó sẽ chẳng bao giờ là gì — chỉ mãi là một đứa trẻ của thời đại các ngươi, bởi nếu không có chủ nhân, ngươi sẽ chẳng có chút hy vọng nào đoạt được thanh gươm. Quay về đi, Cổ Nhân, quay về đi!" Giọng nói mềm mại kia dần dâng lên thành một tiếng gắt cao, vang lên the thé, khiến con ngựa trắng bồn chồn cựa quậy. "Quay về," Kỵ Sĩ nói tiếp, "và chúng ta sẽ đảm bảo các ngươi rời khỏi Vùng Đất Mất Tích an toàn, trở về thời đại của các ngươi."

Con ngựa lại xao động. Gắn tiếng vì bực bội, Kỵ Sĩ Trắng kéo cương, xoay nó một vòng rộng để trấn an con vật.

“Kìa, nhìn kìa!” Bran thì thào. Cậu đang chăm chú nhìn xuống mặt đất.

Will nhìn theo. Dưới ánh mặt trời gay gắt, bóng của cậu và Bran đổ xuống ngắn ngủn, lổn nhổn trên đám cỏ gồ ghề; nhưng khi Kỵ Sĩ Trắng và ngựa của hắn vòng lại gần chúng, cỏ dưới bốn vó ngựa vẫn rực sáng, không hề có lấy một bóng đổ.

“À, phải rồi,” Will nói khẽ. “Bóng tối thì không bao giờ có bóng.”

Kỵ Sĩ Trắng cất giọng rõ ràng, đầy tự tin: “Các ngươi sẽ quay lại.”

Will đứng dậy. “Chúng ta sẽ không quay lại, Kỵ sĩ. Chúng ta đến để lấy thanh gươm.”

“Thanh gươm không thuộc về các ngươi cũng như không thuộc về chúng ta. Chúng ta sẽ để các ngươi rời đi an toàn, còn thanh gươm sẽ ở lại với người đã rèn nên nó.”

“Người ấy đã rèn thanh kiếm cho Ánh Sáng,” Will nói, “và khi chúng ta đến lấy nó, ông ấy sẽ trao nó cho chúng ta. Rồi chúng ta sẽ rời khỏi đây an toàn, thưa ngài, bất kể Bóng Tối có cho phép hay không.”

Người mặc áo choàng trắng nhìn xuống Will, đôi môi mềm như đàn bà nở ra một nụ cười kỳ lạ, khiến người ta không khỏi rợn người. “Nếu đó là điều các ngươi mong đợi từ Vùng Đất này,” hắn nói, “thì các ngươi ngu ngốc đến mức chúng ta chẳng cần gì phải sợ các ngươi cả.”

Không nói thêm lời nào, hắn quay đầu ngựa, phi nước kiệu men theo dòng sông uốn cong, khuất sau những rặng cây.

Một khoảng lặng bao trùm. Dòng nước vẫn rì rầm.

Bran lồm cồm đứng dậy, ánh mắt lo âu nhìn theo bóng Kỵ sĩ. “Hắn nói gì vậy?”

“Tớ không biết nữa. Nhưng tớ không thích chút nào.” Will rùng mình. “Bóng Tối đang vây quanh chúng ta. Cậu có cảm nhận

được không?"

"Một chút," Bran nói. "Không rõ ràng như cậu. Mình chỉ thấy... nơi này thật buồn."

"Nơi ở của một vị vua u sầu." Will nhìn quanh. "Chúng ta nên đi theo dòng sông chứ?"

"Chắc vậy." Chúng có thể thấy mái vòm và mũi tên vàng trên đỉnh Lâu Đài ló lên khỏi tán cây, nơi con sông ngoặt vào.

Bờ sông phủ đầy cỏ; không có con đường nào cả, nhưng cũng chẳng có cây cối hay bụi rậm nào chắn lối chúng. Dòng sông vẫn hẹp, chỉ độ sáu mét, nhưng lòng sông giữa hai bờ cỏ thô ráp đang rộng dần ra, để lộ một dải cát vàng óng ánh. Giờ đây cát đã sạch, không còn vương chút bùn nào.

"Thủy triều xuống rồi," Bran nói, thấy Will nhìn dòng sông. "Giống như sông Dyfi thôi. Khi triều lên, cát sẽ bị nhấn chìm, và dòng sông sẽ rộng gấp đôi. Đang bắt đầu rồi đấy. Nhìn kìa."

Cậu chỉ tay; Will thấy nước trong sông bắt đầu xoáy, dòng chảy đổi chiều. Lòng sông vẫn trôi ra biển ở giữa, nhưng ở hai bên, nước triều đã bắt đầu lặng lẽ dâng vào.

"Giờ không thể uống được nữa," Bran nói. "Mặn lắm."

Dòng sông mở rộng dần khi chúng đi tiếp, và nước triều trở nên mạnh mẽ hơn; phía bờ bên kia, cây cối nhỏ và thưa hơn. Chúng thoáng thấy cửa sông rộng lớn phía xa, vượt qua những đồng cỏ và bụi cây thấp, và dãy núi mờ ảo phía xa xa. Rồi bất ngờ chúng thấy một cánh buồm vuông màu nâu, và một chiếc thuyền đang lao về phía chúng theo dòng nước triều. Cánh buồm căng ra vuông góc với cột buồm, giữa hai thanh gỗ chắc chắn; gần như ngay lập tức, các thanh đó đập xuống boong, và buồm hạ xuống.

Chiếc thuyền quay về phía bờ nơi chúng đứng. Will kinh ngạc nhìn người đang thu buồm.

"Là Gwion!"

Gwion, gầy gò và mặc đồ đen, nhảy vọt lên mũi thuyền với một sợi dây, rồi phóng lên bờ ngay khi mũi thuyền chạm cỏ. Ông liếc nhìn Will và Bran, nụ cười quen thuộc nở trên bộ râu xám gọn gàng; rồi quay lại gọi bằng tiếng Wales về phía thuyền. Một người đàn ông lực lưỡng, tóc đen, da đỏ nâu, đứng ở bánh lái phía sau cột buồm đơn ngắn; đó là một chiếc thuyền bè lớn, không khác gì xuồng cứu sinh của tàu. Người đàn ông kia gọi lại gì đó với Gwion. Will nhìn Bran dò hỏi.

"Họ nói chuyện neo thuyền," Bran giải thích. "Và chuyện đón triều, dù tớ—tafla 'r rhaff yna i mi," cậu nói đột ngột với Gwion, đón lấy sợi dây thứ hai ném từ thuyền xuống, rồi cùng nhau buộc thuyền ở đầu và đuôi vào hai cái cây. Thuyền chòng chành theo dòng triều đang dâng.

"Thật tốt khi các cậu đến nơi an toàn," Gwion nói, tay đặt lên vai mỗi người. "Nào, đi thôi." Ông lập tức đi dọc bờ sông với dáng đi nhanh nhẹn.

Will bước theo, cảm thấy như một nút thắt căng cứng giữa hai vai vừa được gỡ ra.

"Giải thích đi, ông giải thích đi," Bran nói, rảo bước đuổi kịp. "Sao ông tới được đây? Sao lại đi thuyền? Sao biết tìm chúng tôi ở đâu, và lúc nào?"

Gwion mỉm cười. "Khi sức mạnh của cậu trỗi dậy, Bran Davies xứ Clwyd, cậu sẽ tự tin như Will đây và chẳng cần hỏi nhiều như thế. Ta có mặt ở đây đơn giản vì các cậu sẽ cần ta. Và bởi thế, ta đã phá vỡ luật lệ của Vùng Đất Mất Tích – rằng không được giao du với cả Ánh Sáng lẫn Bóng Tối khi hai bên đang xung đột. Và ta sẽ tiếp tục phá luật ấy, chắc chắn là thế, cho đến tận cùng của Thời Gian. Nhẹ nhàng thôi…" Giọng ông trầm xuống, bước chân chậm dần, hai tay dang ngang chặn chúng lại.

Chúng đã ra khỏi vùng sồi và thông cong mình vì gió, mọc rải rác ở bìa sông. Trước mặt chúng bây giờ là Lâu đài của Vùng Đất Mất Tích – một ngọn tháp lấp lánh vươn lên giữa vòng tròn cây cao lớn.

Gwion đột nhiên trở nên nghiêm trang; ông buông tay, đứng lặng như thể quên hết cả Will, Bran, bản thân và mọi thứ, ngoài hình ảnh tòa tháp cô độc rực rỡ kia.

“Caer Wydyr,” ông thì thầm, gần như là khẽ hát. “Đẹp đẽ như thuở nào. Và vị vua đầy sầu muộn của ta bị giam cầm bên trong, không bao giờ được thấy vẻ đẹp ấy. Thật ra thì, chẳng có ai trong cả Vùng Đất Mất Tích này có thể thấy vẻ đẹp ấy, ngoại trừ các Chúa tể Bóng Tối.”

Will đảo mắt nhìn quanh, đầy cảnh giác. “Chúng ở khắp nơi, nhưng lại chẳng thể thấy được.”

“Khắp nơi,” Gwion nói. “Trong rừng cây canh gác. Nhưng chúng không thể làm hại đến cây cối, cũng như không thể chạm tới nhà vua hay lâu đài của ngài.”

Những cây cổ thụ mọc quanh ngọn tháp thành một vòng tròn không đều, bao phủ nó bằng lá và cành; tòa tháp vươn lên giữa rừng cây như một hòn đảo giữa biển xanh.

“Bảy cây, Quý Bà đã nói.” Bran quay sang Will. “Bảy cây. Giống như Bảy Người Say Ngủ đã tỉnh giấc trên Llyn Mwyngil, một lần trước mắt chúng ta, để lên đường vào ngày mai.” Đôi mắt màu nâu vàng ánh lên trên gương mặt tái nhợt; cậu nhìn quanh, không chút sợ hãi, như thể đang thách thức, bị cuốn theo một cơn bốc đồng kỳ lạ mà Will chưa từng thấy trước đây.

Will chậm rãi nói: “Nhưng chỉ có Sáu Kẻ Người Say Ngủ thôi mà.”

“Sẽ là bảy người,” Bran nói, “bảy người vào lúc kết thúc. Và khi ấy, không còn là Người Say Ngủ nữa, mà là Kỵ sĩ, như các Chúa Tể Bóng Tối.”

“Đây là cây đầu tiên,” Gwion nói. Giọng ông không chút biểu cảm, nhưng Will cảm thấy ông cố tình chuyển hướng cuộc trò chuyện. Trước mặt chúng, gần sát bờ sông, là một bụi cây dày đặc thân mảnh mai, vỏ xanh, với những chiếc lá tròn rộng lay động như đang nhảy múa.

“Y gwernen,” Bran nói. “Cây trăn. Mọc nơi đất ướt, như ở thung lũng chúng tôi, với ông John Rowlands nguyền rủa nó từ trên xuống dưới vì là loài cây dại.”

Gwion bẻ ba nhành nhỏ từ một cành cây trăn, ngắt ở khớp để nó không bị gãy hoặc tưa ra. “Có thể đôi khi là một loài cây dại, nhưng là thứ gỗ không nứt vỡ, không mục mát. Cây của lửa, là cây trăn. Trong nó có sức mạnh của lửa để giải phóng đất khỏi nước. Và chúng ta có thể sẽ cần điều đó. Đây.” Ông đưa mỗi người một nhành rồi đi tiếp, đến tán cây rộng rợp bóng, cành mảnh, lá dài – một cây liễu.

Lại một lần nữa ông bẻ ba nhành và đưa hai nhành cho chúng.

“Liễu, cây của phù thủy,” Will nói, trí óc quay ngược thật xa về một cuốn sách cổ xưa mà Merriman từng cho cậu xem khi đang học cách sử dụng những món quà của một Cổ Nhân. “Mạnh mẽ như sư tử non, dẻo dai như người phụ nữ đang yêu, và đắng ngắt ở vị giác – như mọi mê hoặc rốt cuộc đều phải như thế.” Cậu cười nhạt với Gwion. “Họ từng dạy tôi về cây cối, đã lâu rồi.”

Gwion nói nhỏ: “Quả đúng là vậy. Hãy nói ta nghe cây tiếp theo đi.”

“Bạch dương,” Will nói. Một thân cây trắng lớn vươn lên trước mặt chúng, các bông hoa dài rung rinh nơi những cành mảnh nâu. Bên dưới những tán lá xanh lay động, đó là một cái cây rất già, với nấm đỏ đốm trắng mọc giữa rễ và một vết nứt dài đã tự liền từ lâu, nơi thân cây bắt đầu có dấu hiệu mục rữa.

Bran ngạc nhiên thốt lên mà không suy nghĩ: “Tớ chưa bao giờ thấy cây bạch dương nào ở ngoài này.” Rồi cậu nhìn Will và cười toe toét, tự chế giễu mình. “Không – tớ cũng chưa từng thấy một tòa tháp thủy tinh lớn như thế, hay một cây táo mọc từ mái nhà.”

“Cậu không nói điều gì ngớ ngẩn cả,” Gwion dịu dàng nói, đưa chúng nhành cây bạch dương. “Ở thời của ta, xứ Wales này ấm hơn và khô hơn thời của các cậu, và chúng ta có rừng trăn, bạch dương và thông – nơi các cậu chỉ có sồi và những loài cây ngoại

lai sẽ được những người di dân mang tới. Mà những cây đó" – ông ngừng lại thoáng chốc – "không mọc ở đúng chỗ như những cây trong thời ta đâu."

Một nỗi khiếp sợ nào đó chợt bóp nghẹt tâm trí Will khi cậu hiểu ra điều Gwion muốn nói; nhưng người đàn ông xứ Wales ấy đã nhanh chóng kéo chúng đi, vượt qua cây bạch dương lớn, và bất ngờ tòa tháp thủy tinh, Caer Wydyr, hiện ra hoàn toàn trước mắt – từ chân đến đỉnh – và chúng thấy nó không mọc lên từ mặt đất, từ cát vàng hay bờ cỏ xanh ven cửa sông, mà từ một khối đá nhô ra. Phiến đá ấy lạ lùng: không phải đá hoa cương xám lấp lánh, cũng chẳng phải đá phiến xám xanh, mà là một màu xanh đen sâu thẳm, điểm xuyết đây đó bằng những mảng thạch anh trắng sáng. Và giờ chúng thấy các mặt tháp cũng được xây từ một thứ đá giống thạch anh, trắng, trong mờ, tỏa ra ánh sáng trắng đục kỳ lạ. Những khe cửa nhỏ rải rác trên tường tròn, và bề mặt hoàn toàn nhẵn nhụi.

"Không có cửa sao?" Bran hỏi.

Gwion không trả lời, mà dẫn chúng đi tiếp qua lớp cỏ dày đến hai cây lớn rậm rạp. Cây đầu tiên không cao, nhưng rộng và xòe tán ra, với những chiếc lá tròn tù và chùm hạt lông tơ đang nảy mầm, giống như nửa số hàng rào ở Anh và Wales.

"Cây phỉ để chữa lành," Gwion nói, bẻ ba nhành.

"Và để nuôi sống những lữ khách đói lòng," Bran nói chen vào.

Gwion bật cười. "Thế nó ngon lắm à?"

"Tuyệt cú mèo. Táo cũng thế."

Will nhớ lại và nói: "Táo cũng là một trong các cây."

"Nhưng trước đó, là cây nhựa ruồi." Gwion chỉ về phía một khối cây tối sầm, thân xám mượt, lá xanh bóng và sắc nhọn ở những cành thấp, trong khi phía trên chỉ còn những hình bầu dịu dàng. Ông chỉ ngắt cành có gai nhọn, và lại đưa mỗi người một nhành.

“Và từ cây táo,” ông mỉm cười nói, “các cậu cũng có thể hái quả. Nhưng ta phải là người bẻ cành, ở mọi cây.”

“Tại sao?” Bran hỏi khi họ đi tiếp qua lớp cỏ.

“Vì nếu không,” Gwion điềm đạm nói, “cây sẽ kêu lên, và luật lệ sẽ phát huy hiệu lực, theo đó cả Ánh Sáng lẫn Bóng Tối đều không được hành động vì mục đích riêng ở Vùng Đất Mất Tích.” Ông dừng một lát, nhìn chúng chăm chú, tay mân mê bộ râu xám gọn gàng. Giọng ông trở nên nghiêm trang. “Đừng hiểu lầm, Vùng Đất Mất Tích không phải một nơi hiền hòa. Ở đây có sự cứng rắn, và sự dửng dưng với mọi cảm xúc trừ những điều thuộc về Vùng Đất – một khía cạnh khác của vẻ đẹp trong vườn hồng, sự khéo léo của những người thợ, những người chế tác. Đừng đánh giá thấp điều đó.”

Bran nói: “Nhưng chỉ có Bóng Tối mới thật sự cản đường chúng ta.”

Gwion ngẩng cằm lên, một cử chỉ kiêu hãnh lạ lùng, nhưng nơi khóe miệng vẫn hằn rõ nỗi đau. Ông nói khẽ: “Cậu nghĩ Mari Llwyd được triệu hồi từ đâu, để khiến cậu phát điên suýt chết, Bran Davies? Ai nghĩ ra mê cung gương? Cái gì đang chờ đợi cậu bây giờ, trong tuyệt vọng chưa từng nếm trải của nhiệm vụ tưởng chừng bất khả thi – nhiệm vụ tìm đến Vị Vua Thất Lạc và thanh gươm pha lê của ngài? Cậu nghĩ Bóng Tối dính líu nhiều đến tất cả chuyện này ư? Không đâu. Ở đây, Bóng Tối hầu như bất lực, so với những quyền năng thuộc về nơi này. Chính Vùng Đất Mất Tích là thứ mà các cậu đang phải đối mặt, với tất cả để giành được – hoặc mất trắng.”

“Và đó là Pháp Thuật Hoang Sơ,” Will chậm rãi nói. “Hoặc là thứ gì đó rất gần với nó.”

“Một dạng của nó,” Gwion nói. “Và còn hơn thế nữa.”

Bran đứng lặng, bối rối nhìn ông. “Và ông là một phần của nó?”

“À,” Gwion trầm ngâm. “Ta là phần phản loạn, đi con đường riêng. Dù ta yêu xứ sở mình vô cùng, thì ta cũng chẳng mong

được điều tốt lành nào ở đây." Ông bỗng quay sang Bran, nở nụ cười ấm áp như một luồng nắng, gật đầu về phía trước. "Nhìn kìa – cứ tự nhiên hái lấy."

Một cây táo cổ thụ, cành lá rủ sát mặt đất như một ông già lưng còng; nó là cây duy nhất mọc thấp và tán xòe ngang, không vươn cao như những cây khác. Những quả táo nhỏ màu vàng, và cả những quả còn nhỏ hơn, xanh sáng, mọc chi chít trên các cành giữa tán lá thưa thớt. Bran tròn mắt nhìn. "Táo năm ngoái lẫn năm nay cùng trên một cây ư?" Cậu hái một quả táo vàng và cắn vào, vị cứng giòn và mọng nước.

Gwion bật cười khúc khích. "Có khi chúng treo ở đó suốt hai năm. Đây là giống táo pippin từ một thời rất xa xưa trước thời của các cậu, nhớ lấy. Có vô vàn điều trong thời các cậu mà thời này—khi Vùng Đất bị lạc mất—chẳng ai từng mơ đến, trừ các Cổ Nhân. Nhưng cũng có những điều kỳ diệu khác từng tồn tại, giờ đã vĩnh viễn mất đi cùng với Vùng Đất."

Will khẽ nói, "Vĩnh viễn ư?" Cậu hái một quả táo vàng và giơ lên, đôi mắt mỉm cười với Gwion.

Gwion nhìn lại cậu với ánh mắt xa xăm lạ lùng trên khuôn mặt rắn rỏi râu xám. "Chúng ta nói 'đời đời kiếp kiếp' khi còn nhỏ, hay khi cầu nguyện. Chúng ta nói đến hai lần, phải không, Cổ Nhân? 'Đời đời kiếp kiếp'… để một điều gì đó có thể là vĩnh viễn—một đời sống, một tình yêu, một cuộc tìm kiếm—mà vẫn có thể khởi đầu lại, và lại là vĩnh viễn như trước. Và bất kỳ kết thúc nào tưởng như đã đến đều không phải là thực, mà chỉ là ảo ảnh. Bởi Thời Gian không chết, Thời Gian không có khởi đầu cũng chẳng có kết thúc, nên chẳng có gì từng tồn tại trong Thời Gian mà có thể thật sự kết thúc hay chết đi."

Bran đứng đó, gương mặt nhợt nhạt xoay từ người này sang người kia, vừa nhai quả táo, vừa im lặng.

Will nói, "Và bây giờ chúng ta đang đứng trong một thời đại đã qua, nhưng vẫn chưa đến. Ngay tại đây."
Bran bỗng nói, một cách bất ngờ, "Tớ đã từng đến đây."

“Đúng vậy,” Gwion nói. “Cậu được sinh ra ở đây. Giữa nhiều cây như thế này.”

Will nhanh chóng ngước lên, nhưng cậu bé tóc bạc không nói gì thêm. Gwion cũng im lặng, chỉ bước tới và bẻ ba cành nhỏ đen sẫm, gồ ghề từ cây táo cổ thụ.

Một giọng nói vang lên sau lưng họ, nhẹ như hơi thở, với giọng điệu khó xác định. “Và đứa trẻ sinh ra ở đây có thể sẽ ở lại đây—đời đời kiếp kiếp.” Một sự chế giễu độc ác lướt qua giọng nói, như roi quất. “Và đó là một khoảng thời gian rất dài, các bạn của ta ạ, cho dù chúng ta có trở nên siêu hình đến đâu về ý nghĩa của nó đi chăng nữa.”

Will từ từ quay lại, cố ý đối mặt với người cưỡi ngựa cao lớn khoác áo choàng đen đang ngồi trên con tuấn mã đen tuyền. Kỵ Sĩ Đen đã vén mũ trùm lên; ánh nắng chiếu lấp lánh trên mái tóc nâu đỏ dày như lông cáo, và đôi mắt sáng của hắn bừng cháy như những cục than hồng.

Phía sau hắn, ở khoảng cách xa hơn, những kỵ sĩ khác đứng lặng lẽ, tất cả đều mặc đồ đen hoặc trắng, mỗi người đứng cạnh một cái cây, và còn nhiều kẻ nữa lẩn khuất sâu hơn trong rừng đến mức Will không thể nhìn rõ.

“Không còn lời cảnh báo nào nữa đâu, Cổ Nhân,” Kỵ Sĩ Đen nói. “Giờ sẽ chỉ còn là thách thức, đe dọa. Và lời hứa hẹn.”

Gwion nói, giọng ông trầm ấm và mạnh mẽ, “Lời hứa của Bóng Tối không có sức mạnh gì ở vùng đất này, thưa ngài.”

Kỵ Sĩ Đen liếc xuống ông, như thể liếc nhìn một con chó, hay một đứa trẻ đang chập chững. Hắn nói khinh miệt, “Khôn ngoan hơn là nên sợ lời của một Chúa Tể Bóng Tối hơn là nghe theo một gã hát rong phục vụ vị vua đã mất.”

Linh cảm báo trước chạy rần rần khắp cơ thể Will như một sinh vật bò nhanh; nó réo gọi trong tâm trí cậu: Ồ, ồ, ngươi sẽ phải hối hận vì lời đó đấy… Nhưng Gwion không hề phản ứng, ông

chỉ bước tới, như thể Kỵ Sĩ Đen không hề hiện diện, tiến qua hắn đến cái cây to lớn và vững chãi đang tỏa bóng mát—một cây sồi.

“Không có nhặt lá gì ở đây đâu, nghệ sĩ nhỏ,” Kỵ Sĩ Đen nói chế nhạo. “Vua của các loài cây nằm ngoài tầm với của ngươi, ta nghĩ vậy.”

Cơn rùng mình cảnh báo chạy qua Will càng mạnh mẽ hơn. Gương mặt Gwion không biểu cảm. Một cách cẩn trọng và đầy khí phách, ông vươn cánh tay rám nắng gầy guộc lên cao nhất; nắm lấy một nhành lá răng cưa, bẻ gãy nó, rồi chia làm ba.

Hắc Kỵ Sĩ nói sắc lẻm, “Ta hứa với ngươi, người hát rong, rằng nếu ngươi bước vào tòa tháp kia, ngươi sẽ không bao giờ ra khỏi đó nữa.”

Chúng thấy vết sẹo kinh khủng trên má hắn khi hắn quay đầu.

“Ngươi không thể làm gì để ngăn cản chúng ta đâu,” Will nói. Kéo theo Bran, cậu tiến về phía Gwion và cây sồi cổ thụ.

Kỵ Sĩ Đen bất ngờ thả lỏng, mỉm cười. “Ồ, ta không cần làm gì cả,” hắn nói, và từ từ điều khiển con ngựa đen huyền di chuyển sang một bên, để Will và Bran nhìn thấy rõ ràng tòa tháp pha lê phía trước.

Will dừng lại, rên lên một tiếng thất vọng mà cậu không thể giấu được. Kỵ Sĩ Đen bật cười khanh khách. Giờ đây mọi chuyện đã quá rõ ràng.

Cánh cửa lớn của Caer Wydyr cuối cùng đã hiện ra, cao trên nền đá nhấp nhô, ở đỉnh một bậc thang dựng đứng, đẽo thô sơ. Nhưng đó là một cánh cửa bị phong ấn bằng một phép thuật mà Will chưa từng tưởng tượng nổi. Trước cửa, lơ lửng trong không trung, xoay tròn nhanh đến mức như một đĩa sáng, là một bánh xe khổng lồ. Không có trục, không có bất kỳ điểm tựa nào. Bánh xe cứ lơ lửng, xoay tít cản lối vào, ánh sáng lóe lên từ tốc độ xoay phát ra tiếng rít đe dọa.

Bran thì thầm, “Không!”

Từ các Chúa Tể Bóng Tối trên những con ngựa trắng và đen, rải rác giữa các thân cây, vang lên một âm thanh xào xạc của sự nhạo báng, thỏa mãn vì ác ý được toại nguyện. Kỵ Sĩ Đen lại cười, âm thanh khó chịu và đe dọa.

Will hoang mang xoay người lại, bắt gặp ánh mắt sáng quắc của Gwion đang nhìn chằm chằm vào cậu, giữ lấy cậu, lấp lánh trên gương mặt rắn rỏi và vệt râu xám kỳ lạ. Như đang nói: Ta phải nói với cậu nhưng không thể nói—hãy nghĩ đi—

Và Will nghĩ, rồi bỗng nhiên hiểu ra. "Đi thôi!"

Nắm lấy tay Bran, cậu lao lên những bậc thang đá dựng đứng dẫn đến tòa tháp, tránh xa những tiếng cười nhạo của Bóng Tối, cho đến khi cậu đứng trên bậc cao nhất, sát cạnh bánh xe quay tròn đến mức như thể có thể chém đôi người ta. Tiếng rít vo ve của bánh xe tràn ngập tâm trí chúng. Gwion theo sát phía sau, răng trắng lóe sáng trong niềm vui sướng cuồng nhiệt. Will cúi xuống gương mặt bối rối và lo âu của Bran, nói vào tai cậu:

"Điều cuối cùng mà Quý Bà đã nói là gì?"

Cậu thấy sự nhẹ nhõm vỡ òa như cơn sóng, và nghe lời đáp nghẹn ngào bật ra: "Chỉ có tù và mới ngăn được bánh xe—"

Và Will đưa tay tới thắt lưng, lấy ra chiếc tù và đi săn nhỏ bằng bạc lấp lánh. Cậu ngừng lại, hít sâu một hơi, ngẩng đầu lên và thổi một tiếng dài, trong trẻo, vút cao, như một âm thanh hòa âm vang vọng lên giữa tiếng rít ghê gớm của bánh xe quay. Và bánh xe chậm dần lập tức, như thể một sức mạnh khổng lồ đang giữ nó lại, trong khi một tiếng gào rú căm giận vang lên từ đám Kỵ Sĩ Bóng Tối phía dưới. Will và Bran có đúng một khoảnh khắc để thấy rằng bánh xe có bốn nan chia vòng tròn ra làm bốn phần, trước khi Gwion vội vã thúc hai người lần lượt bước qua phần gần nhất, và lách mình qua theo sau.

Gwion ấn bó bảy cành khô trong tay mình vào tay Will, và không cần nhìn cậu – ***Will giờ đây đã biết mình phải làm gì***. Cậu chụp lấy bó cành từ tay Bran nữa, để gộp cả ba bó vào một, rồi vội vã vươn người qua những nan của bánh xe, nơi một làn sóng

bóng tối, giận dữ và đe dọa đang cuồn cuộn tràn lên các bậc thang dẫn tới tòa tháp. Với tất cả sức mạnh có thể dồn được, cậu ném mạnh những cành cây về phía Bóng Tối.

Một lực lượng khổng lồ, như một vụ nổ câm lặng, cuốn tung ra ngoài từ tòa tháp, và bánh xe lớn bắt đầu quay trở lại.

Nó quay ngày một nhanh hơn. Tiếng rì rì vang lên, lối vào lại bị phong tỏa bởi phép thuật xoay tròn, trong lúc Bóng Tối bị chặn lại gào thét bên dưới trong cơn sốc và cơn thịnh nộ điên cuồng, còn Will, Bran và Gwion thì đứng trong một luồng ánh sáng mềm mại, trong suốt bên trong tòa tháp thuỷ tinh của Vị Vua Thất Lạc.

VỊ VUA CỦA VÙNG ĐẤT MẤT TÍCH

Chúng đứng nhìn nhau. Bên ngoài tòa tháp, cơn thịnh nộ của Bóng Tối dâng lên như thể cả thế giới đang gầm thét; Will rụt vai lại theo bản năng, cảm thấy sức ép của nó như một cú đánh giáng thẳng vào người.

Rồi đột ngột, tất cả biến mất. Cơn náo động lắng xuống, tan biến hoàn toàn; chúng chẳng còn nghe thấy gì ngoài tiếng ù ù nhẹ nhàng của bánh xe vẫn quay vòng bên ngoài. Sự thay đổi đột ngột ấy còn khiến chúng bất an hơn cả chính âm thanh khi nãy.

“Chúng đang làm gì vậy?” Bran nói. Cậu căng cứng như một lò xo bị siết chặt; Will có thể thấy một cơ giật giật bên quai hàm cậu.

“Không gì cả,” Will nói, với một sự tự tin không thật. “Chúng không thể làm gì ở đây. Quên chúng đi.” Cậu đưa mắt nhìn quanh căn phòng vuông vức, chiếm toàn bộ chiều dài và chiều rộng của tòa tháp, nơi chúng vừa bước vào. “Nhìn kìa!”

Ánh sáng lan tỏa khắp nơi: một thứ ánh sáng xanh nhạt dịu dàng lọc qua những bức tường như thạch anh của căn phòng. Nó giống như một hang băng, Will nghĩ. Nhưng nơi này lại ngổn ngang, bừa bộn, như thể có ai đó vừa rời đi vội vã giữa lúc đang mải mê với một công việc lớn lao và phức tạp.

Những chồng bản thảo cuộn tròn nằm rải rác trên bàn và các giá sách, cả trên lớp thảm rơm dày phủ sàn nhà; sát một bức tường là chiếc bàn lớn, nặng nề, bày la liệt các dải kim loại sáng loáng và các mảnh thủy tinh, đá quý đỏ, trắng và xanh lơ, xen lẫn với một loạt những công cụ tinh xảo lấp lánh khiến Will liên tưởng đến xưởng làm trang sức phía sau cửa hàng của cha cậu ở nhà. Rồi ánh mắt cậu bị hút lên một điểm cao trên tường: một chiếc khiên tròn trơn láng, làm bằng vàng rực rỡ.

Gwion nhảy nhẹ như mèo lên bàn và lấy chiếc khiên xuống khỏi tường. Ông đưa nó ra.

“Cầm lấy cái này, Will. Ngày xưa, thuở còn hùng mạnh, Vua Gwyddno đã làm ba chiếc khiên cho phe Ánh Sáng. Hai cái đã được đưa đi đến những nơi có thể phát sinh hiểm họa, cái thứ ba thì để lại đây. Ta chưa bao giờ biết vì sao – nhưng có lẽ chính khoảnh khắc này… chính là lý do, vẫn luôn là vậy. Đây.”

Will đón lấy vật sáng tròn ấy và luồn cánh tay vào dây đeo bên trong. “Nó đẹp quá,” cậu nói. “Và… hai cái kia cũng đẹp như thế. Tôi nghĩ mình đã từng thấy chúng. Ở… những nơi khác. Chúng chưa bao giờ được dùng.”

“Chúng ta hãy hy vọng cái này cũng sẽ không phải dùng đến,” Gwion nói.

Bran sốt ruột nói, “Nhà vua đâu rồi?” Cậu đang ngước nhìn một cầu thang sắt uốn lượn tuyệt đẹp, với những đường nét cuộn xoắn cầu kỳ, uốn vòng đi lên rồi biến mất qua một lối mở trên trần tháp trong suốt cao vút.

“Đúng vậy,” Gwion nói. “Trên kia. Chúng ta sẽ lên đó, nhưng các cậu phải để ta đi trước. Chúng ta sẽ đi qua vài căn phòng nơi các cậu sẽ không thấy ai cả, và cuối cùng, ta sẽ đưa các cậu đến gặp nhà vua.”

Ông đặt một tay lên lan can xoắn của cầu thang, và nhìn thẳng vào Will. “Dây thắt lưng có các Dấu Hiệu đâu rồi?”

“Nó đang ở chỗ Trận chiến Núi Badon,” Will nói một cách nuối tiếc. “Nơi Merriman đã mang nó đến cho vị vua vĩ đại, để giúp giành lấy phần thắng mà người có thể đạt được. Và nó cũng sẽ xuất hiện trong trận cuối cùng, khi Quý Bà xuất hiện và toàn bộ quyền năng của Ánh Sáng được hợp nhất. Nhưng chưa phải lúc này. Và chỉ khi nào—” cậu ngừng lại.

“Eirias,” Bran nói, giọng cậu căng như dây đàn. “Eirias.”

Gwion lập tức nói nhanh, “Đừng gọi tên đó lúc này! Cái tên ấy chỉ được phép xướng lên trong sự hiện diện của thanh gươm, bên trong tòa tháp này. Đi thôi.”

Chúng bước lên cầu thang xoắn, cứ đi mãi, qua những căn phòng chất đầy những vật dụng thường ngày – để ăn, để ngủ – nhưng cũng mang một vẻ hoang vắng kỳ lạ, như thể đã bị bỏ không suốt một thời gian rất dài. Rồi Will, người đi sau cùng, lên tới nơi thì thấy Bran và Gwion đang đứng im lặng trong một căn phòng lớn, khác hẳn những phòng chúng đã đi qua. Ánh sáng lọc qua tường nơi đây không còn xanh lạnh như băng nữa, mà mờ hơn, dịu hơn, vì lúc này chúng đang đứng trong lòng một mái vòm khổng lồ, được ghép từ kính mờ xen lẫn với các dải vàng, khiến Will nhận ra đây chính là đỉnh tháp – nơi một mũi tên bằng vàng vươn ra phía biển khơi.

Mái vòm ấm áp, sàn nhà loang lổ ánh nắng xiên vào qua các dải kính và vàng; vậy mà nơi đây lại mang một nỗi u uẩn kỳ lạ, đè nặng lên các giác quan. Căn phòng chỉ có một chiếc bàn vuông đặt lệch về một phía, một tấm bình phong chạm khắc cầu kỳ, và một vài chiếc ghế lớn có lưng tựa cao, vững chãi như được tạc nguyên khối từ gỗ đặc.

“Gwion?” một giọng nói cất lên.

Những tiếng vang mềm như gió thầm thì khắp mái vòm. Đó là một giọng khàn khàn, thấp và cạn sinh lực. Nó vọng ra từ một chiếc ghế cao ở phía bên kia mái vòm, quay lưng về phía chúng; chúng chỉ nhìn thấy lưng ghế.

“Thần đây, thưa bệ hạ,” Gwion nói. Mắt ông ánh lên vẻ ấm áp, và trong giọng nói có sự trìu mến và nhẫn nại, như thể đang nói với một đứa trẻ ưu tư. “Và… và có hai người từ phía Ánh Sáng tới cùng thần.”

Có một khoảng lặng kéo dài, không âm thanh nào ngoài tiếng kêu lạc loài của một con mòng biển ngoài mái vòm.

Cuối cùng giọng nói cất lên, lạnh lùng và gắt gỏng, “Ngươi phản bội ta. Hãy đuổi họ đi.”

Gwion băng qua căn phòng nhanh như chớp và quỳ một gối xuống trước chiếc ghế chạm trổ cầu kỳ; trong những dải sáng mờ xuyên qua mái vòm, chúng thấy gương mặt gầy gò, râu lốm đốm của ông ngước lên nhìn vị vua khuất mặt. Ông nói, giọng trung thành rực sáng như ngọn lửa, “Thần phản bội người ư, bệ hạ?”

“Không, không,” giọng nói thở ra mệt mỏi. “Ta biết là không. Nhưng ngươi phải đuổi họ đi, thi sĩ. Điều ấy, ngươi nên biết rõ hơn.”

Will bước lên phía trước, buột miệng nói, “Nhưng thưa bệ hạ, hiểm họa lần này quá lớn.” Cậu dừng lại ngay sau lưng chiếc ghế; cậu có thể thấy một bàn tay gầy guộc nằm lặng trên tay vịn, đeo một chiếc nhẫn đá đen to bản giống hệt chiếc của Gwion. Cậu nói, cố giữ cho giọng thật bình tĩnh, “Thưa bệ hạ, Bóng Tối đang trỗi dậy, trong lần nỗ lực cuối cùng để đoạt lấy quyền cai quản trái đất từ tay loài người. Và chúng tôi, những người của Ánh Sáng, không thể ngăn chặn lần trỗi dậy ấy nếu không có đầy đủ các Vật Phẩm Quyền Năng được tạo ra cho mục đích đó. Chúng tôi đã có tất cả, trừ vật cuối cùng – thanh gươm pha lê – mà ngày xưa chính người đã rèn nên cho chúng tôi, thưa bệ hạ – và hiện giờ, chính người đang giữ nó.”

“Ta không giữ gì cả,” giọng nói cất lên yếu ớt. “Ta chỉ tồn tại mà thôi.”

Will nói, “Nhưng thanh gươm vẫn còn ở đây, từ khi nó được tạo ra. Chúng tôi không thể lấy nó nếu người không trao. Xin người,

hãy trao nó cho chúng tôi, ngay bây giờ. Tôi khẩn cầu người, thưa bệ hạ."

"Hãy để ta yên," giọng nói cất lên. "Hãy để ta yên." Đó là một tiếng nói đầm buồn, khiến Will chỉ muốn mang lại chút an ủi nào đó; nhưng sự cấp bách của nhiệm vụ vẫn vang vọng mãnh liệt hơn cả trong tâm trí cậu.

"Thanh kiếm là của Ánh Sáng," cậu kiên định nói, "và nó phải được trở về với Ánh Sáng."

Ánh mắt cậu đang hướng về tấm bình phong gỗ chạm khắc tuyệt mỹ đặt cạnh bức tường nghiêng của mái vòm, gần chỗ nhà vua đang ngồi. Liệu đó chỉ là vật trang trí đẹp đẽ, hay còn có gì đó đang bị che giấu phía sau?

Giọng nói cất lên đầy chán chường, "Ngươi không được nói 'phải' với ta. Cổ Nhân. Nếu ngươi thật sự là Cổ Nhân. Ta đã quên hết mọi tên gọi như thế rồi."

Đằng sau Will, Bran nói gay gắt, "Nhưng chúng tôi *phải* có được Eirias!"

Bàn tay gầy guộc trên tay ghế khẽ siết lại trong thoáng chốc; những ngón tay co lại, rồi lại buông thõng. "Gwion," giọng nói trống rỗng cất lên, "ta không thể làm gì cho bọn họ. Hãy đuổi họ đi."

Gwion vẫn đang quỳ, ngước nhìn lên, gương mặt hằn rõ nỗi lo. "Ngài mệt rồi," ông buồn bã nói, bỏ hết mọi lễ nghi. "Ước gì ngài không phải luôn cô độc như thế."

"Mệt mỏi vì cuộc sống, hỡi người hát rong. Mệt mỏi vì thế gian." Giọng nói ấy như chiếc lá mùa đông bị gió cuốn đi: héo rũ, khô khốc. "Không mục đích, không hương vị. Thời gian quăng quật tâm trí ta theo ý nó. Và cuộc sống vô dụng của ta là tiếng quạ kêu hoang hoải, còn bất kỳ tài năng nào ta từng có cũng đã chết rồi. Hãy để những món đồ mà tài năng ấy từng tạo nên cũng chết theo nó."

Những lời chậm rãi ấy như vang lên từ một nỗi tuyệt vọng sâu thẳm, như vực đen không vọng lại âm thanh khi ném một hòn đá xuống, khiến lớp lông tơ trên cổ Will dựng đứng. Cảm giác như đang nghe người chết cất tiếng nói.

Bran lạnh lùng cất giọng rõ ràng, "Ngài nói như Mari Llwyd, không phải như một vị vua."

Những ngón tay lại một lần nữa khẽ co lại, rồi lại nằm lặng. Trong giọng nói len vào nỗi khinh mạn mỏi mòn của một người từng trải quá lâu, đối mặt với sự hăm hở mù quáng của hy vọng. "Thằng nhãi, non nớt, đừng nói với ta về cuộc sống mà ngươi chưa từng sống. Ngươi biết gì về gánh nặng đè lên một vị vua thất bại trước người dân của mình, một nghệ nhân thất bại trước tài năng của mình? Đời là một trò lừa dài dằng dặc, đầy những lời hứa chẳng bao giờ giữ, sai lầm chẳng thể sửa, những thiếu sót chẳng thể bù đắp. Ta đã cố quên càng nhiều về đời mình càng tốt. Hãy rời đi, để ta được yên mà quên nốt phần còn lại."

Will đứng bất động, chết lặng, bị giọng nói khàn khàn đầy tự khinh miệt kia giam chặt, thì Bran tiến lên ngang hàng với cậu. Và mọi giác quan của Will bỗng réo lên rằng một sự thay đổi vừa bắt đầu; từ khoảnh khắc này, Bran sẽ không còn chỉ là cậu bé bạch tạng kỳ lạ với đôi mắt màu hổ phách, sống lặng lẽ trong một thung lũng xứ Bắc Wales nơi dân làng nhìn cậu với ánh mắt lạ lùng và lũ trẻ con chọc ghẹo mái tóc trắng và làn da nhợt nhạt nữa.

"Gwyddno Garanhir," Bran cất giọng trầm lạnh như băng, âm sắc xứ Wales vang lên rõ rệt, "ta là Pendragon, và định mệnh của Ánh Sáng nằm trong tay ta – hoặc được giữ gìn, hoặc bị đánh mất. Ta không chấp nhận tuyệt vọng. Eirias là quyền thừa kế bẩm sinh của ta, được ngài tạo nên theo lệnh phụ thân ta. Thanh gươm pha lê ấy hiện ở đâu?"

Will run lên, móng tay bấu vào lòng bàn tay.

Rất chậm rãi, người trên ghế hơi nghiêng mình về phía trước và quay lại phía chúng, và chúng nhìn thấy gương mặt nhà vua – đúng như chúng đã thấy trong vầng cầu vồng trên đài phun nước trong vườn hồng, một thời điểm vừa gần mà vừa xa. Không thể nhầm được: một gương mặt gầy guộc với đôi gò má cao như cánh chim và những nếp nhăn hằn sâu nơi da thịt vì nỗi buồn. Những rãnh tuyệt vọng lớn đổ dài từ sống mũi xuống quai hàm, và bóng tối quẩn quanh mắt như những vũng hồ trên núi. Nhà vua nhìn Will trước, rồi đến Bran. Gương mặt ông thay đổi.

Ông ngồi bất động, đôi mắt u tối chăm chăm nhìn. Một khoảnh khắc dài im lặng, rồi nhà vua thì thầm nói, "Nhưng đó là một giấc mơ."

Gwion nhẹ giọng, "Giấc mơ gì, thưa bệ hạ?"

Nhà vua quay đầu về phía Gwion; nơi ông bỗng hiện ra một sự ngây thơ đến tan lòng, như một đứa trẻ nhỏ đang kể bí mật cho bạn thân.

"Ta mơ, không ngừng, người hát rong của ta," ông nói. "Ta sống trong những giấc mơ – chúng là điều duy nhất sự trống rỗng này chưa chạm tới. Ôi, đôi khi chúng đen tối và khủng khiếp, những cơn ác mộng từ địa ngục… Nhưng phần lớn là tuyệt diệu, đầy hạnh phúc, niềm vui đã mất, và sự hoan hỷ trong việc tạo ra, trong việc được sống. Không có giấc mơ, chắc ta đã phát điên từ lâu."

"À," Gwion chua chát nói, "điều đó đúng với nhiều người trong thế gian này."

"Và ta đã mơ," nhà vua nói, ánh nhìn một lần nữa đầy kinh ngạc hướng về phía Bran, "về một cậu bé tóc trắng sẽ đến và mang theo cả kết thúc lẫn khởi đầu. Con trai của một người cha vĩ đại, mang trong mình toàn bộ sức mạnh của cha mình và còn hơn thế nữa. Ta cảm thấy như thể từng quen biết người cha ấy, rất lâu rồi – dù ta không thể nói là ở đâu hay khi nào, qua màn sương mù mà sự trống rỗng đã phủ lên tâm trí ta. Cậu bé tóc

trắng ấy… trong giấc mơ của ta, toàn thân cậu không có màu sắc nào, đầu tóc trắng, lông mày trắng, lông mi trắng, và cậu đeo những vòng tròn kính sẫm màu để che mắt khỏi ánh mặt trời, nhưng khi bỏ kính ra người ta sẽ thấy đôi mắt ấy bị mê hoặc – đôi mắt vàng của một con cú."

Ông đứng lên, chống một tay vào thành ghế, run rẩy đỡ lấy thân hình gầy guộc. Gwion lao tới định đỡ, nhưng nhà vua giơ tay kia lên cản lại.

"Cậu bé ấy chạy đến," ông nói, "cậu chạy băng qua căn phòng kia đến chỗ ta, ánh nắng chiếu vào mái tóc trắng của cậu và cậu cười với ta, và đó là âm nhạc đầu tiên thuộc loại ấy mà lâu lắm rồi, thật lâu rồi, lâu đài này mới được nghe." Trên gương mặt vốn cứng như đá có một chút dịu lại, như ánh nắng nhạt le lói qua mây xám. "Cậu mang đến một kết thúc, nhưng cũng là một khởi đầu. Cậu xua tan linh hồn vất vưởng ở chốn này. Trong giấc mơ, cậu quỳ xuống trước ta, và cậu nói –"

Bran khẽ bật cười; Will cảm thấy toàn bộ sự căng thẳng giận dữ trong cậu đã tan biến. Cậu bé tóc trắng tiến lên vài bước, quỳ xuống trước nhà vua, mỉm cười ngước nhìn ông và nói, "Và cậu nói: Có năm chướng ngại cần vượt qua để tới được thanh gươm pha lê, và chúng được nói trong năm dòng chữ được viết bằng lửa vàng ngay trên chính thanh gươm. Bệ hạ muốn nghe tôi nói chúng là gì không?"

Nhà vua đứng đó nhìn xuống cậu, trong mắt bừng lên sinh khí chưa từng có. "Và ta đã nói: Có, hãy nói cho ta."

"Và khi tôi nói xong," Bran ngước nhìn thẳng vào mắt ông, không còn đang lặp lại lời trong mộng nữa, "đó sẽ là lúc chướng ngại thứ năm sụp đổ, thưa bệ hạ, đúng không? Vì chúng tôi đã vượt qua bốn chướng ngại rồi – những lời kia là minh chứng. Và nếu tôi có thể phá vỡ tuyệt vọng của ngài, ngôi mộ chôn vùi mọi hy vọng, thì liệu ngài có để tôi lấy thanh gươm không?"

Nhà vua nói, mắt dán chặt vào Bran, "Khi đó nó sẽ là của cậu."

Bran chậm rãi đứng lên trước mặt ông, hít một hơi, và những lời cất lên như khúc ca du dương trong thanh âm xứ Wales của cậu:

"Ta là cái nôi của mọi rừng cây, ta là ánh lửa trên mọi đỉnh đồi,

Ta là nữ hoàng của mọi tổ ong, ta là tấm khiên cho mọi mái đầu,

Ta là nấm mồ chôn mọi hy vọng – ta là Eirias!"

Và vua Gwyddno thở ra một hơi dài, thật dài, như tiếng sóng biển xô lên cát, và đột nhiên tấm bình phong gỗ chạm khắc dựa vào vách tường mái vòm đổ sập làm đôi, nằm dài trên sàn. Và trên bức tường đá vằn vện phía sau, trong những chữ cái vàng rực rỡ, chúng thấy rõ những dòng mà Bran vừa đọc vang lên, và bên dưới những dòng chữ ấy, đặt trên một phiến đá phiến xám, là thanh gươm pha lê sáng lấp lánh như một mảnh băng.

Nhà vua chậm rãi, cứng nhắc bước qua lớp chiếu cói trải trên sàn nhẵn nhụi; trên lưng áo choàng xanh đậm ông mặc phủ lên áo trắng, chúng thấy huy hiệu hoàng gia với hoa hồng và những con cá nhảy được thêu bằng chỉ vàng. Vua Gwyddno cầm thanh kiếm trong tay, quay thân hình rũ rượi đầy u uất về phía chúng. Ông dùng một ngón tay lần theo mặt phẳng được chạm khắc của lưỡi kiếm, như không tin được mình đã từng tạo ra một vật tuyệt mỹ đến thế. Rồi ông nắm chuôi kiếm bằng tay cầm ngang, để mũi kiếm chúc xuống, và đưa thanh kiếm ra cho Bran.

"Hãy để ánh sáng trở về với Ánh Sáng," ông nói, "và Eirias đến với người thừa kế của nó."

Bran đón lấy thanh kiếm từ chuôi, xoay nó cẩn thận để mũi kiếm giờ đây chỉ thẳng lên trời. Ngay lập tức, với Will, cậu dường như cao hơn, uy nghi hơn; ánh nắng rực rỡ chiếu lên mái tóc trắng của cậu.

Từ nơi nào đó ngoài tháp vọng đến một tiếng động dài và trầm, như tiếng sấm từ xa vọng lại.

Nhà vua nói vô cảm, "Giờ thì điều gì đến cứ đến."

Ông đột ngột đưa tay lên trán và xoa. “Đã từng có… từng có một bao kiếm. Gwion? Ta đã làm một bao kiếm cho thanh kiếm này?”

Nụ cười của Gwion bừng sáng trên gương mặt ông, “Ngài đã làm, thưa bệ hạ, bằng da và vàng. Và hẳn đã có một sự phá vỡ của cơn trống rỗng, như ngài vẫn gọi, trong tâm trí ngài – nếu không ngài đã không thể nhớ được điều đó.”

“Nó là…” Trán nhà vua nhăn lại, ông nhắm nghiền mắt như đang chịu đựng cơn đau. Rồi đột ngột, ông mở mắt và chỉ về phía bên kia căn phòng vòm, nơi có một chiếc rương gỗ màu sáng với hình người cưỡi cá được vẽ bằng mực xanh lam trên sườn rương.

Gwion đi tới chiếc rương, mở nắp. Sau một lúc, ông nói, “Có ba món đồ.” Giọng ông vang lên âm sắc lạ kỳ, mang theo cảm xúc mà Will không thể hiểu thấu.

Nhà vua mơ hồ nói, “Ba?”

Gwion rút ra một bao kiếm và dây đeo làm bằng da trắng, được nạm những dải vàng. “Để làm dịu ánh sáng một chút,” ông nói, mỉm cười, trao cho Bran.

“Bran,” Will chậm rãi lên tiếng, lắng nghe những xao động mơ hồ từ trong tâm trí mình. “Tớ nghĩ… cậu chưa nên tra kiếm vào bao, ít nhất là lúc này.”

Bran, cầm kiếm và bao trên hai tay, ngước nhìn cậu với đôi mày nhướng lên, đầu hơi nghiêng một cách kiêu kỳ – một vẻ chưa từng có trước đây. Rồi cậu khẽ rùng mình và lại là Bran như mọi khi, chỉ đáp đơn giản, “Được thôi.”

Gwion vẫn đứng bên rương nói, “Và còn – cái này nữa.” Giọng ông run lên, cả tay cũng run, khi ông rút ra một cây đàn hạc nhỏ sáng lấp lánh. Ông nhìn sang phía nhà vua. “Chỉ mới vài khoảnh khắc trước, thưa bệ hạ, thần đã ước có cây đàn hạc thần để lại trong Thành Phố, để được đàn cho ngài như những ngày xưa.”

Nhà vua mỉm cười, đầy yêu thương. “Chiếc đàn ấy cũng là của ngươi đấy, người hát rong. Lâu lắm rồi, ta đã làm nó cho ngươi, vào những ngày đầu trong tòa tháp này, khi ta vẫn còn đang vật lộn với tuyệt vọng, vẫn cố gắng để tiếp tục sáng tạo…” Ông lắc đầu, ngỡ ngàng. “Ta đã quên mất, vì quá lâu rồi… Ta đã chọn cách cô lập, để tất cả mọi người đều bị bánh xe ngăn lại không thể vào được nơi này, thế nhưng ta nhớ ngươi và tiếng đàn của ngươi đến mức đã làm ra chiếc đàn ấy. Cho Gwion của ta, cho Taliesin của ta, cho người nhạc sĩ của ta.”

“Và thần sẽ chơi nó cho ngài nghe, chẳng bao lâu nữa,” Gwion nói.

“Ngươi sẽ thấy nó vẫn còn đúng điệu,” nhà vua nói, nụ cười ông ánh lên niềm kiêu hãnh của người thợ với tác phẩm do chính tay mình tạo nên.

Gwion đặt chiếc đàn xuống rồi thò tay vào rương thêm một lần nữa; ông lấy ra một chiếc túi da nhỏ thắt cổ bằng dây rút. “Đây là vật thứ ba,” ông nói, “nhưng ta không biết nó là gì.”

Ông mở miệng túi, và một dòng những viên đá nhỏ màu lam-xanh lục lăn vào lòng bàn tay còn lại, trơn nhẵn, bóng loáng, tròn trịa như thể đã được sóng biển mài dũa. Một viên rơi xuống sàn; Will cúi nhặt lên, xoay tròn nó trong lòng bàn tay, nhìn những hoa văn màu sắc loang loáng trên hình dạng không đều của nó.

Nhà vua liếc nhìn đống đá một thoáng. “Đẹp, nhưng vô giá trị,” ông nói. “Ta không nhớ đã từng thấy chúng.”

“Có lẽ khi xưa ngài định dùng chúng để sáng tạo điều gì đó.” Gwion đổ những viên đá trở lại túi; Will đưa viên đá rơi cho ông.

Gwion bất ngờ mỉm cười với cậu. “Giữ lấy đi,” ông nói nhẹ nhàng. Ông chọn một viên khác đưa cho Bran. “Và một viên cho cậu nữa, Bran. Mỗi người nên mang theo một bùa hộ mệnh. Một mảnh giấc mơ mang ra khỏi Vùng Đất Mất Tích.”

Nhà vua khẽ nói, mơ hồ, “Mất… mất rồi…”

Âm thanh ầm ì vang lên lần nữa ở phía xa, lần này to hơn. Mặt trời bỗng tắt lịm, ánh sáng đang chiếu qua mái vòm dần tan biến, và vòm trời bỗng tối hẳn.

Bran nhìn quanh. “Chuyện gì vậy?”

“Là khởi đầu,” nhà vua nói. Giọng ông giờ đây mạnh mẽ hơn, sống động hơn như chính gương mặt ông cũng đã sống lại, và dù trong đó vẫn là vẻ cam chịu quen thuộc, thì giờ không còn một chút nào của nỗi tuyệt vọng đen ngòm như trước.

Will nói, theo bản năng, “Chúng ta không thể ở lại dưới mái vòm này được.”

Gwion thở dài. Ông nhìn Will với vẻ trìu mến và chua chát, một ánh nhìn Will mãi không bao giờ quên được: đôi môi rộng hài hước như kéo dài xuống thành nét buồn qua những nếp nhăn chạy từ mũi tới cằm; đôi mắt sáng rỡ, mỉm cười; mái tóc hoa râm xoăn tít; cùng với một vệt đen lạ thường trong chòm râu xám. Will thầm nghĩ: *Ta quý cậu.*

“Đi thôi,” Gwion nói. Ôm chiếc đàn trong tay, ông bước tới một phần của bức tường cong tưởng như không khác gì những chỗ khác, vươn tay lên và chỉ với một cú kéo mạnh, đẩy nguyên cả một mảnh hình nêm sang một bên. Một lối mở há ra như một cánh cửa hình tam giác. Bên ngoài, bầu trời sẫm một màu xám đậm.

Gwion bước ra, xuống một ban công. Will theo sau ông, thấy một lan can bằng vàng, giống hệt như chiếc ban công bao quanh mái vòm của Cung Điện Hoang Vu tại Thành Phố. Nhưng khi cậu nhìn ra từ trên tháp, mọi suy nghĩ khác đều tan biến.

Phía tây, trên biển, một khối mây đen khổng lồ đang tích tụ: nặng nề, cuồn cuộn, có màu xám vàng. Nó dường như quằn quại, phình ra và lớn dần như một sinh thể sống. Ngón tay Will siết chặt dây đeo tấm khiên vàng cậu vẫn mang trên tay. Bran bước ra ban công phía sau cậu, và cuối cùng là nhà vua: giờ đã yếu ớt, phải vịn vào khung cửa, hơi thở trở nên dồn dập như thể

luồng không khí trong lành bên ngoài quá xa lạ với lá phổi của ông, sau một khoảng thời gian quá dài.

Tiếng ầm ì trầm thấp vẫn tràn ngập không gian, tràn vào như một làn sương từ chân trời phía tây, nơi đám mây lớn cuồn cuộn. Nhưng đó không phải tiếng sấm; nó là một âm thanh sâu hơn, khẩn thiết hơn, khác biệt với bất kỳ âm thanh nào Will từng nghe.

“Hãy sẵn sàng,” Gwion nói khẽ, phía sau cậu.

Will quay lại và thấy cậu đang nhìn thẳng vào đôi mắt đen nhăn nheo vì hay cười. Cậu thấy sự điềm tĩnh và tự chủ trong đó, nhưng ẩn sâu bên dưới tất cả là một tia sợ hãi trống rỗng đến lạnh người.

“Đó là gì vậy?” cậu thì thầm.

Gwion búng lên đàn, những âm thanh rải rác dịu dàng tuôn ra như làn nước. Ông nói, nhẹ như một câu đùa bâng quơ, ánh mắt van nài Will hãy phớt lờ nỗi kinh hoàng đằng sau: “Là cái chết của Vùng Đất Mất Tích, Cổ Nhân à. Nó phải đến, khi thời khắc đã điểm.” Những ngón tay ông bắt đầu dệt nên một giai điệu nhẹ nhàng, và nhà vua, đang tựa vào bức tường bóng loáng của mái vòm, khe khẽ thốt lên một lời hài lòng.

Âm thanh ầm ì từ đường chân trời phía tây dâng cao. Một luồng gió thổi qua má chúng, làm rối tung tóc: một cơn gió ấm lạ kỳ. Will ngẩng đầu, hít lấy; đột ngột, không khí mùa hè tràn ngập mùi biển, muối, cát ướt và rong xanh. Ánh sáng dần tắt, mây xám phủ kín bầu trời. Cậu nghe một âm thanh khe khẽ phía trên đầu, giống như tiếng vật gì đó rít lên, và ngẩng nhìn. Trên đỉnh mái vòm, mũi tên vàng vẫn lấp lánh dù ánh sáng đã nhạt, đang xoay tròn nhẹ: quay trọn một vòng, cho đến khi nó chỉ về đất liền, quay lưng lại với biển. Một tia sáng lấp lánh nơi bầu trời sau mũi tên thu hút ánh mắt Will, cậu há hốc miệng, và thấy Bran cũng đang nhìn chăm chăm.

Xa ngoài kia, bên kia Vùng Đất Mất Tích, trên những mái nhà của Thành Phố vẫn còn mờ mịt trong ánh sáng tàn, những

chùm sáng bỗng bắn lên như đài phun nước, bùng cháy trong khoảnh khắc rồi vụt tắt. Như những vì sao nổ tung, pháo hoa vút lên, vẽ vòng cung rực rỡ trong đêm: đỏ, xanh, vàng, lam, rực rỡ chói lòa trên nền trời tối sầm. Có một niềm vui vô úy tuyệt diệu trong ánh sáng bất ngờ ấy, như thể trẻ con đang ném những cành củi cháy sáng từ một đống lửa vào đêm đen hoang dại. Will thấy mình mỉm cười mà nước mắt rưng rưng; và ngay trong khoảnh khắc ấy, cậu nghe thấy, rất mơ hồ, bên trên tiếng gầm thấp từ phía tây, tiếng chuông reo vang vui sướng, đâu đó trong Thành Phố. Gwion lặng lẽ đổi giai điệu và nhịp của khúc nhạc, để tiếng đàn của ông hòa vào với tiếng chuông, và Will thở gấp khi đứng trên ban công nhìn khắp trời u ám, biển đen và pháo hoa rực rỡ thách thức cả hai. Cậu ngập tràn một cảm xúc cuồng nhiệt vừa là sợ hãi vừa là khoái lạc, trong sự thách thức khinh miệt mà những tia sáng ấy tung ra trước số phận tất yếu của mình.

Biển trở nên tối sầm như bầu trời; một tiếng ầm ầm mới vang lên khi những con sóng trỗi dậy, đỉnh sóng phẫn nộ nhấp nhô từ xa, tung bọt trắng xóa. Gió thổi mạnh hơn, hất tóc nhà vua phủ lên mặt ông. Will giơ tấm khiên lên che chắn. Gwion, vẫn gảy đàn, lùi dần về phía cánh cửa trong mái vòm, dẫn theo nhà vua đang tựa vào tường đi phía trước. Rồi với một tia sét chói lòa và tiếng gầm vang trời, biển gào thét dữ dội, một bức tường nước khổng lồ ập về phía họ từ biển, tràn qua cát và đầm lầy, nuốt chửng cây cối, đất đai, và dòng sông, lan rộng, xoáy tròn, hoang dại. Bran siết chặt tay Will, và Will thấy, khi quay lại, thanh kiếm Eirias đang phát sáng trắng xanh, như thể bừng cháy từ ngọn lửa bên trong.

Trên nền trời đen phía trên Thành Phố, pháo hoa bỗng ngưng lại, và âm thanh của chuông trở thành một tiếng hỗn độn chói tai, rối loạn trên nền giai điệu du dương của Gwion. Rồi chúng cũng đột ngột im bặt. Nhưng nhạc của Gwion vẫn tiếp tục. Biển đập vào tháp ở đâu đó bên dưới; chúng cảm thấy nền đất rung chuyển dưới chân. Sóng tiếp sóng gào lên, biển dâng cao hơn, giọng nhà vua vang lên giữa cơn gió ấm nồng: “Mất rồi! Mất rồi!”

Và từ biển dữ dội ấy, không thể tin nổi, một con thuyền chắc chắn xuất hiện, trườn xiên trên những con sóng khổng lồ, với người thuyền trưởng tóc đen và cánh buồm nâu căng gió, và từ vị trí bên bánh lái, người thủy thủ vươn tay về phía Will và Bran, vẫy gọi chúng, khoảnh khắc ấy boong tàu gần như ngang với ban công của tòa tháp.

“Đi đi!” Gwion hét lên với chúng; ông đứng nghiêng người, vai chống đỡ vị vua đang lả dần.

“Không có ông thì chúng tôi sẽ không đi đâu hết!”

“Ta thuộc về nơi này!” Chúng chỉ kịp thấy tia cười cuối cùng loé lên trên gương mặt râu ria mờ tối. “Đi đi, Bran! Hãy cứu lấy Eirias!”

Và lời nói ấy giáng vào Bran như một cú thúc, cậu nắm lấy Will và nhảy cùng cậu lên con thuyền đang chao đảo chỉ cách một cánh tay. Chiếc thuyền lao xuống sườn một con sóng; chỉ trong khoảnh khắc chúng còn nghe tiếng đàn hạc ngọt ngào, mờ nhạt của Gwion vang lên giữa tiếng gầm rú của biển khơi, trước khi một tia sáng lóe lên rực rỡ, chói lòa, bổ xuống từ bầu trời, đánh trúng ngọn tháp, xé toạc mái vòm thành hai mảnh, và mũi tên vàng trên nóc bị quật bay khỏi đó như thể nó bỗng hóa thành một vật sống đầy ác ý, lao vút xuống các con sóng, nhắm thẳng vào chúng.

Theo bản năng không phải của riêng mình, Will giơ cao tấm khiên vàng bằng cả hai tay, và mũi tên chớp lóa đánh trúng tấm khiên, rồi trong một luồng sáng vàng chói loà, cả hai cùng biến mất, quật Will ngã ngửa ra phía sau trên con thuyền đang nhảy nhót.

Đầu cậu ong lên, mắt nhoà đi. Cậu thấy Bran đứng phía trên đầu cậu, tay cầm thanh gươm đang cháy ánh xanh lam rực rỡ; cậu nghe tiếng sóng gào, thấy gương mặt gầy gò đen sạm của người lái đò méo mó vì gắng sức, khi ông cố giữ cho con thuyền thoát khỏi hiểm nguy. Thế giới chao đảo và gào rú trong một cơn hỗn mang vô tận, không còn khái niệm thời gian.

Và rồi có một cú lắc dữ dội khiến Will hoàn toàn mất hết ý thức. Khi mở mắt ra, cậu thấy mình đang ở trong một thế giới ngập ánh sáng xám dịu và âm thanh êm đềm — tiếng sóng nhỏ rì rào trên bãi biển, và cậu cùng Bran đang nằm trên một dải cát dài, giữa buổi sáng tinh khôi, dưới bầu trời xanh nhạt pha trắng. Thanh gươm pha lê trắng muốt ánh lên trong tay Bran, vỏ kiếm nằm cạnh bên. Bãi biển rộng mênh mông kéo dài về phía cửa sông Dyfi; những đụn cát xanh nhạt lấp lánh ở mép xa, và bên kia, trên những ngọn núi và mái ngói xám của Aberdyfi, mép vàng đầu tiên của mặt trời đang nhô lên từ phía chân trời.

PHẦN BỐN: CÂY HẠ CHÍ
BÌNH MINH

Jane đã rời khỏi khách sạn trước năm giờ sáng, khi mọi người còn đang say ngủ. Cô không gọi các anh em trai dậy. Một cách vô lý nhưng mạnh mẽ, cô cảm thấy rằng khi Merriman nói, "Hãy có mặt trên bãi biển lúc bình minh," ông đã nói riêng với cô. Còn các cậu con trai, cô nghĩ, có thể đến sau, vào lúc nào đó của riêng họ.

Vậy nên cô lặng lẽ bước ra ngoài, vào buổi sớm xám nhạt, băng qua con đường và đường ray tĩnh lặng, chỉ nghe thấy tiếng sóng biển như tiếng sấm xa vọng lại từ bãi biển phía bên kia. Một chục con thỏ hoảng hốt nhảy dựng khi cô băng qua đường ray, những chiếc đuôi trắng của chúng lắc lư. Thỉnh thoảng, tiếng gọi trầm của một con cừu vọng xuống từ ngọn núi. Buổi sáng không màu, lạnh buốt; Jane rùng mình, dù đã mặc áo len, rồi chạy băng qua sân gôn nhấp nhô để hướng tới những cồn cát cao. Rồi cô leo lên, đi qua những đám cỏ marram dài và cứng, cát sẫm màu vì sương sớm lùa qua đôi dép, cho đến khi bước cuối cùng đưa cô thở hổn hển lên đỉnh của cồn cát cao nhất — nơi thế giới mở ra trước mắt cô, một dải cát nâu rộng lớn và biển xám mênh mông, chân trời phẳng tan vào sương mù nơi vịnh Cardigan dang rộng tay ôm lấy cả biển lẫn trời.

Có gì đó nằm ngay dưới chân cô, trên đỉnh cồn cát; nhìn xuống, Jane thấy một con thỏ nâu nhỏ. Mắt nó mở trừng, không chớp; nó đã chết. Khi cô bước qua, cô giật mình nhận ra bụng con thỏ đã bị xé toang, ruột gan bị lôi ra ngoài, còn phần thân mềm mại phủ lông thì bị hất sang một bên như một vật vô nghĩa.

Jane tiếp tục bước xuống cồn cát bằng những bước trượt dài, bắt đầu tự hỏi lần đầu tiên rằng cô nên trông đợi điều gì khi mặt trời mọc.

Cô băng qua lớp cát khô phía trên vạch thủy triều, đầy dấu chân lộn xộn của khách du lịch và chó từ hôm qua. Đột nhiên cảm

thấy bản thân thật dễ tổn thương, cô tiến ra xa hơn, tới vùng cát rộng mênh mông trơ trọi mà thuỷ triều để lại ở cửa sông Dyfi khi rút, trải dài hàng chục dặm dọc bờ biển. Trước mặt cô không có gì ngoài biển và trời xám xịt, cùng đường viền sóng ầm ì cuộn trắng. Qua đôi dép, cô cảm nhận được những gờ sóng cứng đọng lại trên mặt cát.

Bầy mòng biển đang nghỉ đêm chậm rãi cất cánh khi cô đến gần vùng cát ướt mịn sát biển hơn. Những con chim choi choi nhỏ chao lượn, kêu ríu rít. Quanh bất cứ đống rong biển nào còn lại sau thủy triều, hàng nghìn con bọ cát nhảy loạn lên, một màn sương chuyển động kỳ lạ giữa không gian tĩnh lặng. Dấu vết của những cuộc xáo trộn khác đã khắc lại trên cát: vết cào, vỏ sò vỡ nát, nơi những con mòng biển đói đã bắt được những sinh vật thân mềm không kịp chôn mình xuống cát. Đâu đó, vài con sứa khổng lồ bị mắc cạn, thân thể trong suốt bị xé toạc từng mảng bởi những chiếc mỏ tham lam. Ngoài khơi, những cánh chim lượn êm ái trong yên bình. Jane lại rùng mình.

Cô rẽ sang trái, đi về phía góc cát lớn nơi sông Dyfi đổ ra biển. Một lớp nước mỏng đang tràn nhanh về phía chân cô; thủy triều đang lên, mỗi phút nước lại dâng hơn cả một bước chân trên vùng cát phẳng này. Đứng nơi góc cửa sông, Jane dừng lại, lẻ loi giữa bãi biển mênh mông, cảm thấy nhỏ bé như một con sò dưới bầu trời trống rỗng. Cô quay nhìn vào đất liền, về ngôi làng Aberdyfi nằm bên dòng sông, với những dãy núi vươn lên hai bên, và cô thấy bầu trời trên những mái nhà đá xám tụ lại hồng nhạt và xanh lơ, đám mây đỏ ối chồng lên nhau.

Và rồi, phía sau Aberdyfi, mặt trời lên.

Trong luồng sáng vàng trắng rực rỡ, quả cầu rực cháy trồi lên từ lòng đất, và Jane quay người lại phía biển. Mọi gam màu xám đã biến mất. Biển bỗng rực xanh, những đỉnh sóng cuộn ánh trắng chói lóa; mòng biển sáng rực trên không và thành hàng dài nghỉ ngơi trên dải cát vàng ở cửa sông — nơi mà trước đó còn chẳng nhìn thấy được. Bóng cô nằm dài và mảnh trên mặt cát, vươn ra phía biển. Mỗi vỏ sò đều có bóng riêng của mình, mỗi sợi rong,

từng gợn sóng cát cũng vậy. Chỉ những dãy núi phía bên kia cửa sông vẫn tối âm u, tan vào mây; dưới chân núi là một dải sương trắng dài bao phủ dòng sông.

Trên bầu trời xanh phía trên, những dải mây cao trôi nhanh vào đất liền, hàng nối hàng, nhưng luồng gió mà cô cảm nhận đang thổi ngược lại, từ đất liền ra biển, lạnh ngắt trên mặt cô.

Dưới ánh mặt trời, Jane nhìn rõ những dấu chân nhỏ khắc như chữ tượng hình trên cát: hình mũi tên của mòng biển, những vệt rối rắm của chim choi choi và chim lật đá. Một con mòng biển lưng đen sà qua đầu, tiếng kêu vang lên như tiếng cười dài rền rĩ, kết thúc bằng tiếng khò khè. Tiếng rít vang lên từ mép biển. Nước tràn vào nhanh hơn, nhanh hơn nữa, phủ lên cát phẳng. Và rồi, Jane cũng bắt đầu chạy, tránh xa biển, hướng về phía mặt trời. Mây bay qua đầu cô nhanh hơn bước chạy của cô, lao về phía đông; nhưng gió vẫn thổi vào mặt cô, ngày càng mạnh, nâng cát lên thành từng vệt dài. Nó thổi vào mắt cô như một màn sương mịn đầy gai; cô chạy chậm lại, khom người, loạng choạng chống lại gió, chỉ còn nhìn thấy những vệt cát sáng tung bay.

Có tiếng gọi tên cô; Jane thấy Simon và Barney đang chạy về phía cô từ các cồn cát. Cô nghĩ: cả hai đến sớm hơn cô tưởng… Nhưng có điều gì đó thôi thúc cô lờ đi, tiếp tục chạy; dù khi hai người đã theo kịp, cô vẫn phóng về phía trước, về phía đông, lao mình vào gió, với hai cậu bé chạy bên cạnh.

Và rồi chúng khựng lại khi thấy hai bóng người hiện ra trước mắt qua làn cát bay, in lên mặt trời chói lòa như những bóng ma trong màn sương vàng. Những dải mây che phủ mặt trời, ánh sáng rực rỡ tắt ngấm, màu sắc rút lui, và trước mặt chúng là Will và Bran. Và nổi bật trên chiếc áo len trắng và quần jean, Bran cầm trong tay một thanh gươm rực rỡ.

Barney gào lên đầy vui sướng: “Anh đã lấy được nó rồi!”

“Ê!” Simon tươi cười nói.

Jane thều thào, “Ôi trời. Các cậu không sao chứ?” Rồi cô nhìn thấy thanh gươm. “Ôi Bran!”

Gió rít qua bãi biển, lạnh mà giờ đã dịu hơn, cuốn những vệt cát nhám qua chân chúng. Bran giơ thanh gươm ra phía trước, nghiêng đi, xoay lưỡi gươm hai cạnh để dù dưới bầu trời phủ mây, mặt lưỡi khắc vẫn lấp lánh. Chúng thấy một lõi vàng mảnh chạy dọc giữa lưỡi gươm pha lê, chuôi kiếm bằng vàng phía sau thanh chắn khảm xà cừ lộng lẫy.

“Eirias,” Bran nói. “Đúng, rất đẹp.” Cậu đang nheo mắt nhìn vào lưỡi gươm; kính râm không còn, và không có chúng, gương mặt cậu trông trống trải lạ thường, trắng bệch. Cậu xoay người về phía đất liền, thanh kiếm xoay theo tay cậu như thể đang dẫn đường. “Eirias, rực cháy. Thanh gươm của bình minh.”

“Hướng về phía bình minh,” Will nói.

“Đúng thế!” Bran nhìn Will thật nhanh, như vừa được giải thoát. “Nó thật sự quay về phía đông, Will. Nó… kéo đi vậy đó.” Cậu giơ thanh kiếm lên chỉ về phía ánh sáng lấp ló sau lớp mây — nơi mặt trời vừa mọc.

“Thanh kiếm biết lý do vì sao nó được rèn ra,” Will nói. Jane nghĩ: trông cậu ấy mệt mỏi lạ kỳ — như thể sức lực đã cạn kiệt — còn Bran thì ngược lại, tràn trề sinh lực, căng như dây đàn.

Thế giới bừng sáng, chan hòa màu sắc khi mặt trời bất ngờ hé rạng ra một thoáng qua kẽ mây. Thanh kiếm lóe sáng.

“Tra nó vào bao, Bran!” Will bỗng nói.

Bran gật đầu, như thể chính cơn cảnh giác chợt đến ấy cũng vừa lướt qua tâm trí cậu, và chúng kinh ngạc quan sát khi cậu có vẻ như đang diễn lại động tác nâng lên rồi đút kiếm vào một bao kiếm tưởng tượng, trên một dây đai tưởng tượng đeo bên hông. Nhưng khi cậu đẩy thanh kiếm xuống, nó biến mất. Jane, miệng há hốc, nhìn chằm chằm thì bắt gặp ánh mắt Bran đang hướng về cô. “À, Jenny,” cậu khẽ nói. “Cậu không nhìn thấy nó nữa phải không?”

Cô lắc đầu.

“Vậy thì chắc… người bình thường khác cũng sẽ không thấy,” Simon nói. Barney hỏi, “Thế còn Bóng Tối thì sao?”

Jane thấy cả Bran lẫn Will theo phản xạ ngẩng lên, cảnh giác, nhìn ra biển. Cô cũng quay lại, nhưng chỉ thấy dải ánh vàng cùng những con sóng trắng, và biển xanh đang lặng lẽ lấn dần vào bãi cát dài. Cô nghĩ, chuyện gì đang xảy ra với họ vậy?

Dường như để đáp lại, Will nói, “Có quá nhiều chuyện để kể. Nhưng giờ nó như một cuộc chạy đua.”

“Về phía đông à?” Bran hỏi.

“Về phía đông, nơi thanh kiếm dẫn đường cho chúng ta. Một cuộc chạy đua chống lại sự trỗi dậy.” Simon điềm đạm nói, “Bọn tớ phải làm gì?”

Mái tóc nâu thẳng của Will rũ xuống che mắt; gương mặt tròn của cậu đầy tập trung, căng thẳng, như thể đang vừa lắng nghe vừa nói, lặp lại lời từ một giọng nói bên trong. “Quay về đi,” cậu nói, “và các cậu sẽ thấy mọi việc… đã được sắp xếp sao cho không ai khác chen vào được. Và các cậu phải làm theo những gì đã được sắp đặt.”

“Ông Bác Merry sắp xếp à?” Barney nói, đầy hy vọng.

“Phải,” Will đáp.

Ánh nắng lại tắt, gió thì thầm. Ngoài xa, mây dày hơn, tối hơn, đang dồn lại.

“Sắp có bão,” Simon nói.

“Không phải sắp,” Bran nói. “Mà nó đã hình thành rồi, và đang tới.”

“Một điều nữa,” Will nói. “Bây giờ là thời khắc khó khăn nhất, bởi bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Các cậu đã thấy Bóng Tối hành động, cả ba người. Các cậu biết, dù nó không tiêu diệt được các cậu, nó có thể khiến các cậu tự hủy hoại bản thân. Thế nên –

chỉ có sự phán đoán của chính các cậu mới giữ các cậu đi đúng đường." Cậu nhìn cả ba đầy lo lắng.

Simon nói, "Bọn tớ biết." Gió thổi mạnh hơn; lại bắt đầu kéo giật lấy chúng, quất cát vào chân và mặt chúng. Mây đặc quánh phía nơi mặt trời vừa tắt, ánh sáng trở nên lạnh lẽo và xám xịt như lúc Jane mới đặt chân xuống bãi biển.

Cát cuộn lên thành những đám bụi lạ lùng từ các đụn cát, xoáy tít, và rồi bất chợt vang lên một âm thanh giữa làn sương vàng nâu ấy, một tiếng đập dội mơ hồ như nhịp tim, nhưng lan tỏa khắp nơi đến nỗi chúng không thể phân biệt được nó bắt đầu từ đâu. Jane thấy Will lập tức ngẩng đầu, cứng người cảnh giác, và Bran cũng quay phắt lại tìm kiếm như một con chó săn. Đột ngột, cả hai đứng tựa lưng vào nhau, trấn giữ bốn hướng, đề phòng và bảo vệ. Tiếng đập mỗi lúc một to, mỗi lúc một gần, và Bran bất ngờ giơ cao tay, rút thanh Eirias ra – ánh rực lên luồng sáng của chính nó. Nhưng cũng trong khoảnh khắc đó, âm thanh mơ hồ kia đã hóa thành tiếng sấm rền vang tứ phía, gần, rất gần, và từ giữa cơn lốc cát phóng ra một bóng người khoác áo choàng trắng cưỡi trên lưng ngựa trắng cao lớn. Kỵ Sĩ Trắng thúc ngựa phi vụt ngang qua chúng, chiếc mũ trùm trắng che kín mặt, áo choàng trắng uốn lượn, và đúng khoảnh khắc chúng giật mình tránh sang một bên, hắn nghiêng người cực nhanh từ trên yên, tung một cú đấm quật Simon ngã nhào xuống cát, vươn tay chụp lấy Barney…

…và biến mất.

Gió thổi, cát cuốn tung bay rồi vụt tan biến, và chẳng còn ai ở đó nữa.

"Barney!" Giọng Jane vỡ ra.

"Barney! Will – nó đâu rồi?"

Khuôn mặt Will méo mó vì lo lắng vừa chăm chú lắng nghe; cậu nhìn Jane một lần, lơ mơ, như thể không chắc cô là ai. Phất tay ra sau về phía cồn cát, cậu khàn giọng nói: "Quay lại đi – bọn mình sẽ tìm được nó."

Rồi cậu đứng bên Bran, cả hai cùng đặt một tay lên chuôi thanh gươm pha lê. Bran liếc nhìn Will như chờ lệnh; và Will nói: "Xoay," rồi không buông gươm, cả hai biến mất trong chớp mắt như chưa từng hiện diện. Tất cả những gì Jane và Simon có chỉ là một vệt bóng tối lờ mờ còn đọng lại trong mắt, sau khi nhìn vào ánh sáng chói lòa đã tan biến, vì trong khoảnh khắc cuối cùng, chúng đã thấy ngọn lửa xanh trắng bùng lên dọc lưỡi gươm.

"Các cậu ấy sẽ mang nó về," Simon khản giọng nói.

"Simon ơi! Chúng ta có thể làm gì?"

"Không gì cả. Hy vọng. Và làm theo lời Will dặn. Aaah!" Simon cúi đầu, chớp mắt liên tục. "Cát chết tiệt!"
Như thể đáp trả, cơn gió đột ngột tắt lặng, và cát xoáy rơi xuống bãi biển, nằm yên tuyệt đối, không còn dấu vết gì của trận gió dữ ngoài những gờ cát nhỏ dốc thoai thoải phía sau mỗi vỏ sò hay hòn sỏi lộ ra trên bãi.

Chúng lặng lẽ bước về phía đụn cát.

Trong đầu Barney không có gì rõ rệt ngoài cảm giác quay cuồng vì tốc độ, rồi dần dần là sự nhận thức mơ hồ về việc bị trói – hai tay bị buộc trước người, và một tấm vải che mắt. Rồi có những bàn tay thô bạo kéo cậu dậy, thúc cậu bước đi trên mặt đất đầy đá lởm chởm. Có lần cậu ngã, hét lên khi đầu gối đập vào tảng đá; những giọng nói bực bội vang lên bằng một thứ ngôn ngữ lạ, cộc cằn, nhưng sau đó có một bàn tay đỡ lấy cánh tay cậu để dìu đi.

Cậu nghe những mệnh lệnh mang hơi hướng quân sự, rồi đường đi trở nên bằng phẳng hơn; có tiếng cửa mở và đóng, rồi cậu bị chặn lại và tấm vải che mắt được gỡ ra.

Barney chớp mắt, thấy mình đang bị một khuôn mặt rắn rỏi râu rậm, đôi mắt đen sáng, chăm chú quan sát – ánh mắt khôn ngoan, sâu thẳm, khiến cậu liên tưởng đến Merriman. Người

đàn ông tựa vào một chiếc bàn gỗ nặng nề; ông ta mặc quần và áo gi-lê da bên ngoài chiếc áo len dày. Vẫn nhìn Barney, ánh mắt lướt từ khuôn mặt cậu xuống quần áo rồi lại trở lên, ông ta nói ngắn gọn bằng ngôn ngữ lạ kia.

“Tôi không hiểu,” Barney nói.

Mặt người đàn ông thoáng cứng lại. “Quả nhiên là người Anh,” ông ta nói. “Giọng nói khớp với mái tóc. Chúng đã đến mức phải dùng cả trẻ con làm gián điệp sao?”

Barney không nói gì, vì cậu biết cậu thực sự đang do thám, liếc nhìn từ khóe mắt để tìm hiểu xem mình đang ở đâu. Đó là một căn phòng thấp, tối, tường, sàn và trần đều bằng gỗ có xà ngang; qua cửa sổ, cậu thấy những bức tường đá xám bên ngoài.

Xung quanh là những người đàn ông có vẻ là lính; họ chỉ mặc một dạng áo giáp da thô bên ngoài quần áo mộc mạc, nhưng mỗi người đều mang dao bên hông, một số mang cung cao ngang người. Họ nhìn cậu với thái độ thù địch, vài người còn ánh lên sự căm ghét. Barney rùng mình vì sợ, khi thấy một người cứ sờ tay vào dao một cách bồn chồn. Cậu nhìn lên người đàn ông có đôi mắt tối với vẻ tuyệt vọng.

“Tôi không phải gián điệp, thật đấy. Tôi thậm chí còn không biết mình đang ở đâu. Tôi bị bắt cóc.”

“Bắt cóc?” Người đàn ông cau mày, khó hiểu.

“Bị đem đi. Bị bắt mang đi.”

Đôi mắt đen lạnh dần. “Bị bắt, mang đến tận pháo đài của ta, nơi duy nhất ở xứ Wales mà ngay cả đồng minh người Anh của ta cũng không dám đặt chân đến? Các lãnh chúa biên giới có ngu xuẩn thật, nhưng không ngu đến mức đó. Nói lại lần nữa đi, thằng bé, nếu ngươi còn muốn sống. Ta chưa thấy lý do gì để không nghe theo lời bọn lính của ta, chúng đang nóng lòng muốn treo cổ ngươi ngoài cửa kia trong vòng năm phút tới.”

Cổ họng Barney khô khốc, nuốt không trôi. Cậu thì thầm: “Tôi không phải gián điệp.”

Từ bóng tối phía sau người thủ lĩnh, gã đàn ông cầm dao buông lời khinh bỉ bằng ngôn ngữ lạ, nhưng một người khác đặt tay lên cánh tay gã rồi bước lên: một ông già, mặt nhăn nheo, da sạm nắng, tóc và râu trắng lưa thưa. Ông ta chăm chú quan sát Barney.

Đúng lúc ấy, một binh sĩ khác hấp tấp xông vào, nói nhanh bằng thứ tiếng lạ; người thủ lĩnh râu rậm bật ra một tiếng chửi giận dữ. Ông nói vài lời ngắn với ông già, gật đầu về phía Barney, rồi sải bước ra khỏi phòng, vài người lính theo sát bên.

Chỉ còn hai lính đứng canh cửa.

“Và ngươi bị bắt từ đâu, nhóc?” Giọng ông già nhẹ nhàng, lơ lớ, nặng âm sắc.

Barney buồn bã đáp, “Từ… rất xa.”

Đôi mắt sáng nhìn cậu đầy ngờ vực xuyên qua những nếp nhăn. “Ta là Iolo Goch, thi sĩ của Vương tử, và ta biết người đó rất rõ, nhóc à. Ngài vừa nhận tin xấu, và điều đó sẽ không giúp gì cho tâm trạng của ngài. Khi ngài quay lại, ta khuyên ngươi hãy nói thật.”

“Vương tử?” Barney nói.

Ông già nhìn cậu lạnh lùng, như thể Barney đang xúc phạm danh hiệu kia. “Owain Glyndŵr,” ông nói, đầy tự hào lạnh giá. “Vương tử, đúng vậy. Owain ap Gruffydd, Lãnh chúa vùng Glyndyvrdwy và Sycharth, Yscoed và Gwynyoneth, và giờ trong cuộc khởi nghĩa vĩ đại này được tôn xưng làm Vương tử xứ Wales. Cả xứ Wales đều đứng sau ngài ấy chống lại người Anh, và Henry Plantagenet không thể bắt được ngài, cũng không giữ nổi những lâu đài Anh tại đây, hay các thị trấn mà chúng gọi là đô thị Anh. Cả xứ Wales đang vùng dậy.”

Một nhịp điệu như ca hát vọng vào giọng ông. “Và nông dân đã bán bò để mua vũ khí, và những bà mẹ đã gửi con trai lên núi, nhập ngũ với Owain. Người xứ Wales làm việc bên Anh đã quay về, mang theo vũ khí Anh, và các học giả người Wales ở Oxford

và Cambridge đã rời sách vở, gia nhập cùng Owain. Và chúng ta đang chiến thắng. Wales lại có lãnh tụ. Và người Anh sẽ không còn làm chủ đất đai của người Wales, khinh rẻ và thống trị ta từ Westminster nữa, vì Owain ap Gruffydd sẽ dẫn dắt chúng ta giành lại tự do!"

Barney bất lực lắng nghe niềm nhiệt huyết dâng trào trong giọng nói yếu ớt kia, càng lúc càng bất an. Cậu thấy mình thật cô đơn và nhỏ bé.

Cánh cửa bật tung, và Glyndŵr lại bước vào giữa những người lính, cau có, im lặng. Ông liếc nhìn Barney rồi sang Iolo Goch; ông già nhún vai.

"Giờ thì nghe đây, thằng nhóc," Glyndŵr nói, khuôn mặt râu rậm căng thẳng. "Có một sao chổi trên bầu trời đêm nay, báo hiệu chiến thắng sắp tới của ta, và ta sẽ hành động theo dấu hiệu đó. Không gì ngăn được ta. Không gì – nhất là một tên gián điệp của vua Henry không chịu khai người đã phái nó đến."

Giọng ông cao lên một chút, run rẩy vì kìm nén. "Ta vừa nhận tin rằng một đội quân Anh mới đang đóng bên kia Welshpool. Ngươi còn một phút để nói ai đã đưa ngươi vào Wales, và liệu bọn chúng có biết ta đang ở đây không."

Trong đầu Barney giờ đây chỉ vang lên một ý nghĩ át cả nỗi sợ: *Hắn có thể thuộc về phe Bóng Tối, đừng nói gì cả, đừng để lộ thân phận…*

Cậu nghẹn ngào nói: "Không."

Người đàn ông nhún vai. "Tốt thôi. Ta đã cho gọi kẻ đã mang ngươi tới – kẻ có giọng nói nhẹ nhàng từ Tywyn, cưỡi ngựa trắng. Và sau đó—"

Ông đột ngột im bặt, trừng trừng nhìn cánh cửa. Barney quay đầu, và cảm giác quay cuồng trở lại, vận tốc, rồi xoay tròn, xoay tròn…

… rồi dừng lại. Will và Bran, mỗi người cầm thanh gươm pha lê sáng lóa, bỗng đứng yên. Trước mặt chúng, cánh cửa gỗ nặng

trịch bật mở, và bên trong căn phòng tối tăm trần thấp là một nhóm người có vũ trang. Một người đứng riêng biệt, râu rậm, mang dáng vẻ quyền uy; trước mặt ông ta là Barney, mặt mày tái nhợt, người căng cứng.

Vài người trong nhóm gào lên lao về phía chúng, nhưng người râu rậm quát to một tiếng sắc gọn và họ lập tức lùi lại như những con chó bị hăm dọa – nhanh chóng nhưng miễn cưỡng, ánh mắt ngờ vực như không tin vào thủ lĩnh của mình.

Các giác quan của Will –với tư cách một Cổ Nhân– rung lên như dây đàn. Cậu nhìn chằm chằm vào người đàn ông râu rậm, và ông ta cũng nhìn lại, rồi từ từ các nét mặt cứng rắn giãn ra, biến thành một nụ cười.

Một lời chào không thành tiếng bằng Cổ Ngữ vang lên trong tâm trí Will, và ông ta cất tiếng nói bằng thứ tiếng Anh ngập ngừng: "Cậu đến vào một thời khắc điên cuồng, Người Tìm Dấu Hiệu à. Nhưng hoan nghênh, nếu như bọn lính của ta không lầm tưởng cậu là một tên chỉ điểm người Anh, như tên này đây."

"Will," Barney khản giọng nói, "ông ta cứ bảo em là gián điệp và định giết em. Anh có biết ông ta không?"

Will chậm rãi nói: "Xin chào, Owain Glyndŵr."

"Người Wales vĩ đại nhất," Bran tròn mắt nhìn người đàn ông râu rậm. "Người duy nhất từng thống nhất toàn xứ Wales chống lại người Anh, vượt qua mọi chia rẽ và hiềm khích."

Glyndŵr nhìn cậu với ánh mắt nheo lại. "Nhưng cậu… cậu…" Ông ta liếc sang gương mặt vô cảm của Will, rồi lắc đầu giận dữ. "A không, vớ vẩn. Không có chỗ cho mộng tưởng trong đầu ta, khi trận chiến cuối cùng và khốc liệt nhất đang chờ. Và lũ người Anh kéo đến như kiến mùa xuân."

Ông quay sang Will, chỉ vào Barney. "Thằng nhóc này là người của cậu, Cổ Nhân?"

"Đúng vậy," Will nói.

“Thế thì đã rõ nhiều điều,” Glyndŵr nói. “Nhưng vẫn chưa giải thích được sự ngu ngốc của nó khi không nói ngay từ đầu.”

Barney đáp với vẻ tự vệ: “Làm sao tôi biết ông không thuộc phe Bóng Tối?”

Người xứ Wales ngửa đầu ra sau, bật cười ngắn gọn, khó tin, rồi thẳng người, ánh mắt ánh lên sự tôn trọng.
“Khá lắm, cậu nhóc người Anh. Giờ thì đưa cậu ta đi, Người Tìm Dấu Hiệu.”

Ông duỗi cánh tay khỏe mạnh đẩy Barney lùi lại, như thể nó chỉ là món đồ chơi. “Và hãy hành xử trên đất của ta trong hòa bình – ta sẽ hỗ trợ nếu các cậu cần.”

“Sẽ cần rất nhiều,” Will nghiêm nghị nói, “nếu chưa quá muộn.”

Cậu chỉ vào thanh kiếm mà Bran đang cầm giơ ra trước mặt, vừa kinh ngạc vừa lo lắng; lưỡi kiếm lại bắt đầu lóe sáng xanh dương – như khi Vùng Đất Mất Tích bị hủy diệt, như khi Bóng Tối ập đến cuốn theo Barney.

Glyndwr bỗng nói cộc lốc:

“Bóng Tối. Nhưng đây là thành trì của ta — làm sao có thể có Bóng Tối được?”

“Có rất nhiều chứ” một giọng nói nhẹ vang lên nơi ngưỡng cửa “Và hoàn toàn có lý, bởi chính ông đã để người đầu tiên trong chúng ta vào.”

“Diawl!” Glyndwr bật dậy, bản năng rút con dao găm bên thắt lưng; bởi trong khung cửa, đứng giữa hai người lính vũ trang đang bất động cứng đờ, là Kỵ Sĩ Trắng, một bóng người khoác áo choàng trắng, đôi mắt và hàm răng lóe sáng trong bóng tối dưới mũ trùm.

“Ông gọi ta đến, Owain xứ Gwynedd” Kỵ Sĩ nói.

“Gọi ngươi?”

“Kẻ có giọng nói nhẹ nhàng từ Tywyn, cưỡi ngựa trắng” Kỵ Sĩ Trắng nhại lại đầy mỉa mai “Người mà quân của ông đã đón tiếp

nồng hậu để đổi lấy món quà là một cậu bé do thám người Anh." Giọng hắn trở nên sắc lạnh. "Và giờ ta đến để đòi lại một cậu bé khác, quan trọng hơn nhiều, cùng với thanh gươm mà cậu ta mang theo"

"Ngươi chẳng có quyền gì với ta cả" Bran khinh miệt đáp. "Thanh gươm đã mang ta đến sức mạnh và ngoài tầm tay của ngươi, ở thời điểm này hay bất kỳ thời điểm nào khác."

Owain Glyndwr nhìn Bran, nhìn Will, rồi lại nhìn Bran: nhìn mái tóc trắng, gương mặt nhợt nhạt với đôi mắt màu hổ phách, và lưỡi kiếm đang bừng lên ánh sáng xanh lam.

"Thanh gươm có hai lưỡi" Kỵ Sĩ Trắng nói.

"Thanh gươm thuộc về Ánh Sáng" Bran nói.

"Thanh gươm không thuộc về ai cả. Nó chỉ đang nằm trong tay Ánh Sáng. Sức mạnh của nó là sức mạnh của Pháp Thuật Cổ Xưa đã rèn nên nó."

"Được rèn theo lệnh của Ánh Sáng" Will nói.

"Và cũng là mồ chôn của mọi hy vọng" Kỵ Sĩ Trắng thì thầm, vẫn giấu mặt dưới mũ trùm trắng. "Ngươi không nhớ sao, Cổ Nhân? Đã từng được viết như thế. Và chưa từng nói rõ đó là hy vọng của ai sẽ bị chôn vùi."

"Nhưng đó sẽ là hy vọng của chính ngươi!" Owain Glyndwr đột ngột quát lên, rồi hô vài từ tiếng Wales cho đám quân lính và lao về phía sau căn phòng, tay với lấy thứ gì đó. Đám lính xông vào tấn công bóng dáng áo choàng trắng của Kỵ Sĩ. Nhưng không một ai chạm được vào hắn; bọn họ bị hất ngược lại, va đập vào một bức tường vô hình rắn chắc. Kỵ Sĩ lao về phía Bran. Nhưng Bran quét thanh gươm Eirias qua lại trước mặt như đang viết lên không trung, và lưỡi gươm để lại một dải lửa xanh lơ lửng — Kỵ Sĩ lùi lại, rú lên. Ngay khi hắn chuyển động, hắn dường như hóa thành nhiều hình bóng, như thể đột nhiên có cả một đám người cùng xuất hiện; nhưng Owain đang gọi khẩn trương và

Will không dám chần chừ, mà vội chạy theo mọi người qua một cánh cửa mà trước đó chúng chưa hề thấy.

Rồi những người lính Wales mặc áo da đẩy chúng lên lưng những con ngựa núi lùn màu xám, và qua các vách đá phiến, tường đá và những con đường quê xanh mướt, chúng phi nước kiệu nhanh và lặng lẽ theo bước chân dẫn đường của Owain. Sau lưng chúng vang lên tiếng gầm gào hỗn loạn của Bóng Tối, cùng tiếng va chạm của gươm đao và tiếng rít của mũi tên từ những cây cung dài, kèm theo những giọng nói la hét bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Wales. Will không nói gì, nhưng cậu biết rằng một trận chiến khác, bên cạnh cuộc chiến của chính họ, đang bắt đầu — lý do vì sao Bóng Tối chọn thời điểm này để bắt giữ người mới — và rằng Owain không hề có mặt tại nơi mà lòng ông chắc chắn hằng mong được chiến đấu.

Chỉ khi chúng đến một con đường núi nơi đất dốc lên rất gắt, Owain ra hiệu cho chúng xuống ngựa và đi bộ theo mình, Will mới dám quay đầu lại — và thấy khói đang bốc lên từ mái nhà xám phía sau, lửa đang bừng cháy.

Owain cay đắng nói:

‘Người Norman luôn cưỡi trên lưng Bóng Tối, như người Saxon từng vậy, và cả người Dane nữa.”

Barney buồn bã nói: “Mà cháu thì chắc là kết hợp của tất cả bọn họ: Norman, Anglo-Saxon và Dane.”

“Vào thế kỷ nào?” Glyndwr hỏi, dừng lại nhìn lên đỉnh núi.

“Thế kỷ hai mươi” Barney đáp.

Người xứ Wales đứng yên lặng một lúc. Ông nhìn Will. Will gật đầu.

“Iesu mawr” Glyndwr khẽ thốt. Rồi ông mỉm cười. “Nếu Vòng Tròn còn lan xa đến tận thời đó, thì việc thất bại ở đây, trong chốc lát, cũng chẳng phải điều quá tồi tệ. Cho đến lần triệu tập cuối cùng của Vòng Tròn, ngoài mọi Thời Gian.”

Ông nhìn xuống Barney:

“Đừng bận tâm về huyết thống của cháu, nhóc. Thời gian rồi sẽ thay đổi bản chất của tất cả.”

Bran từ phía trên nói gấp gáp: “Bóng Tối đang đến gần!”

Trên tay cậu, thanh Eirias bừng cháy ánh sáng xanh rực rỡ.

Owain nhìn xuống triền núi nơi họ vừa đi qua, miệng mím chặt. Will cũng quay lại, và há hốc.

Một tấm màn lửa trắng đang lặng lẽ trườn lên qua những bụi dương xỉ, không có âm thanh hay nhiệt lượng, cứ lặng lẽ tiến về phía họ, không chút do dự — tìm đến những kẻ mà nó muốn tiêu diệt. Một toán lính của Glyndwr đứng chắn ngay đường.

“Cảnh này không tệ như vẻ ngoài đâu” vị thủ lĩnh xứ Wales nói, chăm chú quan sát sắc mặt Will. “Glyndwr này cũng có vài trò mánh của một Cổ Nhân, cứ yên tâm.”

Hàm răng trắng lóe lên trên gương mặt sẫm màu, ông vỗ vai Will, đẩy cậu đi.

“Đi đi” ông nói “Đi lên lối đó, rồi chẳng mấy chốc các cậu sẽ đến nơi cần đến. Để ta dẫn Bóng Tối vào một vũ khúc trên những quả đồi này. Và nếu ta và người của ta có vẻ như bị giam mãi trong các ngọn đồi này, thì cũng không phải điều tồi tệ, vì điều đó sẽ chứng minh với dân ta rằng Chúa Tể Bóng Tối đã sai, rằng hy vọng không nằm chết trong mồ, mà luôn sống mãi trong trái tim con người.”

Ông liếc nhìn Bran và giơ dao lên trong một cử chỉ chào trang trọng.

“*Pob hwyl, người anh em của ta*” ông nghiêm nghị nói.

Rồi ông và quân lính biến mất, lao trở lại triền núi, trong khi Will dẫn mọi người đi lên con đường đã được chỉ định. Nó ngoằn ngoèo giữa những mỏm đá xám cằn cỗi, càng lúc càng hẹp, cho đến khi chúng tới một khúc cua đột ngột nơi vách đá nhô ra phía trên đường đi, và mỗi người phải cúi đầu để chui

qua một vòm đá tự nhiên. Và đúng lúc cả ba đang nối đuôi nhau đi qua đoạn đường dưới khối đá ấy, thì gió xoáy lên, không khí quay cuồng xung quanh chúng, một tiếng rít dài, lạ lùng, khàn khàn vang lên trong tai, và khi cơn chóng mặt tan đi khỏi tâm trí, chúng đã ở một nơi khác — vào một thời điểm khác.

CHUYẾN TÀU

Simon và Jane đã rời khỏi cồn cát, băng qua sân golf, đến hàng rào kẽm gai chạy dọc theo đường ray xe lửa thì chúng nghe thấy một âm thanh kì lạ. Nó vang lên trên đầu chúng, hòa trong gió: một tiếng vang kim loại sắc nét và rõ ràng, như một nhát búa duy nhất giáng lên đe sắt.

“Gì thế nhỉ?” Jane vẫn còn rất hoảng hốt.

“Tín hiệu đường sắt. Nhìn kìa,” Simon chỉ vào cột tín hiệu đơn độc đứng bên đường ray phía trước. “Anh chưa bao giờ để ý thấy nó trước đây.”

“Chắc có tàu sắp tới.”

Simon chậm rãi nói, “Nhưng tín hiệu đã chuyển sang ‘Dừng’ rồi.”

“Vậy thì tàu đã qua rồi đấy,” Jane nói, không mấy quan tâm. “Ôi Simon, giá mà chúng ta biết chuyện gì đang xảy ra với Barney!”

Rồi cô ngưng lại, lắng nghe, khi một tiếng còi dài rít lên, khàn khàn vang tới từ phía xa, hướng về phía Tywyn. Chúng đang đứng sát hàng rào đường sắt lúc này. Tiếng còi lại vang lên, to hơn. Đường ray bắt đầu rung lên.

“Đó, tàu đang tới đấy.”

“Nhưng sao tiếng nghe lạ quá—”

Và chúng thấy ở đằng xa, nổi bật trên nền mây xám dần, một vệt khói trắng dài, rồi nghe thấy tiếng gầm rít mỗi lúc một gần, của một đoàn tàu đang lao tới rất nhanh. Rồi nó hiện ra, vòng qua khúc cua phía xa, ngày càng rõ, lao về phía chúng, và đó là một đoàn tàu chúng chưa từng thấy ở đây trước đó.

Simon bật lên một tiếng reo kinh ngạc đầy vui sướng. “Tàu hơi nước!”

Gần như ngay lập tức, một loạt tiếng xì, rền rĩ và cọ xát vang lên khi đoàn tàu đến gần cột tín hiệu và người lái tàu phanh gấp; khói đen phụt ra từ ống khói của đầu máy hơi nước màu xanh lá khổng lồ kéo theo một đoàn tàu dài—dài hơn bất kỳ đoàn tàu nào thường thấy trên tuyến này, cả chục toa hoặc hơn, tất cả đều sáng bóng như mới với hai màu: nâu sô-cô-la phía dưới và màu kem gần như trắng phía trên. Tàu giảm tốc, chậm dần, bánh xe rít lên ken két trên đường ray; đầu máy to lớn lừ lừ chạy ngang qua chỗ Simon và Jane đang đứng trố mắt nhìn qua hàng rào; người lái tàu cùng thợ lò trong bộ đồ liền xanh lam, mặt mũi lấm lem, mỉm cười giơ tay chào chúng. Với một tiếng phụt hơi dài cuối cùng, đoàn tàu dừng lại, đứng yên, rít lên khe khẽ.

Và ở toa đầu tiên, một cánh cửa bật mở, một dáng người cao lớn xuất hiện ở ngưỡng cửa, giơ tay vẫy chúng.

“Lên đi nào! Trèo qua hàng rào, nhanh lên!”

“Ông Bác Merry!”

Chúng trèo qua hàng rào kẽm gai và Merriman lần lượt kéo chúng lên tàu; từ mặt đất, cửa toa gần như cao ngang đầu chúng. Merriman đóng sầm cửa lại với một tiếng vang chắc nịch; chúng nghe tiếng leng keng của tín hiệu một lần nữa khi cánh tay tín hiệu hạ xuống, và rồi đầu máy bắt đầu chuyển động, tiếng xình xịch nặng nề dần dần tăng nhịp và âm lượng, với những cồn cát lướt qua ngoài cửa sổ, nhanh hơn, nhanh hơn nữa, rung lắc, rầm rập, lộc cộc, tiếng bánh xe bắt đầu ngân vang.

Jane đột nhiên nghẹn ngào và bấu lấy Merriman. “Barney—chúng bắt Barney rồi, Ông bác Merry—”

Ông ôm cô một lát. “Bình tĩnh nào, nhẹ thôi, Barney đang ở nơi chúng ta sắp đến.”

“Thật chứ ạ?”

“Thật.”

Merriman dẫn chúng vào toa đầu tiên của đoàn tàu đang lắc lư, với hàng ghế dài bọc nhung trống không. Ông kéo cánh cửa kính trượt lại phía sau chúng, và chúng đổ sụp xuống những tấm đệm êm ái.

“Đầu máy đó, Ông bác Merry!” Simon, một người say mê tàu hỏa, ngây ngất thán phục. “Loại King class, của hãng Great Western xa xưa, từ lâu lắm rồi—cả cái toa cổ kính này nữa—cháu không nghĩ chúng còn tồn tại, trừ viện bảo tàng.”

“Không đâu,” Merriman mơ hồ đáp. Ngồi đó, trông ông vẫn là dáng người lòa xòa quen thuộc, thỉnh thoảng xuất hiện trong đời chúng từ thuở chúng còn bé; thân hình cao gầy mặc áo len tối màu và quần dài không rõ kiểu, mái tóc trắng dày bù xù. Ông đang nhìn ra cửa sổ; khoang tàu bỗng tối sầm lại, chỉ còn ánh đèn vàng mờ trên trần, khi tàu lao qua một loạt đường hầm ngắn rồi lại trồi ra, gần Aberdyfi, chạy dọc theo dòng sông. Một ga nhỏ vụt qua.

“Đây là chuyến tàu đặc biệt à?” Simon hỏi. “Không dừng ở các ga?”

“Chúng ta đi đâu thế ạ?” Jane hỏi.

“Không xa lắm,” Merriman đáp. “Không xa đâu.”

Simon chợt nói, “Will và Bran đã có thanh kiếm rồi.”

“Ta biết,” Merriman nói. Ông mỉm cười đầy tự hào. “Ta biết. Giờ các cháu nghỉ chút đi, và chờ. Và—đừng tỏ ra ngạc nhiên khi gặp ai đó trên chuyến tàu này. Bất kể là ai chăng nữa.”

Trước khi chúng kịp thắc mắc ý ông là gì, một bóng người dừng lại ngoài hành lang. Cánh cửa kính trượt mở ra, và John Rowlands đứng đó, lắc lư theo nhịp tàu. Ông trông tươm tất lạ lẫm trong bộ vest sẫm màu có phần hơi rộng; ông nhìn họ sửng sốt.

“Chào ông John Rowlands,” Merriman nói.

“Thật là bất ngờ,” John Rowlands ngớ người nói. Ông chậm rãi mỉm cười với Jane và Simon, gật đầu; rồi nhìn Merriman, vẻ mặt lạ lùng, vừa dè chừng vừa bối rối. “Chúng ta cứ hay gặp nhau ở những nơi kỳ lạ nhỉ.”

Merriman nhún vai thân thiện.

“Bác đi đâu thế, bác Rowlands?” Jane hỏi.

John Rowlands nhăn mặt. “Shrewsbury, đi nha sĩ. Và cho Blod đi mua sắm ít đồ.”

Tiếng còi tàu rú lên, và một ga nhỏ khác vụt qua. Giờ họ đã đi sâu vào vùng đồi núi, tàu chạy xuyên qua các đoạn cắt, bên ngoài cửa sổ chỉ thấy những bờ cỏ cao nhòe đi vì tốc độ. Ai đó đi tới hành lang, chỗ John Rowlands; ông đứng thẳng dậy, tránh sang bên.

Simon lễ phép nói, “Chào bác Rowlands.” Jane nghe thấy giọng nữ trầm ấm xứ Wales.

“Ôi, đúng là một bất ngờ dễ thương! Ta cứ thắc mắc John đang nói chuyện với ai. Chẳng thấy ai quen lên tàu ở Tywyn cả.”

Lời bà như ngầm hỏi, nhưng Simon lướt qua luôn. “Tàu đẹp quá phải không bác? Tàu hơi nước đấy!”

“Y như ngày xưa vậy,” John Rowlands nói. “Chắc dịp kỷ niệm gì đó, tái hiện lại, đại loại thế. Ta cứ tưởng mình quay lại ba chục năm trước khi thấy nó vào ga.”

“Bác ngồi với bọn cháu nhé, bác Rowlands?” Jane nói.

“Thế thì tốt quá.” Blodwen Rowlands mỉm cười, bước vào cửa để nhìn thấy Jane; ánh mắt bà lướt qua Merriman.

“À,” Jane nói. “Bác Rowlands—đây là Ông Bác của bọn cháu, Giáo sư Lyon.”

“Sut ‘dach chi?” Merriman cất giọng trầm, không biểu cảm.

“Chào ông,” Blodwen Rowlands đáp, gật đầu, vẫn mỉm cười. Bà quay sang Jane, “Ta đi lấy túi xách đã,” rồi biến mất dọc hành

lang.

“Cháu không biết ông nói được tiếng Wales đấy,” Simon nói.

“Thỉnh thoảng thôi,” Merriman đáp.

“Như người bản xứ ấy,” John Rowlands nói. Ông bước vào khoang và ngồi cạnh Simon. Hai người khác đi qua hành lang, rồi thêm một người nữa, chẳng ai liếc vào cả.

“Tàu đông rồi à?” Jane hỏi, nhìn theo bóng lưng cuối cùng.

“Đang dần kín chỗ,” Merriman nói. Bà Rowlands quay lại với túi xách, ngập ngừng ở ngưỡng cửa.

“Bà muốn ngồi góc này không ạ?” Jane hỏi một cách tự nhiên, nhích lên gần Merriman để nhường chỗ.

“Cảm ơn cháu yêu.” Bà Blodwen Rowlands trao cho Jane một nụ cười rạng rỡ khiến gương mặt bà như bừng sáng lên vì sự ấm áp, rồi ngồi xuống cạnh cô. “Thế các cháu định đi đâu vậy?”

Jane nhìn vào đôi mắt bà, gần gũi và thân thiện, rồi khựng lại. Một cảm giác lạ lùng ập đến — dường như trong mắt bà Rowlands không có ánh sáng, như thể chúng không tròn mà phẳng lì. Cô thầm nghĩ: *Đừng ngốc thế chứ*, cô chớp mắt, quay đi chỗ khác rồi nói: “Ông Bác Merry dẫn chúng cháu đi chơi một ngày.”

“Đến vùng Marches,” Merriman nói bằng giọng trầm và vô cảm mà ông thường dùng với người lạ. “Vùng Biên giới. Nơi mà các trận chiến thường bắt đầu.”

Bà Blodwen Rowlands lấy từ túi ra một cuộn len đỏ rực, và nói: “Hay quá.”

Đoàn tàu lắc lư và ngân vang. Một người đàn ông to lớn chậm rãi đi qua hành lang, dừng lại, nhìn vào, và cúi chào Merriman một cách lịch sự. Tất cả đều nhìn ông. Quả thực ông có một vẻ ngoài đặc biệt ấn tượng; làn da đen sẫm, mái tóc dày trắng toát như tuyết. Merriman nghiêm nghị nghiêng đầu đáp lại, và người đàn

ông bước tiếp. Jane chợt nhận ra tiếng lách cách gấp gáp — bà Rowlands bắt đầu đan rất nhanh.

Simon thì thầm đầy thích thú: "Ông ấy là ai thế?"

"Một người quen của ta," Merriman đáp.

Từ cùng hướng đó, một bà lão chống gậy tập tễnh bước tới, mặc chiếc áo khoác trang nhã nhưng lỗi mốt, đầu đội chiếc mũ kiểu vành tròn nghiêng lệch đầy khí chất, mái tóc bạc được búi lên có chút loà xoà. Bà gật đầu với Merriman. "Chào ông, Lyon," bà cất giọng vang dội, đĩnh đạc.

Merriman nghiêm trang đáp lại: "Chào bà." Đôi mắt sắc sảo của bà quét qua tất cả mọi người rồi rời đi.

Bốn cậu bé nhỏ chạy vụt qua, cười đùa ầm ĩ, náo động. "Quần áo kỳ quặc quá!" Jane tò mò nói, nhướn người nhìn theo. "Kiểu như áo chùng ấy."

Đoàn tàu lắc mạnh, gầm vang qua một khúc cua, khiến cô ngồi phịch lại xuống ghế.

Simon trầm ngâm: "Có thể là đồng phục gì đó."

Bà Rowlands lấy từ trong túi ra một cuộn len khác, màu vàng, và bắt đầu đan cùng với cuộn màu đỏ.

"Tàu đông nhỉ," ông John Rowlands nhận xét. "Giá mà có nhiều chuyến như thế này, thì chắc người ta đã thôi nói đến việc đóng cửa tuyến đường rồi."

Simon đứng dậy, vịn tay vào khung cửa. "Cháu xin phép ra ngoài một lát."

"Cứ tự nhiên," Merriman nói. Ông bắt đầu trò chuyện thân mật với ông John Rowlands về sự cần thiết của dịch vụ đường sắt, trong khi bà Rowlands chăm chú lắng nghe, tay đan thoăn thoắt, còn Jane thì ngắm nhìn dãy núi nâu tím và những bờ cỏ gần như luân phiên vụt qua cửa sổ. Simon đi rất lâu, rồi thò đầu vào.

"Cho em xem cái này nè," cậu thản nhiên nói với với Jane.

Cô đi theo cậu ra ngoài; cậu đóng cửa lại và kéo cô về cuối hành lang, nơi có cánh cửa bị khóa ở đầu toa.

“Đây là đầu tàu,” Simon nói bằng giọng kỳ lạ. “Phía này chỉ có khoang của chúng ta thôi.”

“Thì sao?” Jane hỏi.

“Thì nghĩ mà xem, tất cả những người đó —”

Jane há hốc miệng, phát ra tiếng như bị nấc. “Họ đều đến từ hướng này! Tất cả! Nhưng không thể nào!”

“Họ quả thực đã đi từ hướng đó,” Simon nói. “Và anh cá là sẽ còn nhiều người hơn nữa sau khi chúng ta quay lại. Tàu đông kín rồi, từ những toa mà anh đi qua. Với đủ loại người kì lạ, đủ kiểu trang phục. Như thể đại hội Liên Hợp Quốc vậy.”

Cả hai nhìn nhau.

Jane chậm rãi nói: “Chắc phải quay lại thôi.”

“Bình thường nhé,” Simon nói. “Tập trung.”

Jane tập trung đến mức đi lố khoang của chúng, sang khoang bên cạnh. Một người đàn ông ngồi trong góc đối diện ngẩng đầu lên khi cô tiến lại, và mỉm cười qua ô cửa kính — một nụ cười rộng, ấm áp, quen thuộc. Ông là một người lớn tuổi, mặt rám nắng, lông mày xám rậm; tóc ông xòa ra thành vòng quanh cái đầu hói.

“Thuyền trưởng Toms!” Jane reo lên vui sướng, nhưng rồi cô chớp mắt — hoặc là không khí chớp mắt — và chẳng còn ai ở đó cả.

“Gì thế?” Simon hỏi.

“Em tưởng là…” Jane nói. “Em tưởng em trông thấy người quen.” Cô nhìn chằm chằm vào chiếc ghế trống; khoang tàu hoàn toàn vắng vẻ. “Nhưng… không có.”

“Bình thường lại nào,” Simon nói. Cậu mở cửa trượt khoang của chúng và cả hai trở vào.

Chúng ngồi trong yên lặng, giữa những giọng nói văng vẳng và tiếng kim đan của bà Rowlands lách cách không ngừng. Jane tựa đầu vào ghế, nhìn ra ngoài cửa sổ, để cho nhịp điệu của bánh xe cuốn mình đi. Tiếng lạch cạch hoà cùng tiếng kim đan, với một cơn ác mộng thoáng qua, cô cảm giác như chúng đang thì thầm: *vào bóng tối, vào bóng tối, vào bóng tối…*

Rồi bất chợt miệng Jane khô khốc, ngón tay cô bấu chặt vào ghế. Như màn sương mù, ngoài cánh đồng hiện lên một nhóm kỵ sĩ phi nước đại, vượt qua những hàng rào, và mặc dù tàu đang lao đi vun vút, họ vẫn đuổi theo kịp…

Từng tốp, từng hàng, họ cưỡi ngựa, kẻ mặc áo đen, người vận đồ trắng. Và khi những đám mây xám xịt từ phía Tây cuồn cuộn kéo đến, các kỵ sĩ ấy phi xuyên qua mây, băng qua bầu trời, như thể cụm mây ấy là những ngọn núi xám khổng lồ.

Mắt mở to, Jane gần như không dám nhúc nhích. Cô rón rén đưa tay lần về phía Merriman, và trước khi chạm tới, bàn tay mạnh mẽ của ông đã nắm lấy tay cô.

“Đừng sợ, Jane,” ông thì thầm. “Đó là Cuộc Trỗi Dậy, đúng vậy, cuộc truy đuổi cuối cùng. Và từ giờ, nguy hiểm sẽ tăng lên. Nhưng chúng sẽ không động được vào chuyến tàu thời gian này, vì chúng ta đang mang theo một thứ thuộc về chúng.”

Đoàn tàu gầm rú, lắc lư dữ dội trên đường ray. Khoang tối dần khi bầu trời bên ngoài u ám vì mây và những bóng người lướt qua; nhịp kim đan bận rộn của bà Rowlands chững lại, và Jane thấy những mảng màu rực rỡ chao đảo khi tay bà chậm lại. Âm thanh tàu bỗng thay đổi; nhịp bánh xe giảm dần, tiếng hát con tàu trầm xuống; có tiếng nổ bị bóp nghẹt vang lên dưới bánh xe, rồi một tiếng nữa, và đoàn tàu bắt đầu giảm tốc dần.

“Pháo hiệu!” John Rowlands nói đầy kinh ngạc. “Loại pháo ngày xưa người ta đặt trên đường ray để cảnh báo sương mù.” Ông nhìn ra ngoài. “Và đúng thật, trời xám xịt thế kia thì có khi sắp có sương thật.”

Phanh kêu rít lên; cảnh vật bên ngoài chậm lại, và đoàn kỵ sĩ tan vào trong mây mù; mây xám đặc phủ khắp nơi, sương mù cuộn xoáy. Rít lên, lạch cạch, tàu chậm lại như đang bò, và một nhà ga nhỏ đột ngột hiện ra bên ngoài cửa sổ. Simon bật dậy, kéo Jane ra hành lang; chúng nhìn ra ngoài. Nhà ga chỉ là một sân ga đơn độc giữa chốn không tên, không bảng hiệu và chỉ có một cấu trúc dạng vòm mờ ảo trong sương. Xa hơn, qua khe hở giữa mây mù, một ngọn đồi dài hiện lên ở đường chân trời. Rồi dần dần, ba bóng người lờ mờ hiện ra từ mái vòm.

Simon nhìn chằm chằm. "Nhanh lên! Jane, mở cửa!" Cậu chen qua cô, xoay tay cầm dài, đẩy cửa ra, vươn người xuống. Và Bran, Will, cùng Barney bước lên tàu.

"Ôi!" Jane chỉ kêu lên được như thế, rồi ôm chầm lấy Barney một cái thật chặt — và ngạc nhiên thay, Barney cũng ôm lại cô. Tàu bắt đầu chuyển động. Sương mù cuộn xoáy quanh sân ga và mái vòm, như thể tất cả tan biến vào hư không, và từ khoang phía sau, giọng bà Rowlands ngọt ngào vang lên đầy vui mừng: "Ôi Bran, cưng ơi, thật tuyệt! Thế là các cháu thi ở Shrewsbury à? John chẳng nói gì…"

"Hôm qua tôi có kể với Blodwen," giọng trầm tĩnh của ông John Rowlands vang lên, ngắt lời Bran trước khi cậu kịp nói, "về chuyện các cậu sẽ giúp ông Idris Jones Ty-Bont lùa cừu đến cuộc thi chó chăn cừu. Năm nay ông ấy không thi nên phải cung cấp cừu cho vòng sơ loại. Ông ấy là chủ tịch, đúng không, Bran?"

"Vâng," Bran khéo léo đáp khi cả ba chen vào trong khoang. "Và bọn cháu còn phải lấy thêm vài con cừu ở đây, xe chật quá không chở hết, nên ông Jones cho bọn cháu đi tàu. Thật bất ngờ khi gặp mọi người ở đây."

"Cả cậu bé này cũng đi nữa, vui quá đi chứ," bà Rowlands nói, mỉm cười với Barney như thể chuyện cậu giúp lùa cừu là điều hoàn toàn bình thường.

Barney cười đáp lễ, không nói gì, trượt vào chỗ cạnh Simon. Tàu lại lao đi vun vút; dãy đồi dài thấp phía trước giờ hiện ra như

bức tường chắn. Mây xám lướt qua. Họng khô khốc, Jane lại thấy những kỵ sĩ, từng dòng từng đoàn, bay lượn giữa bầu trời. Nỗi hoảng loạn siết chặt lấy cô; họ đang phi ngựa đến đâu, tàu đang lao tới đâu, tất cả về đâu —?

"Ngồi với bác nhé, cưng," bà Rowlands nói với Bran, kéo nhẹ tay cậu khiến cậu ngồi phịch xuống giữa bà và Jane. Jane vội vàng nhích sang, lòng tự hỏi: *Thanh gươm có còn trong vỏ bao vô hình treo bên hông Bran không?*

Will đứng lắc lư ở ngưỡng cửa, hai tay vịn vào hai bên khung gỗ. Cậu nhìn Merriman như một người xa lạ và hỏi:

"Trên tàu có nhiều người không?"

"Khá đông," Merriman đáp, với một vẻ lịch sự khách sáo.

Bất chợt đầu máy hú lên một tiếng lớn, và đoàn tàu lao vào dưới ngọn đồi. Chỉ trong một thoáng, nó bị đường hầm nuốt chửng, và bóng tối tràn ngập xung quanh, một tiếng gầm thấp bủa vây bên tai, mùi lưu huỳnh ngập tràn không khí. Jane thoáng thấy nét lo âu trên gương mặt dễ mến của bà Rowlands. Nhưng rồi cô quên bẵng đi vì bị cảm giác mãnh liệt áp đảo: rằng họ đang lao sâu vào lòng đất, xuyên qua ngọn núi, dưới hàng tấn đá chất chồng, khi đường ray cuốn họ đi không thể cưỡng lại.

Dần dần, Jane bắt đầu cảm thấy họ không còn ở trên tàu nữa. Các giới hạn của khoang tàu hình hộp như đang tan biến. Mọi người vẫn còn đó — những hình bóng ngồi yên, và Will đứng quan sát ở nơi từng là ngưỡng cửa — nhưng giờ đây quanh họ một ánh sáng kỳ lạ bắt đầu rực lên, như thể tốc độ của họ đã trở nên hữu hình, như thể chính ánh sáng ấy đang cuốn họ đi. Cô có cảm giác họ đang lao vút qua lòng đất, cưỡi trên một sức mạnh của riêng họ, cùng với một đoàn người đông đảo, tất cả đều đang lao như bay về phía đông. Ánh sáng quanh họ càng lúc càng chói lòa; họ như đang trôi nổi trong một dòng sông ánh sáng.

Jane thấy vẻ ngạc nhiên và hoang mang hiện rõ trên khuôn mặt rám nắng, cương nghị của ông John Rowlands. Bà Blodwen

Rowlands bỗng bật lên một tiếng nức nở sợ hãi; bà loạng choạng đứng dậy, đánh rơi đống len xuống sàn, rồi bước lảo đảo qua ngồi bên chồng. Ông Rowlands khoác tay ôm bà an ủi, một cử chỉ chan chứa tình yêu lâu năm. Ông nói:

“Được rồi, cariad, đừng sợ. Bình tĩnh đi. Hãy tin vào họ. Ông Merriman của Will sẽ giữ chúng ta được an toàn.

Nhưng cả Will và Merriman lúc này, Jane kinh ngạc nhận thấy, đều đã đứng lên và đang đối diện với bà Blodwen Rowlands; cả hai bất động, nhưng toát ra một cảm giác im lặng đe dọa khủng khiếp, như đang phán xét. Sau lưng họ, Bran từ từ đứng dậy, và với một động tác kịch tính lạ lùng mà Jane nhớ đã từng thấy trên bãi biển, cậu rút thanh gươm vô hình ra khỏi bao cũng vô hình ở bên hông. Và đột nhiên thanh gươm hiện ra — trần trụi, đáng sợ, lấp lánh, và lưỡi gươm pha lê loé lên ánh lửa xanh.

Bà Blodwen Rowlands co rúm lại, nép sát vào chồng.

“Chuyện gì thế này?” ông John Rowlands giận dữ kêu lên, nhìn chằm chằm vào dáng Merriman cao sừng sững.

“Đừng để họ đến gần tôi!” bà Rowlands kêu lên. “John!”

Ông John Rowlands không đứng dậy được, với trọng lượng của bà đè lên, nhưng ông như thẳng người hơn khi đối diện với họ, ánh mắt đầy phẫn nộ, trách móc.

“Hãy để bà ấy yên, các người, dù các người đang làm gì. Bà ấy đâu có liên can gì đến việc của các người? Bà ấy là vợ tôi, và tôi không cho phép ai làm bà ấy sợ hãi. Hãy để bà ấy yên!”

Bran giơ mũi gươm Eirias ra, ngọn lửa xanh nhảy múa dọc theo lưỡi gươm, rồi giữ mũi gươm giữa Will và Merriman, chĩa thẳng vào gương mặt méo mó của bà Blodwen Rowlands.

“Thật hèn nhát,” cậu nói bằng một giọng người lớn lạnh lẽo, “khi ẩn nấp sau những người yêu thương mình, mà không hề đáp lại tình yêu đó. Rất thông minh, dĩ nhiên rồi. Gần như thông minh tuyệt đỉnh, khi luôn có mặt đúng nơi để dìu dắt một đứa trẻ nhợt nhạt kỳ lạ từ quá khứ bước vào hiện tại — và

đảm bảo rằng nó không bao giờ làm, nói hay nghĩ điều gì mà ngươi không biết."

"Bran, cháu bị sao vậy?" ông John Rowlands đau đớn kêu lên. Ánh sáng vẫn cuốn họ đi, ngân vang như tiếng tàu, vang vọng giữa lòng đất.

Merriman cất giọng trầm, vô cảm: "Bà ta thuộc về Bóng Tối."

"Các người điên rồi!" ông Rowlands siết chặt lấy cánh tay vợ.

"Con tin của chúng ta," Will nói. "Như Kỵ Sĩ Trắng của Bóng Tối từng bắt cóc Barney, tưởng sẽ đổi lấy được Bran và thanh kiếm. Bây giờ là con tin đảm bảo an toàn cho cuộc hành trình của chúng ta."

"An toàn!" bà Rowlands bật cười bằng một giọng khác hẳn.

Ông John Rowlands ngồi bất động, và Jane rùng mình khi thấy sự kinh hoàng, hoài nghi bắt đầu hiện ra trong mắt ông.

Tiếng cười của bà Rowlands lạnh lẽo, và giọng bà bỗng nhiên biến đổi lạ lùng — mềm mại, rin rít nhưng chứa đầy sức mạnh. Jane không thể tin được giọng nói đó phát ra từ khuôn mặt thân thuộc, ấm áp mà cô vẫn thấy.

"An toàn à?" giọng nói bật cười. "Các ngươi đang lao vào chỗ diệt vong, tất cả các ngươi. Và thanh kiếm sẽ không cứu được đâu. Bóng Tối đang dàn hàng chờ đợi, với con tin của các ngươi dẫn lối. Đã trễ dậy và chờ sẵn, Lyon, Stanton, Pendragon — trễ dậy và chờ đợi. Và không một Pháp Vật nào của các ngươi sẽ giúp các ngươi đến được chỗ cái Cây ấy, khi chỉ trong khoảnh khắc nữa thôi, các ngươi sẽ lao ra khỏi lòng đất, và lực lượng Bóng Tối sẽ ập xuống."

Bà đứng dậy, tay ông John Rowlands buông thõng như một chiếc găng bị vứt bỏ trên ghế, khi ông ngồi lặng đi, sửng sốt. Jane thấy bà như cao lớn hơn, rực sáng trong luồng ánh sáng mờ ảo quanh họ, như thể tự bà phát ra ánh sáng. Một cách có chủ đích, bà Blodwen Rowlands tiến về phía đầu mũi gươm Eirias,

và Bran từ từ nâng thanh gươm lên, để mũi gươm không chạm vào bà. Will và Merriman bước sang hai bên.

“Eirias không thể tiêu diệt các Chúa Tể Bóng Tối,” bà Rowlands nói, đầy đắc thắng.

“Chỉ có Bóng Tối mới hủy diệt được Bóng Tối,” Will đáp. “Đó là luật mà chúng ta chưa bao giờ quên.”

Merriman bước lên một bước. Ông bỗng trở thành tâm điểm của mọi sự — của cả Sáu người, của toàn bộ sức mạnh và ý chí của Ánh Sáng đang dồn dập xuyên qua đá núi và mặt đất, tiến về một mục tiêu bí ẩn. Ông đứng cao lớn trong ánh sáng, mái tóc bạc rực lên trên tấm áo choàng xanh thẫm mà giờ ông đang khoác, ông giơ một cánh tay, chỉ thẳng vào bà Blodwen Rowlands.

“Ánh Sáng trục xuất ngươi khỏi dòng Thời Gian này,” ông nói, giọng vang lên như tiếng tàu ngân qua lòng đất. “Chúng ta đẩy ngươi ra phía trước. Cút đi! Biến đi! Và tự lo thân khi ngươi bị cuốn phăng về trước cuộc hành trình vĩ đại này, để rồi lực lượng khủng khiếp của Bóng Tối tưởng rằng đang mai phục được Ánh Sáng sẽ giáng xuống chính ngươi.”

Bà Blodwen Rowlands thét lên một tiếng căm giận mỏng manh, thanh âm ấy bóp nghẹt cổ họng Jane vì kinh hoàng; rồi bà dường như xoay vòng, biến hình, và cuốn đi vào khoảng tối xung quanh họ, trong hình hài một kỵ sĩ áo trắng cưỡi ngựa trắng. Nhảy vút lên, bị cuốn theo bởi cơn thịnh nộ và sợ hãi, Kỵ Sĩ Trắng bay ra khỏi luồng sáng mà họ đang di chuyển và biến mất, về phía trước, vào bóng tối mờ mịt chẳng thể thấy gì.

DÒNG SÔNG

Cỗ xe vĩ đại vô hình của phe Ánh Sáng lao đi trong lòng núi tựa như một chiếc thuyền bị cuốn trôi theo dòng sông ngầm dưới lòng đất. John Rowlands ngồi bất động, gương mặt như hóa đá, và chúng chỉ dám liếc nhìn ông trong chốc lát; không ai chịu nổi lâu hơn.

Cuối cùng Jane lên tiếng. “Cái cây, Gumerry? Ý bà ấy là gì? Bà ấy nói, không phải tất cả Pháp Vật của các người đều giúp các người đến được chỗ cái cây ấy.”

Merriman đứng sừng sững, uy nghi trong chiếc áo choàng đen, mũ trùm rũ xuống như một vành áo tu sĩ quanh cổ. Mái tóc trắng của ông ánh lên trong ánh sáng rực rỡ xung quanh, và mái tóc Bran bên cạnh ông cũng vậy; trông họ như hai nhân vật đến từ một giống loài xa lạ.

“Cây Hạ Chí, ở vùng đồi Chiltern nước Anh,” Merriman nói. “Cây sự sống, cột trụ của thế giới… Cứ mỗi bảy trăm năm một lần, nó lại hiện ra tại mảnh đất ấy, và trên đó, nhánh tầm gửi sẽ nở ra một đóa hoa bạc vào đúng một ngày duy nhất. Và ai hái được bông hoa ấy vào khoảnh khắc nó bung nở hoàn toàn, người đó sẽ xoay chuyển vận mệnh và có quyền điều khiển Ma Thuật Cổ Xưa cùng Pháp Thuật Hoang Sơ, xua đuổi mọi thế lực đối địch khỏi thế gian và khỏi Dòng Thời Gian.”

Barney gần như thì thầm, “Và chúng ta sẽ đến chỗ cái cây ấy?”

“Đó là nơi chúng ta đang hướng đến,” Merriman nói. “Và Bóng Tối cũng vậy, nó đang theo lộ trình mà từ đầu vẫn âm thầm chuẩn bị, để biến khoảnh khắc cuối cùng của cuộc trỗi dậy vĩ đại nhất của nó trùng khớp với thời điểm đóa hoa bạc hé nở trên cây.”

“Nhưng làm sao ông chắc chắn chúng ta sẽ hái được bông hoa, chứ không phải Bóng Tối?” Jane chẳng nhìn thấy gì ngoài ánh sáng đang cuồn cuộn xung quanh, nhưng trong khoảnh khắc, cô như thấy bầu trời xám ngoét ngập đầy những Chúa Tể Bóng Tối cưỡi ngựa, dẫn đầu là Blodwen Rowlands -Kỵ sĩ Trắng, cười vang lạnh lùng.

“Chúng ta có thanh gươm Eirias,” Merriman nói, “còn chúng thì không. Và dẫu rằng nó là thanh gươm hai lưỡi, có thể thuộc về cả Ánh Sáng lẫn Bóng Tối, nhưng nó vốn được rèn theo lệnh của phe Ánh Sáng. Nếu Bran có thể giữ thanh kiếm an toàn, và nếu Sáu Người cùng Vòng Tròn bảo vệ được Bran, thì mọi sự sẽ ổn.

Và nơi Cây Hạ Chí vươn cao," giọng ông trầm xuống, ngân theo nhịp thơ, "bằng thanh gươm Pendragon, Bóng Tối sẽ gục ngã."

Will vô thức liếc nhìn thanh gươm pha lê lấp lánh trong tay Bran. Lưỡi gươm giờ trong vắt, ngọn lửa xanh lập loè đã biến mất. Nhưng khi cậu nhìn kĩ, dường như ngay tại mũi gươm, ánh lửa xanh bắt đầu nhen nhóm – thoạt tiên rất mờ nhạt, yếu ớt, nhưng cứ lớn dần lên, lan từng chút một dọc theo lưỡi kiếm hướng về phía chuôi cầm bằng vàng. Và chuyển động của dòng ánh sáng quanh họ cũng bắt đầu thay đổi; rõ rệt hơn, như thể họ thực sự đang chòng chành trên một con sông. Họ dường như đang ở trên một con thuyền, cả sáu người cùng John Rowlands; Will biết điều đó, dù không thấy được bất kỳ hình thù cụ thể nào quanh cậu.

Ánh mắt cậu dừng lại ở Barney, và cậu khẽ mỉm cười. Cậu bé nhỏ tuổi hơn đang ngồi mơ màng, chẳng bận tâm đến ai, nở một nụ cười kín đáo đầy sung sướng bởi những cảm giác đang cuộn xoáy trong tâm trí. Nỗi sợ hãi mà đám người của Glyndwr gieo rắc đã tan biến, giờ đây trong cậu chẳng còn chút hoang mang nào, chỉ còn lại ngạc nhiên, sững sờ và hân hoan.

Barney bất ngờ ngẩng lên, như thể biết Will đang nhìn mình; nụ cười rộng hơn và cậu nói, "Cứ như một giấc mơ đẹp nhất ấy."

"Phải, đúng vậy," Will nói. "Nhưng đừng… thả lỏng. Không thể tin tưởng điều gì sẽ xảy ra."

"Em biết mà," Barney điềm tĩnh đáp. "Thật đấy. Em biết. Nhưng dù sao thì… hú!" Đó là một tiếng hét ngập tràn niềm vui phấn khích, tự nhiên và đầy bất ngờ khiến mọi gương mặt đều ngoảnh lại; vẻ lo âu của tất cả tan biến trong một thoáng, và thậm chí Merriman, lúc đầu còn nghiêm nghị, cũng bật cười lớn. "Phải rồi!" ông nói. "Thứ đó, Barney à, chúng ta cần chẳng kém gì thanh gươm."

Và rồi bất chợt, chúng lao ra ánh sáng ban ngày, dưới bầu trời xám xịt với mặt trời nhạt nhòa đang cố xuyên qua lớp mây dày đặc. Chúng thấy mình đang ở trên một con thuyền dài, mũi cao,

không có boong, lắp đầy các thanh ngang để ngồi. Trước và sau chúng là những con thuyền khác cùng hình dáng, chở đầy những hình bóng không rõ nét. Sương mù lại phủ quanh chúng, kèm theo những rung động trong không khí như hơi nóng, dù không hề có chút nhiệt nào.

Will nghe thấy một khúc nhạc quen thuộc vang lên trong không trung, mong manh và thoáng qua. Cậu nhìn ra mặt nước, thấy từng gợn sóng lấp lánh và một bến bờ mờ ảo, xa xa là những cánh đồng xanh, và các bóng dáng lờ mờ của người lẫn ngựa. Trong một khoảnh khắc, sương mù tách ra thành từng dải mảnh, và cậu thấy những ngọn đồi vươn lên phía sau, khói lửa bốc lên, và một đạo quân đang đợi sẵn, từng hàng từng hàng người, phần lớn cưỡi trên những con vật nhỏ bé, rắn rỏi, trông cứng cáp và cương nghị chẳng khác gì người cưỡi chúng. Đó là một đội kỵ binh mang kiếm sáng loáng, đang căng thẳng chờ đợi. Rồi màn sương khép vào, chỉ còn lại không gian trắng xám.

“Họ là ai vậy?” Simon khàn giọng hỏi.

“Cậu cũng thấy họ sao?” Will nhìn quanh; ba anh em nhà Drew đang tụ lại cạnh cậu, Bran và Merriman đứng tách biệt ở phía mũi thuyền, còn John Rowlands là một dáng người u uẩn ngồi nơi đuôi thuyền.

“Họ là ai thế?” Jane hỏi. Cả ba anh em nhà Drew đều chăm chú một cách kỳ lạ, nhìn chằm chằm vô vọng vào màn sương. Will thấy tay Barney nắm mở liên tục, như đang khao khát được làm điều gì đó.

Âm thanh đột ngột vang lên từ làn sương mù xung quanh, mơ hồ, hỗn loạn, từ mọi hướng cùng lúc: tiếng binh khí va chạm, tiếng ngựa hí, tiếng người hò hét, gào thét và reo hò chiến thắng. Simon quay phắt lại, mặt nhăn nhó vì bực dọc. “Họ ở đâu, chuyện gì đang xảy ra vậy? Will!” Đó là một tiếng kêu cầu cứu, tha thiết.

Giọng nói trầm vang của Merriman cất lên từ mũi thuyền, mang theo một nỗi khắc khoải tương tự, “Các cháu khao khát điều đó

cũng phải thôi. Đó là lần khai sinh và đổ máu đầu tiên của xứ sở các cháu, mảnh đất đã được rèn rũa suốt bao thế kỷ. Đây là Mons Badonicus, Trận Badon, nơi Bóng Tối trỗi dậy và… Thế ngày ấy ra sao rồi?"

Giọng ông vút lên thành tiếng hét dò hỏi, như một câu hỏi ném vào hư không, chẳng hướng tới ai cụ thể giữa sương mù xám xịt.

Và từ trong màn sương, như thể đáp lời, một hình dáng dài hiện ra: một con thuyền lớn hơn và dài hơn thuyền của họ, nổi rõ dần khi họ trôi gần tới. Trên đó trang bị đầy vũ khí, chở kín binh lính, với những lá cờ xanh trơn bay phần phật ở đầu và đuôi thuyền; dường như đây là thuyền của một vị tướng chứ không phải của một nhà vua. Nhưng phong thái của người đứng mũi thuyền lại là của một bậc quân vương: một người đàn ông vai rộng, gương mặt sạm nắng, đôi mắt xanh biếc; tóc nâu điểm sợi bạc, và bộ râu xám ngắn. Ông khoác chiếc áo choàng ngắn màu xanh lục pha lam như màu biển, và bên trong là bộ giáp theo kiểu La Mã. Trên cổ ông, một nửa bị che khuất nhưng ánh lên như có lửa, là vòng tròn gắn kết các Dấu Hiệu của Will.

Ông nhìn Merriman và giơ tay chào chiến thắng.

"Chúng ta đang thuận buồm xuôi gió, hỡi sư tử của ta. Cuối cùng rồi cũng có ngày này; bọn chúng sẽ phải lui về hang ổ của mình và để cho chúng ta sống yên ổn. Ít ra là một thời gian…"

Ông thở dài. Đôi mắt sáng rực dịu đi khi nhìn sang Bran.

"Cho ta xem thanh gươm nào, con trai ta," ông nói.

Bran đã chăm chú nhìn ông từ lúc con thuyền kia xuất hiện. Giờ đây, không chút thay đổi trong ánh mắt đầy tập trung, cậu đứng thẳng người, dáng vẻ mảnh khảnh nhợt nhạt, gương mặt không sắc, mái tóc trắng nổi bật, rồi giơ cao thanh gươm Eirias đang rực cháy ngọn lửa xanh lam trong một cử chỉ chào trang trọng.

"Và nó vẫn cháy lên vì Bóng Tối. Vẫn là lời cảnh báo." Những lời ấy như một tiếng thở dài khác.

Bran đáp lại, giọng quyết liệt:

“Nhưng lần này, chúng tôi sẽ quét sạch Bóng Tối, thưa ngài. Chúng tôi sẽ đến chỗ Cây Hạ Chí trước chúng, rồi đẩy lui chúng ra ngoài, ra khỏi Dòng Thời Gian.”

“Phải rồi. Và ta cũng phải hoàn lại một vật đã được đưa đến để trợ giúp ta, vật ấy đã hoàn thành sứ mệnh và giờ đây phải phục vụ các con.” Ông vén chiếc áo choàng ra sau và tháo Vòng tròn Dấu Hiệu đang đeo quanh cổ. “Hãy nhận lấy, hỡi Kẻ Tìm Dấu Hiệu. Cùng với lời chúc phúc của ta.”

Will tiến đến mép thuyền, nhận lấy chuỗi xích lấp lánh từ đôi tay rám nắng rắn rỏi, rồi cậu đeo nó vào cổ, cảm nhận sức nặng của nó kéo căng hai vai.

“Cảm ơn ngài, thưa ngài.”

Sương mù xoáy cuộn quanh hai chiếc thuyền trên dòng sông xám; bỗng tản ra một lúc, làm thoáng lộ ra đoàn thuyền đông đúc phía trước và sau; rồi khép lại, để mọi thứ trở nên mờ mịt vô định.

“Vòng Tròn đã gần như hoàn chỉnh, chỉ còn một điều nữa thôi,” Merriman nói. “Và Bộ Sáu đã hợp lực vững vàng.”

“Thật vậy, và tất cả đều đã được chuẩn bị rất tốt.” Đôi mắt xanh sắc sảo lướt qua Jane, Simon và Barney, những đứa trẻ đang đứng lặng người, tràn đầy kính sợ, rồi Arthur gật đầu chào chúng. Nhưng rồi đầu ông lại quay về phía Bran, như thể bị một sức hút vô hình, nhìn đăm đăm vào thân hình mong manh nhợt nhạt ấy, tay cầm thanh gươm Eirias, mái tóc trắng mượt trong làn sương, đôi mắt nâu hổ phách hơi nheo lại trước ánh sáng.

“Và khi mọi chuyện kết thúc, con trai ta,” giọng ông dịu lại. “Khi tất cả kết thúc, con có muốn cùng ta ra khơi trên Pridwen, con thuyền của ta không? Con có muốn cùng ta đến tòa lâu đài vòng bạc ở cuối Gió Bắc, nơi có sự yên bình dưới những vì sao, và những vườn táo luôn nở rộ?”

“Vâng,” Bran đáp. “Ôi vâng!” Gương mặt nhợt nhạt ấy bừng sáng trong niềm hân hoan và một sự thành kính gần như tôn thờ; Will nhìn cậu và nghĩ rằng chưa bao giờ thấy cậu sống động đến thế.

“Và đó sẽ là một giấc ngủ yên lành hơn giấc trước, và sẽ không có hồi kết. Không như lần trước.” Arthur nhìn vào sương mù, gương mặt râu ria trĩu nặng buồn bã, như đang nhìn vào quá khứ nơi ông xuất hiện.

“Bởi chiến thắng lớn lao của chúng ta trước Bóng Tối ở Badon cũng không kéo dài được bao lâu. Người Briton chúng ta sống yên ổn ở phần đất của mình, người Anglo thì sống hoà bình ở phần của họ, và Pax Arturus thịnh vượng kéo dài được hai chục năm. Nhưng rồi đám Saxon lại đến, bọn cướp biển khát máu ấy, ban đầu lác đác rồi sau hóa thành lũ, tràn về phía Tây qua phần đất chúng ta, từ Kent tới Oxford, từ Oxford tới Severn. Và tàn dư cuối cùng của thế giới xưa bị xóa sạch, thành thị, cầu cống, ngôn ngữ—tất cả đều tan biến, tất cả đều chết.”

Giọng ông giờ đây đầy thống khổ; một khúc ai oán kéo dài.

“Mất hết, tất cả đều mất… Lũ man rợ đem Bóng Tối đến, và tay sai của Bóng Tối thì hưng thịnh. Thợ thuyền, nghệ nhân của ta thì bỏ đi hoặc chết, không ai thay thế ngoại trừ bọn vua chúa giả tạo. Và trên những con đường của chúng ta, trên những lối đi xưa cũ, cỏ xanh mọc tràn.”

“Và con người trốn chạy về phương Tây,” Merriman nói khẽ, từ mũi thuyền của họ, “đến những vùng đất cuối cùng nơi ngôn ngữ cổ vẫn còn, trong một thời gian. Đến nơi mà Ánh Sáng luôn chờ đợi cho sức mạnh Bóng Tối suy giảm, để con cháu của những kẻ xâm lăng có thể được thuần hóa bởi chính mảnh đất mà tổ tiên chúng từng tàn phá. Và một trong những người chạy trốn ấy mang theo một chén vàng gọi là Chén Thánh, trên thành chén khắc một thông điệp mà về sau sẽ giúp thời đại ấy có thể chống chọi tốt hơn với lần trỗi dậy cuối cùng và hiểm ác

nhất của Bóng Tối—lần mà nó không trỗi dậy bằng máu đổ, mà bằng sự băng giá trong tim người."

Arthur cúi đầu như thể nhận lỗi. Sương mù cuộn quanh ông; ông mờ dần đi, tấm áo choàng màu xanh biển cũng không còn sáng nữa.

"Đúng vậy. Và Chén Thánh đã được tìm thấy, cùng với tất cả những Pháp Vật khác, bởi sáu người các con, để Ánh Sáng được củng cố, để tất cả chúng ta trong Vòng Tròn có thể đến trợ giúp vào thời khắc cuối. Ta biết, hỡi sư tử của ta. Ta không quên hy vọng mà tương lai hứa hẹn, dù ta đau đớn vì nỗi thống khổ mà quê hương ta từng gánh chịu trong quá khứ."

Dòng sông bắt đầu đưa hai con thuyền tách xa nhau; âm thanh trận chiến và tiếng hò reo chiến thắng lại dậy lên từ làn sương quanh họ. Giọng Arthur trở nên xa dần, vọng lại như lời gọi cuối:

"Cứ đi đi, xuôi theo dòng sông. Ta sẽ sớm đến với các con."

Rồi con thuyền cùng cờ hiệu và binh lính ấy biến mất vào màn sương sáng rực, thay vào đó, bóng tối kéo đến cuồn cuộn quanh họ, từ hai bên dòng sông đang phát sáng, một bóng tối sâu thẳm và rộng lớn như biển cả, đập vào tâm trí họ, dâng lên, bao phủ.

John Rowlands từ từ đứng dậy ở đuôi thuyền, nơi ông đã ngồi lặng lẽ từ nãy giờ. Will chỉ thấy ông như một hình bóng mờ nhạt; cậu không rõ Rowlands nhìn thấy được bao nhiêu trong những điều đang xảy ra.

Rowlands vươn một cánh tay ra bóng tối, đứng ép sát vào mạn thuyền, và với giọng đầy sợ hãi lẫn khao khát, ông gọi điều gì đó bằng tiếng Welsh. Rồi ông kêu lên:

"Blodwen! Blodwen!"

Will nhắm mắt lại vì nỗi đau trong tiếng gọi ấy, cố không nghe, không nghĩ. Nhưng John Rowlands loạng choạng đi dọc theo con thuyền về phía họ, đầu ông hướng về ánh sáng xanh của

thanh gươm trong tay Bran như một ngọn hải đăng dẫn đường, và khi đến nơi, ông đưa tay ra nắm lấy vai Merriman.

Ánh sáng lấp lánh quanh họ như thể họ mang vầng trăng lên thuyền, trôi giữa mây mù, dù ánh sáng đó chỉ phát ra từ thanh gươm, cháy lên như một ngọn đuốc lạnh lẽo. John Rowlands nói, giọng căng thẳng trong đau đớn:

“Phải chăng nàng luôn như vậy? Luôn… đến từ bên ngoài thế gian này, giống như ông?” Ông nhìn Merriman như người đang cầu xin mạng sống, tha thiết. “Không có phần nào trong con người nàng là thật sao?”

Merriman buồn bã đáp, “Thật ư?”

Lần đầu tiên từ khi Will biết ông, giọng ông không còn vẻ quyền uy, mà bối rối, lạc lõng. “Thật ? Khi chúng ta sống trong thế giới của các ông, như ông, những kẻ thuộc về Ánh Sáng hay Bóng Tối, chúng ta cũng cảm, cũng thấy, cũng nghe như các ông. Nếu các ông đâm ta, ta cũng chảy máu, nếu các ông cù ta, ta cũng cười—chỉ là nếu đầu độc ta, ta không chết, và có những cảm xúc, tri giác trong chúng ta mà các ông không có. Và đến cuối cùng, những điều đó sẽ thống trị tất cả phần còn lại. Cuộc sống của ông với Blodwen là thật, nó đã tồn tại, bà ấy đã cảm nhận nó như ông. Nhưng… cũng có một phần khác mạnh mẽ hơn trong bản chất của bà ấy, mà ông chưa bao giờ thấy được.”

John Rowlands vùng tay, đấm mạnh vào mạn thuyền, một cú giáng dữ dội mà bàn tay ông dường như không hề cảm thấy đau.

“Dối trá!” Ông gào lên. “Tất cả chỉ là lừa dối, là giả vờ! Ông có thể chối cãi được sao? Tôi đã sống cả đời mình trong một lời dối trá!”

“Được rồi.” Vai Merriman trĩu xuống trong thoáng chốc, rồi chậm rãi dựng thẳng lên. Giọng ông, theo Will cảm nhận, chất chứa một nỗi mệt mỏi vô cùng.

“Ta xin lỗi, John. Ông trách Ánh Sáng sao? Nếu ông chưa bao giờ biết đến Bóng Tối, liệu lời dối trá ấy có bớt cay đắng hơn không?”

“Mặc kệ cả hai,” John Rowlands nói đầy chua chát. Ông nhìn Merriman, Bran, Will với ánh mắt lạnh lùng, giọng ông trào lên giận dữ và khổ sở.

“Mặc kệ các người. Chúng tôi từng hạnh phúc, trước khi chuyện này xảy ra. Tại sao các người không để chúng tôi yên?”

Và khi những lời ấy vẫn còn vang vọng trong không khí, thì một hình bóng hiện ra từ trong màn sương tối cuộn xoáy, như thể cưỡi trên âm vang của tiếng giận dữ: một hình thể đen tối, đang cưỡi ngựa. Mỗi người trên thuyền nhìn thấy hắn theo một cách khác nhau, dáng người cao lớn, khoác áo choàng, mũ trùm đã kéo xuống khỏi cái đầu ngạo nghễ.

Bran thấy Chúa tể Bóng Tối, kẻ đã truy đuổi cậu và Will qua Vùng Đất Mất Tích, đuổi theo chúng trong Thành Phố, rình chờ bên Lâu Đài, nổi cơn cuồng nộ khi chúng đoạt được thanh kiếm.

Jane, Simon và Barney thấy một gương mặt mà chúng từng mong được quên đi, từ những ngày xa xưa khi chúng bị cuốn vào cuộc truy tìm Chén Thánh của Ánh Sáng: một người đàn ông tóc đen, mắt đen, tên là Hastings, dữ dội và đầy quyền uy, và cuối cùng sôi sục trong khát vọng báo thù.

Will thấy Kỵ Sĩ Đen, đang cưỡi con chiến mã đen thui trong một cột mây mù xoáy tròn của Bóng Tối, với một bên mặt quay đi, không thể thấy rõ. Cậu bắt gặp tia nhìn lóe lên từ con mắt xanh lam dưới mái tóc hạt dẻ lấp lánh, và cái phất tay áo choàng khi Kỵ Sĩ xoay mình trên yên, chỉ thẳng vào Bran. Con ngựa cao lớn chồm lên trên đầu chúng, móng sáng lấp lánh, mắt trắng trợn trừng.

Bên cạnh, Will thấy Jane theo phản xạ cúi đầu né tránh.

“Một lời thách thức, Merlion!” Kỵ Sĩ Đen gọi. Giọng hắn vang lên rõ ràng nhưng mơ hồ, như bị bóng tối xung quanh bóp nghẹt. “Chúng ta tuyên bố rằng không có chỗ cho Pendragon, thằng bé ấy, trong cuộc hành trình và sứ mệnh này. Một lời thách thức! Nó phải rời đi!”

Merriman xoay ngoắt lại, quay lưng đi với vẻ khinh miệt. Nhưng Kỵ Sĩ không biến mất, vẫn bám sát họ, tháp mây đen vần vũ quanh hắn trôi theo dòng sông sương mù cùng họ—nhưng rồi dần dần chậm lại, chậm lại, đúng như Will nhận ra rằng chính chiếc thuyền chở họ cũng đang chậm lại. Rồi nó dừng hẳn, lặng lẽ trên làn nước tĩnh. Trong một thoáng, màn sương phía trước rẽ ra như thể ánh sáng mờ mờ của mặt trời chiếu xuyên qua; họ thấy thấp thoáng những cánh đồng xanh, những triền đồi mướt mát và những vòm cây đậm màu hơn, tất cả đều treo lơ lửng trong sương mù rách rưới, chẳng rõ ràng.

Rồi từ trong sương, một cặp thiên nga bay tới, đôi cánh trắng lớn của chúng đập vào không khí làm gió hú qua từng sợi lông. Chúng chao lượn phía trên, khi ẩn khi hiện, lúc sáng lúc mờ qua từng khoảng sương, rồi cả hai cùng lao xuống, tiếp nước vụng về ở hai bên mạn thuyền, đáp xuống sông, lướt nhẹ, chiếc cổ dài lại cong lên duyên dáng.

Và ngay khoảnh khắc Will ngẩng lên khỏi hai chú thiên nga đẹp đẽ ấy, cậu thấy một bóng người đang đứng sừng sững trên mũi thuyền—chính là Quý Bà.

Bà không còn trẻ mà cũng chẳng già, vẻ đẹp như vượt khỏi thời gian: bà đứng thẳng tắp, dáng vẻ uy nghi, gió cuốn quanh những nếp áo choàng xanh nhạt như bầu trời ban mai.

Will vội bước tới, tràn ngập niềm vui, đưa tay ra chào mừng. Nhưng khuôn mặt thanh tú của Quý Bà vẫn nghiêm nghị; bà nhìn Will như thể không thực sự thấy cậu, rồi nhìn Merriman, rồi Bran. Ánh mắt bà lướt qua những người khác, dừng lại thoáng chốc nơi Jane, rồi quay về với Merriman.

“Lời thách thức được chấp thuận,” bà nói.

Will không thể tin vào tai mình. Giọng nói du dương ấy không hề mang chút cảm xúc nào; chỉ đơn thuần tuyên bố, không chút biểu lộ nhưng lại mang theo sự dứt khoát tuyệt đối. Merriman bước nhanh một bước về phía trước như theo bản năng, rồi dừng lại ngay; Will, không dám ngẩng đầu lên, thấy những

ngón tay dài của bàn tay xương xẩu gân guốc siết chặt thành nắm đấm, móng tay cắm sâu vào lòng bàn tay.

“Lời thách thức được chấp thuận,” Quý Bà lặp lại, lần này trong giọng bà có một rung động mơ hồ. “Bóng Tối đã viện đến Luật Tối Cao chống lại Ánh Sáng, cáo buộc rằng Bran ap Arthur không có chỗ đứng chính đáng trong phần này của Thời Gian, và vì vậy không được phép thực hiện hành trình đến chỗ Cây Hạ Chí. Thách thức đó là quyền của chúng, và phải được lắng nghe. Bởi nếu không được xét xử, thì Pháp Thuật Tối Cao sẽ không cho phép bất kỳ điều gì tiến xa hơn trong chuyện này.”

Vẻ đẹp trên gương mặt bà là một nỗi buồn sâu thẳm. Bà đưa một cánh tay ra, uyển chuyển như cánh chim trong làn sóng gợn của nếp áo choàng xanh nhạt, và năm ngón tay bà duỗi thẳng, chỉ về phía Bran. Trong một khoảnh khắc, gió thổi nhẹ trên mặt sông tĩnh lặng, mang theo âm thanh như tiếng nhạc dịu dàng trong không khí; rồi ánh sáng xanh trên lưỡi gươm Eirias vụt tắt, và bằng một chuyển động chậm rãi kỳ lạ, không phát ra âm thanh nào, thanh gươm rơi xuống sàn thuyền.

Bran cứng người lại rồi đứng bất động, thẳng tắp, hai tay buông xuôi hai bên sườn, dáng người mảnh khảnh trong bộ đồ tối, khuôn mặt giờ đây gần như trắng bệch như mái tóc, bị giữ lại giữa khoảnh khắc, như thể ra khỏi mọi chuyển động, thậm chí ra khỏi cả sự sống. Một vầng sáng mờ ảo hiện ra, bao phủ lấy cậu như một chiếc lồng ánh sáng, khiến cậu vẫn hiện diện cùng họ nhưng lại bị tách biệt hoàn toàn.

Quý Bà nhìn ra khoảng không, hướng ánh mắt về phía Kỵ Sĩ Đen đang lơ lửng trong màn tối mây mù.

“Hãy nói lời thách thức của ngươi đi,” bà nói.

CUỘC TRỖI DẬY

Kỵ Sĩ Đen cất tiếng: “Chúng ta thách thức thằng bé Bran, quê ở Clwyd, thung lũng Dysynni, xứ Gwynedd, từng được gọi là Bran Davies theo tên cha nuôi trong thế giới nơi nó trưởng thành, và được gọi là Pendragon theo cha ruột là Pendragon ở thế giới nơi nó ra đời. Chúng ta thách thức vai trò của nó trong chuyện này. Nó không có quyền.”

“Cậu ấy có quyền do huyết thống,” Will nói sắc lẹm.

“Đó chính là điều bị thách thức, Cổ Nhân. Các ngươi sẽ phải nghe.” Kỵ Sĩ Đen giờ không còn hiện hình; giọng hắn vang lên như vọng từ cõi u minh bên kia màn sương mù. Will bỗng cảm thấy có một đạo quân vô hình vô tận đang đứng sau lưng, ngoài kia trong bóng tối; cậu vội quay đi nơi khác.

Giọng trong trẻo của Quý Bà cất lên “Ngươi chọn ai làm người xét xử cho lời thách thức này, Chúa Tể Bóng Tối? Bởi ngươi có quyền chọn lựa, cũng như phe Ánh Sáng có quyền chấp thuận hay từ chối lựa chọn đó.”

Một khoảng ngừng cố ý. Rồi đột ngột, Kỵ Sĩ hiện hình trở lại, rõ ràng từng nét; chiếc mũ trùm đầu quay về phía Merriman.

“Chúng ta chọn người đàn ông tên John Rowlands,” hắn nói.

Merriman liếc nhìn Will; ông không nói gì, dù bằng lời lẫn thứ ngôn ngữ thầm lặng của các Cổ Nhân, nhưng Will có thể cảm nhận được sự do dự trong ông. Chính bản thân cậu cũng thấy một nỗi nghi ngờ lờ mờ – bọn chúng đang giở trò gì đây? – song cảm giác ấy tiêu tan, như con sóng đổ ập lên ghềnh đá rồi rút đi, khi cậu nghĩ đến John Rowlands và bao lý do lâu dài khiến họ đặt niềm tin vào sự phán xét của ông.

Merriman gật đầu. Ông ngẩng cao mái đầu bạc rối bời. “Đồng ý.”

John Rowlands lúc ấy không để ý gì đến họ. Ông đứng giữa thuyền, với Jane, Barney và Simon quây quanh trên một chiếc băng ghế, như thể họ vừa xích lại gần nhau để tìm chút an ủi, dù là cho ai thì Will cũng không dám chắc. Rowlands đang chăm chú nhìn Bran, gương mặt gầy gò sạm nắng căng thẳng đầy lo

lắng. Đôi mắt đen của ông lướt sang bóng hình yên tĩnh, rạng rỡ của Quý Bà rồi trở lại với làn sương sáng bao lấy Bran. “Bran bach,” ông lo lắng hỏi, “cháu ổn chứ?”

Nhưng không có lời đáp. Thay vào đó, Quý Bà quay gương mặt nghiêm trang về phía Rowlands và ông lập tức đứng yên lặng, ngước nhìn bà, dáng vẻ bối rối trong bộ com-lê đen đóng bộ như thể mượn từ ai khác.

“John Rowlands,” giọng dịu dàng như nhạc cất lên, “bây giờ ông sẽ nghe những lời nói dành cho ông, từ các Chúa Tể của Bóng Tối và Ánh Sáng, và ông phải lắng nghe từng bên thật kỹ, cân nhắc trong tâm trí mình giá trị của mỗi lời nói. Rồi ông phải nói ai là người đúng, không thiên vị, không e sợ. Và quyền lực của Pháp Thuật Tối Cao, đang hiện diện ở nơi này như khắp vũ trụ, sẽ đóng dấu xác quyết lên quyết định của ông.”

John Rowlands đứng đó, vẫn nhìn bà. Ông như bị choáng ngợp, nhưng hai gò má cao lộ rõ những vệt hồng, và đôi môi mím lại thành một đường thẳng cương nghị. Ông khẽ nói: “Tôi phải làm điều đó sao?”

Will giật nảy người, và cố không nhìn sang Quý Bà; cậu nghe Merriman khẽ rít qua kẽ răng.

Nhưng giọng Quý Bà trở nên trầm hơn, nhẹ nhàng hơn.

“Không, bạn thân mến à. Chuyện này không ép buộc. Nhưng chúng ta cầu xin một đặc ân từ ông, là đưa ra phán xét đó. Bởi trong thế giới loài người, số phận của chính con người đang bị đặt lên bàn cân, và không ai khác ngoài con người nên làm người phán xử. Ông đã chẳng từng nói như vậy sao, với các Cổ Nhân, ở đây và những nơi khác?”

John Rowlands quay sang nhìn Will, không biểu lộ gì. Rồi ông chậm rãi nói: “Được thôi.”

Đột nhiên Will nhận ra cậu đang được bao quanh bởi vô số Cổ Nhân, một đội quân mờ ảo, khắp chung quanh và sau lưng cậu trên dòng sông tĩnh lặng, mờ sương; lơ lửng trên những con

thuyền vô hình như chính con thuyền của họ mà cậu đã từng thoáng thấy qua, cũng như phương tiện đã đưa họ đi qua bao dặm đường và năm tháng của quần đảo Anh trong hình dáng một đoàn tàu. Cảm giác như cậu nghe thấy tiếng xì xào của một đám đông lớn, như cậu được chứng kiến toàn bộ Vòng tròn của các Cổ Nhân tụ họp hai lần trong đời; song thực ra chẳng có âm thanh nào ngoài tiếng gió rì rào trong những hàng cây ven sông. Giữ vững trong tâm trí cảm giác về sự hiện diện của họ, và ý thức về hình bóng Merriman trong chiếc áo choàng xanh đang đứng bên cậu, Will nhìn thẳng và không hề nao núng vào màn sương đen xoáy cuộn của phe Bóng Tối – điều mà trước giờ cậu chưa từng dám làm. Giọng của Kỵ Sĩ vang lên mạnh mẽ, đầy tự tin từ trong đó.

"Vậy thì phán xét đi. Ngươi đã biết thằng nhóc Bran sinh ra từ thời xa xưa, và được đưa đến tương lai để lớn lên. Mẹ nó đã mang nó đi, vì bà ấy từng lừa dối chồng mình – Arthur – một cách nghiêm trọng trong thời đại của bà ấy, và dù đứa trẻ là con ruột của ông, bà ấy vẫn sợ ông sẽ không tin điều đó."

John Rowlands nói, giọng trống rỗng: "Đàn ông quả là dễ bị lừa dối."

"Nhưng đàn ông cũng biết thứ tha," Kỵ Sĩ lập tức nói, giọng mượt mà. "Và người cha của cậu bé sẽ tha thứ, sẽ tin Guinevere, nếu như có cơ hội. Nhưng một Chúa Tể của phe Ánh Sáng đã đưa Guinevere đi xuyên qua Thời gian, theo lời bà ấy yêu cầu, và vì thế không có cơ hội nào cả, và đứa trẻ đã bị đem đi."

Merriman cất lời, trầm và êm: "Theo yêu cầu của bà ấy."

"Nhưng," Kỵ Sĩ nói, "và hãy nhớ lấy điều này, John Rowlands – nhưng, không phải đến thời điểm mà bà ấy mong muốn."

Will cảm thấy một sự lạnh lẽo len vào tâm trí: một linh cảm rợn người, như một vết nứt nhỏ dần lan ra trong con đê vững chãi chắn biển. Áo choàng của Merriman khẽ sột soạt bên cạnh cậu.

Giọng Kỵ Sĩ vẫn bình thản, đầy tự tin. "Bà ấy đến vùng núi Gwynedd, mang theo con trai, mà không nghĩ đến thời đại nơi

mình đặt chân tới. Và một người đàn ông thế kỷ hai mươi, tên là Owen Davies, đã đem lòng yêu bà ấy, rồi cưới bà và nuôi dạy đứa trẻ như con ruột khi bà ấy lại một lần nữa biến mất. Nhưng thế kỷ ấy không phải do bà ấy lựa chọn. Bà ấy đi đến nơi mà Chúa Tể phe Ánh Sáng đưa tới, bà ấy chẳng bận tâm. Nhưng phe Ánh Sáng thì rất bận tâm."

Đột nhiên giọng hắn cao vút, sắc lẹm và buộc tội: "Phe Ánh Sáng đã chọn, và đảm bảo rằng Bran ap Arthur, Bran Pendragon, sẽ lớn lên đúng nơi, đúng lúc để phục vụ cho nhiệm vụ của phe Ánh Sáng. Và vì thế, mọi lời tiên tri cổ xưa đều chỉ được hoàn thành nhờ sự can thiệp vào Thời gian. Đó chính là sự bóp méo các điều khoản của Pháp Thuật Tối Cao, và vì vậy chúng ta tuyên bố rằng thằng bé Bran, người chỉ có mặt ở đây do sự sắp đặt của phe Ánh Sáng, nên quay lại thời đại mà nó thực sự thuộc về."

John Rowlands trầm ngâm suy nghĩ: "Gửi cậu ấy trở lại hơn một ngàn năm trước ư? Khi ấy người ta nói thứ tiếng gì?"

"Latin," Will đáp.

"Cậu ấy biết rất ít tiếng Latin," John Rowlands nói, mắt nhìn ra màn sương đen bên kia dòng sông.

"Ngươi thật khinh suất," giọng từ bóng tối vang lên, gay gắt. "Nó có thể chỉ bị đưa ra khỏi dòng thời gian, như hiện tại, miễn là không tham gia vào chuyện đang diễn ra."

"Tôi không khinh suất," John Rowlands vẫn nhẹ nhàng. "Tôi chỉ đang tự hỏi, làm sao có thể nói rằng một cậu bé thuộc về một thời đại mà đến ngôn ngữ của thời đó cậu ấy còn không biết. Chỉ là đang tự hỏi thôi, thưa ngài, để còn phán xét."

Merriman cất lời, vẫn không rời vị trí ở đuôi thuyền: "Thuộc về. Đó là câu trả lời cho lời thách thức này. Dù mẹ của cậu bé hay phe Ánh Sáng là bên đã chọn thời đại để cậu lớn lên, hay thậm chí việc đó là ngẫu nhiên đi chăng nữa, thì cậu cũng đã tự gắn bó với thời đại ấy. Cậu đã tự ràng buộc mình bằng tình yêu với

những người cậu sống cùng ở đó, đặc biệt là Owen Davies, cha nuôi của cậu, và người bạn của ông – John Rowlands."

"Phải," Rowlands nói, ngẩng lên với vẻ lo lắng hệt như trước, nhìn vào chiếc lồng ánh sáng kỳ lạ nơi Bran vẫn đứng bất động.

"Những sợi dây yêu thương như vậy," Merriman nói tiếp, "nằm ngoài sự kiểm soát của cả Pháp Thuật Tối Cao, bởi đó là điều mạnh mẽ nhất trên cõi đời này."

Nhưng rồi từ trong bóng tối bên cạnh họ, trên mặt nước tĩnh lặng, từ một phương hướng không thể xác định, một giọng nói hoảng hốt vang lên tha thiết:

"John! John ơi!"

Đầu John Rowlands giật bắn lên, vừa cảnh giác vừa khát khao.

"Là bà Rowlands!" Jane thì thầm.

"Bà ấy ở đâu?" Barney xoay người tìm quanh, vì giọng nói dường như vọng ra từ không trung.

"Kia kìa!" Simon chỉ tay. Giọng cậu lạc đi. "Kia…"

Chúng chỉ nhìn thấy khuôn mặt bà, le lói trong bóng tối cuộn xoáy cạnh con thuyền, cùng đôi tay đang đưa ra phía trước. Bà đang nhìn John Rowlands khẩn khoản, và giọng bà là chất giọng dịu dàng, ấm áp mà chúng từng biết thuở ban đầu, nhưng giờ đây ngập đầy sợ hãi.

"John, giúp em, giúp em với — em không hề dính dáng gì tới tất cả những chuyện này, em đang bị khống chế. Có một tâm trí của Bóng Tối xâm nhập vào em, rồi… em nói những điều em không hiểu, làm những việc em không biết là gì… John, chúng ta cũng từng có mối gắn bó yêu thương của riêng mình. Shoni bach, anh phải giúp em, họ nói họ sẽ tha cho em nếu anh chịu giúp họ!"

"Giúp… họ à?" John Rowlands nói một cách khó khăn; giọng ông nghe chậm rãi và khô khốc.

"Hãy lập lại cán cân," Kỵ Sĩ Đen nói cộc lốc. "Hãy đưa ra phán quyết đúng đắn, rằng phe Ánh Sáng không có quyền nhận được

sự trợ giúp của thằng bé Bran. Và chúng ta sẽ rút khỏi tâm trí vợ ngươi, Blodwen Rowlands, và trả bà ấy lại cho ngươi."

"Làm ơn đi, John?" Bà Rowlands vươn tay về phía ông, và sự van nài trong giọng bà da diết đến mức Jane, khi nghe, thấy mình khó mà ngồi yên nổi. Tất cả những điều cô từng biết về Blodwen Rowlands đều vụt tan biến khỏi đầu; cô chỉ còn nghe thấy nỗi bất hạnh và khát khao của một con người bị chia lìa khỏi người thương.

"Bị khống chế." giọng John Rowlands vẫn mang cái âm thanh cọt kẹt kỳ lạ, như thể từng lời đều phải gắng sức mới thoát ra được. "Có giống như kiểu bị quỷ ám người ta hay nói ngày xưa không?"

Kỵ Sĩ Đen bật cười khẽ, một âm thanh lạnh lẽo.

Blodwen Rowlands vội vã nói:

"Đúng, đúng, giống như vậy. Chính là Bóng Tối chiếm lấy tâm trí em, biến em thành một kẻ khác mỗi khi nó xuất hiện. Ôi John cariad, hãy nói những gì họ muốn, để mình được về lại ngôi nhà nhỏ, sống hạnh phúc như bao năm qua. Tất cả chỉ là một cơn ác mộng thôi — em muốn được về nhà."

Hai nắm tay John Rowlands siết chặt khi giọng nói đầy khẩn cầu kia cất lên tha thiết; ông nhìn chăm chăm vào khuôn mặt vợ mình thật lâu, thật kỹ. Ông quay sang nhìn Merriman và Will, rồi cuối cùng là hình bóng cao vời lặng lẽ của Quý Bà, nhưng cả ba người đều nhìn ông không chút biểu cảm, không đe dọa, không van xin, cũng chẳng khuyên bảo. John Rowlands quay lại nhìn Blodwen — và Jane bỗng cảm thấy một cảm giác trống rỗng đến sững sờ ở sâu trong lòng, vì ánh nhìn trên mặt ông lúc này giống như lời từ biệt buồn bã với một điều đã vĩnh viễn mất đi.

Giọng ông dịu dàng, trầm thấp, mà họ chỉ vừa đủ nghe giữa tiếng gió thì thầm trên bờ sông.

“Tôi không tin bất cứ thế lực nào có thể chiếm lấy tâm trí của một con người, Blod — hoặc bất kể cô tên thật là gì. Tôi tin vào ý chí tự do được ban cho bởi Thượng Đế, cô hiểu chứ. Tôi nghĩ chẳng có gì bị ép buộc cả, ngoại trừ những điều do chính con người như chúng ta gây ra cho nhau. Tôi tin rằng mọi lựa chọn đều là của riêng chúng ta. Vậy nên nếu cô không bị khống chế, thì cô hẳn đã liên kết với Bóng Tối vì cô tự chọn như vậy — điều ấy thật đau đớn đối với tôi sau bao năm sống bên nhau. Hoặc nếu không, thì cô không phải là người, mà là một sinh vật hoàn toàn thuộc về Bóng Tối, một sinh vật khác hẳn, mà tôi chưa từng thực sự biết đến.”

Giọng trầm ấm ấy lơ lửng trên dòng sông mù sương, và trong một thoáng, chẳng có âm thanh hay cử động nào ở bất cứ đâu, cả từ đoàn thuyền mơ hồ của phe Ánh Sáng lẫn khoảng trống dày đặc của Bóng Tối. Khuôn mặt lấp lánh của Blodwen Rowlands vẫn còn đó, cùng thân hình cao lớn của Kỵ Sĩ.

Giọng thì thầm sâu thẳm của John Rowlands tiếp tục, như thể ông đang tự nói với chính mình:

“Còn về Bran, đó là câu chuyện của một cậu bé mà lựa chọn ban đầu không phải do bản thân đưa ra, nhưng từ đó trở đi, đã sống cuộc đời của chính mình. Điều mà, rốt cuộc, cũng là tất cả những gì có thể nói về phần lớn chúng ta. Thằng bé thực sự đã tự tạo cho mình những mối gắn bó yêu thương — với cha nó, dù là cha nuôi đi chăng nữa. Với tôi, và với những người đã chứng kiến nó lớn lên ở nông trại Clwyd. Chỉ trừ… vợ tôi, như tôi từng nghĩ.”

Giọng ông nhỏ dần, rồi tắt hẳn, ông nuốt khan và im lặng một lúc lâu.

Jane vẫn chăm chú nhìn khuôn mặt Blodwen Rowlands; cô thấy nó bắt đầu dần dần trở nên cứng rắn. Nỗi khao khát rơi khỏi như một lớp mặt nạ, để lộ ra vẻ thờ ơ và cơn giận lạnh lẽo.

“Nếu tôi phải phán xét,” John Rowlands nói, “thì tôi phán rằng Bran Davies thuộc về thời đại mà cả thằng bé và tôi đang sống.

Và vì cậu bé ấy không đứng ngoài cuộc, như tôi, mà đã chọn đứng về phía phe Ánh Sáng và liều mình vì họ — thì không có lý do gì ngăn cản cậu ấy tiếp tục trợ giúp họ. Cũng như… kẻ khác… có quyền giúp Bóng Tối nếu họ muốn."

Ông ngẩng lên nhìn Quý Bà.

"Đó là phán quyết của tôi."

Giọng ông bỗng trở nên thô ráp, quê mùa, như thể cố ý tách mình ra.

Quý Bà nói rõ ràng:

"Pháp Thuật Tối Cao công nhận, và cảm ơn ông, John Rowlands. Phe Ánh Sáng chấp nhận rằng đây là luật."

Bà hơi xoay người về phía bờ sông, nơi bóng tối cuộn trào sau màn sương; ánh sáng quanh bà như rực lên, và giọng bà vang lớn:

"Còn phe Bóng Tối thì sao, Kỵ Sĩ?"

Gió bắt đầu nổi lên, giật tung chiếc áo choàng xanh dài của bà; đâu đó xa xa, tiếng sấm rền vang.

Kỵ Sĩ Đen nói, giọng đầy phẫn nộ kiềm nén:

"Đó là luật." Hắn tiến ra một chút từ nơi trú ẩn tăm tối, kéo chiếc mũ trùm xuống, và đôi mắt xanh của hắn ánh lên trên khuôn mặt đầy sẹo. "Ngươi là một kẻ ngu ngốc, John Rowlands! Vì một lý tưởng vô danh mà tự hủy diệt mái ấm của mình"

"Vì sinh mệnh của một cậu bé," John Rowlands đáp.

"Hắn luôn là kẻ ngốc!" giọng Blodwen Rowlands vang ra từ bóng tối, the thé, mạnh mẽ hơn trước; đó lại là giọng của Kỵ Sĩ Trắng, và ngay lập tức, Will nhận ra điều cậu vẫn luôn cảm thấy — sự tương đồng giữa hai giọng nói — mà chưa từng nghĩ tới việc kết nối chúng lại. Và từ nét mặt Jane, cậu biết cô cũng vừa nhận ra sự thật rợn người ấy.

Sấm lại vang lên, gần hơn.

“Một kẻ yếu đuối, yn ffwl mawr!” Blodwen Rowlands gào lên. “Một kẻ chăn cừu và chơi đàn hạc! Ngu ngốc! Ngu ngốc!” Và giọng bà vút lên giữa tiếng gió mỗi lúc một lớn, rồi bị cuốn bay đi trong bầu trời tối sầm. Xung quanh họ, màn sương cũng bắt đầu sẫm màu, và bầu trời trên cao cuồn cuộn những tầng mây đen dày đặc.

Quý Bà giơ tay, năm ngón tay chỉ về phía Bran, nơi cậu vẫn đứng bất động trong chiếc lồng sương sáng rực. Có một thoáng âm nhạc vang lên trong tai Will, tuy cậu không biết có ai khác nghe thấy không, và rồi Bran hiện ra rõ ràng, thanh gươm Eirias trong tay, và lưỡi gươm rực cháy thứ ánh sáng xanh lạnh lẽo.

Bran giơ cao Eirias như một ngọn đuốc. Phía sau và quanh cậu, Will cảm nhận được phe Ánh Sáng đang dâng lên, tiến về phía trước, và cậu thấy chiếc thuyền của cậu lại bắt đầu di chuyển, nước vỗ vào mũi thuyền, lăn tăn những con sóng nhỏ nổi lên theo gió. Cậu biết những chiếc thuyền khác trong hạm đội mờ ảo của họ cũng đang chuyển động. Nhưng cùng lúc đó, bầu trời càng lúc càng sẫm lại, tối hơn nữa, đầy ắp những đám mây khổng lồ cuộn cuộn…

Gió bất chợt giật mạnh hơn; cậu thấy áo choàng của Quý Bà cuộn xoáy quanh thân hình mảnh mai, và chiếc áo choàng sẫm màu của Merriman phồng lên như cánh buồm no gió trên mũi thuyền. Rồi trong thoáng chốc, mọi ánh sáng quanh họ bị che khuất, khi cơn lốc xoáy gầm rú của Bóng Tối trỗi dậy, cuộn lên bầu trời, lướt qua và vượt lên phía trước, lượn quanh đường chân trời để gom góp sức mạnh cuối cùng.

Chỉ còn một vệt sáng vẫn rực rỡ. Đứng trên mũi thuyền, Bran vung thanh kiếm pha lê thành một đường xanh lam rạch ngang không khí, và màn sương đen xé ra thành một khe hở lởm chởm, ngày càng mở rộng. Họ thấy những cánh đồng xanh đang nhô lên phía trước, và đột nhiên tất cả đều đang đứng trên một sườn đồi phủ cỏ xanh mượt, với dòng sông giờ đây chỉ còn là tiếng thì thầm mơ hồ nơi xa xăm.

“Ở sát bên nhau, cả Sáu người,” Merriman nói. Ông dẫn họ bước lên triền cỏ. Vòng dây chuyền Dấu hiệu quanh cổ Will vang lên ngân nga như nhạc. Cậu cảm nhận được vô vàn hình bóng mờ ảo của Vòng Tròn đang vây quanh, che chở và thúc giục họ tiến bước. John Rowlands đi bên Quý Bà, mặt đờ đẫn như kẻ đang mộng du. Sấm rền vang trên đầu.

Rồi màn sương cuối cùng cũng tan biến, và trong ánh sáng lờ mờ dưới bầu trời u ám, họ thấy một hàng cây hiện ra phía trước: một khu rừng sồi mọc lên trên một ngọn đồi phấn trắng—và từ từ, hiện dần trên sườn đồi trước cánh rừng, là một cái cây đơn độc khổng lồ. Nó thành hình ngay trước mắt họ, từ bóng dáng mờ nhạt dần trở nên rõ nét và thật hơn; vươn cao, toả rộng, những chiếc lá to bản xào xạc lay động trong gió. Thân cây to bằng mười người ôm, cành xòe rộng như một ngôi nhà. Đó là một cây sồi, to lớn và cổ xưa hơn bất kỳ cây nào họ từng thấy.

Trên đầu họ, tia chớp xé rách một đám mây đen, và tiếng sấm nện xuống như nắm đấm khổng lồ.

Barney khẽ thì thầm, “Bạc trên cây…?”

Bran giơ cao thanh Eirias, chỉ lên cây, một động tác đầy kiêu hãnh. “Kìa, nơi nhánh đầu tiên chia đôi—ở đó!”

Và qua những cành lá đung đưa, họ thấy cây tầm gửi—một cụm lạ lẫm, màu xanh của nó khác hẳn với màu xanh của cây sồi: những thân leo quấn lấy nhau và những chiếc lá nhỏ, mọc trên cây, hơi lấp lánh như có ánh sáng riêng. Will nhìn chăm chú vào cây tầm gửi và như thấy nó đang thay đổi, chập chờn; cậu chớp mắt liên hồi để cố nhìn rõ một thứ gì đó ở giữa cụm cây.

Áo choàng sẫm của Merriman cuốn quanh ông trong cơn gió đang nổi lên. “Sẽ chỉ có một chùm hoa,” ông nói, giọng khàn đặc căng thẳng. “Và chúng ta sẽ thấy từng nụ hé nở, và chỉ khi mọi bông hoa sáng rực trên chùm ấy bung nở, thì ta mới được cắt. Khi ấy—không sớm hơn, không muộn hơn, mà chỉ đúng khoảnh khắc đó—phép màu vĩ đại mới phát huy hiệu lực. Và

cũng chính khoảnh khắc ấy, người cắt tầm gửi phải được Sáu người bảo vệ, mỗi người mang theo một Dấu hiệu."

Ông quay ánh mắt thâm trầm nhìn Will, và Will đưa tay lên cổ để tháo vòng dây chuyền Dấu hiệu.

Nhưng trước khi cậu kịp chạm vào, tia chớp trắng chói loà bỗng lóe lên gần hơn từ tầng mây đen trên đầu. Will thấy dáng cao lớn của Merriman khựng lại, quay mặt về phía cây sồi khổng lồ. Cậu cũng quay lại, tìm cây tầm gửi, và lập tức thấy một tia sáng dữ dội như lửa phát ra từ giữa cụm xanh kì lạ kia. Khoảnh khắc đã đến; nụ đầu tiên trên chùm tầm gửi vừa bung nở.

Và cùng với đó, Bóng Tối trỗi dậy.

Will chưa từng—dù bằng bất kì bùa chú nào—biết được điều đó sẽ như thế nào. Về sau, cậu nghĩ nó có lẽ giống như tâm trí một người đột ngột phát điên hoàn toàn. Mà còn tệ hơn, bởi giờ là cả thế giới phát điên. Tựa một vụ nổ không âm thanh, sức mạnh khủng khiếp của Bóng Tối làm mọi thứ quanh cậu rung chuyển, giác quan cậu chao đảo; cậu lảo đảo, quờ quạng tìm điểm tựa mà không có. Mọi thứ trở nên hỗn loạn; đen thành trắng, xanh thành đỏ; tất cả chập chờn và nhấp nháy như thể mặt trời đã nuốt chửng trái đất. Một cây đỏ thẫm khổng lồ hiện ra phía trên cậu trên nền trời trắng rực; các thành viên khác của nhóm Sáu người chớp ẩn chớp hiện như ảnh âm bản, những dáng hình mờ mịt với hàm răng đen và đôi mắt trắng toát trống rỗng. Tiếng sấm ì ầm không dứt lấp đầy tai và tâm trí cậu; cậu thấy buồn nôn và chóng mặt, vừa lạnh vừa nóng, mắt díu lại, cổ họng thắt nghẹn.

Không thể cử động tay chân, qua mí mắt nặng trĩu, cậu lờ mờ thấy Simon, Jane và Barney đã ngã xuống đất; họ vùng vẫy cố gượng dậy như đang bị đè nặng. Bóng Tối phủ xuống họ; quay đầu thật chậm, Will rùng mình kinh hãi khi thấy nửa bầu trời, nửa thế giới sau lưng cậu bị lấp đầy bởi lốc xoáy đen khổng lồ của Bóng Tối, quay cuồng giữa mây và đất, vượt khỏi sức cảm nhận của giác quan. Cậu thấy Bran lảo đảo, nâng cao một vệt lửa

xanh lam, như đang tựa vào đó để đứng vững. Xanh sáng, cậu nghĩ, chưa từng thấy ánh xanh nào sáng đến vậy, trừ đôi mắt Quý Bà. Quý Bà, Quý Bà đâu rồi? Nhưng cậu không thể xoay người tìm bà, mà chỉ khuỵu gối trong lúc thế giới đảo điên trong tầm nhìn chao đảo của mình. Và hoàn toàn ngẫu nhiên, bàn tay yếu ớt của cậu chạm vào chuỗi Dấu hiệu đeo trước ngực.

Và ngay lập tức, cậu nhìn thấy rõ ràng, và ngỡ ngàng trước những gì mình thấy. Xuyên qua bầu trời giông bão, xé toạc những đám mây xám-đen khổng lồ, sáu kỵ sĩ phi xuống, lao vun vút. Ba người mỗi bên, là những hình bóng ánh lên sắc xám bạc, cưỡi trên những con ngựa cùng màu: phi nước đại, áo choàng bay phần phật, kiếm tuốt trần trong tay. Một người trong số họ đội vòng bạc sáng lấp lánh trên đầu, nhưng Will không nhìn rõ được mặt ông.

“Những Người Say Ngủ đang tới!” Bran gọi Will. Will thấy cậu ngửa người ra sau, chăm chú nhìn lên, nổi bật trên nền cỏ xanh với mái tóc trắng và thanh gươm rực lửa xanh giương cao. “Bảy Người Say Ngủ, giờ thành Kỵ sĩ, đúng như tớ từng nói!”

“Nhưng tôi vẫn nhớ chỉ có sáu Người Say Ngủ thôi,” Will khẽ nói với Merriman, khẽ đến mức biết chắc Bran không thể nghe thấy. “Sáu Người Say Ngủ, cổ xưa nhất trong những người xưa, mà chúng ta từng đánh thức dậy từ giấc ngủ dài bên hồ, bằng cây đàn hạc vàng.”

Merriman không động đậy, cũng không đáp lời, chỉ đứng nhìn lên bầu trời khủng khiếp. Và khi Will ngước nhìn những Kỵ Sĩ Ánh Sáng đang lượn vòng, một vùng sáng dài bắt đầu rạng lên ở phía đông. Và như một mặt trời trắng mọc lên, một hình bóng khác lao qua bầu trời: một kỵ sĩ khác, hình thù khác, không giống bất kì sinh vật nào trên trái đất.

Đó là một người đàn ông cao lớn cưỡi con ngựa trắng óng ánh như vàng, nhưng đầu ông ta có sừng như đầu hươu, với cặp gạc sáng loáng uốn cong thành bảy nhánh. Khi Will nhìn chằm chằm, ông ta ngẩng cao đầu, ánh sáng vàng lóe lên trong đôi

mắt tròn màu hung như mắt cú, và ông ta phát ra một tiếng gọi giống như tiếng người đi săn thổi tù và gọi bầy chó săn. Và xuyên qua bầu trời phía sau ông ta, rền vang và tru rống, tràn tới một bầy chó săn trắng ma quái to lớn không thấy điểm cuối, tai đỏ, mắt đỏ - những sinh vật đáng sợ chạy theo dấu vết mà không một quyền lực sống nào có thể ngăn cản. Chúng lượn quanh vó ngựa của Thợ Săn, cao trên trời, khi ông ta bật lên một tràng cười khủng khiếp, thích thú vì cuộc săn đuổi; chúng vây lấy những con ngựa xám bạc của các Người Say Ngủ, đang nôn nóng đứng chờ để gia nhập bầy săn.

Rồi Thợ Săn gào lên một tiếng hoang dại, phát hiệu lệnh thả bầy săn, và ông ta cùng bảy kỵ sĩ xám ma —phóng qua đám mây với Đàn Chó Hủy Diệt theo sau như bão lũ, mắt đỏ rực cháy, ngàn cổ họng tru vang như tiếng vỗ cánh của đàn ngỗng thiên di: Cuộc Săn Hoang Dại, chống lại Bóng Tối lần cuối cùng.

Cái hình nón bão khổng lồ của Bóng Tối quần đảo và quằn quại khắp bầu trời như thể đang hấp hối, và đỉnh của nó dường như tách rời ra. Một trận vùng vẫy kinh khủng tràn ngập bầu trời, cho đến khi, với một cú co giật cuối cùng tưởng chừng lôi nửa bầu mây trời sập xuống đất, cột lốc đen khổng lồ ấy vọt lên và lao đi mất hút vào hư không, với các Người Say Ngủ và Cuộc Săn Hoang Dại tru rống truy đuổi không thương xót.

Nhưng Herne Vĩ Đại, Thợ Săn, ghì cương con ngựa trắng-vàng đang phóng lên cao giữa trời với lực ghìm dữ dội, và ông ta xoay ngươi tìm kiếm qua những đám mây tơi tả cuộn xoáy bằng đôi mắt hoang dã màu hung. Và trong nỗi kinh hoàng mới, Will thấy điều ông ta đang tìm—đỉnh cao của quyền lực Bóng Tối sẽ không bao giờ tháo chạy: hai hình bóng to lớn, nay đã trở nên bất khả xâm phạm trong toàn bộ quyền năng của chúng— Kỵ Sĩ Đen và Kỵ Sĩ Trắng của Bóng Tối, đang phóng ra từ trời cao trong một cú lao dài hướng thẳng xuống ngọn đồi Chiltern phủ cỏ và cái cây bị phù phép.

Will nghe tiếng Simon hét lên từ bên cạnh cái cây—âm thanh đầu tiên phát ra từ nhóm Sáu Người sau quãng thời gian họ nín

thở theo dõi—và cậu quay đầu lại thì thấy những điểm sáng nhỏ rực rỡ lóe lên trên cái cây, khi thêm nhiều nụ non trên cụm tầm gửi bật nở thành hoa diệu kỳ. Bàn tay cậu đưa lên cổ, đúng lúc cậu nghe thấy tiếng gọi không lời của Merriman vang lên trong tâm trí, và cậu giật đứt vòng Dấu Hiệu. Cao trên trời, các Kỵ Sĩ—nay đã phóng to tới kích thước khổng lồ—lao vùn vụt xuống đất. Will hét lên gọi Simon, Barney và Jane:

"Sáu Dấu Hiệu sẽ bừng cháy! Mỗi người cầm một Dấu Hiệu, và bao quanh cái cây!"

Họ ở bên cạnh cậu, háo hức, đưa tay ra, và trên sợi xích vàng, từng Dấu Hiệu dễ dàng tách khỏi phần còn lại như thể vàng đang chảy ra và tan biến như sáp. Simon cầm lấy Dấu Hiệu Sắt đen nhẫn và lao tới cái cây, đứng chắn trước thân cây xù xì khổng lồ, giơ cao nó đầy thách thức; Jane theo sau với Dấu Hiệu Đồng sáng bóng, Barney với Dấu Hiệu Gỗ sinh ra từ cây thanh lương trà. Họ đứng đó, can đảm mà run rẩy, mắt nhìn chằm chằm kinh hãi vào những Kỵ Sĩ ma quái đang lao như vũ bão từ tầng mây cao xuống, nhằm nghiền nát họ. Merriman nhanh chóng nhập vào hàng ngũ với Dấu Hiệu Lửa vàng rực, Bran giữ Dấu Hiệu Ánh Sáng bằng pha lê cùng với thanh gươm, để Will xoay lại cuối cùng, lưng tựa vào thân cây, giơ cao Dấu Hiệu Đá làm bằng đá lửa đen lấp lánh. Và các Kỵ Sĩ ập tới, kèm theo chớp sáng và sấm sét vang dội không phải từ mây mà từ trong không khí tối mịt; những con ngựa khổng lồ dựng vó, gào thét, tung ra những cú đá chết chóc. Hình bóng to lớn, có sừng của Herne lao từ trên không xuống tấn công các Chúa Tể Bóng Tối, và sức mạnh của mọi bóng mờ vô hình trong Vòng Tròn đang giữ chặt, ngăn chặn, vật lộn với họ bên dưới, với Quý Bà là điểm hội tụ sáng rực, nhưng sự căng thẳng đã gần tới điểm đứt. Và trong một luồng sáng chói lóa, bông hoa cuối cùng trên nhành tầm gửi bật nở.

Bran vươn tay lên, mái tóc trắng tung bay, vung thanh Eirias qua đầu để chém nhành hoa; nhưng với Dấu Hiệu Ánh Sáng ở tay trái, cậu chỉ còn một tay cầm thanh gươm pha lê dài, và

không giữ được thăng bằng. Cậu kêu lên trong tuyệt vọng. Đôi mắt của Kỵ Sĩ Đen rực sáng xanh như ngọc bích, và hắn lao tới trong vẻ hân hoan chiến thắng, cố xuyên thủng sức mạnh của Vòng Tròn để với tới chùm hoa sáng rực bằng chính thanh kiếm của hắn. Nhưng bất ngờ John Rowlands đã ở bên cạnh Bran, mặt tái nhợt, vẻ mặt nghiêm nghị; ông giật lấy Dấu Hiệu Ánh Sáng và đưa nó ra chắn đòn tấn công đang chồm tới, chiếc vòng pha lê lung linh mong manh trong bàn tay rám nắng to lớn của ông.

Và Bran, giờ đã rảnh hai tay, vung thanh gươm Eirias lấp lánh vào cụm tầm gửi xanh trong lòng cây sồi, và chém đứt những bông hoa rực sáng khỏi cành. Khi nhành hoa lìa ra, Merriman quay người lại, cao lớn và chiến thắng, bắt lấy chùm hoa trước khi nó rơi xuống; ông xoay người, áo choàng xanh tung bay, và trong một động tác nhanh như chớp, ông phóng chùm hoa lên trời. Và chùm hoa tầm gửi ngay tức thì biến thành một con chim trắng, và con chim ấy bay vút lên, xuyên qua những cụm mây trắng tan tác đang trôi nhanh trên nền trời xanh, rồi bay đi khắp thế gian.

Mỗi Dấu Hiệu trong tay sáu người cùng lúc rực sáng với thứ ánh sáng lạnh lẽo như lửa, chói tới mức không thể nhìn, và cùng với hai giọng hòa lẫn gào lên trong sợ hãi và tuyệt vọng, hai hình bóng khổng lồ của Kỵ Sĩ Đen và Kỵ Sĩ Trắng của Bóng Tối ngã nhào ra khỏi Thời Gian và biến mất. Và cả sáu bàn tay ấy đột ngột trở nên trống rỗng, khi mỗi Dấu Hiệu cháy lên trong ngọn lửa lạnh giá rồi tan biến vào hư vô.

MỘT LẺ LOI LÊN ĐƯỜNG

Họ đứng lặng lẽ quanh gốc cây, không thốt nên lời.

Trên cao, nơi những mảnh mây bão cuối cùng còn sót lại lặng lẽ trôi qua mặt trời, Herne, Thợ Săn với cặp sừng hươu, ngửa đầu dữ tợn và cất lên tiếng kêu chiến thắng kéo dài, lời hiệu triệu vang lên từ chiếc tù và khi con mồi đã ngã xuống. Con ngựa

trắng óng ánh như vàng của ông ta nhảy chồm lên bầu trời, hí vang cao vút như tiếng gió hát trên đồi, lượn xuống nơi một dải mây cao bị gió thổi cuộn lại như dòng sông băng ngang bầu trời.

Herne phóng mình xuống, và ngay khoảnh khắc ông ta như sắp lao vào dòng sông trời kia và biến mất, thì họ lại thấy từ chính điểm đó con tàu Pridwen to lớn trôi ra, thon dài và mũi nhô cao, với lá cờ xanh của Vua Arthur bay phấp phới ở mũi và đuôi tàu. Tàu lướt đến mỗi lúc một gần, lướt đi trong gió, và giữa nhóm Sáu người đang đứng bên gốc cây, Will thấy Bran chầm chậm giơ cao thanh gươm Eirias và đút vào bao gươm giờ đã hiện ra bên hông cậu. Đó là một cử chỉ kỳ lạ, miễn cưỡng, mà Will không sao lý giải nổi. Cậu chăm chú nhìn bạn mình, khuôn mặt tái nhợt và đôi mắt màu hổ phách dưới mái tóc trắng, nhưng không thấy biểu cảm gì trên đó khi Bran dõi theo con tàu dài đang tiến về phía họ, xuống từ bầu trời. Mà thay vào đó, cậu bỗng nghĩ—không phải lần đầu tiên—rằng đôi mắt vàng của Bran thật kỳ lạ, giống đôi mắt của Herne, Thợ Săn Hoang Dã.

Và rồi con tàu Pridwen đã ở trước mặt họ, và cậu thấy thay vào đó là đôi mắt xanh xám và gương mặt rám nắng, râu ria điểm bạc, phong sương của vị vua lãnh đạo, Arthur.

Arthur đang nhìn qua cậu, hướng về bóng hình mảnh mai trong chiếc áo choàng màu lam nhạt – Quý Bà – đang đứng hơi cách xa họ. Ông bước xuống từ mũi tàu, đặt chân lên mặt đất, quỳ một gối trước Quý Bà và cúi đầu.

“Thưa Quý Bà,” ông nói, giọng ấm áp với niềm vui sống động như lần đầu Will từng nghe “thuyền của Người đã sẵn sàng.”

Will đứng đó, đầu óc quay cuồng vì bối rối, cảm thấy niềm kính ngưỡng pha lẫn sửng sốt của ba anh em nhà Drew bên cạnh.

Quý Bà tiến về phía con tàu, chạm nhẹ lên tay Arthur trong sự thân mật tự nhiên của những người chung huyết thống.

“Mọi việc đã xong rồi,” bà nói. Bỗng có một nỗi mệt mỏi sâu thẳm trong giọng bà, gợi lên tuổi tác lớn lao dù gương mặt thanh tú kia vẫn giữ vẻ đẹp trang nhã như thuở nào. “Chúng ta

đã hoàn thành sứ mệnh, và giờ có thể để lại công việc dài lâu cuối cùng cho những người thừa hưởng thế giới này, cùng tất cả vẻ đẹp hiểm nguy của nó."

Bà ngoảnh nhìn lại họ, như một lời từ biệt, mỉm cười với Barney, với Simon, và lâu hơn đôi chút với Jane. Rồi bà nhìn John Rowlands, người đang đứng bất động bên gốc cây sồi lớn, ánh mắt trống rỗng. Bà bước nhanh tới bên ông, nắm lấy cả hai tay ông.

Rowlands nhìn bà, khuôn mặt xứ Wales u sầu hằn rõ những nếp nhăn quanh mũi và miệng chưa bao giờ sâu đến thế.

"John," Quý Bà nhẹ giọng nói "Trong toàn bộ chuyện trọng đại này, ông đã làm nhiều hơn bất kỳ ai trong chúng ta vì thế giới của chính ông, kể cả trước khi thể hiện lòng dũng cảm ở phút cuối – bởi ông đã có thể chìm vào hạnh phúc mù lòa của riêng mình, nhưng ông đã từ bỏ. Ông là một người chính trực và lương thiện, và trong một thời gian, ông sẽ là một người đau khổ. Nhưng—chỉ là trong một thời gian thôi."

Bà thả tay ông ra, nhưng vẫn nhìn sâu vào mắt ông đầy uy lực, và John Rowlands nhìn lại bà, không chút kính sợ hay phục tùng, rồi khẽ nhún vai. Ông không nói gì.

"Ông đã đưa ra một lựa chọn khó khăn," Quý Bà nói "và đánh mất lối mòn của đời mình vì điều đó. Ta không thể trả lại Blodwen cho ông, người đàn bà sa ngã đầy tham vọng ấy. Nhưng ta có thể ban cho ông một cơ hội khác, dịu dàng hơn lần đầu. Chỉ trong chốc lát nữa thôi, ông sẽ trở lại thế giới và thời gian của chính mình, và ở đó, ông sẽ biết rằng… hình bóng người vợ của ông đã gặp tai nạn và qua đời. Tùy ông quyết định khi ấy, có muốn nhớ tất cả những gì đã xảy ra hay không. Ông có thể nhớ sự thật cay nghiệt về phe Ánh Sáng và phe Bóng Tối, và bản chất thật sự của vợ mình, nếu ông muốn."

John Rowlands khẽ nói, không cảm xúc, như đang tự nói với mình:

“Thật kỳ lạ… có một điều cô ấy chưa từng nói cho tôi biết. Đó như một trò đùa của cô ấy—cô ấy không bao giờ chịu nói cho tôi biết cô ấy sinh ra ở đâu, và khi nào.”

Quý Bà giơ tay ra, đầy thương xót, rồi lại buông tay rơi xuống.

“Hoặc,” bà dịu dàng nói “nếu muốn, ông có thể quên đi. Ông có thể quên tất cả những gì mình đã thấy, tất cả về các Chúa tể Ánh Sáng lẫn Bóng Tối, và khi đó, có lẽ ông sẽ đau buồn hơn trước cái chết của vợ mình. Nhưng ông sẽ thương tiếc cô ấy và nhớ cô ấy như người phụ nữ mà ông từng biết và yêu thương.”

“Như vậy là sống trong dối trá,” John Rowlands nói.

“Không,” Merriman lên tiếng từ phía sau ông, giọng trầm ấm và mạnh mẽ “Không đâu, John, bởi ông đã yêu cô ấy, và mọi tình yêu đều mang giá trị lớn lao. Bất kỳ con người nào khi yêu một người khác đều là yêu sự không hoàn hảo, bởi không ai là hoàn hảo trên đời này – mọi chuyện chẳng bao giờ đơn giản như vậy.”

“Quyết định là của ông,” Quý Bà nói. Bà bước về phía con tàu và dừng lại bên cạnh, ngoái lại nhìn ông.

John Rowlands đứng đối diện với họ, vẫn không biểu lộ cảm xúc gì; rồi ông hướng ánh mắt đen về phía Quý Bà, và ánh nhìn ấy bỗng có chút ấm áp.

“Lần này tôi không thể chọn,” ông nói, mỉm cười chua chát “Không phải một lựa chọn như thế… Xin bà, nếu có thể, hãy chọn thay tôi?”

“Được thôi,” Quý Bà nói. Bà giơ tay lên, chỉ về phía trước. “Hãy bước đi khỏi ta, John Rowlands, và khi ông quay lại, ông sẽ thấy một con đường dưới chân mình. Hãy đi theo nó. Khi ông băng ngang qua gốc cây đó, ông sẽ rời khỏi đây và ở trên một con đường khác, trong thung lũng của chính ông – nơi ông biết rõ hơn nhiều. Và những gì ông nghĩ trong khoảnh khắc đó sẽ là kết quả của lựa chọn mà ta đã thay ông thực hiện. Và – chúng ta chúc ông mọi điều tốt lành.”

John Rowlands cúi đầu trong thoáng chốc; rồi ông nhìn từng người một, nở một nụ cười không có niềm vui, nhưng đầy trìu mến. Cuối cùng ông nhìn về phía Bran.

“Mi wela’i ti’n hwyrach, bachgen,” ông nói. Rồi ông quay đi, bước về phía gốc sồi cổ thụ, trên con đường mà không ai khác thấy được, và khi ông vừa tới ngang cây thì đã không còn ở đó nữa.

Quý Bà thở dài.

“Ông ấy sẽ quên đi,” bà nói. “Như vậy sẽ tốt hơn.”

Arthur chìa tay ra với bà, và bà bước xuống tàu. Một cơn gió dâng lên, khiến Pridwen đong đưa trên dòng sông trời, và Will lại cảm thấy một lần nữa sự hiện diện của một đoàn người vĩ đại, biết rằng tất cả những Cổ Nhân trong Vòng tròn đang lần lượt bước lên tàu, cùng Quý Bà và nhà vua. Ở cột buồm chính của con tàu, cánh buồm lớn được kéo lên, vuông vức, căng gió, in dấu thập tự trong vòng tròn—Dấu Hiệu của Ánh Sáng. Cậu nghe thấy tiếng hô hoán của thủy thủ; ván gỗ kêu cót két, dây kéo đập lách cách vào cột buồm.

Will liếc sang ba anh em nhà Drew bên cạnh, và thấy trên gương mặt chúng nỗi buốt nhói đầu tiên của sự mất mát, và một khoảng trống dài lê thê. Nhưng cậu không thể rời mắt khỏi con tàu vĩ đại kia. Cậu nhìn lại, và giữa đám đông mờ ảo trên boong tàu, cậu thoáng thấy những gương mặt thân quen – trong hành trình này, và những hành trình khác, ở thời này, và các thời khác. Một người đàn ông to lớn mặc tạp dề thợ rèn giơ cao chiếc búa dài chào cậu; cậu thấy một người nhỏ bé, lanh lợi trong chiếc áo khoác xanh vẫy tay; một phụ nữ tóc xám đầy uy nghi, chống gậy, cúi đầu chào cậu đầy trang trọng. Một người đàn ông mặt tròn rám nắng, tóc quanh đỉnh đầu bạc trắng, mỉm cười với cậu; cậu thấy Glyndwr, dáng hình mong manh của vị vua Vùng Đất Mất Tích; và rồi, tim cậu thắt lại khi thấy Gwion đang nhìn cậu, mỉm cười rạng rỡ.

Rồi gió nổi lên mạnh hơn từ các đám mây, cánh buồm lồng lộng phập phồng như sốt ruột, và những gương mặt kia tan vào đám đông sương mù. Arthur đứng nơi mũi tàu, đầu râu quai nón nổi bật giữa trời, và đưa tay về phía Bran. Giọng ông ấm áp vang lên, hân hoan và chào đón:

“Lại đây, con trai ta!”

Bran bước nhanh về phía ông; rồi khựng lại. Cậu đứng gần Merriman, mái tóc trắng và gương mặt nhợt nhạt gần như phát sáng nổi bật trên nền áo choàng xanh sẫm của Merriman. Will nhìn theo với nỗi buồn, biết đây sẽ là lần cuối, thấy trong ánh mắt Bran là sự khao khát, quyết tâm và nuối tiếc đan xen.

“Tới đây, con trai ta,” giọng nói ấm áp, trầm lắng lại vang lên. “Nhiệm vụ dài lâu của phe Ánh Sáng đã kết thúc, và thế giới đã thoát khỏi hiểm họa bị phe Bóng tối thống trị. Giờ đây, mọi chuyện thuộc về loài người. Sáu người các con đã hoàn thành sứ mệnh lớn lao, còn chúng ta – con và ta – cũng đã hoàn tất sứ mạng của mình. Giờ đây, chúng ta có thể nghỉ ngơi, trong tòa lâu đài yên tĩnh viền bạc ở cuối Gió Bắc, giữa những cây táo. Và những người chúng ta để lại phía sau có thể tưởng nhớ đến chúng ta mỗi đêm, khi vương miện của Gió Bắc – chòm sao Corona Borealis – mọc lên từ chân trời trong vầng sáng những ngôi sao.”

Ông lại đưa tay ra. “Lại đây. Thủy triều đang lên gần tới đỉnh, và ta sẽ không thể dong buồm khi nước rút.”

Bran nhìn ông đầy khao khát, nhưng cậu nói rõ ràng: “Con không thể đi, thưa ngài.”

Một khoảng lặng, chỉ có tiếng gió khẽ ngân. Arthur để cánh tay từ từ hạ xuống bên mình.

Bran ngập ngừng nói: “Đó là điều Gwion đã nói, khi Vùng Đất Mất Tích bị nhấn chìm và ông ấy không chịu rời đi. Con thuộc về nơi này. Nếu giờ là chuyện của loài người, như ngài nói, thì con người sẽ gặp nhiều gian khó, và có lẽ sau này sẽ có việc gì đó mà con có thể giúp. Dù không có thì… con vẫn thuộc về đây.

Merriman từng nói đến những mối dây gắn bó yêu thương. Đó là điều con có, ở đây. Và ông ấy từng nói" – cậu nhìn lên Merriman đứng cạnh – "rằng những mối dây đó còn vượt ra ngoài cả Pháp Thuật Tối cao, bởi chúng là điều mạnh mẽ nhất trên cõi đời này." Merriman khẽ cử động; từ tâm trí ông, Will cảm nhận được điều gì đó như kính nể.

"Đúng thế," Merriman nói. "Nhưng hãy suy xét thật kỹ, Bran. Nếu cậu từ bỏ vị trí trong Pháp Thuật Tối Cao, từ bỏ danh tính của cậu trong thời gian mà nằm ngoài Thời gian, thì cậu sẽ không gì hơn một người phàm, như Jane, Simon và Barney đây. Cậu sẽ không còn là Pendragon nữa, mãi mãi. Cậu sẽ không nhớ những chuyện đã xảy ra, sẽ sống và chết như tất cả mọi người. Cậu phải từ bỏ mọi cơ hội được ra khỏi Thời gian cùng những người của Ánh Sáng – như ta sẽ sớm rời đi, và một ngày nào đó, rất lâu sau, Will cũng sẽ nối gót. Và… cậu sẽ không bao giờ được gặp lại người cha vĩ đại của mình nữa."

Bran quay phắt lại nhìn Arthur, và khi Will chứng kiến ánh mắt hai người dán chặt vào nhau, cậu lại thấy trong gương mặt Bran ánh lên đôi mắt vàng sẫm của Herne Thợ Săn, và đồng thời cũng là ánh nhìn của Arthur – như thể cả ba là một. Will chớp mắt, ngẩn ngơ.

Bỗng Arthur mỉm cười, đầy tự hào và trìu mến, rồi khẽ nói: "Hãy đi nơi con cảm thấy nên đi, con trai ta, Bran Davies xứ Clwyd, và hãy mang theo lời chúc lành của ta." Ông bước xuống khỏi thuyền, đặt chân lên bờ cỏ, dang rộng tay ra, và Bran chạy tới bên ông, cả hai ôm chặt nhau trong giây lát.

Rồi Arthur lùi lại, vẫn mỉm cười, và Bran, vẫn nhìn ông không rời, rút thanh Eirias trắng lóa khỏi bao đeo bên hông, tuột dây đeo khỏi đầu, và đưa cả gươm lẫn bao cho cha mình. Will nghe Merriman khẽ thở dài, như thể trút bỏ được gánh nặng, và bản thân cậu cũng thấy hai tay mình siết chặt từ lúc nào không hay. Arthur đón lấy Eirias bằng một tay và bao gươm bằng tay kia, rồi tra gươm vào bao. Ông nhìn thoáng qua Bran về phía Merriman, và đôi mắt ông mỉm cười, dù miệng vẫn nghiêm

trang. “Ta sẽ gặp lại ông sớm thôi, hỡi sư tử của ta,” ông nói, và Merriman gật đầu.

Rồi nhà vua bước trở lại con tàu Pridwen, cánh buồm rộng căng gió no tròn, và với toàn thể đoàn người của phe Ánh Sáng ngoái nhìn lại – không một lời chào tạm biệt, không một dấu hiệu của kết thúc – con tàu lướt đi trên bầu trời. Những cụm mây nhỏ lấp lánh ánh nắng nằm rải rác, khiến bầu trời xanh biếc trông như mặt biển với các đảo nhỏ, và không thể biết con tàu đang trên biển hay bầu trời khi nó biến mất.

Bran đứng nhìn cho tới khi không còn gì để nhìn, nhưng Will không thấy chút tiếc nuối nào trên gương mặt cậu.

“Có lẽ đó là điều John Rowlands muốn ám chỉ,” Bran khẽ bảo.

“John Rowlands?” Will hỏi.

“Ông ấy nói bằng tiếng Welsh. Lúc ông rời đi. Ông bảo tớ, ‘Gặp lại sau nhé, cậu bé.’”

Jane chậm rãi nói, “Nhưng – ông ấy đâu biết cậu sẽ quay lại.”

“Không,” Bran đáp.

Merriman nói, “Nhưng ông ấy biết Bran.”

Bran ngước nhìn ông, bỗng trở nên rất trẻ con và mong manh, với đôi mắt xám nhạt không được che chắn, và gánh nặng ghê gớm của thanh gươm Eirias đã rời khỏi cậu. “Chuyện cháu làm… có đúng không?”

Merriman ngửa mái đầu bạc trắng huyền thoại ra sau như một cậu học trò tinh nghịch, và bật ra một tiếng thở dài như cười – âm thanh tự nhiên nhất chúng từng nghe từ ông. “Đúng,” ông nói, giọng chững lại. “Đúng, Bran. Đó là điều đúng đắn, với cậu và với cả thế giới.”

Barney cuối cùng cũng cử động, rời khỏi nơi cậu, Simon và Jane đứng trên sườn đồi cỏ từ nãy, lặng lẽ theo dõi. Cậu lo lắng hỏi: “Gumerry? Ông cũng sẽ đi, hay sẽ ở lại với bọn cháu?”

“Ôi Barnabas,” Merriman nói, và Jane thấy cô bất giác quay lại nhìn ông với sự lo lắng dịu dàng của người mẹ, bởi trong giọng ông có một nỗi mỏi mệt rõ rệt. “Barnabas, Barnabas, thời gian luôn trôi đi, với các Cổ Nhân cũng như với các cháu, và tuy bốn mùa trong năm có thể lặp lại như năm trước, nhưng hình thái của thế giới mỗi năm đều mỗi khác. Thời của ta đã qua, của ta và của phe Ánh Sáng, và sẽ có những công việc khác cho chúng ta ở những nơi khác.”

Ông ngừng lại, rồi mỉm cười với chúng, nét mỏi mệt lùi đi đôi chút khỏi khuôn mặt xương xẩu với chiếc mũi diều hâu dữ dội và ánh mắt sâu thẳm. “Đây chính là nhóm Sáu,” ông nói, “lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tụ hội, tại nơi đã định sẵn cho chúng ta – trên ngọn đồi đá phấn ở vùng Chiltern Hundred xứ Buckinghamshire, nơi hàng thế kỷ trước những con người trốn chạy khỏi phe Bóng Tối cố giấu báu vật của họ, cầu nguyện lên bầu trời để tìm sự an toàn. Hãy nhìn kỹ nơi này. Nhìn cho thật kỹ. Hãy giữ một chút gì đó của nó sống mãi.”

Và vì không hiểu ý ông là gì, chúng nhìn thật lâu, thật kỹ: nhìn sườn đồi phủ cỏ xanh mượt lấm tấm những chùm hoa lan chuông vàng cam nhỏ xíu, và những cánh bướm xanh bé tẹo bay chập chờn. Chúng nhìn rặng sồi rợp bóng nơi đỉnh đồi, và cây sồi to lớn lạ kỳ đứng dưới mép rừng; nhìn bầu trời xanh trong rải rác những đám mây trắng bồng bềnh.

Và rồi, dù Merriman chẳng hề cử động, từng người trong chúng chớp mắt khi thị giác bỗng nhòe đi; chúng loạng choạng một chút, tai vang tiếng ngân, đầu óc chao đảo như mất thăng bằng. Chúng thấy mọi thứ xung quanh rung lên kỳ lạ, như thể không khí đang nhảy múa trong sức nóng của ngọn lửa. Đường nét cây sồi lớn nhòe đi, mờ dần rồi biến mất: màu xanh của đồi tối lại, hình dáng sườn dốc không còn mượt mà nữa. Dù mặt trời vẫn chiếu sáng, ngọn đồi giờ đã có thêm những mảng tối, xanh đốm vàng, nâu và tím – nơi cây kim tước, dương xỉ và thạch thảo mọc lên. Những hình dáng khác hiện lên ở phía xa – dãy núi mờ xanh xám nơi chân trời mờ sương; và khi chúng quay đầu lại nhìn,

trước mắt chúng là một thung lũng trải rộng vàng rực cát, với dòng sông uốn lượn như dải bạc chảy ra đại dương xanh thẳm mênh mông. Chúng nghe tiếng cừu kêu vang, thỉnh thoảng giữa im lặng – tiếng trầm đáp lại những tiếng cao; và đâu đó dưới kia, tiếng chó sủa vọng lên. Trên đầu chúng, một con mòng biển lượn xuống từ sườn đồi xứ Wales về phía cửa sông và biển, bật ra tiếng kêu đơn độc, ai oán.

Merriman hít vào một hơi dài dịu dàng, rồi chậm rãi thở ra. Ông lặp lại, khẽ khàng, “Hãy nhìn cho kỹ.”

Jane khẽ nói, giọng rất nhỏ, mắt nhìn dải cát vàng mà dòng sông đã đặt như rào chắn trước biển cả: “Bọn cháu sẽ không bao giờ gặp lại ông nữa sao?”

“Không,” Merriman nói. “Không ai trong các cháu, ngoại trừ Will – người canh gác của ta. Đó là điều đúng đắn duy nhất.”

Trong giọng ông có một mệnh lệnh và sức mạnh rõ ràng khiến tất cả đều lặng người, dõi nhìn ông, bị đôi mắt sáng tối kia cùng khuôn mặt khắc khổ giữ chặt.

“Vì hãy nhớ,” ông nói, “rằng thế giới này giờ hoàn toàn là của các cháu. Các cháu và tất cả mọi người. Chúng ta đã giải thoát các cháu khỏi cái Ác, nhưng cái ác tồn tại trong lòng người rốt cuộc là chuyện loài người phải tự chế ngự. Trách nhiệm và hy vọng cùng lời hứa nằm trong tay các cháu – tay các cháu và tay con cháu loài người trên khắp thế gian. Tương lai không thể đổ lỗi cho hiện tại, cũng như hiện tại không thể đổ lỗi cho quá khứ. Hy vọng luôn tồn tại, luôn sống động, nhưng chỉ có sự quan tâm mãnh liệt của các cháu mới có thể nhóm nó thành ngọn lửa sưởi ấm thế gian.”

Giọng ông vang vọng khắp núi non, nhiệt huyết hơn bất cứ lời nào chúng từng nghe, và chúng đứng lặng như tượng đá, lắng nghe.

“Bởi Drake không còn nằm võng nữa, các cháu, Arthur cũng chẳng ở đâu đó ngủ yên, và các cháu không thể cứ thụ động ngóng trông ai đó trở lại, bởi thế giới này là của các cháu, và tùy

vào các cháu quyết định. Đặc biệt bây giờ, khi loài người đã có sức mạnh hủy diệt cả thế giới này, thì chính loài người phải chịu trách nhiệm gìn giữ nó – gìn giữ vẻ đẹp và niềm vui kỳ diệu của nó."

Giọng ông dịu lại, và ông nhìn chúng bằng ánh mắt xa xăm dường như đang dõi ra ngoài Thời gian. "Và thế giới này vẫn sẽ không hoàn hảo, vì con người không hoàn hảo. Người tốt vẫn có thể bị kẻ xấu giết chết – hoặc đôi khi bởi chính người tốt khác – và vẫn sẽ có đau đớn, bệnh tật, đói kém, giận dữ và thù hận. Nhưng nếu các cháu làm việc, quan tâm và canh chừng, như chúng ta đã cố làm cho các cháu, thì về lâu dài, cái xấu sẽ không bao giờ – không bao giờ – thắng được cái tốt. Và những món quà được trao cho một số người, sáng rực như thanh gươm Eirias, sẽ soi rọi những góc tối cuộc đời cho phần còn lại, trong một thế giới dũng cảm."

Một khoảng lặng bao trùm, và những âm thanh nhỏ bé của núi non lại trở về: tiếng cừu gọi khe khẽ, tiếng xe vẳng lại xa xa, và tận trên cao, tiếng sơn ca hót vui vẻ.

"Chúng cháu sẽ cố," Simon nói. "Chúng cháu sẽ cố hết sức mình."

Merriman nhoẻn cười, bất ngờ và rạng rỡ. "Không ai hứa được hơn thế," ông nói.

Chúng nhìn ông đầy luyến tiếc, chẳng thể cười đáp lại, bởi nỗi buồn chia ly trĩu nặng trong lòng. Merriman thở dài, rồi kéo chiếc áo choàng xanh thẫm quấn quanh người và vắt ngược qua vai.

"Thôi nào," ông nói. "Những lời cổ xưa nhất vẫn là những lời hay nhất — hãy vui lên. Ta đi gặp lại những người bạn, vì ta đã rất mỏi mệt. Và các cháu sẽ không nhớ gì hơn những lời ta đang nói lúc này, bởi vì các cháu là người phàm và phải sống trong hiện tại, mà ở đó thì không thể nào nghĩ theo cách xưa cũ. Vậy nên phép màu cuối cùng sẽ là thế này — rằng khi các cháu thấy ta lần cuối tại nơi này, tất cả những điều các cháu biết về các Cổ

Nhân, về sứ mệnh vĩ đại vừa hoàn thành, sẽ rút vào những nơi ẩn khuất trong tâm trí, và các cháu sẽ chẳng bao giờ nhớ gì nữa, trừ trong những giấc mơ. Chỉ riêng Will, vì cậu ấy thuộc về sự kêu gọi của ta, sẽ phải ghi nhớ — còn các cháu thì sẽ quên cả chuyện đó nữa. Tạm biệt nhé, năm người bạn đồng hành của ta. Hãy tự hào về chính mình, như ta tự hào về các cháu."

Ông ôm từ biệt từng người một, nhanh gọn và nồng hậu. Mặt chúng đượm nét nghiêm nghị, và mắt thì hoe đỏ. Rồi Merriman đi lên núi, bước qua thảm cỏ mềm và những mỏm đá phiến lởm chởm, qua lớp dương xỉ đã ngả nâu và bụi kim tước lấm tấm hoa vàng, chỉ dừng lại khi ông đứng ở đỉnh cao nhất, in hình lên nền trời xanh ngắt. Chúng thấy bóng dáng quen thuộc ấy — vóc người cao lớn đứng thẳng, sống mũi diều hâu và mái tóc trắng đang bay phấp phới trong cơn gió vừa nổi lên từ hư không. Hình ảnh đó sẽ chập chờn mãi trong những giấc mơ của chúng suốt quãng đời còn lại, ngay cả khi mọi điều khác đều đã rơi vào quên lãng. Merriman giơ tay lên chào, một cử chỉ mà không ai trong chúng chịu đựng nổi để đáp lại, rồi, bằng một chuyển động gần như không thể nhận ra, cánh tay ông cứng lại, năm ngón tay xòe ra, chỉ thẳng về phía chúng —

Và một cơn gió lốc cuốn qua ngọn đồi, và sườn đồi dưới bầu trời giờ trống không, chỉ còn năm đứa trẻ đứng trên đỉnh của xứ Wales, trông ra thung lũng vàng óng và biển xanh mênh mông.

"Cảnh đẹp quá," Jane nói. "Đáng công leo thật. Nhưng gió làm mắt mình chảy nước luôn."

"Chắc ở đây gió thổi mạnh lắm," Simon nói. "Nhìn mấy cái cây bị gió quật hết về phía trong đất liền kìa."

Bran đang chăm chú nhìn một viên đá nhỏ xanh biếc nằm trong lòng bàn tay. "Tớ tìm thấy cái này trong túi mình," cậu nói với Jane. "Cậu muốn lấy không, Jenny-oh?"

Barney ngước nhìn lên đỉnh đồi. "Em nghe thấy tiếng nhạc! Nghe đi — à, mất rồi. Chắc chỉ là gió rít qua cây thôi."

“Tớ nghĩ tụi mình nên đi thôi,” Will nói. “Chúng ta còn cả một chặng đường dài.”

Khi Bóng Tối trỗi dậy; Sáu người đẩy lùi ngay,
Ba từ Vòng tròn đến, Ba từ lối mòn ra
Gỗ, đồng, sắt; nước, lửa và đá;
Năm sẽ quay trở lại, một lẻ loi lên đường.

Sắt cho ngày sinh nhật, Đồng luôn được mang theo;
Gỗ có từ lửa cháy, Đá từ tiếng hát ra;
Lửa giữa vòng đựng nến, Nước từ khối tuyết tan;
Vòng tròn sáu Dấu Hiệu, với Chén Thánh dẫn đường.

Lửa trên núi sẽ tìm thấy đàn hạc vàng
Tiếng đàn làm tỉnh giấc những Người Say Ngủ già nua
Sức mạnh Phù Thủy Xanh, vùi dưới đáy biển sâu;
Đưa ánh sáng trở về, bạc dát đầy trên cây.

Và tại đây khép lại bộ sách mang tên Bóng Tối Trỗi Dậy.